

THE STARLINE

NHƯNG CLOUD FOOD SONG HÀNH

ĐỒ ĂN TỐT CHO SỨC KHỎE VÀ ĐỘT QUỴ
(Dinh dưỡng tốt cho tim mạch)

STARLINE



ĐỒ ĂN TỐT CHO SỨC KHỎE

N H Ủ N G C U Ŷ C
Đ ờ i c á c n h â n
H y L ạ p

ĐỜI SONG HÀNH
vật kiệt xuất
- La Mã cổ đại

NHỮNG CUỘC ĐỜI SONG HÀNH

Cuốn sách được dịch và xuất bản trong chương trình
Dự án Tủ sách Tinh hoa Tri thức Thế giới
với sự hỗ trợ về tài chính của
QUỸ DỊCH THUẬT VIỆT NAM
53 Nguyễn Du, Hà Nội
Tel: (84-4) 9454 662; Fax: (84-4) 9454 660

PLUTARQUE

NHỮNG CUỘC ĐỜI SONG HÀNH

ĐỜI CÁC NHÂN VẬT KIỆT XUẤT
HY LẠP - LA MÃ CỔ ĐẠI

Tập 1

Cao Việt Dũng, Vũ Thọ *dịch*

NHÀ XUẤT BẢN TRI THỨC - 2005

PLUTARQUE | NHỮNG CUỘC ĐỜI SONG HÀNH
ĐỜI CÁC NHÂN VẬT KIỆT XUẤT HY LẠP - LA MÃ CỔ ĐẠI
Bản tiếng Việt © 2005 Công ty Sách Alpha & Cao Việt Dũng

Dịch theo bản tiếng Pháp *Vies parallèles*, NXB Gallimard/Quarto 2001,
xuất bản năm 2004, bản dịch của Anne-Marie Ozanam, Hội đồng biên
tập do François Hartog làm chủ tịch.

VỀ BỘ SÁCH

NHỮNG CUỘC ĐỜI SONG HÀNH

Có thể nói cùng với *Thần thoại Hy Lạp*, *Những cuộc đời song hành* của Plutarque là tác phẩm đồ sộ nhất về nền văn minh Hy Lạp – La Mã cổ đại. Năm 1926, lần đầu tiên Nguyễn Văn Vĩnh đã lược dịch một vài nhân vật trong bộ sách này. Tiếc rằng cho đến nay, việc dịch và xuất bản trọng vẹn tác phẩm này vẫn chỉ là một ước muôn khó thực hiện của các học giả Việt Nam.

Từ năm 2001, một nhóm dịch giả trẻ gồm Nguyễn Cảnh Bình và Cao Việt Dũng đã từng mơ ước một ngày nào đó cuốn sách này sẽ được sê dịch và xuất bản trọng vẹn tác phẩm này. Bốn năm đã trôi qua, mong ước đó giờ đã dần dần trở thành hiện thực. Sau bản dịch tóm lược chân dung 15 nhân vật Hy Lạp mang tên *Những anh hùng Hy Lạp cổ đại* được xuất bản năm 2002, đến nay tập đầu tiên của bộ *Những cuộc đời song hành* gồm 2 cặp nhân vật cổ xưa nhất của hai nền văn minh Hy Lạp và La Mã là Thésée – Romulus và Lycurgue - Numa chính thức ra mắt độc giả. Lần này, trong nhóm dịch giả ngoài bác Vũ Thọ năm nay đã 84 tuổi, thì các dịch giả khác đều còn rất trẻ, như Cao Việt Dũng 25 tuổi, Vũ Hoàng Linh 29 tuổi, Tạ Quang Đông 32 tuổi, Nguyễn Thị Hải Yến 24 tuổi, Vũ Đàm Linh 22 tuổi, v.v... Nhiều người trong số họ đang sống và học tập tại các quốc gia phương Tây nên đã hấp thụ tinh thần văn hoá và linh hội được tư duy duy lý của phương Tây mà cái nôi chính là nền văn minh Hy Lạp – La Mã cổ đại. Nhờ thế, bản dịch đã truyền tải được thực chất cái tinh hoa và tinh thần duy lý đó. Là người dịch tập đầu tiên của tủ sách, nên Cao Việt Dũng đã dành

thời gian công phu để chuẩn bị bản giới thiệu cho tác phẩm, tác giả, phần chú thích, phần tiểu dẫn giới thiệu từng nhân vật. Bản dịch này đã được học giả Lê Hồng Sâm thẩm định và góp ý, chúng tôi xin chân thành cảm ơn.

Toàn bộ tác phẩm *Những cuộc đời song hành* của Plutarque với trên 3000 trang sẽ lần lượt được NXB Tri Thức kết hợp với Công ty Sách Alpha thông qua chương trình xuất bản của Dự án Tủ sách *Tinh hoa Thế giới và Quỹ Dịch thuật Việt Nam* giới thiệu trong thời gian tới. Tới đây, chúng tôi có kế hoạch xuất bản tiếp một số tác phẩm lớn của Hy Lạp và La Mã như các trước tác *Politics* của Aristote và *Republic* của Platon, *Mười hai César* của Suétone và *Satiricon* của Pétrone; cùng với một vài cuốn sách về lịch sử và văn hóa của Hy Lạp và La Mã, được biên soạn dễ hiểu và dễ tiếp nhận, làm công cụ thực hành, góp ích cho công cuộc thẩm thấu các tác phẩm khó hơn.

Qua những cuốn sách này, ngoài việc hiểu biết về nền văn minh Hy Lạp – La Mã, độc giả sẽ hiểu thêm về cội nguồn chủ nghĩa duy lý của phương Tây. Đó chính là hy vọng mà chúng tôi đặt vào bộ sách này.

Xin trân trọng giới thiệu với độc giả.

NHÀ XUẤT BẢN TRI THỨC

MỤC LỤC

Lời giới thiệu	9
Ghi chú dịch thuật và chú thích	64
NHỮNG CUỘC ĐỜI SONG HÀNH	69
THÉSÉE – ROMULUS	
Tiểu dẫn Thésée - Romulus.....	71
Thésée.....	73
Romulus.....	119
So sánh Thésée và Romulus.....	171
LYCURGUE – NUMA	
Tiểu dẫn Lycurgue - Numa.....	179
Lycurgue.....	181
Numa.....	235
So sánh Lycurgue và Numa.....	279
Niên biểu đối chiếu lịch sử Hy Lạp – La Mã cổ đại	289
Giải thích các từ thường xuất hiện	313
Chú thích địa danh, tộc người và các dòng họ nổi tiếng	315
Chỉ dẫn tên riêng	337

LỜI GIỚI THIỆU

"Tôi không biết mình đã làm gì cho đến tuổi lên năm hay sáu; tôi không biết mình đã học đọc thế nào; tôi chỉ còn nhớ những sách đầu tiên đã đọc và ấn tượng chúng gây ra cho tôi: đó là khoảng thời gian khi tôi bắt đầu nhận ra được, và sau đó sẽ không có chút gián đoạn nào, ý thức về bản thân tôi. Mẹ tôi để lại nhiều tiểu thuyết. Hai cha con tôi thường đọc sách sau khi ăn tối. Thoạt tiên chúng tôi chỉ muốn hoàn thiện kỹ năng đọc của tôi bằng những cuốn sách vui nhộn; nhưng rất nhanh chóng sự say mê [đọc sách] trở nên thôi thúc đến nỗi chúng tôi luôn phiên đọc không ngừng nghỉ, hằng đêm hằng đêm. Chúng tôi chỉ có thể buông sách khi đã đọc cho đến hết. Nhiều lúc, khi sáng ra nghe thấy tiếng chim én hót, cha tôi ngượng ngùng nói với tôi: "Thôi đi ngủ! Cha còn trẻ con hơn cả con."

Trong một khoảng thời gian ngắn, bằng phương pháp guy hiểm đó, tôi thu lượm được không chỉ kỹ năng đọc và hiểu cực kỳ tốt, mà còn một tầm hiểu biết hiếm có ở độ tuổi của tôi về các cảm giác. Tôi không có chút ý tưởng nào về sự vật, thế mà tôi biết hết các loại tình cảm. Tôi không ý thức được gì hết, tất cả tôi đều chỉ cảm nhận. Những nỗi xúc động hỗn độn tôi lần lượt thu hái được đó không hề làm hỏng đi cái lý trí mà tôi còn chưa có cho đến khi đó; nhưng chúng rèn luyện tôi theo một kiểu khác, và trao cho tôi những khái niệm kỳ lạ đầy tính tiểu thuyết về đời người, mà kinh nghiệm và suy tư sẽ không bao giờ xóa nhòa được khỏi đầu óc.

Tiểu thuyết chấm dứt vào mùa hè năm 1719. Mùa đông tiếp theo, đã có cái khác thê chô. Tủ sách của mẹ tôi cạn kiệt, chúng tôi chuyển sang tủ sách của ông ngoại mà chúng tôi được quyền sờ hưu. Thật may mắn vì ở đó có những cuốn sách tốt; không thể khác được vì tủ sách đó thật tình do tay của một mục sư lập nên, ông lại còn là một bác học, vì hồi đó như thế là một, nhưng ông là người có gu và có trí tuệ. *Lịch sử Nhà thờ và Đế chế* của Le Sueur, *Luận văn về Lịch sử phổ quát* của Bossuet; *Giường danh nhân* của Plutarque; *Lịch sử Venise* của Nani; *Hóa thân*¹ của Ovide; La Bruyère; Các thế giới của Fontenelle, *Luận đảm của người chết* cũng của ông; vài tập kịch của Molière được chuyển vào văn phòng của cha tôi, và ngày nào tôi cũng đọc cho ông nghe trong khi ông làm việc. Tôi tìm thấy ở chúng một gu hiếm có và có thể là duy nhất ở tuổi đó. Đặc biệt Plutarque trở thành tác giả mà tôi yêu thích nhất. Niềm thích thú khi đọc đi đọc lại ông dần chữa cho tôi một chút khỏi bệnh tiểu thuyết; và tôi nhanh chóng thích Agésilas, Brutus, Aristide hơn nhiều so với Orondate, Artamène và Juba².

Từ những lần đọc sách thú vị đó, những cuộc trò chuyện này sinh giữa cha con tôi, đã tạo nên cái tinh thần tự do và cộng hòa, cái tính cách bất khuất và kiêu hãnh, nóng này chống lại áp bức và phục tùng, cái tính cách đã hành hạ tôi suốt cuộc đời, cả trong những tình huống nhiều khi không cần đến nó. Không ngừng bận tâm với Rome và Athènes, không ngừng sống với những con người vĩ đại của hai thành phố đó, tự bản thân tôi cũng sinh ra là công dân của một nền

¹ *Hóa thân* (*Métamorphoses*).

² Ba nhân vật đầu tiên của Plutarque, ba nhân vật sau là của các tiểu thuyết TK XVIII. Như vậy Rousseau đối lập hai lý tưởng khác nhau, tính phù phiếm của tiểu thuyết và tính luân lý nghiêm trang của lịch sử.

cộng hòa, con trai của một người cha có tình cảm lớn nhất là tình yêu nước, tôi cháy bỏng khát khao học tập theo gương ông [Plutarque]: tôi tự thấy tôi là người Hy Lạp hay La Mã; tôi trở thành nhân vật, tôi đọc cuộc đời nhân vật ấy: truyện kể về những nét kiên định và gan dạ tác động đến tôi, làm đôi mắt tôi rực sáng và giọng nói hào sảng. Một hôm ở bàn ăn tôi kể chuyện phiêu lưu của Scaevola, mọi người hoảng sợ khi thấy tôi tiến bước lên và đặt tay lên một cái bếp để miêu tả hành động của chàng [Scaevola là chàng trai La Mã trẻ tuổi, tự trùng phật mình bằng cách đặt bàn tay phải lên bếp lửa vì đã giết nhầm người khi định hành thích ông vua Porsenna của người Étrusque]”.

Để bắt đầu với một nhà văn lớn, có lẽ không có sự dẫn nhập nào tốt hơn là những lời của một nhà văn lớn khác. Trên đây là vài đoạn trong quyển I tác phẩm *Tự thú*³ của Jean-Jacques Rousseau, cuốn tiểu thuyết tự thuật vào hàng đầu tiên trong lịch sử văn học. Plutarque để lại sau mình một danh sách dài những người ngưỡng mộ, nhưng hiếm khi nào các *nhân vật* của ông lại mang tính định hướng quyết định như vậy đối với một đứa trẻ, tương lai cũng sẽ trở thành một con người kiệt xuất ngang tầm nhà văn Hy Lạp.

Hãy chú ý câu văn khá kỳ lạ của “người công dân tự do thành Genève”: “Niềm thích thú khi đọc đi đọc lại ông dân chưa cho tôi một chút khỏi bệnh tiểu thuyết”. Sách của Plutarque rõ ràng đóng vai trò cân bằng những lêch lạc, ham mê quá đà do đọc tiểu thuyết gây ra, chính vì lẽ đó chúng ta

³ Jean-Jacques Rousseau, *Les Confessions*, 2 tập, Gallimard/folio 1993, bản của Bernard Gagnébin và Marcel Raymond, Catherine Koenig chú thích, J.-B. Pontalis giới thiệu. Bản tiếng Việt của đoạn trích: Cao Việt Dũng.

sẽ có nhà văn Rousseau - tác giả của *Julie hay nàng Héloïse mới*, nhưng chúng ta cũng lại có nhà khai sáng Rousseau - tác giả của *Khế ước xã hội*⁵.

"Không ngừng bận tâm với Rome và Athènes", đó không phải là lời của một đứa trẻ bình thường, mà là của một "công dân tự do" bẩm sinh, một con người trong tương lai sẽ dành cả cuộc đời chiến đấu vì lý tưởng cộng hòa. "Không ngừng bận tâm với Rome và Athènes", đó cũng là tâm thế thường trực của những người tự cho mình là trí thức ở Tây phương; nguồn gốc và truyền thống vẫn luôn là những dòng chảy ngầm nâng đỡ tư tưởng của mọi thời đại. Nhất là vào cuối thế kỷ XIX, các nhà văn, trí thức Pháp luôn coi "hành hương" về Hy Lạp là chuyến đi bắt buộc của mỗi người có ý thức với lịch sử và văn hóa. Charles Maurras, Maurice Barrès... đều đã đi và để lại những tác phẩm đáng nhớ ghi lại cuộc hành trình; Rome cũng là địa chỉ không thể thiếu trên con đường xê dịch của các nhà văn: chúng ta nhớ Stendhal từng có những trang viết đầy thơ mộng về ngõ ngách thành Rome, đến cả nhà văn Mỹ Henry James vốn mê văn hóa châu Âu lục địa cũng lấy Rome, mà chính xác hơn là đấu trường Colisée, làm bối cảnh cho truyện ngắn nổi tiếng nhất của ông, *Daisy Miller*.

*

* * *

⁵ Cuốn *Du contrat social* (viết năm 1762, một năm sau khi viết *Julie*, cả hai đều được viết khi Rousseau trú ở thành phố nhỏ Montmorency liền kề Paris) ở Việt Nam trước được biết dưới cái tên *Xã ước* (Phạm Quỳnh là một trong những người sử dụng cách dịch đó), sau này có bản dịch *Khế ước xã hội* của Hoàng Thanh Đạm.

Nhân vật của Plutarque

Nhìn vào quá trình phát triển của lịch sử (xem thêm *Niên biểu đối chiếu lịch sử Hy Lạp và La Mã* ở cuối sách), có thể thấy có sự sống động giữa hai nền văn hóa, và cách chọn lựa nhân vật của Plutarque sẽ bám sát sự phát triển song hành này.

Trong khi các nhân vật Hy Lạp của *Những cuộc đời song hành* sống trải dài theo lịch sử, trong suốt nhiều thế kỷ, thì các nhân vật La Mã xuất hiện với độ đậm đặc rất cao ở hai thế kỷ ngay trước Công nguyên. Nếu không kể hai nhân vật đầu tiên mang tính huyền thoại (Romulus và Numa, hai vị vua đầu tiên của Rome), thì người đầu tiên xuất hiện trong danh sách nhân vật La Mã của Plutarque là Publicola, người đóng vai trò to lớn trong việc hình thành nền Cộng hòa ở Rome vào năm 509 tCN, sau khi vị vua cuối cùng người Étrusque sụp đổ. Năm 509 đó cũng được coi là cái mốc bắt đầu lịch sử khắc tín của Rome. Ở hai cặp nhân vật đầu tiên (Thésée-Romulus và Lycurgue-Numa, bản dịch thuộc tập 1), rất khó nói được niên đại chính xác: năm 776 tCN, kỳ Olympique đầu tiên được tổ chức ở Hy Lạp, và cũng tương đương khoảng thời gian đó, theo truyền thuyết, Rome được thành lập bởi hai anh em Romulus và Rémus.

Như vậy là hai bên có điểm xuất phát về mặt thời gian tương đối trùng hợp nhau, tuy nhiên Hy Lạp đã thực hiện quá trình thuộc địa hóa nhiều vùng đất trước đó – điều này sẽ được nói rõ hơn ở phần dưới; nhưng ta sẽ thấy đà tăng tốc lớn của Hy Lạp để lên tới đỉnh cao ngay ở TK V tCN, trong khi La Mã phải chờ thêm nhiều năm nữa mới định hình được Đế chế: “Những viên đá đầu tiên của đế quốc được đặt khi các vị chỉ huy quân sự nhà nghề lớn của phương Tây bắt đầu phát hiện ở phương Đông loại hình thể chế và cách thức tư duy có khả năng biến những giấc mơ của họ thành hiện thực và cung cấp một mục tiêu chính

xác cho các tham vọng của họ. Đã xảy ra một tiếp xúc giữa tiến trình phát triển của La Mã và một tư tưởng của Hy Lạp. Đó là quá trình hình thành khái niệm Đế chế La Mã⁶.

Ngoài hai nhân vật La Mã sống ở giai đoạn khá sớm là Camille (người chiếm thành phố Véies ở xứ Étrurie cuối TK IV tCN) và trước đó là Coriolan (tức Cnaeus Marcius, có danh hiệu Coriolan nhờ chiếm được thành phố Corioli vào năm 493 tCN), phải chờ đến tận TK III tCN mới có thêm một nhân vật La Mã nữa được tuyển chọn vào tuyển tập khoảng 50 gương mặt kiệt xuất này: đó là Fabius Maximus - người có công lớn đánh Hannibal. Năm 217 tCN, ông được phong làm tổng tài – dictateur, chức vụ đặc biệt ở La Mã, chỉ được trao cho các vị tướng tài khi thành phố gặp nguy hiểm đặc biệt; bình thường các vị chấp chính quan – consul – nắm quyền lực cao nhất.

Cho đến sau Fabius Maximus một thời gian, lịch sử vẫn thực sự song hành, vì trong khi La Mã đã sản sinh được những vị anh hùng mới như Marcellus hay Paul-Émile, thì người Hy Lạp vẫn còn có thể tự hào với những Cléomène và Philopoemen (người được coi là “người Hy Lạp cuối cùng”; qua đời năm 182 tCN). Nhưng rõ ràng là từ năm 196 tCN⁷, khi Hy Lạp phải nhở đến một danh tướng La Mã là Flamininus bảo vệ mình thì sức mạnh Hy Lạp đã ở cuối con dốc dựng ngược. Flamininus cũng chính là người tuyên bố “Tự do cho người Hy Lạp” và được người Hy Lạp tôn thờ như một vị thần linh.

Trong thế giới Hy Lạp của mình, với lợi thế sở hữu độ lùi về thời gian, Plutarque có thể tùy ý đánh giá và chọn lựa những nhân vật nổi bật và quan trọng nhất. Sự lựa chọn của ông cho

⁶ Trích cuốn *Di sản Hy Lạp và La Mã*, chương II *Di sản La Mã* của Ernest Barker, tr. 504. Chúng tôi sẽ giới thiệu kỹ hơn về cuốn sách này ở phần sau.

⁷ Theo Le Petit Larousse 2002: 183 tCN & 197 tCN

thấy tính hợp lý rất cao, phản chiếu tinh thần duy lý rất đặc trưng của Hy Lạp. Trong suốt hai thế kỷ Athènes thống trị thế giới quanh và trong biển Égée, cho đến các cuộc chiến Médique chống Ba Tư (490, 480-478 tCN), đỉnh cao không thể chối cãi của thế giới Hy Lạp cổ đại, nên không hề lạ khi thành phố có nhiều đại biểu nhất trong *Những cuộc đời song hành*. Trong số các nhân vật Hy Lạp của Plutarque, có đến 10 trên tổng số 21 là người Athènes, nếu không kể những người không hoàn toàn Hy Lạp như Alexandre, Pyrrhos và Démétrios.

Thời kì tiền TK V tCN huy hoàng, Athènes có các đại diện là Thésée (theo truyền thuyết là người thành lập thành phố bằng cách sáp nhập các tổng nhỏ ở vùng Attique) và Solon (người chấm dứt khủng hoảng xã hội nặng nề, cấm việc thu hồi nợ nần thông qua phục dịch và ban hành luật thành văn bình đẳng cho mọi người). Tuy nhiên, có một điều hơi lạ là Plutarque bỏ qua không kể về người mà Aristote coi là cha đẻ thực sự của dân chủ, Alcméonide Clisthène, người mà vào năm 508 tCN, trước khi chế độ bạo chúa sụp đổ, đã dựa vào *demos* (quân chúng) để dựng ra nền móng xã hội mới, trong đó tất cả mọi người được hưởng sự công bằng trước và bởi luật lệ.

Thémistocle và Aristide là hai anh hùng bảo vệ Athènes trong các cuộc chiến chống người Ba Tư. Thémistocle đánh Xerxès ở Salamine, còn Aristide đoàn kết các thành phố và đảo Hy Lạp để chống quân Ba Tư. Chiến thắng Salamine năm 480 tCN cũng là một cái mốc đặc biệt trong lịch sử kịch nghệ Athènes, bởi đó là năm hội tụ cả ba kịch tác gia vĩ đại: trong đội quân chiến thắng trở về có Eschyle, trong đội nhạc thiếu niên chào mừng có Sophocle khi đó chưa đầy hai mươi tuổi, và cũng chính năm đó Euripide được sinh ra. Hai câu chuyện mà Plutarque kể về Thémistocle và Aristide đặc biệt

hấp dẫn khi nhà văn miêu tả những nét khác biệt, thậm chí đối nghịch giữa hai người.

Hai người nữa tiếp nối sự nghiệp đưa Athènes lên địa vị vĩ đại như vậy là Cimon (con trai Miltiade, người chiến thắng ở Marathon) và Périclès (người lưu đày Cimon vì tội quá ủng hộ xứ Sparte); hai người trước là đồng minh sau trở thành kẻ thù của nhau. Thực ra không chỉ có Plutarque viết nhiều về giai đoạn này của Athènes, nhưng có vẻ như nhò ngòi bút của Plutarque mà TK V tCN mới được gọi là “thế kỷ Périclès”.

Sáu trong số 10 người này sống ở TK V tCN, thế kỷ vĩ đại của Athènes, trong đó không thể không nhắc tới Périclès, người nắm quyền lực cao nhất ở thành phố và đóng vai trò chủ yếu trong việc đưa Athènes lên vị trí cao như vậy, nhưng ngược lại cũng là người đánh dấu sự đi xuống của Athènes, vì đã khơi mào cuộc chiến tranh trường kì, hao người tốn của với thành phố Sparte thượng võ. Ông sai lầm vì tiến hành cuộc chiến tranh, trong đó sẽ có hai người khác nối lên là Nicias và Alcibiade. Nicias là chiến lược gia tài giỏi nhưng nhút nhát và mê tín, là người điều đình để chấm dứt 10 năm chiến tranh với Sparte vào năm 421 tCN nhưng lại bị thua và bỏ mạng ở Sicile năm 413 tCN. Alcibiade chính là nguyên cớ khiến Nicias phải tiến hành cuộc chiến tranh và mất mạng tại đó. Hai người này báo hiệu sự thất bại của thủy quân Athènes vào năm 405 tCN, chấm dứt thời kỳ huy hoàng của thành phố.

Nhưng ngay từ những năm 378-377 tCN, Athènes đã gượng dậy và xây dựng được một đạo quân mạnh, tuy sẽ không bao giờ lấy lại được địa vị bá chủ Hy Lạp như xưa. Plutarque không chọn người Athènes nào sống ở TK IV tCN để viết tiểu sử nữa, mà thay vào đó là hai người Sparte, Lysandre và Agésilas, cộng với một người Thèbes là Pélopidas (chắc chắn

Plutarque có viết tiểu sử Épaminondas, người bạn và người đồng sự của Pélopidas, nhưng nay không còn). Người Athènes mãi sau mới xuất hiện trở lại với Démosthène và Phocion, cả hai đều sống vào thời Athènes phải chiến đấu chống vua Philippe xứ Macédoine. Philippe bị thất bại ở Chéronée năm 338 tCN. Sau này, Athènes vinh quang nhờ trò thành đối trọng của Alexandrie với vai trò hai trung tâm văn hóa quan trọng nhất của thời cổ đại.

Như vậy, có thể thấy những biến chuyển về lịch sử Hy Lạp cũng đã quyết định sự thay đổi về tính chất và tính cách của các nhân vật trong *Những cuộc đời song hành*.

Vì vấn đề văn bản, rất khó biết được chính xác quá trình sáng tác (genèse) *Những cuộc đời song hành* của Plutarque. Chỉ có thể biết được rằng ý tưởng về cuốn sách đã được ông thai nghén khi sống ở Rome lần thứ hai (81-96), dưới thời hoàng đế Domitien. Nhưng phải chờ đến lúc lui về thành phố quê hương Chéronée, bớt đi những công việc hành chính và chú tâm vào công việc cúng tế ở đền Delphes, nghĩa là vào những năm cuối TK I và những năm đầu TK II, Plutarque mới thực sự bắt tay vào viết bộ sách của đời mình.

Theo nhiều nguồn tài liệu còn lại, có vẻ như Plutarque có viết một bộ *Đời các César*⁸ nhưng chỉ còn lại phần viết về hai nhân vật Galba và Othon (đều được đưa vào bộ *Những cuộc đời song hành*;

⁸ Cùng trong dòng sách này, nổi tiếng nhất phải kể đến là tác phẩm của Suétone, *Mười hai César*, trong đó kể lại cuộc đời của mười hai vị hoàng đế La Mã, chủ yếu những chỗ xẫu xa và điên rồ, đặc biệt là các hoàng đế Néron và Caligula. “César” ở đây xin hiểu là một loại tước hiệu dùng cho các vị hoàng đế; sau này khi có hai vị hoàng đế cùng trị vì, một người sẽ được gọi là César, người kia là Auguste. Suétone sống tương đồng cùng thời với Plutarque, vì ông sống đến thời hoàng đế Hadrien. Cuốn sách của Suétone rất gần với *Sir ký* của Tư Mã Thiên.

cả hai nhân vật này cũng có mặt trong số các nhân vật làm nên bộ *Mười hai César* của Suétone); văn bản ban đầu dường như chép từ Auguste (hoàng đế La Mã đầu tiên) cho đến Vitellius (người chiến thắng Othon ở trận Bédriac năm 69).

Cách trình bày *Những cuộc đòi song hành* khiến người ta nghĩ khi khởi đầu, Plutarque không định trước thứ tự sáng tác cũng như sắp xếp các nhân vật ở tác phẩm cuối cùng. Ông chỉ có ý tưởng là viết về các nhân vật Hy Lạp và La Mã và so sánh họ với nhau, nhưng hẳn là không định trước sẽ khởi đầu công việc từ các nhân vật nào. Thứ tự sắp xếp các nhân vật, như chúng ta biết, gần như chắc chắn là một quyết định mang tính kinh nghiệm. Giống như trường hợp Balzac khi viết bộ *Tất cả đòi*, kết cấu của tác phẩm sẽ dần được hình thành trong quá trình sáng tác. Do không có tài liệu nào xác thực để lại, trình tự viết các nhân vật cần phải được rút ra từ những thông tin tản mát có ngay trong bộ *Những cuộc đòi song hành*, bởi giữa các cặp nhân vật đôi khi có những dẫn chiếu, có những dấu hiệu của quan hệ liên văn bản. Các chuyên gia về Plutarque đều nhất trí cặp nhân vật đầu tiên mà Plutarque viết là cặp Épaminondas – Scipion (ngày nay không còn nữa). Thật đáng tiếc vì chúng ta không được biết cách nhìn của Plutarque về người đồng hương Épaminondas (rất may là vẫn còn phần viết về Pélopidas, người bạn thân thiết của Épaminondas, nên chúng ta vẫn còn biết được một số chi tiết về người anh hùng thành Thèbes) và nhất là về Scipion, người anh hùng đánh Carthage, người rất gần gũi với văn hóa Hy Lạp.

Có thể lần theo những dấu vết trong tác phẩm để đặt giả thuyết mà không sợ quá sai so với sự thật: cặp Démosthène – Cicéron là cặp thứ năm; Périclès – Fabius, thứ 10; và Dion – Brutus, thứ 12. Sau khi bắt đầu với hai người đồng hương xứ

Béotie là Épaminondas và Pélopidas, nhiều khả năng Plutarque viết ngay về các nhân vật La Mã có liên quan theo cách này hay cách khác với thành phố quê hương Chéronée của ông, đó là Lucullus và Sylla. Có thể nói rằng ông đã xuất phát từ những gì gần gũi với mình nhất, với quê hương của mình, sau đó mới vươn xa hơn, cả về không gian lẫn thời gian, để cuối cùng xây dựng nên tác phẩm gồm 23 cặp nhân vật như ngày nay chúng ta được biết.

Như trên đã nói, các nhân vật Hy Lạp của Plutarque sống ở nhiều giai đoạn lịch sử, trong vòng trên dưới 500 năm, còn các nhân vật La Mã thì khá gần gũi với ông, chủ yếu sống trong hai thế kỷ ngay trước Công nguyên. Ngoài hai nhân vật cuối cùng là Galba và Othon, thì người sống gần thời Plutarque hơn cả là Antoine. Liên quân của Antoine với Cléopâtre bị thua Octave (tương lai là hoàng đế đầu tiên của La Mã) tại trận Actium năm 31 tCN. Chỉ xung quanh cuộc nội chiến và xung quanh nhân vật chính César, Plutarque đã dụng tới hàng loạt nhân vật: bên cạnh César là Pompée và Crassus - hai người trong chế độ Tam đầu chế⁹ đầu tiên, rồi Brutus và Antoine - những người tin cẩn nhưng sau đó đều phản lại ông theo cách này hay cách khác. Ngoài ra còn có các đối thủ chính trị của César: Cicéron - nhà hùng biện đại tài, con người ngưỡng mộ Cộng hòa nên hiển nhiên là chống toan tính thâu tóm quyền lực của César; và Caton Trẻ - người tự tử khi nghe tin César chiến thắng ở châu Phi vào năm 46 tCN.

Các nhân vật La Mã khác hầu hết là các danh tướng. Thành Rome trở thành đế chế nhờ ngọn thương. Trong thế giới đầy tính chiến trận đó, những gương mặt nổi bật nhất dĩ nhiên là các vị tướng. Điểm này khác với Hy Lạp, nơi các nhà lập pháp

⁹ Tam đầu chế (thường gọi: Tam hùng)

và các nhà chính trị nhiều khi được đặt cao hơn các ông tướng vô biền. Các vị tướng quan trọng trong lịch sử La Mã trở thành nhân vật của Plutarque là Fabius Maximus - người được bầu vào chức tổng tài để toàn quyền đánh quân của Hannibal; Marcellus - người chiếm được thành phố Syracuse ở đảo Sicile dù đối phương sở hữu trong tay thứ “vũ khí” lợi hại vào bậc nhất của thế giới cổ đại - nhà toán học Archimède (chính quân lính của Marcellus đã giết chết nhà toán học thiên tài và lập dị); năm 167 tCN, danh tướng Paul-Émile chiến thắng Persée (vua cuối cùng của Macédoine) ở Pydna, chính thức xóa sổ sự tồn tại của cõi Hy Lạp với tư cách đất nước độc lập. Sau đó một thời gian, Hy Lạp sẽ trở thành một tỉnh của La Mã.

Có thể nói, là một môn đệ của Platon, Plutarque đặc biệt quan tâm đến hai hình thức tổ chức nhà nước: dân chủ ở Hy Lạp và cộng hòa ở Rome. Những nhân vật của ông hầu hết đều tham gia vào việc xây dựng, cung cố, hay góp phần thúc đẩy cho sự suy tàn hai hình thức này, hai hình thức mà Plutarque tự thấy có nghĩa vụ phải nói đến nhiều nhất, đặc biệt là với trường hợp La Mã, khi đại đa số các nhân vật La Mã của ông đều sống ở cuối thời cộng hòa, chuẩn bị thành lập đế chế. Rất có thể Plutarque sống ở thời các hoàng đế đã nuối tiếc nền dân chủ Athènes và nền cộng hòa La Mã thành lập năm 509 tCN với công lao của Publicola, nên nhân vật của ông cũng sẽ xoay quanh những lý tưởng đó.

Vấn đề lý thú nhất và cũng khó giải thích nhất là tại sao Plutarque có ý tưởng ghép đôi các nhân vật để so sánh, và ghép đôi dựa theo tiêu chí nào. Thật đáng tiếc là nhà văn không hề có ý định giải thích lý do, cho nên tất cả những gì chúng ta có thể làm là suy luận. Sự phát triển rồi suy tàn của Hy Lạp khiến người ta dễ dàng nghĩ đến một kịch bản tương tự cho lịch sử La Mã. Rome ở thời Plutarque đang lên tới đỉnh

cao của quyền lực, nhưng ngay vinh quang như thế kỉ của Péircles (TK V tCN) cũng không giúp được Athens, rồi cả Hy Lạp thoát khỏi con đường sụp đổ. Ở trong hoàn cảnh đó, nhất là với một người ưa luân lý như Plutarque, việc so sánh ngũ ý răn đe, cảnh báo là một việc làm khá tự nhiên, không hề trái logic. Khi thực sự bắt tay vào công trình của mình, có lẽ Plutarque đã gặp rất nhiều khó khăn trong việc lựa chọn nhân vật nào đi với nhân vật nào, bởi các nhân vật ấy nói khác nhau, nghĩ khác nhau, làm lại càng khác nhau do họ sống ở các thời kỳ khác nhau, chịu ảnh hưởng của các nền văn hóa khác nhau. Thế nhưng Plutarque đã tìm ra được những cách ghép đôi hết sức hợp lý: Thésée tập hợp các tổng nhỏ vùng Attique lập nên Athens vĩ đại xếp với Romulus - cha đẻ thành phố Rome vinh quang; Lycurgue lập ra hiến pháp duy trì sức mạnh cho Sparte trong vòng 500 năm được ghép với Numa - vị vua theo lối thánh nhân, lấy hòa bình làm nền tảng của chính trị, cung cố thêm sức kết dính của các tộc người khác nhau sống ở Rome; những cặp như Alexandre – César hay Démosthène – Cicéron thì quá nhiều tương đồng hiển nhiên (hai vị tướng tài chiêm được nhiều đất trong lịch sử và hai nhà hùng biện lừng danh nhất của thế giới cổ đại); hay khi ông ghép Aristide với Caton Già¹⁰, Dion với Brutus, người ta vẫn có thể tìm được hạt nhân duy lý trong lựa chọn và cảm thấy bị thuyết phục.

Quả là Plutarque không đưa ra một tiêu chí nào đó ngay từ đầu và cứ thế đi theo, mà ông dựa vào những nét tương đồng nào đó, nhiều khi ngầm ẩn, và mỗi nét đó lại khác nhau giữa các cặp nhân vật: Aristide công minh khó có “truyền nhân” nào trong thế giới La Mã giống ông hơn về độ chính trực nhiều khi đến cứng nhắc, Caton Già lúc nào cũng sẵn sàng kêu gọi

¹⁰ Quan hệ giữa Caton Già (tức Marcus Porcius Cato – 234-149 tCN) và Caton Trẻ (tức Caton xứ Utique – 95-46 tCN) là quan hệ cụ – chắt.

người La Mã chống lại những yếu tố ngoại lai gây hại đến độ thuần khiết của dòng giống; Dion và Brutus không mấy giống nhau về tầm vóc lẫn tính tình, nhưng không thể phủ nhận hai người có một đặc điểm chung là ghét bạo chúa, và sẵn sàng ra tay để diệt bạo chúa: Dion xú Syracuse, còn Brutus tổ chức giết bố nuôi César khi ông bố đó có nhiều nguy cơ trở thành một bạo chúa mới.

Không có nhân vật kiệt xuất này giống nhân vật kiệt xuất khác, nhưng thế nào cũng có điểm tương đồng giữa họ, và Plutarque chính là người tìm ra được những tương đồng nhiều khi rất khó nhìn ra đó. Kết quả là giờ đây, khi tác phẩm của nhà thông thái xứ Chéronée được lưu truyền suốt hàng nghìn năm, được không biết bao nhiêu con người vĩ đại của hậu thế lấy làm sách gối đầu giường, người ta khó có thể nghĩ đến Alcibiade mà không nghĩ đến Coriolan, nghĩ đến Philopoemen mà cái tên Flamininus không hiện ra trong đầu, không thể để cho tính cách bạo tàn và hiếu chiến của Lysandre đi một mình mà không có Sylla bên cạnh... Còn lại một điểm rất khó minh định: Plutarque chọn nhân vật La Mã theo nhân vật Hy Lạp hay ngược lại? Rất có khả năng cách làm của Plutarque biến thiên ở mỗi trường hợp cụ thể.

Có lẽ cần mở một ngoặc đơn về các tác phẩm liên quan đến tiểu sử các nhân vật thời cổ Hy Lạp: trên thực tế Plutarque và Suétone, tác giả cuốn *Mười hai César*, đã đưa ra hình mẫu cho thể loại tiểu sử này, thể loại vẫn tồn tại trong thời Trung Cổ, dù các thể loại và chủ đề khác về Thiên chúa giáo đã xuất hiện và phát triển. Ngày nay, khi chúng kiến ưu thế lớn của dòng văn tiểu sử - tự thuật, chúng ta càng thấy rõ sức sống lâu dài của một "cách làm" sử xen lẫn với văn chương mà Plutarque và Suétone đã đặt những dấu mốc quan trọng cách đây hàng nghìn năm. Tuy nhiên, giữa hai người có khá nhiều điểm khác biệt. Ở Plutarque, cái

chiếm ưu thế là mối quan hệ được tổ chức theo tuyến tính thời gian của một cuộc đời, còn điểm nổi bật trong phương pháp của Suétone là sự miêu tả từng cá nhân một cách có hệ thống. Cùng dòng tiểu sử này còn có Diogène xứ Laërce (có lẽ sống ở TK III, chuyên viết về đời các triết gia)¹¹.

Thật may mắn vì Plutarque đã trình bày rất rõ ràng quan điểm cá nhân của ông về công việc viết tiểu sử, đặt ở đoạn đầu *Alexandre*: “Giờ đây khi viết quyển sách về đời vua Alexandre và đời César, người đánh bại Pompée, do số lượng chi tiết quá khổng lồ, chúng tôi xin được mượn lời mào đầu để mong độc giả sẽ không tìm đến chúng tôi mà tranh cãi nếu chúng tôi không truyền đạt lại được toàn bộ và chi tiết những hành động nổi tiếng của hai người anh hùng, và nếu chúng tôi thường chỉ tóm tắt những hành động ấy mà thôi.

Quả thật, chúng tôi không viết *Lịch sử* mà viết những *Cuộc đời*, và không phải lúc nào người ta cũng có thể qua những hành động kiệt xuất nhất mà đưa được ra ánh sáng một đức hạnh hoặc một tật xấu; thường thì một chi tiết nhỏ, một từ, một sự việc tầm phào lại có thể gợi lên rõ ràng hơn một tính cách, hơn nhiều so với những trận đánh đẫm máu, những cuộc đụng độ long trời lở đất và những cuộc hãm thành. Người họa sĩ, để nắm bắt được những nét giống nhau, thường chú tâm dựa vào khuôn mặt, những đường nét cơ thể chứ không mấy khi để ý đến các bộ phận khác; cho nên xin bạn đọc cũng cho phép chúng tôi làm theo cách đó, cho phép chúng tôi theo sát những dấu hiệu có khả năng phát lộ tâm hồn, cho phép chúng tôi chỉ dựa vào những dấu hiệu đó mà thôi để dựng lại cuộc đời của hai nhân vật này,

¹¹ Theo *Di sản Hy Lạp và La Mã*, tr. 174.

mà bỏ lại cho những người khác phần những sự kiện lớn lao và những trận đánh” (*Alexandre*, I).

Nhờ nguyên tắc này, chúng ta biết được những chi tiết nhở nhặt của cuộc đời, những thay đổi tinh tế trong tính cách của nhiều nhân vật như César, Alexandre, Cicéron..., chứ không chỉ những chiến tích huy hoàng hay sự nghiệp vĩ đại của họ.

Hai lịch sử, hai văn hóa

Ta càng hiểu công việc lựa chọn nhân vật của Plutarque khó khăn thế nào khi biết, dù chỉ một chút ít ỏi, về hai nền văn hóa đồ sộ kia. Bài giới thiệu này không có tham vọng bao trùm toàn bộ lịch sử Hy Lạp và La Mã mà chỉ muốn đặt trọng tâm vào khu vực tiếp xúc giữa chúng, điều kiện để này sinh một con người như Plutarque, và tiếp đó, này sinh ý tưởng về sự so sánh giữa hai bên, mà *Những cuộc đời song hành* là công việc thực tế hóa. Và lại, nhìn nhận và đánh giá Hy Lạp và La Mã là một công việc khổng lồ, đã thu hút sự quan tâm cao độ của giới học giả phương Tây suốt trong hơn một nghìn năm nay¹¹.

¹¹ Trong số những bộ sử Hy Lạp do người Hy Lạp viết, nổi bật hơn cả là bộ *Lịch sử* của Hérodote - “cha đẻ của lịch sử”, và bộ sách về cuộc chiến tranh Péloponnèse của Thucydide. Đường lối chung của sử học Hy Lạp là trọng sò thị mà có phần coi nhẹ sử liệu. Thucydide từng tham gia cuộc chiến tranh dài ngày và thảm khốc kia, vì thế tác phẩm của ông mang nhiều yếu tố tự truyện. Thucydide cũng là người phân biệt nguyên nhân trực tiếp và nguyên nhân sâu xa, nguyên nhân và nguyên cớ. Hérodote thì chủ trương đặt trọng tâm vào con người, coi thần linh chỉ đóng vai phụ, theo đúng nguyên lý của Protagoras: “con người là thước đo của tất cả”.

Cần nhấn mạnh rằng các sử gia Hy Lạp luôn phát ngôn với tư cách cá nhân, không đại diện cho bất cứ thể chế nào – đặc điểm này khiến họ khác về căn bản với các sử gia cổ Trung Quốc. Sau này, sử gia La Mã Tacite sẽ chê trách các sử gia Hy Lạp chỉ thích kể chuyện mà không quan tâm đến hiện đại (Tacite là cha đẻ của thể loại biên niên sử). Thời Plutarque sống có đến mấy

Trước hết cần nói rằng để hiểu cẩn kẽ phương Tây, có hai truyền thống không thể bỏ qua: truyền thống Do Thái – Thiên chúa giáo và truyền thống Hy Lạp – La Mã, một bên nặng về giáo lý, một bên chủ về văn minh, khoa học và nghệ thuật. Mỗi quan hệ giữa đạo Thiên Chúa và La Mã đã quá rõ ràng: một nhóm nhỏ tín đồ tôn thờ Jésus Christ, lúc đầu bị các hoàng đế La Mã vùi dập, đàn áp, về sau trở thành chính giáo của toàn Đế chế (bắt đầu từ hoàng đế Constantin, vào TK IV sCN) và Rome sau khi thủ đô của Đế chế là nơi đặt Tòa thánh (Vatican). Mỗi

sử gia nổi tiếng, ngoài ông còn có Suétone là tác giả bộ *Mười hai César*, sử gia vĩ đại Tite-Live với bộ sử về Đế chế La Mã, và Tacite với hướng đi biên niên. Rất có thể vì ở trong thế “cạnh tranh” đó mà Plutarque buộc phải tìm ra hướng kể cuộc đời các nhân vật và so sánh Hy Lạp với La Mã, nhằm tránh những đường mòn đã quá nhiều người đi. Sau này, đặc biệt kể từ thời Phục Hưng, các bộ sử vĩ đại về Hy Lạp, và nhất là về La Mã, không hề ít.

Hai bộ sách cần kể đến hơn cả là *Lịch sử suy tàn và sụp đổ của Đế chế La Mã* (History of the Decline and Fall of the Roman Empire; xuất bản từ 1776) của học giả Anh Edward Gibbon (1737-1794), lấy mốc khởi điểm là thời huy hoàng của các vị vua dòng Antonin vào TK II sCN. Cuốn sách này đưa ra một luận điểm sẽ thống trị cách diễn giải sự sụp đổ của La Mã suốt mấy thế kỷ ở Tây phương: luận điểm về sự suy đồi (décadence). Tuy vậy, đến lượt nó, sự suy đồi sẽ trở thành một trào lưu văn học nghệ thuật của TK XIX; Nietzsche khẳng định tính hiện đại bắt nguồn từ sự suy đồi này. Chỉ một chút hồi quang của La Mã cũng đủ sức tạo dựng rất nhiều tác phẩm có giá trị bất hủ. Bộ sách đỗ số thứ hai là *Lịch sử La Mã* của học giả Đức Theodor Mommsen. Là một sử gia nhưng Mommsen được nhận giải Nobel văn học năm 1902 chính là nhờ ó bộ sách này, vượt qua cả đại văn hào Nga Lev Tolstoi. Trường hợp này khá giống với nhà văn nữ Marguerite Yourcenar trở thành Viện sĩ Hàn lâm Pháp năm 1980, mà chúng tôi sẽ nói đến trong phần sau.

Tuy nhiên, trong mạch nghiên cứu song song hai nền văn hóa, chúng tôi đặc biệt lưu ý đến bộ sách vô cùng hấp dẫn mang tên *Di sản Hy Lạp và La Mã* (*Héritage de la Grèce et de Rome*; Robert Laffont/Bouquins 1992; bản dịch tiếng Pháp: Geneviève Ladjaj-Koenig), tập hợp của hai cuốn sách của các học giả người Anh, quyển *The Legacy of Rome* in lần đầu năm 1923 dưới sự chủ trì của Moses I. Finley và *The Legacy of Greece* dưới sự chủ trì của Cyril Bailey, cả hai đều được chỉnh sửa rất nhiều lần.

quan hệ giữa người Do Thái và Hy Lạp cổ xưa hơn, ít được nghiên cứu hơn.

Trước khi chịu ảnh hưởng của Hy Lạp, người Do Thái ở xứ Judée nằm dưới sự cai quản của các vua Ba Tư (mà người Hy Lạp thường gọi là các “quân vương vĩ đại”, có lẽ vì đặc điểm mang tính “thiên tử”, “con trời” của các vị vua phuông Đông này: vua là hiện thân của thần thánh). Khi đó, Judée là một tỉnh bán tự trị, tỉnh “bên kia sông”, nghĩa là bên kia sông Euphrate tính từ Ba Tư. Người Do Thái về cơ bản rất tuân thủ luật lệ Ba Tư, trừ vài vụ xung đột như những vụ nổi loạn ở Jérusalem và Jéricho (bị người Ba Tư trừng phạt vào năm 350 tCN). Sau khi Alexandre chiếm vùng châu Á, và nhất là ở thời cai trị của các Ptolémée ở Ai Cập (Ptolémée đệ nhất là một trong các vị tướng của Alexandre, cùng vài vị tướng khác phân chia lãnh thổ mà Alexandre để lại), người Do Thái tỏ ra thích ứng rất tốt với tình hình mới, dù các vị vua Ai Cập hà khắc hơn nhiều so với vua Ba Tư.

Đặt sang một bên truyền thống Do Thái – Thiên Chúa giáo đó, còn lại mảng Hy Lạp – La Mã với tư cách nguồn gốc văn minh và lịch sử phương Tây, chúng tôi sẽ cố gắng trình bày theo hướng tổng hợp và xác nhận mối quan hệ chặt chẽ giữa hai bên để tạo thành một khối vững chắc, hữu cơ.

Quá trình Hy Lạp hóa thoát tiên chỉ giới hạn ở vùng Đại Hy Lạp phía Nam và đảo Sicile, hai vùng được đồng hóa mạnh mẽ từ khoảng năm 775 tCN. Lãnh thổ quá lớn, lại tập hợp quá nhiều nền văn hóa, văn minh cận kề nhau, nên tìm hiểu “đặc tính Hy Lạp” là một công việc đặc biệt phức tạp. Ngay từ xưa, sử gia Hérodote khi viết bộ *Lịch sử* của mình đã có lúc tìm cách tổng quát hóa. Ông để một nhân vật người Athènes phát biểu như sau: “Đây chính là Hy Lạp tính (hellénisme) của chúng ta: chúng ta cùng thuộc về một dòng

giống, chúng ta cùng nói một ngôn ngữ, chúng ta cùng thò những vị thần, trên cùng bàn thờ và với cùng các nghi lễ, và phong tục của chúng ta cũng giống nhau¹³". Rõ ràng phải cần rất nhiều suy luận và diễn giải mới có thể tìm ra được *Hy Lạp tinh* đó, trong khi La Mã luôn là một khối thống nhất. Ở đây có vai trò to lớn của chính trị và tổ chức Nhà nước: Hy Lạp không có một chính phủ trung ương, không có thủ đô, không có những con người có ảnh hưởng tuyệt đối đến toàn bộ lãnh thổ. La Mã thì tập trung mà Hy Lạp thì phân tán. Cuốn *Di sản Hy Lạp và La Mã* ở trang 614 cũng khẳng định một trong những khác biệt giữa Hy Lạp và La Mã nằm ở chỗ những đóng góp mang tính quyết định của Hy Lạp cho lịch sử nhân loại tập trung ở những công trình "dành cho muôn đời", nhờ vào các nhà thơ, sử gia, triết gia và nghệ sĩ, những con người vĩ đại với số lượng tương đối khiêm tốn, đại diện cho những gì tinh túy nhất của cả dòng giống Hy Lạp.

Nhưng Rome thì khác: những người như Lucrèce, Virgile, César hay Auguste hoàn toàn thống trị người đương thời của mình, nhưng họ không đại diện được cho toàn bộ tính cách của dân tộc. Muốn hiểu Rome trước hết cần biết về cuộc sống của những con người bình thường trong xã hội.

Yếu tố "phân tán" của Hy Lạp mà chúng tôi nói đến còn bắt nguồn từ đặc điểm địa lý. Về đại thể, Hy Lạp được cấu thành từ ba thành tố: Hy Lạp lục địa (Attique, Péloponnèse, Trung Hy Lạp và Bắc Hy Lạp, quê hương của Alexandre Đại đế), Hy Lạp đảo và Hy Lạp châu Á. Chính các hòn đảo mới là nơi phát tích của dòng giống Hy Lạp (*hellénique*), vì ngay từ trước khi có dân cư ở lục địa, đảo Crète ở biển Égée đã phát triển một nền văn minh độc đáo, nhiều thành tựu. Ngoài đảo Crète, trong biển

¹³ Trích theo Finley, *Dẫn nhập* của *Di sản Hy Lạp và La Mã*, sđd, tr. 17.

Égée còn có đảo lớn Eubée ngay sát vùng Attique và chùm đảo Cyclade, ngoài ra sát bờ biển với châu Á (quảng Thổ Nhĩ Kỳ ngày nay) là dãy đảo Dodécanèse (trong đó nổi tiếng hơn cả là đảo Rhodes). Không chỉ cung cấp đồng để sản xuất, đá để xây dựng, các hòn đảo còn là những trung tâm văn hóa không thể bỏ qua, đặc biệt chúng giữ vai trò sản sinh những bậc trí giả lỗi lạc: người sáng lập chủ nghĩa khoái lạc Épicure (341-271 tCN) xuất thân từ đảo Samos, cùng quê với Pythagore (khoảng 570-500 tCN); nhà y học đại tài Hippocrate (khoảng 460-380 tCN) là người đảo Cos; Posidonios (khoảng 135-50 tCN), triết gia và sử gia, thầy dạy của Cicéron, lập trường ở đảo Rhodes, v.v...

Người Hy Lạp bắt đầu sống ở hai bên bờ biển Égée từ thiên ki II tCN, nhưng chỉ có các “thuộc địa” (colonie) Hy Lạp thực thụ khi quá trình hình thành các thành phố hoàn thành. Rất có khả năng những thành phố đầu tiên được xây ở các đảo thuộc chùm đảo Cyclade và ở phía châu Á, chứ không phải Hy Lạp lục địa. Không nên quá tin vào những ý kiến mang màu sắc dân tộc chủ nghĩa cho rằng Athènes và Sparte dựng nên Milet, Théra hay Rhodes¹⁴. Thuộc địa đầu tiên là Cymé, do người Chalcis lập ra vào khoảng năm 750 tCN tại vùng Campanie màu mỡ của Tây Ý. Những người này sau đó sẽ chi sò hưu eo biển Messine và một số địa điểm ở bờ Đông Sicile (Naxos, Catane), trong khi người Corinthe lập ra Syracuse năm 733 tCN. Người Dorien ở Péloponnèse, vùng vịnh Tarente, định cư ở Métaponte, Sybaris, Crotone, Tarente. Vào giữa TK VII tCN, những thuộc địa này bắt đầu được mở rộng theo lối dẫu loang. Khoảng năm 600 tCN, những người đến từ Ionie đã lập ra thành phố Marseille. Sau đó một chút là quá trình thực dân hóa

¹⁴ Theo Lịch sử Hy Lạp cổ đại (*Histoire de la Grèce ancienne*, Jean Hatzfeld, Petite Bibliothèque Payot, 2002, bản in lần thứ ba với sửa chữa của André Aymard; lần in đầu tiên: 1926, tr. 60).

ở phía Bắc biển Égée. Nguyên nhân của quá trình thực dân hóa đó có lẽ không phải vì dân số quá đông, mà vì chính sách và luật chia đất cho người dân khiến đất bị thiếu (có thể xem thêm *Lycurgue*, người theo huyền thoại từng chia đất cho công dân theo nguyên tắc bình đẳng).

“Như thế, trong vòng chưa đầy ba trăm năm, Địa Trung Hải đã trở thành cái hồ một nửa thuộc về người Hy Lạp¹⁵.” Cùng vào thời điểm đó, người Phénicie đã định cư vững chắc ở bờ biển Syrie (nơi người Hy Lạp không thể nghĩ đến chuyên thành lập các thành phố mới cho mình), phát triển rực rỡ về thương mại, nhất là ở đảo Chypre, Tây Sicile, Sardaigne, trên bờ biển Bắc Phi và Tây Ban Nha; về phần mình, người Étrusque mở rộng lãnh thổ ở biển Tyrrhénienne (vùng biển Địa Trung Hải phía Tây, giữa Corse, Sardaigne và Sicile).

Cuối TK VI tCN, phần lớn các địa điểm thuận lợi vùng Địa Trung Hải đều đã có người định cư, và người Hy Lạp không dễ gì phát triển tiếp, chính vì thế từ năm 500 tCN đến các cuộc chinh phục của Alexandre (nửa sau TK IV tCN), quá trình thuộc địa hóa gần như dừng hẳn lại, nhưng quá trình đó cũng có những hiệu quả lớn, trong đó phải kể đến tình đoàn kết giữa các tộc người thuộc Hy Lạp, thứ tình cảm càng gắn bó hơn rất nhiều khi người Hy Lạp ở nước ngoài.

Quá trình lớn mạnh của Rome không thật sự nhanh như Hy Lạp. Mãi đến những năm 200-133 tCN, Rome mới tiến hành chinh phục phương Đông; trong quãng thời gian đó, Rome chỉ có thể tập trung cho quân sự và chính trị, nên những thành tựu văn hóa của Hy Lạp lại càng thêm nổi bật. Người có ý thức nhất trong việc xây dựng văn minh La Mã để đối trọng với văn minh Hy Lạp là Auguste, hoàng đế đầu tiên của Đế chế La Mã.

¹⁵ Sđd, tr. 67.

Tuy nhiên ngay cả sau thời Auguste, giữa hai nền văn hóa này vẫn có những tiếp xúc, nhiều khi hết sức sâu đậm. Về thực chất, La Mã học được hầu hết tất cả các môn khoa học và nghệ thuật từ Hy Lạp, họ chỉ vượt trội ở mảng luật pháp.

Hai lịch sử phát triển song song đó ngày càng có thêm những điểm giao nhau, kể cả có khi bùng phát thành xung đột. Những điểm giao nhau quan trọng nhất diễn ra vào TK II tCN. Khi đã lớn mạnh hơn trước, Viện nguyên lão La Mã bắt đầu thấy cần phải có các vị quan đại diện cho Rome trực tiếp cai trị các tỉnh ở xa. Chế độ này đã được áp dụng vào năm 206 tCN ở Tây Ban Nha; Carthage sau khi thua Rome lần thứ ba cũng phải chịu chung số phận; Macédoine phải chấp nhận chế độ này vào năm 146 tCN (trở thành một tỉnh La Mã dưới sự cai quản của một pháp quan) và phải cống nạp. Thực tế Macédoine đã bị Paul-Émile đánh bại vào năm 167 tCN và không còn giữ được quyền lực như ngày xưa nữa. Ở xứ này khá thuận lợi: các quan La Mã được thừa hưởng quyền lực từ các vị vua cũ; nhưng tình hình không dễ dàng như thế ở các nơi khác trên đất Hy Lạp.

Trong lúc hai bên Hy Lạp và La Mã chưa thật sự biết về nhau như vậy, lại xảy ra một câu chuyện hi hữu trong lịch sử, gây ảnh hưởng rất mạnh đến chính sách phương Đông của La Mã và xoay chiêu mồi quan hệ giữa hai bên. Năm 160 tCN, vua Eumène II của Pergame thuộc Hy Lạp qua đời. Suốt cuộc đời mình, ông đã liên tục tiến hành chiến tranh chống lại Philippe xứ Macédoine, Antiochos III, các vị vua xứ Arménie, xứ Pont, xứ Bithynie. Ban đầu, lãnh thổ mà ông được thừa hưởng từ người cha rất nhỏ, sau trở thành cả một đế chế ở châu Á. Ông để lại ngai vàng và vương quốc cho người em trai là Attale II. Attale II nối ngôi (160-139 tCN) và tiếp tục các cuộc chinh phạt của Eumène. Năm 133 tCN, Attale III (con của Eumène và là người nối ngôi Attale II) di tặng Pergame lại cho người La Mã. Rome

roi vào cảnh bối rối, không biết phải xử trí ra sao. Trong thời gian đó, con hoang của Eumène là Aristonicos tập hợp ở Châu Á một đội quân nhỏ và dần dà thâu tóm đất nước. Vị quan chấp chính La Mã đầu tiên được cử đến để giải quyết tình hình đã bị đánh bại. Phải đến hai năm sau, Rome mới chinh phục được Pergame. Khi đó, thành phố không còn được coi là món quà tặng mà là một đất nước bị thu phục và trở thành một tỉnh thuộc La Mã. Các thành phố Hy Lạp khác, chí ít là những thành phố không theo Aristonicos, về lý thuyết được hưởng quyền tự do như đã được hưởng dưới các triều vua Pergame.

Những cuộc nổi loạn ở Macédoine chưa kết thúc ngay cả sau khi vua Persée của họ thua trận. Năm 146 tCN, khi nhà Antigonide sụp đổ, ở Macédoine xuất hiện nhân vật Andricos dẫn đầu người Macédoine đánh Rome và nhanh chóng chịu thua do gặp phải hai binh đoàn (légion) La Mã dưới sự chỉ huy của tướng tài Q. Metellus và thủy quân Pergame. Cùng năm đó cũng có một phong trào phản Rome khác ở Hy Lạp, lần này nguồn gốc là Sparte. Khi đó, Rome đang bận đánh châu Phi và Tây Ban Nha. Diaios, người đứng đầu liên minh Hy Lạp, tìm cách lập một đội quân gồm đủ cả đồng minh Béotie, Eubée và Phocide. Năm 146 tCN, người thay thế Diaios là Critolaos đánh nhau với quân đội La Mã dưới sự chỉ huy của Metellus khi đó đang đi qua xứ Thessalie. Critolaos bị đánh thua ở Scarpheia, vùng Locride; Diaios cũng bị thua ở Isthme, dưới tay Mummius, người thay thế Metellus. Cùng năm đó, thành phố Corinthe bị tàn phá thành hoang địa.

Sau năm 146 đó, một số thành phố Hy Lạp phải cống nạp, trong khi một số khác thì không. Không có biện pháp chung nào được áp dụng, nhưng trên thực tế toàn cõi Hy Lạp đã nằm dưới sự kiểm soát của vị thống đốc Macédoine người La Mã. Dù những người đưa ra chế độ này có thể coi nó là tạm thời,

nó vẫn tiếp tục kéo dài trong vòng một thế kỷ. Ngày nay, chúng ta biết rất ít các chi tiết về giai đoạn đầu tiên của quá trình thuộc địa hóa Hy Lạp này của người La Mã.

Plutarque có quan điểm riêng về tiến trình phát triển của lịch sử Hy Lạp và La Mã. Theo ông, lịch sử đó nên chia làm nhiều giai đoạn: thắng và trầm, suy tàn và hồi sinh. Giai đoạn đầu tiên kéo dài từ Homère đến Alexandre, giai đoạn thể hiện sự vĩ đại của Hy Lạp và của thành phố Athènes. Các nhân vật nổi bật của quãng thời gian đó là Thésée - cha đẻ thành Athènes, Thémistocle - người chiến thắng Ba Tư ở Salamine, rồi Solon và Périclès. Giai đoạn hai nằm ở hai thế kỷ III và II tCN, đặc trưng là sự suy tàn của Hy Lạp. Các nhà cai cách của Sparte là Agis và Cléomène là những người đặc biệt ở thời của mình. Nhưng đó cũng là thời chế độ dân chủ thành công lớn. Cũng ở giai đoạn này, Rome xuất hiện với tư cách kẻ mạnh và phát triển vượt bậc. Giai đoạn thứ ba có đặc trưng là sự suy đổi về đạo đức của Rome trong những cuộc nội chiến ở TK I tCN; Hy Lạp cũng bị lôi kéo vào sự sụp đổ này thông qua những vụ phá hủy các công trình mà nó phải gánh chịu. Sylla cướp đi những gì người Hy Lạp coi là quý giá nhất: các kho báu của những ngôi đền xứ Épidaure, Olympie và Delphes, mà trước đó Flamininus và Paul-Émile không những không dám động tới mà còn bổ sung và thờ kính¹⁶.

Các nhân vật La Mã trong *Những cuộc đời song hành* đều được miêu tả như là những người “yêu tri thức Hy Lạp”. Lucullus tiếp đón các trí thức Hy Lạp trong thư viện phong phú của mình, nói chuyện với họ theo lối các triết gia Académie mà ông là một môn đệ, và còn biết viết cả văn xuôi

¹⁶ Trích từ mục “Suy tàn/Suy đổi” (Déclin/Décadence) trong “Từ điển” đặt ở cuối bộ sách *Vies parallèles*, Gallimard/Quarto 2004, Anne-Marie Ozanam dịch, bàn thảo được thực hiện dưới sự chủ trì của François Hartog.

và thơ bằng tiếng Hy Lạp. Paul-Émile mang về cho Rome thư viện của vua Persée sau cuộc chiến Macédoine lần thứ ba và dạy dỗ các con mình theo lối Hy Lạp. Cornélia, con gái của Scipion l'Africain và mẹ của các Gracchus, là người “luôn có những người Hy Lạp và các nhà văn vây quanh” (*Caius Gracchus*, XL). Những lời cuối cùng mà Pompée trăng trôi là hai câu thơ của Sophocle. Theo quan điểm dân tộc – địa lý của Plutarque, Rome là một thành phố Hy Lạp; cũng theo mạch suy nghĩ đó, Denys xứ Halicarnasse (TK I tCN) đã cố công chứng minh những người thành lập Rome là người Hy Lạp chứ không phải những kẻ Ngoại di (*Cố đại La Mã*, I).

Quintilien, nhà tu từ học, nhà ngữ pháp nổi tiếng nhất của La Mã (khoảng 30-95) cho là “trẻ con phải học bắt đầu từ tiếng Hy Lạp”. Mặc dù là những người song ngữ hoàn hảo, nhưng Sénèque và Pline Trẻ bao giờ cũng mặc cảm vì sự yếu kém của tiếng Latin, không so được với “các sắc thái của Platon” (Sénèque, *Thư gửi Lucilius*, 58), trong khi những người Hy Lạp như Polybe, Posidonios hay Strabon không buồn để ý đến sự hình thành của một nền văn học và khoa học mới bằng tiếng Latin. Trong số các nhân vật của *Những cuộc đời song hành*, một số người giỏi cả tiếng Hy Lạp và tiếng Latin, như César, Lucullus, Sylla, Crassus...

Từ TK II tCN, ở Rome đã có rất nhiều những người cực kỳ hiểu biết về những điều cổ xưa, trong đó nổi bật nhất là Varron (116-27 tCN) mà Plutarque gọi là “người thông thái nhất trong số các sử gia La Mã” (*Romulus*, XII), người từ năm 56 đến năm 46 tCN đã xuất bản 43 quyển *Cố vật của thần linh và của con người*. Ngoài Varron còn có Caton Già, Valérius Messala, Verrius Flaccus, những người được coi là những “người chơi đồ cổ” vào thời của Plutarque và Tacite; họ say mê tập hợp tất cả những gì thuộc về thế giới cổ đại mà không may mắn tâm đến viết

sử, vì việc đó đã có Tite-Live, Tacite hay Suétone lo. Nhà thơ Horace của La Mã tổng kết ngắn gọn nhưng hết sức chính xác mối quan hệ giữa Hy Lạp và La Mã bằng câu văn nổi tiếng: "Hy Lạp bị thu phục đã thu phục lại người chiến thắng mình và đưa nghệ thuật vào cho vùng Latium thô lậu" (*Thư từ*, II).

Sự tiếp nối của hai nền văn hóa được thể hiện rất rõ ở sự trân trọng của người La Mã đối với văn hóa Hy Lạp. Sở dĩ ngày nay chúng ta còn được biết nhiều về nền văn học nghệ thuật cổ xưa phần lớn là nhờ công truyền đạt lại, và các công trình dịch thuật thời La Mã. Trước thời Phục Hưng của châu Âu, đã có một Phục Hưng nhỏ khác ở ngay thời La Mã. Tuy phát triển theo nhiều đường hướng khác, nhưng các học giả La Mã đã dụng công truyền đạt lại tư tưởng chủ đạo của nghệ thuật Hy Lạp, nhờ đó mà chúng ta có thể biết được hạt nhân của văn học Hy Lạp là tính đơn giản (*simplicité*) và tính duy lý; thơ ca Hy Lạp chủ yếu tập trung vào những điều phổ quát, nên tảng về con người, không mấy quan tâm đến những gì kỳ dị và ngoại lai. Nghệ thuật La Mã sẽ đi sâu hơn vào chi tiết, vào bản chất con người¹⁷.

¹⁷ Tác phẩm độc đáo hơn cả của văn học La Mã là *Satiricon* của nhà văn Pétrone (tức Caius Petronius Arbiter, sống ở TK I sCN, nghĩa là cùng thời với Plutarque). Lần đầu tiên có một giọng văn đầy mia mai, châm biếm chia mũi dùi vào thói xa hoa của giới quý tộc La Mã, mờ ra một khuynh hướng của văn học, sẽ nở rộ với những nhà văn như Voltaire và nhất là Rabelais. Pétrone bị kết tội đồng muru trong vụ Pison chống hoàng đế Néron và bị ép phải chết. Một ví dụ khác là nhà thơ Catulle (Caius Valerius Catullus, sống ở TK I tCN), tuy là bắt chước các nhà thơ Hy Lạp nhưng đã động đến những điểm nhạy cảm rất khác biệt trong dòng thơ trữ tình, đặc biệt với những bài thơ ca ngợi Lesbie, tên thật là Clodia, người tình của ông. Ngoài ra còn có Lucrece (tức Titus Lucretius Carus, 98?-55? tCN), mà tác phẩm lớn nhất (chưa hoàn thành) là *De natura rerum* (Về các sự vật của tự nhiên), tập thơ mang nhiều yếu tố khoa học; ông cũng được xem là người vượt được các ông thầy Hy Lạp.

La Mã cũng áp dụng gần như nguyên xi hệ thống giáo dục của Hy Lạp. Hệ thống này cũng sẽ tiếp tục được sao chép ở Byzance và cả ở châu Âu. Đặc biệt lối giáo dục quân sự của Sparte được coi như là khuôn mẫu cho đời sau (xem thêm *Lycurgue*). Đặc điểm của giáo dục Hy Lạp là hết sức quan tâm đến giáo dục thể chất (dù có thể không hoàn toàn thiên về quân sự) hơn là giáo dục trí tuệ, nhưng không lợi là các môn nghệ thuật, đầu tiên là âm nhạc, sau đến văn chương. Chỉ có điều, cũng giống như các dân tộc cổ đại khác, người Hy Lạp hoàn toàn không có hiểu biết về tâm lý trẻ con, nên họ chỉ biết dùng đòn vọt để trừng phạt những đứa trẻ hư. Giáo dục mang tính tuân tự rất cao: đứa trẻ phải thật thuần thực bước trước rồi mới được chuyển sang học bước sau (lý tính cao độ). Thực ra cũng cần biết một đặc điểm: người thầy ở trường ít quan trọng hơn rất nhiều so với *paidagôgos*, người có xuất thân rất tầm thường, bình thường chỉ là một nô lệ lĩnh trách nhiệm đưa đứa trẻ đến trường. Ông ta sẽ trở thành người thầy thực thụ của đứa bé, dạy nó cách cư xử trong cuộc sống, toàn bộ lý tưởng về đạo đức cũng sẽ được đứa trẻ linh hội thông qua quá trình “mưa dầm thấm sâu” này. Khi đứa trẻ đến tuổi thiếu niên, cần phải kể đến vai trò chủ chốt của những *người tình* (*éraste*)¹⁸, vì giữa hai bên có mối quan hệ thường xuyên, nhất là những cuộc gặp gỡ ở nơi tập luyện thể lực (gymnase).

¹⁸ Ở Hy Lạp cổ, một người đàn ông có danh phận và của cải thường là người tình của một hoặc một số thiếu niên xinh xắn, đáng yêu. Xem thêm *Lycurgue* về giáo dục ở Sparte để thấy rõ hơn vai trò của những vị bảo trợ này. Một ví dụ nổi tiếng về mối quan hệ gây rất nhiều bối rối cho các nhà nghiên cứu sau này, đặc biệt các nhà nghiên cứu phương Đông, là quan hệ giữa Socrate và Alcibiade, người được coi là đẹp trai và hấp dẫn nhất của Hy Lạp, tiền thân của don Juan sau này.

Tuy vậy, không thể nói rằng hai nền văn hóa Hy Lạp và La Mã hoàn toàn trùng khớp nhau. Chẳng hạn chỉ xét riêng về quan điểm anh hùng, La Mã hoàn toàn khác với Hy Lạp. Thời Cộng hòa (kể từ năm 509 tCN cho đến khi Auguste chính thức trở thành hoàng đế đầu tiên năm 27 tCN), người anh hùng La Mã không có yếu tố thần linh, anh ta chỉ đơn giản là hoàn thành sứ mệnh do Thành phố giao cho. Khái niệm anh hùng – thần linh chỉ xuất hiện ở La Mã khi đã bắt đầu có tiếp xúc văn hóa với phương Đông, mà tiêu biểu là Hy Lạp: kể từ thời của gia đình Scipion, các vị anh hùng mới được coi là những nhân vật siêu phàm. Bài luận của Cicéron về *Cộng hòa* cho chúng ta biết người ta đã phong thánh cho Scipion người chúa Phi, và cả César cũng được thờ phụng như một vị thần ngay cả khi ông vẫn còn đang sống.

Khác biệt nữa giữa Hy Lạp và La Mã nằm ở hình thức truyền bá văn hóa. Phổ biến hơn cả ở Hy Lạp là lối văn nói. Trong *Nicias*, Plutarque kể là sau thất bại Syracuse năm 413 tCN, một số tù binh Athènes được kẻ thù tha vì đọc thuộc lòng được nhiều đoạn kịch của Euripide. Ngay Platon trong *Phèdre* (274-278) cũng tỏ ý nghi ngờ các cuốn sách và thích chọn hình thức đối thoại để diễn đạt ý tưởng hơn. Cả Thucydide trong phần trình bày phương pháp của bộ sử nổi tiếng cũng không trích dẫn tài liệu nào. Lời nói có địa vị thống trị ở Hy Lạp, và khi vài ba sứ giả Hy Lạp đến Rome (TK II tCN) và rao giảng thuật hùng biện, Caton Già đòi đuổi những người đó khỏi thành phố, vì sợ những phong tục ngoại lai sẽ gây tác hại cho sự thuần khiết La Mã của người dân.

Hy Lạp là nơi sáng tạo ra môn chính trị (*poleis*), nhưng những lý thuyết, và nhất là thực hành của La Mã, mới thực sự là các nguyên tắc có giá trị lâu dài cho Châu Âu sau này. Trong số các quyền cơ bản của *poleis* Hy Lạp có quyền bỏ phiếu,

quyền tư hữu, quyền được thực hiện hôn nhân hợp pháp với công dân khác, quyền được tham gia các hoạt động khác nhau của những lần cúng tế lớn; trong số đó, quyền bỏ phiếu không tồn tại khi không có dân chủ (chẳng hạn ở thời có các chính thể đầu sò – oligarchie). Xã hội Hy Lạp “nam tính” một cách rõ rệt: phụ nữ, trẻ con và nô lệ không có một chút quyền nào hết. Dân chủ chỉ dành cho một nhóm công dân được công nhận. Kể cả nô lệ đã được tự do cũng không được công nhận là công dân, điều này khác hẳn với luật của La Mã. Những người di trú từ nơi khác đến không mấy khi được trở thành công dân ở các thành phố Hy Lạp (có thể xem thêm thực tế của những lý thuyết này ở đoạn đầu *Thémistocle*). Chỉ khi nào có đặc cách từ các vị vua thì người nước ngoài mới có thể trở thành công dân; trên thực tế điều này rất hiếm khi xảy ra.

Độc giả của *Những cuộc đời song hành* cũng nên dành sự chú ý đặc biệt cho một khái niệm “đặc La Mã”: đó là khái niệm gia đình. Trong xã hội La Mã, gia đình đóng vai trò cực kỳ lớn, giáo dục gia đình đặc biệt quan trọng đối với trẻ con; điều này không giống ở Hy Lạp, nơi mà người ta coi gia đình nhiều khi chỉ đơn giản là cái nhà (nghiêng về vật chất). Người La Mã chính là những người sáng tạo ra khái niệm “tổ ám”, mà ở vào thời trước đó và ở các vùng khác của thời cổ đại, không hề có khái niệm ấy. Người Hy Lạp chỉ có thể nói đến ngôi nhà với tư cách chỗ để ngủ, ăn uống và cất giấu của cải¹⁹. Chúng ta có thể có được một khái niệm cơ bản về ý nghĩa của tổ ám thông qua một bài luận văn của Cicéron vào năm 57 tCN. Trước đó, sau khi ông bị kết án lưu đày, kẻ thù của Cicéron đã phá hủy hoàn toàn nhà ông và ngăn không cho xây dựng lại bằng cách hiến nó cho thần linh. Khi quay trở về, Cicéron đòi được xây lại nhà và viết bài

¹⁹ *Di sản Hy Lạp và La Mã*, sđd, tr. 617.

luận văn trên; theo mọi quy định ở La Mã ông phải được làm như vậy, vì không một điều luật nào của La Mã cho phép phá hại một tổ ấm. Vai trò của người phụ nữ trong xã hội La Mã cũng rất lớn: đứa trẻ từ khi sinh ra cho đến khi có thể làm bạn đồng hành của người cha đều được người mẹ chăm sóc. Sau khi mất (năm 54 tCN), mẹ của César là Aurélia được tôn thờ như một nữ thánh. Trong *Những cuộc đời song hành*, độc giả sẽ không ít lần nhận thấy sự kinh ngạc của Plutarque, một người Hy Lạp, trước vị thế đặc biệt của người phụ nữ trong xã hội La Mã.

Sự hiện diện của văn hóa Hy Lạp – La Mã ở Việt Nam

Những ngôi nhà với hàng cột khía cạnh, những mái vòm oai nghiêm đang trônen phô biến không chỉ ở những công trình công cộng, mà còn xuất hiện cả ở nhà riêng của không ít người Việt Nam. Đó chính là di sản của hai nền văn hóa mà chúng ta đang nói đến ở đây: cột là sáng tạo của người Hy Lạp, trong khi mái vòm là thành tựu độc đáo của nền kiến trúc La Mã. Những câu thành ngữ “Ta đã đến, đã thấy và đã chiến thắng” (Veni, vidi, vici), “Chân lý nằm trong rượu vang” (In vino veritas) được nói rộng rãi mà người nói nhiều khi không biết nguồn gốc xa xôi của chúng; hay trong các văn bản khoa học, những từ quy ước như *sic*, *nota bene*... cũng đều là những di sản của tiếng Latin, một thứ ngôn ngữ đặc biệt hàm súc.

Điện ảnh là một nguồn khác đem lại những hiểu biết (dĩ nhiên vụn vặt). Người Việt Nam từng say mê với mối tình César – Cléopâtre, từng sảng sốt trước sự tàn bạo và hoành tráng của những trận tỉ thí mà người hùng của phim *Gladiator* (*Võ sĩ giác đấu*) do minh tinh Russell Crowe thủ vai (phim của đạo diễn Ridley Scott, năm 2000) phải trải qua, rồi gần đây hơn cả là hai bộ phim lớn: *Troy* của đạo diễn Wolfgang Petersen (năm 2004) và *Alexander* của đạo diễn Oliver Stone (2004). Lịch

sử Hy Lạp, nhất là La Mã, đã trở thành đề tài khai thác truyền thống của các nền điện ảnh lớn trên thế giới, chẳng hạn Hollywood. Thời phim còn chưa có tiếng (phim câm), Stuart Blackton đã làm phim *Thésée và quái vật Minotaure* (năm 1910), và chỉ từ năm 1907 đến năm 1917 đã có chín bộ phim về César. Sergio Corbucci làm bộ phim nổi tiếng nhất về Romulus, *Romulus và Rémus*, vào năm 1961. Đạo diễn nổi tiếng Terrence Young cũng không bỏ qua mảng văn hóa phong phú này: năm 1973, ông làm bộ phim *Các nàng Amazone*.

Tuy nhiên, phim của Hollywood thường theo những đường mòn đã được định sẵn: cho mãi đến những năm 1970, người ta vẫn coi César là người đối đầu với Cléopâtre vì Cléopâtre là người tình của Antoine - đối thủ của César. Cách diễn giải này không thật sự đúng với lịch sử, mà chỉ căn cứ theo Shakespeare (Shakespeare bắt đầu sáng tác những vở kịch lấy các nhân vật La Mã như Coriolan hay Julius César làm nhân vật chính sau khi đọc Plutarque, nhưng cách diễn giải của ông nhiều khi khác với nhà văn Hy Lạp). Bộ phim *Alexander* của Oliver Stone có lẽ là phim độc đáo hơn cả, khi vị đạo diễn nổi tiếng “cà gan” coi Alexandre là một người đồng tính; thêm vào đó, vị hoàng đế tiến đánh không ngừng về phía Đông không hẳn vì ham mê đất đai mới mà vì những nỗi sợ hãi bắt nguồn từ thời bé, hòa lẫn với mặc cảm Oedipe, khiến ông không bao giờ muốn trở về quê hương để gặp lại mẹ mình (*Alexandre* trong bộ sách của Plutarque cũng là một trong những tác phẩm bể thể nhất và hay nhất, không những thế lại trình bày đầy đủ quan điểm viết tiểu sử của nhà văn; điều này đã được nói ở phần trước).

Ở một cấp độ cao hơn, sinh viên luật ở Việt Nam được tiếp xúc với bộ luật La Mã, nền tảng của ngành luật học châu Âu. Nhưng chẳng nhẽ sự hiện diện của hai nền văn hóa vĩ đại ấy tại Việt Nam chỉ bó gọn trong đó? Nhất là khi ta biết tổ hợp hai nền

văn hóa này chỉ có thể được so sánh với hai nền văn hóa rực rỡ khác là Trung Quốc và Ai Cập, nhưng hiểu biết nhỏ bé đó càng trở nên khó hiểu, nhất là khi giữa Việt Nam và phương Tây đã có tiếp xúc văn hóa từ không dưới một thế kỷ rưỡi nay. Để hiểu văn hóa châu Á, nhất là vùng Đông Á, không thể không biết về Trung Quốc, để hiểu văn hóa phương Tây, đặc biệt khu vực Tây Âu, hiểu biết về Hy Lạp – La Mã đã trở thành một nhu cầu thực sự. Chúng tôi sẽ cố gắng trình bày những hiện diện mang tính chìm hơn những biểu hiện vừa nêu, theo hướng bám sát những nghiên cứu hàn lâm và đại học ở Việt Nam.

Có thể nói rằng trong số các trí thức Việt Nam Tây học từ đầu đến khoảng giữa TK XX (*Tây học ở đây chủ yếu là Pháp học*), rất nhiều người có vốn hiểu biết phong phú về văn hóa Hy Lạp – La Mã, nhưng gần như không có chuyên gia thực thụ về lĩnh vực này. Có lẽ người được đào tạo gần chuyên ngành này hơn cả là Phạm Duy Khiêm (1908-1974). Ông theo học ban Văn chương cổ điển (*Lettres classiques*) của trường Sư phạm phố Ulm, Paris và sau này dạy tiếng Latin ở Việt Nam, rồi viết văn bằng tiếng Pháp²⁰. Ngoài ra, bản dịch *Tuyển tập kịch Xôphôclo*²¹ năm 1985 được thực hiện thông qua bàn

²⁰ Phạm Duy Khiêm là người Việt Nam đầu tiên đỗ bằng tú tài ngành văn chương cổ điển (*bac classique*). Ông nhận học bổng sang Pháp học dự bị tại trường Louis-le-Grand trong ba năm, sau đó thi đỗ vào trường Sư phạm phố Ulm, và cũng là người Việt Nam đầu tiên vào được trường này. Năm 1935, ông nhận bằng thạc sĩ giáo dục ngành ngữ pháp học (*agrégation de grammaire*). Tác phẩm chính: *Việt Nam văn phạm* (cùng Trần Trọng Kim và Bùi Ký, Tân Việt 1941), *Légendes des terres sereines* (Huyền thoại vùng thanh lanh, Taupin 1943) và *Nam et Sylvie* (Nam và Sylvie, Plon 1957).

²¹ *Kịch Xôphôclo, tuyển tập*, NXB Văn học, 1985, Nguyễn Giang dịch, Hoàng Trinh giới thiệu, gồm ba vở *Antigone*, *Oedipe vua* và *Électre*. Dịch theo bản *Théâtre de Sophocle* của Robert Pignarre, Garnier Frères, 1958, bản song ngữ Hy Lạp – Pháp.

tiếng Pháp và có đối chiếu với nguyên bản tiếng Hy Lạp với sự giúp đỡ của Nguyễn Mạnh Tường và Phan Ngọc (căn cứ vào lời chú của Nhà xuất bản Văn học); điều đó chứng tỏ công việc nghiên cứu hai nền văn hóa này từng được đặt ra hết sức nghiêm túc. Cũng trong tuyển tập này, Nhà xuất bản thông báo trước là sẽ tiếp tục giới thiệu bi kịch của Euripide, hài kịch của Aristophane và tác phẩm *Énéide* của nhà thơ vĩ đại La Mã Virgile. Sau này công trình dài hơi đó chỉ thực hiện được một phần, nhưng phần làm được đó đã đặt một nền móng quan trọng cho ngành nghiên cứu Hy Lạp – La Mã tại Việt Nam.

Theo chúng tôi được biết, ngoài các nghiên cứu về luật pháp và kiến trúc, văn hóa Hy Lạp được giới thiệu ở Việt Nam theo ba hướng chính: thần thoại Hy Lạp, bi kịch Hy Lạp và trường ca Homère; văn hóa và lịch sử La Mã không được nghiên cứu nhiều bằng, có lẽ chỉ có một vài cuốn sách nhỏ về thần thoại La Mã²². Ở mảng *Thần thoại Hy Lạp*, người có công lớn nhất là Nguyễn Văn Khỏa²³: những tập sách đầy cảm hứng của ông đem lại niềm say mê cho nhiều lứa độc giả, đặc biệt là độc giả nhỏ tuổi. Mười hai vị thần trên đỉnh Olympe, những cuộc chiến giữa các Titan, rồi những người anh hùng Héraclès, Thésée, Jason..., tất cả đều nhờ nhà nghiên cứu Nguyễn Văn Khỏa mà đi vào tâm tưởng của biết bao đứa trẻ mê đọc sách. Những hiểu biết đó sẽ càng phát huy thế mạnh khi những đứa trẻ lớn lên và có điều kiện đi học ở các nước

²² Trong dòng này có lẽ nên kể đến tiểu thuyết *Xpác-ta-cút* của Ra-pha-en-lô Giô-va-nhô-li do Phan Ngọc dịch từ bản tiếng Nga kèm với một lời giới thiệu khá tóm tắt của dịch giả – NXB Lao động, 1982.

²³ Lần in đầu tiên của *Thần thoại Hy Lạp*, bản Nguyễn Văn Khỏa có lẽ là vào năm 1983 – NXB Đại học và Trung học chuyên nghiệp. Trong điều kiện ngành văn bản học và lưu trữ Việt Nam chưa thực sự phát triển, chúng tôi không dám hoàn toàn chắc chắn về thời gian ra đời của một số bộ sách.

phương Tây, khi đó một sự tương đồng văn hóa nào đó sẽ giúp các du học sinh hòa nhập tốt hơn và hiểu cẩn kẽ hơn không chỉ chuyên ngành của mình mà còn cả cuộc sống và cách vận hành của xã hội nước đó.

Mảng bi kịch Hy Lạp tập hợp được nhiều nhà nghiên cứu và dịch già hơn cả. Ngoài *Tuyển tập kịch Xôphiôclo* đã nói ở trên, nhà viết kịch, tác giả của khoảng 120 vở kịch (ngày nay còn lại chưa đến 10 vở) còn được dịch *Êđip làm vua*²⁴, bản của Hoàng Hữu Đản, một vở kịch được giới thiệu và chú thích hết sức nghiêm túc. Ngoài ra, hai kịch tác gia nổi tiếng nữa của Hy Lạp là Eschyle và Euripide đều có tác phẩm được dịch ở Việt Nam²⁵. Cũng trong dòng nghiên cứu kịch phương Tây, một công trình nữa xứng đáng được kể tên: *Bi kịch cổ điển Pháp*²⁶ của Tôn Gia Ngân, vì về cơ bản bi kịch cổ điển Pháp là bước tiếp nối bi kịch Hy Lạp, khi mà về mặt lý thuyết, các tác giả Pháp buộc phải tuân theo nguyên tắc *mimèsis* (mô phỏng, sao phỏng các kiệt tác) do Aristote đưa ra; trên thực tế Racine cũng viết kịch *Iphigénie* giống như Euripide; đó chỉ là một trong số rất nhiều ví dụ thuộc dạng này.

Rõ ràng là vào những năm 1980 có một sự nở rộ nhất định về nghiên cứu và dịch thuật văn hóa và văn chương Hy Lạp.

²⁴ *Êđip làm vua*, Xôphiôclo, NXB Đại học và Trung học chuyên nghiệp, 1984, Hoàng Hữu Đản dịch, Nguyễn Văn Khóa giới thiệu.

²⁵ Có thể kể cuốn *Kịch Oripit*, NXB Văn học, 1986, Nguyễn Giang và Nguyễn Trác dịch, Nguyễn Trác giới thiệu, gồm ba vở: *Iphigénie ở Aulis*, *Iphigénie ở Tauride* và *Médée*.

²⁶ Tôn Gia Ngân, *Bi kịch cổ điển Pháp*, NXB Văn hóa, 1978, gồm hai bài nghiên cứu của Tôn Gia Ngân mở đầu, phần sau là bản dịch hai vở kịch của Corneille (*Le Cid* và *Horace*) và hai vở kịch của Racine (*Andromaque* và *Britannicus*), với sự cộng tác về dịch thuật của Hoàng Hữu Đản. Hoàng Hữu Đản cũng là người dịch *Tuyển tập kịch P. Corneille*, NXB Sân khấu, 1987, gồm *Le Cid*, *Horace* và *Polyeucte*.

Tuy nhiên cần nói rõ một điểm: các nhà nghiên cứu giai đoạn đó có cách hiểu và cách đánh giá nhiều khi rất khác với ngày nay. Xin lấy một ví dụ: trong lời giới thiệu của tuyển tập *Kịch Oripit*, sau khi giới thiệu tiểu sử của Euripide, Nguyễn Trác viết: “Cuối cùng, nói kịch Oripit là kịch về con người có nghĩa là kịch phản ánh được ít nhiều hiện thực về cuộc sống con người. Nó phản ánh hiện thực chưa phải là nó đạt tới chủ nghĩa hiện thực, một trình độ phải hơn hai nghìn năm nữa nghệ thuật mới đạt được. Thời Oripit, người Hy Lạp chưa thể quan niệm nghệ thuật phải phản ánh hiện thực. Việc Phrinicox phải nộp phạt vì đã cho diễn vở *Milê thât thủ* y như thật là một dẫn chứng có ý nghĩa²⁷”. Cách nhìn văn học này gần như được uốn hoàn toàn theo một số học thuyết của Đông Âu, trong đó có thuyết của Georg Lukács. Theo ông, văn học chỉ có giá trị khi nó phản ánh hiện thực, càng phản ánh hiện thực một cách chân thực nó càng có giá trị. Đây là một cách nhìn thiên về xã hội học, lấy xã hội học làm thước đo văn học, và qua đó mặc nhiên không thừa nhận giá trị tự thân của văn học, do vậy nhiều khi có những đánh giá hết sức cực đoan.

Mảng thứ ba mà chúng tôi muốn đề cập là hai trường ca của Homère. Thế giới phương Tây coi *Iliade* và *Odyssée* là khởi thủy của văn học. Từ trước đến nay, nhiều nhà nghiên cứu vẫn dành toàn bộ sự ngưỡng mộ cho hai vở trường ca đó và cho rằng đây là hai kiệt tác vĩnh viễn không thể vượt qua. Không thể tính nổi có bao nhiêu công trình khoa học về và liên quan đến hai bản trường ca bất hủ kia. Việc James Joyce sử dụng chất liệu của *Odyssée* để viết nên tác phẩm *Ulysse* của mình

²⁷ Sđd, tr. 10.

(cuốn tiểu thuyết được viết từ năm 1914 kể câu chuyện chỉ diễn ra trong một ngày duy nhất: ngày 16/6/1904, thường được các sử gia văn học gọi là Bloomsday, theo tên nhân vật chính) có ý nghĩa vô cùng to lớn. Homère mở đầu lịch sử văn học bằng trường ca, còn Joyce có tham vọng mở ra nền văn học hiện đại (hoặc hậu hiện đại, tùy cách hiểu), chính vì thế mạch ngầm của tác phẩm *Ulysse* là *Odyssée*, kết cấu (ban đầu) của tiểu thuyết cũng theo đúng trình tự của bản trường ca, mãi sau này Joyce mới quyết định bỏ đi tên các chương vì chúng gợi ra quá rõ tác phẩm của Homère.

Ở Việt Nam trước tiên đã có hai cuốn sách nhỏ: *Iliat* và *Odyxê* ở dạng rút gọn²⁸. Được dịch từ Pháp văn, hai cuốn sách này chỉ tóm tắt những chi tiết quan trọng nhất, và cũng không quan tâm đến hình thức thơ của nguyên bản (cả hai bản dịch đều thành văn xuôi, giống như những câu chuyện kể). Với nỗ lực phi thường, cả về trí tuệ lẫn việc tìm nguồn in ấn, gần đây nhà nghiên cứu Hoàng Hữu Đán đã cho ra mắt bạn đọc Việt Nam hai bản dịch đầy đủ, theo đúng thể thơ của nguyên bản²⁹. Đây là những nỗ lực có thể so sánh với nỗ

²⁸ Cả hai đều của NXB Văn học, 1982. Phan Thị Miên dịch từ bản tiếng Pháp của Eugène Lasserre, Hoàng Thiếu Sơn giới thiệu.

²⁹ *Anh hùng ca Iliade*, NXB Văn học, 1997, 2 tập, Hoàng Hữu Đán dịch, chú thích và giới thiệu toàn văn; *Anh hùng ca Odyssée*, NXB Văn học, 2000, Hoàng Hữu Đán dịch toàn văn, chú thích và giới thiệu. Trong lời giới thiệu bản dịch *Iliade*, nhà nghiên cứu Hoàng Hữu Đán đã kể lại “hành trình *Odyssée*” để tìm cách in được bản dịch đồ sộ của mình. Ông đã đi khắp các nhà xuất bản tại Việt Nam nhưng không nơi đâu muôn nhận làm cho ông. Thật trớ trêu và nghịch lý vì một cuốn sách quan trọng và cần thiết cho Việt Nam như vậy lại phải nhờ đến một vị Mạnh Thường Quân người Pháp làm giám đốc một hãng nước ngọt ở Việt Nam bỏ tiền cho in, trong khi tất cả các nhà xuất bản khác đồng loạt nhắm mắt làm ngơ.

lực dịch *Faust* của Goethe và *Thần khúc* của Dante, những thành tựu độc đáo của nền dịch thuật Việt Nam. Sau gần 3.000 năm tồn tại, cuối cùng Homère đã có mặt ở Việt Nam ở dạng toàn vẹn nhất.

Trước đó, Nguyễn Văn Khỏa đã có một công trình đầy đặn mang tên *Anh hùng ca của Homero*³⁰. Trong *Lời nói đâu*, Nguyễn Văn Khỏa có nhắc đến hai bản trích dịch *I-li-át* và *Ô-đi-xê* do NXB Văn học ấn hành năm 1966, nhưng rất tiếc chúng tôi không tìm được. Những nghiên cứu của Nguyễn Văn Khỏa, được trình bày trong *Lời nói đâu*, chủ yếu dựa trên Marx, Engels và Gorki, ngoài ra “chúng tôi còn sưu tập những ý kiến về loại hình anh hùng ca của ba nhà nghiên cứu – lý luận xô viết: L. I. Ti-mô-phi-ép, G. L. A-bra-mô-vits và A. Ph. Lô-sép³¹”. Giá trị lớn nhất trong chuyên luận của Nguyễn Văn Khỏa là trình bày theo tiến trình thời gian một cách kỹ càng, dựa trên những kết quả nghiên cứu mới của thế giới khi đó về nền văn minh Hy Lạp và phát triển lịch sử của nó. Lần này, khi giới thiệu trước tác của Plutarque, chúng tôi chủ trương nhìn ông dưới khía cạnh tổng hợp và tiếp xúc của hai nền văn hóa, nên không thể sử dụng được cách giới thiệu của Nguyễn Văn Khỏa.

Điều đáng tiếc nhất của ngành nghiên cứu Hy Lạp – La Mã ở Việt Nam là chưa thật sự quan tâm đến trước tác của các triết gia Hy Lạp. Cho đến giờ, gần như chưa hề có bản dịch hoàn chỉnh nào các tác phẩm của Platon, Aristote hay Xénophon, ngoài một bản dịch khá tóm lược “Nghệ thuật thơ ca” của

³⁰ Nguyễn Văn Khỏa, *Anh hùng ca của Homero*, NXB Đại học và trung học chuyên nghiệp, 1978.

³¹ Sđd, tr. 6.

Aristote³². Nói đúng hơn là cho đến giờ chúng ta quan tâm hơn đến mặt tiểu sử, giai thoại, các mối quan hệ cá nhân giữa các triết gia mà chưa bao giờ thực sự đi sâu vào triết lý của họ. Chúng ta cũng còn thiếu những công trình nghiên cứu về lịch sử Hy Lạp – La Mã; kể cả bản dịch các tác phẩm nghiên cứu về lĩnh vực đó (từ các thứ tiếng khác) vẫn vô cùng hiếm hoi.

Chúng tôi muốn dừng lại lâu hơn ở một học giả Việt Nam có công lớn trong công việc khảo cứu, hon thê' lại thuộc vào lứa trí thức đầu tiên tiếp xúc với văn hóa phương Tây, đó là Phạm Quỳnh. Ông chủ bút tờ *Nam Phong* là một người cựu học, nhưng những nghiên cứu bền bỉ và có chiều sâu đã đưa ông vào hàng những người truyền bá văn minh Tây phương đầu tiên ở Việt Nam, đại diện tiêu biểu cho truyền thống “điều hòa tân cựu, thổ nạp Á Âu”, tiêu chí của chính tờ *Nam Phong*, một trong hai tờ báo quan trọng đầu tiên của nền báo chí Việt Nam (tờ kia là *Đông Dương tạp chí* do Nguyễn Văn Vĩnh chủ trương)³³. Khoan nói đến những công trình về văn hóa Việt Nam như “Chữ Nho với văn Quốc ngữ”, “Mĩ thuật Việt Nam”,

³² Ở Sài Gòn trước năm 1975, công việc nghiên cứu và dịch thuật trước tác của Platon và Aristote được thực hiện tốt hơn. Chúng tôi được biết sự tồn tại của hai bản dịch tác phẩm Platon, *Gorgias hay kháng biện luận về tu từ pháp*, Bộ Quốc gia Giáo dục, 1960 và *Phédon hay khảo về linh hồn: theo thể luận lý*, Trung tâm học liệu, Bộ văn hóa giáo dục và thanh niên, có lẽ cũng năm 1960; cả hai cuốn sách này đều do dịch giả Trịnh Xuân Ngạn dịch. Về phần Aristote, đã được dịch ít nhất cuốn *Đạo đức học của Nicomaque*, không rõ NXB, 1974, Đức Hinh dịch. Thực ra có thể hiểu tên sách của Aristote theo hai cách: nếu coi Nicomaque là người san định sách này thì nó sẽ có tên *Đạo đức học của Nicomaque*, nhưng nếu coi đây là cuốn sách mà Aristote tặng lại cho con trai Nicomaque của mình thì sách phải tên là *Đạo đức học cho Nicomaque*.

³³ Tài liệu mà chúng tôi sử dụng là bộ sách *Thượng Chi văn tập* gồm 5 tập, do Bộ Quốc gia Giáo dục tái bản lần thứ nhất năm 1962 (bản đầu tiên in năm 1943), tập hợp các bài báo mang nhiều tính học thuật đã được Phạm Quỳnh đăng trên *Nam Phong* từ năm 1917 đến năm 1922.

“Truyện Kiều” hay “Phật giáo lược khảo” và “Khổng giáo luận” với những ý kiến từ lâu nay bị đem ra tranh luận rất nhiều, trong đó có không ít những lời phản đối từ phía rất đông các học giả, chúng tôi đặc biệt chú ý đến một số khảo luận của Phạm Quỳnh về văn hóa phương Tây, nhất là khi ông bàn đến văn hóa Hy Lạp và La Mã, thời mà người ta vẫn gọi Athènes là “thành Nhã điển”³⁴.

Hai bài tiêu biểu cho sở học của Phạm Quỳnh về các nền văn hóa xa lạ này là “Bàn về diễn thuyết”³⁵ (1921) và bài “Khảo về diễn kịch (Lối diễn kịch của Âu châu)”³⁶ (1921). Không hài lòng với những kiến thức đương thời, Phạm Quỳnh đã truy nguyên đến nguồn gốc của diễn thuyết (tức khoa hùng biện) và nguồn gốc diễn kịch (kịch nghệ). Trước tiên ông nhận định “Cứ thực thời nghề diễn-thuyết ở nước ta xưa nay hầu như không có”³⁷, và coi đó là điểm khác biệt giữa Việt Nam và Trung Quốc, nhưng nhất là với “các nước Thái Tây”: “Các nhà tây-học ta chắc ai cũng biết Démosthène ở Hi-lạp, Cicéron ở La-mã là hai tay biện-sĩ trứ-danh của Âu-châu đời xưa, dẫu ngày nay cũng vẫn lấy phép biện-thuyết của hai ông

³⁴ Sđd, tập I, bài “Hội Hàn lâm nước Pháp”, trong đó (tr. 109) Phạm Quỳnh viết “Người Hy-lạp ngày xưa, nhất là người thành Nhã-điển (Athènes), rất ham văn-chương, mà văn-chương của họ sáng-sủa mát-mẻ như khí trời đất Hy-lạp. Văn-chương nước Pháp ngày nay cũng có cái khí-vị đó, và người Pháp thường được gọi là người Nhã-điển thời nay. Người Pháp lại còn giống người Nhã-điển về cái thói-cách phong-nhã nữa, mà thói-cách phong-nhã ấy tức là kết-quả của văn-học nước Pháp.” Rõ ràng là với phong thái của một nhà bác học ưa tìm hiểu vấn đề đến tận gốc rễ, Phạm Quỳnh luôn hướng sự khao cứu của mình đi ngược thời gian xa nhất có thể được, để tìm nguyên nhân của vấn đề ở trong lịch sử.

³⁵ Sđd, tập IV, từ tr. 255 đến tr. 283.

³⁶ Sđd, tập V, từ tr. 55 đến tr. 81.

³⁷ “Bàn về diễn thuyết”, tr. 258.

làm khuôn mẫu vậy³⁸". Rồi Phạm Quỳnh dẫn *De Oratoire* của Cicéron: "Mục-đích nhà diễn-thuyết có ba điều: một là thuyết-minh, hai là khoái-trá, ba là cảm-động người ta", và quy về ba khái niệm "lý", "tính" và "tình". Phạm Quỳnh còn đi sâu vào kỹ thuật diễn thuyết, trình bày các bước mà các nhà lý thuyết đã đưa ra là "sáng-ý" (invention), "bố cục" (disposition), "lập-tù" (élocution) và hai bước phụ gồm "ký-ức" (mémoire) và "cử-động" (action).

Cho đến nay, sinh viên khoa văn chương ở Pháp vẫn được yêu cầu viết các bài luận theo đúng trình tự này, coi như là những kỹ thuật nền tảng để viết văn chính luận và bình luận. Tiếp đó, Phạm Quỳnh đi sâu vào phần quan trọng nhất, "bố cục" và theo đúng truyền thống tu từ học phương Tây mà trình bày các bước nhỏ cần theo: "khai-mào" (exorde), "lập-luận" và "phân-đoạn" (proposition và division), rồi "tự-thuật" (narration), "dẫn chứng" (preuve hoặc confirmation), "biện bác" (réfutation) và kết thúc bằng "kết-luận" (péroraison). Thực ra lối dịch của Phạm Quỳnh không hoàn toàn chính xác (chẳng hạn "péroraison" khó có thể hiểu là "kết luận" mà có thể coi là phần tán thêm ra), nhưng về đại thể bố cục đó rất chính xác. Toàn bộ lý thuyết về diễn thuyết tiếp tục được Phạm Quỳnh chỉ ra với các loại phong cách (mà ông gọi là các "lối"): "văn giản dị" (style simple), "văn bình-hòa" (style tempéré) và "văn cao-nhã" (style sublime). Để kết thúc, ông cũng không bỏ quên "các lối diễn thuyết" (ngày nay hay gọi là các thức): "chỉ-biện" (genre démonstratif), "nghị-biện" (genre délibératif) và "án-biện" (judiciaire). Cách giải thích của Phạm Quỳnh có khi còn không thật sự chính xác, vì vốn ông không phải chuyên gia về mảng này, nhưng khó có thể nói là khảo cứu của ông không có tính khoa học, rõ ràng và rành mạch.

³⁸ Bđd, tr. 258, 259.

Bài “*Khảo về diễn kịch*” cũng rất hấp dẫn vì lối trình bày đầy khúc chiết, khào từ nguồn gốc kịch nghệ ở Hy Lạp (chia thành “bi-kịch” và “hí-kịch”), nhắc đến bộ ba Eschyle, Sophocle và Euripide, cùng với những thay đổi về cách trình diễn: đưa thêm “ca-viên” (le choeur, tức dàn đồng ca) vào để giảm bớt sự nhảm chán của sân khấu, tăng thêm tính đối thoại. Các nguyên tắc về tính thống nhất của kịch cổ điển châu Âu cũng được bàn đến, và nhắc nhở đến tác phẩm “Thi nghệ” của nhà thơ La Mã Horace. Nhà khảo cứu cũng lại biên hết sức chi tiết từng bước, từng đặc điểm của sân khấu kịch, kể cả các đặc tính “thắt nút”, “mờ nút”, nghĩa là hoàn toàn có thể coi là một giáo trình dạy cho sinh viên khoa văn chương tổng quan về nghệ thuật kịch.

Nhắc đến trường hợp Phạm Quỳnh, chúng tôi muốn lưu ý rằng cách đây gần 100 năm, đã có những học giả nghiên cứu cặn kẽ các nền văn minh phương Tây, đã maulh nha được một nền học thuật có chiều sâu theo hướng điều hòa Đông Tây, coi trọng truyền thống nhưng không quên tích cực học hỏi từ những nguồn khác. Điều đáng tiếc là trong vòng 100 năm ấy, các ngành nghiên cứu khoa học xã hội của Việt Nam không phát triển được tương xứng với cái nền tảng đó, nhất là công việc dịch thuật bị bỏ bê, nghiên cứu loanh quanh theo vài học thuyết lô thòi, các bậc trí thức vướng bận vào nhiều chuyện khác ngoài khoa học; thật là một cơ hội bị bỏ lỡ đáng tiếc cho trí tuệ Việt Nam.

Trong tình hình nghiên cứu Hy Lạp – La Mã như vậy, thái độ của chúng tôi, những người làm công việc dịch thuật đi sau, như thế nào? Với ý thức tiếp tục truyền thống nghiên cứu đã được định hình như vừa trình bày, quan điểm của chúng tôi là tận dụng tối đa những gì những người đi trước đã làm được, nhưng không tránh khỏi những chỗ khác biệt để hướng tới sự đúng đắn cao hơn về mặt khoa học và tính hợp lý của sự tiếp

nội, những khác biệt mà chúng tôi sẽ trình bày dưới đây và cả những khác biệt thể hiện trong bản dịch của mình.

Vì không phải là các chuyên gia về Hy Lạp – La Mã, và cũng không tự coi là chuyên gia về Hy Lạp – La Mã, chúng tôi tuyệt đối tránh những nhận xét mang tính chất đánh giá. Mong muốn duy nhất của chúng tôi là đóng góp một phần vào ngành nghiên cứu đã từng tập hợp được không ít trí thức Việt Nam nhưng hiện nay có phần hoang vắng. Đóng góp đó có lẽ chỉ nằm ở chỗ cung cấp công cụ làm việc, và phần nào đó truyền cảm hứng cho những nhà nghiên cứu tương lai, khi ngành Hy Lạp – La Mã học thực sự trở thành một ngành nghiên cứu được nhìn nhận một cách nghiêm túc và đào tạo được các chuyên gia thực thụ.

Tinh thần tiếp nối được thể hiện rõ nhất thông qua việc chúng tôi cố gắng, trong chừng mực có thể, giữ được cái tinh thần dịch thuật của những người đi trước. Do có một đặc điểm là tuyệt đại đa số các dịch giả chuyên làm về mảng Hy Lạp – La Mã từ trước đến nay đều sử dụng văn bản nguồn tiếng Pháp, rất tự nhiên mà tên địa danh và các nhân vật được người Việt Nam quen gọi theo lối Pháp. Chúng tôi quyết định tiếp tục truyền thống đó, bằng cách viết tên danh từ riêng theo tiếng Pháp, có thêm phiên âm ở những từ quan trọng, và thêm từ tương ứng bằng tiếng Anh ở phần chỉ dẫn. Dù rằng trong nhóm dịch, số người sử dụng thành thạo tiếng Anh đông nhất, chúng tôi vẫn cố gắng giữ tối đa cách đọc theo tiếng Pháp đã trở thành quen thuộc với người đọc Việt Nam. Ý thức tiếp nối còn thể hiện ở chỗ chúng tôi cố gắng hết sức để có thể thống nhất cách dịch tên các tác phẩm văn học cũng như các câu thơ từng được dịch ra tiếng Việt, hoặc có khi chỉ đơn thuần được nhắc đến trong các công trình nghiên cứu và dịch thuật trước đây. Chúng tôi cũng quay trở lại sử dụng một số cách dịch theo truyền thống: chẳng hạn từ “Fortune” sẽ không được dịch là “May mắn” hay “Thần May mắn” mà được dịch thống nhất là “Số mệnh”.

Ngoài ra, sự kế thừa còn được thể hiện ở tinh thần và cách thức làm việc: cố gắng chú thích cẩn kẽ tối đa, đi kèm với những bản đồ, niên biểu, giải thích về địa danh v.v... Mục đích cuối cùng là khiến người đọc cảm thấy thuận lợi và dễ dàng một cách tối đa. Tuy nhiên, trong tình hình mới, chúng tôi không phiên âm tên riêng như trước, mà viết nguyên bản bằng tiếng Pháp để tiện việc tra cứu. Mỗi tác phẩm đều được đánh số đoạn (chương) theo quy ước chung của thế giới. Nhiều khái niệm cũng được dịch khác so với trước. Về những điểm cụ thể, xin xem thêm phần *Ghi chú dịch thuật và chú thích* đặt ở tập 1 này.

Plutarque

Chúng tôi dành phần cuối của *Lời giới thiệu* này để nói về “nhân vật” chính của cuốn sách, Plutarque.

Có nhiều khía cạnh con người và cuộc đời Plutarque mà chúng ta có thể nói đến khi muốn giới thiệu ông, vì Plutarque quả là một con người đặc biệt, phi thường ở nhiều điểm, nhiều lĩnh vực. Không chỉ là một nhà trước tác, ông còn từng đảm nhiệm nhiều chức vụ quan trọng cả về chính quyền lẫn tôn giáo. Nhưng với tư cách là tác giả bộ sách *Những cuộc đời song hành*, có lẽ nên chủ yếu nhìn nhận nhà văn Hy Lạp dưới góc độ con người của hai nền văn hóa, con người hội tụ được tinh hoa của một “tổ hợp văn hóa hai thành tố” đã có tiếp xúc từ cách thời ông sống trên dưới hai thế kỷ và cho đến thời ông đã có những thành tựu to lớn (xem thêm về những phân tích phía trên về hai nền văn hóa Hy Lạp và La Mã ở thời điểm giao nhau ở các phần trước).

Plutarque là một nhà văn Hy Lạp nhưng không giống như các nhà văn, nhà triết học khác được sống ở thời kỳ văn hóa Hy

Lạp ngự trị ở dinh vinh quang (TK V tCN), ông sống vào thời thế giới Hy Lạp đã lui tàn, văn minh Hy Lạp bị văn minh La Mã lấn lướt, thời mà người ta đã bắt đầu xét đến các di sản mà Hy Lạp để lại. Ông là nhà văn Hy Lạp nhưng biết rõ Rome, lại biết đến cả bộ máy chính trị và văn hóa ở dinh chớp của tôn ti xã hội đó. Tuy không phải là một người uyên thâm về tiếng Latin³⁹ nhưng ông có nhiều tiếp xúc, nhiều quan hệ trong thế giới La Mã, lại thêm hiểu biết rất sâu sắc về văn hóa của dân tộc Hy Lạp khiến ông có thể nhìn nhận lịch sử theo con mắt hết sức độc đáo, con mắt chưa đựng sự so sánh. Có nhiều lúc Plutarque tỏ ra tiếc nuối vì đã không thực sự chuyên tâm học tiếng Latin trong những kỳ lưu lại ở Rome. Một ví dụ cho vốn tiếng Latin khiêm tốn của Plutarque nằm ở *Numa*, XIII (tập 1), khi nhà văn hiểu sai cụm từ *vetus memoria*.

Một đặc điểm nữa không thể bỏ qua khi nói đến Plutarque là ông là công dân của một nơi không mấy khi được nhắc đến trên bản đồ văn hóa của Hy Lạp cổ đại. Ông không có quê hương là một Athènes, một Sparte hay một Syracuse lẫy lừng, mà chỉ là công dân thành phố nhỏ Chéronée⁴⁰. Vùng đất Béotie

³⁹ Bạn đọc sẽ dễ nhận ra, trong bản dịch, những chỗ Plutarque thể hiện khả năng hạn chế về hiểu biết tiếng Latin.

⁴⁰ Chéronée là thành phố nhỏ ở phía Tây Béotie; theo người địa phương thành phố được các di dân người Thessalie lập ra. Hai trận đánh lớn từng diễn ra ở đây: giữa Macédoine và Athènes xảy ra chiến tranh năm 340 tCN, Démosthène lôi kéo được Thèbes làm đồng minh cho Athènes; năm 338 tCN, trận đánh nổ ra ở quê hương Plutarque: Philippe và Alexandre chỉ huy kỵ binh chiến thắng vang dội, được coi như là thời điểm bắt đầu của sự thống trị Macédoine tại Hy Lạp; sau đó bốn thế kỷ, vào năm 86 tCN, có trận đánh giữa Mithridate, vị vua Hy Lạp cuối cùng với quân đội có thể cầm cự được với người La Mã, nhưng danh tướng La Mã Sylla đã giành chiến thắng. Như vậy quê hương bé nhỏ của Plutarque từng phải chứng kiến hai thất bại thảm hại của người Hy Lạp.

(nơi có thành phố Chéronée) cũng không có tiếng tăm gì vang dội lắm, nhưng nó lại nằm gần mấy địa danh hết sức huy hoàng. Thành Thèbes, nơi mà Pélopidas và Épaminondas dẫn đầu dân chúng lật đổ sự chiếm đóng của quân Sparte vào năm 379 tCN. Không xa đó là đền Delphes linh thiêng bậc nhất thế giới cổ đại (có lẽ được xây dựng từ trước TK VIII tCN) và ngọn núi Parnasse, ngọn Thi Sơn lừng lững, nơi ở của các nữ thần Nghệ thuật. Nhiều người sống ở các giai đoạn sau này tưởng tượng một cách hợp lý cảnh ông già Plutarque đi từ nhà ở Chéronée, theo những con đường mòn của vùng núi Parnasse, nơi còn để lại những dấu chân của Oedipe khổ đau và lưu lạc, để sang đền Delphes thực hiện nhiệm vụ của một thầy tế mãn cán.

Có lẽ đặc điểm của người “tinh lé” là sự gắn bó với quê hương. Chúng ta đã biết ông ưu ái thế nào với hai người anh hùng Thèbes, về lý thuyết là cùng quê hương Béotie với ông, và rộng hơn thế, trong những bài so sánh đặt sau chuyện mỗi cặp nhân vật, thường thì bao giờ nhân vật Hy Lạp cũng được nhìn nhận với con mắt cảm thông và trọng thị hơn nhiều so với nhân vật La Mã.

Gắn bó với quê hương và với văn hóa Hy Lạp như vậy, nhưng Plutarque không hề có cái nhìn quốc gia chủ nghĩa cực đoan (chẳng hạn giống như nhân vật Caton Già của La Mã, người quyết liệt phản đối mọi ảnh hưởng ngoại lai, nhất là Hy Lạp và phượng Đông, đến sự thuần khiết của La Mã). Hồi trẻ, Plutarque từng sang Athènes (năm 65-67) cùng với một hậu duệ của Thémistocle (người anh hùng chiến thắng quân Ba Tư – xem *Thémistocle*) theo học các lớp của một triết gia dòng Platon là Ammonios. Với ông, Athènes là thành phố luôn sản sinh “vô số những bằng chứng về tính nhân đạo và rộng lượng của mình” (*Aristide*, XXVII), thành phố vĩ đại và vĩnh hằng, nhưng Rome cũng thu hút ông không kém. Khoảng những

năm 75-79, ông đến Rome với những nhiệm vụ chính trị và các bài giảng của riêng mình. Dưới thời hoàng đế Domitien, ông còn quay lại Rome một lần nữa. Lần này vì có nhiều thời gian hơn nên ông đi thăm thú thành phố, chiêm ngưỡng các công trình và gây dựng tình bạn với nhiều nhân vật có thế lực. Nhờ người bạn Lucius Mestrius Florus mà ông có được quyền công dân của Rome (ở điểm này người La Mã khá khác người Hy Lạp: quyền công dân La Mã được trao một cách dễ dàng hơn; hoặc già người La Mã luôn dành rất nhiều kính trọng cho người Hy Lạp, nhất là các học giả tầm cỡ như Plutarque). Cùng với Florus, ông đi thăm chiến trường cũ của trận đánh Bédriac nằm ở xứ Gaule Cisalpine, nơi quân đội của Othon và Vitellius từng chạm trán nhau năm 69, và phần thắng đã không nghiêng về nhân vật Othon thuộc cặp cuối cùng của *Những cuộc đời song hành*. Toàn bộ bộ sách *Những cuộc đời song hành* cũng được đề tặng cho một người La Mã: Sossius Sénécion (xem *Thésée*, I kèm với chú thích để biết về Sénécion).

Các chi tiết cuộc đời của Plutarque chủ yếu được chính ông trình bày một cách rải rác trong các tác phẩm. Ngay trong *Những cuộc đời song hành* cũng có thể tìm ra những dấu vết tự thuật đó: chẳng hạn trong *Antoine* (LXVIII), ông kể chuyện cụ mình là Nicarchos từng tận mắt chứng kiến sự nghèo khổ của các thành phố Hy Lạp khi đó trở thành chiến địa cho các trận nội chiến của người La Mã. Cũng trong *Antoine* (XXVIII) ông kể chuyện người ông Lampias của mình từng đến xem những công trình sơ thảo của Antoine ở Alexandrie.

Ngoài đó ra, chúng ta biết được rất ít về cuộc đời riêng của Plutarque, về vợ và những đứa con của ông. Kể từ khi bắt đầu lui về quê Chéronée (đầu những năm 90), những chi tiết tiểu sử Plutarque giảm đi đáng kể. Cũng ít có thông tin về những chuyến đi đến các xứ trên đất Hy Lạp, trừ chuyến đi Athènes

khi ông còn trẻ (chỉ có thể chắc là ông từng đi đến Sparte để thu thập thông tin). Ông lại càng ít nói về rất nhiều chức vụ mà ông từng kinh qua, kể từ các chức vụ liên quan đến thần linh (thầy tế ở đền Delphes) cho đến các chức vụ hành chính ở xứ Béotie quê nhà, kể cả có thể là cả xứ Achaïe⁴¹ (theo yêu cầu của Hadrien). Chúng ta cũng không thể hoàn toàn chắc chắn về những vinh dự mà hoàng đế Trajan dành cho ông. Nhưng tâm vóc con người ông hẳn là rất lớn, nên khi viết *Hồi ký Hadrien*⁴², cuốn tiểu thuyết dưới dạng những bức thư hoàng đế gửi cho người con nuôi Marc-Aurèle, hoàng đế La Mã tương lai và đồng thời là triết gia khắc ký nổi tiếng, có lúc nữ nhà văn Marguerite Yourcenar đã “cho” hoàng đế Hadrien đến thăm nhà Plutarque khi ông sang Hy Lạp, như một địa chỉ văn hóa khó có thể bỏ qua đối với một vị hoàng đế nổi tiếng học rộng hiểu nhiều như Hadrien.

Plutarque từng đến Ai Cập nhưng không thấy nói gì về những gì ông đã nhìn thấy và biết được ở đó, dù ông viết một bài luận mang tên *Về Isis và Osiris* (tên hai vị thần quan trọng nhất trong hệ thống thần thoại Ai Cập), một bài luận về tôn giáo Ai Cập rất phong phú và chặt chẽ. Chỉ có thể chắc chắn là ông không biết tiếng Ai Cập. Trong số những người Plutarque trích dẫn trong bài luận vừa nói trên, có những người nổi tiếng vì vốn hiểu biết về Ai Cập, chẳng hạn Hécatée xứ Abdère và Manéthon xứ Sébennytos, tác giả cuốn *Aegyptiaca* nổi tiếng thời Cổ đại, và Euxode xứ Cnide. Manéthon là người Ai Cập và là

⁴¹ Cái tên “Achaïe” về đại thể là tên tinh thuộc La Mã, gồm toàn bộ Hy Lạp.

⁴² Marguerite Yourcenar, *Mémoires d'Hadrien*: viết năm 1951, *Hồi ký Hadrien* là một tác phẩm độc đáo về thời kỳ huy hoàng bậc nhất của Đế chế La Mã. Chính tài liệu loại “nghiêm túc” và khó khăn, cùng cách xử lý vấn đề lịch sử tài tình đã khiến Yourcenar được coi là nhà văn hàng đầu của Pháp, và trở thành thành viên nữ đầu tiên của Viện Hàn lâm Pháp (năm 1980).

thầy tế, cố vấn của Ptolémée Philadelphe; Hécatée và Euxode đều từng ở Ai Cập và có quan hệ với các thầy tế ở đây.

Với những trường hợp không để lại nhiều chi tiết đáng tin cậy về mặt tiêu sử như Plutarque, văn bản tác phẩm cần được đặc biệt lưu ý. Nếu không có những chi tiết thì con người tác giả, dù muốn hay không, cũng sẽ biểu hiện ở đâu đó trong những gì họ viết ra. Đọc *Những cuộc đời song hành* cũng giúp chúng ta biết rõ hơn về Plutarque dưới khía cạnh tinh thần và ý hướng. Đoạn đầu tiên của *Timoléon* đặc biệt quan trọng:

“Khi bắt tay viết những *Cuộc đời* này, chủ đích của tôi là viết cho người khác; nhưng khi đã say sưa hoàn toàn trong công việc này, giờ đây tôi viết cho tôi. Trong mắt tôi lịch sử như một tấm gương, nhờ nó, theo cách nào đó, tôi tìm cách tô điểm cho cuộc đời của chính tôi, tìm cách đưa cuộc đời tôi lại gần với đức hạnh của những con người vĩ đại kia. Tôi thực sự có cảm giác mình đang ở, đang sống với họ; nhờ lịch sử mà tôi có thể nói mình tiếp đón họ ở nhà, lần lượt từng người một, thết đãi họ và có họ ở gần bên.” (*Timoléon*, I).

Chắc chắn có những lúc Plutarque tự hóa thân vào các nhân vật của mình, và hẳn là cũng có lúc ông uốn nắn nhân vật của mình theo những lý tưởng riêng. Vì thế, cách tốt nhất đọc *Những cuộc đời song hành* có lẽ là tùy vào sự nhạy cảm của mình mà mỗi độc giả xây dựng một hình ảnh Plutarque cho riêng mình, căn cứ vào những gì ngòi bút của ông viết ra.

Xét về tư tưởng triết học, trong số những đối thủ của Plutarque có các nhà khắc kỷ chủ nghĩa; Aristote thì được coi là đồng minh tự nhiên của Plutarque chống lại họ. Có một điều đặc biệt là khi Hy Lạp sụp đổ, triết học của nó lại gây ảnh hưởng lớn hơn cả thời kì vĩ đại của Platon và Aristote: đó là vai trò của triết học khắc kỷ. Môn triết học này có rất nhiều yếu tố

Alexandrie: những nhà khắc kỷ đầu tiên đến từ phương Đông. Sáng lập trường phái là Zénon (490-430 tCN) - một người Phénicie đã được Hy Lạp hóa, gốc đào Chypre, đến từ Cilicie. Ông đến Athènes vào cuối TK IV tCN và sống ở đó với tư cách người nước ngoài.

Theo triết lý khắc kỷ, vũ trụ là một thể thống nhất có thể dùng lý trí mà xâm nhập; niềm tin của khắc kỷ vào một thế giới - nhà nước là một biểu hiện chính trị của quan điểm triết học chung của họ. Ở thần linh cái lý trí là tối cao, là bản thể, còn ở con người lý trí chỉ là những mảnh vỡ, nhưng những phân mảnh đó lại chính là cái hướng dẫn, đưa đường. Hai nguyên lý chính của khắc kỷ: một xã hội duy nhất phổ quát, nằm trong một nhà nước duy nhất bao trùm toàn bộ thế giới; một luật lệ tự nhiên mà tất cả mọi người đều phải tuân phục. Zénon cũng từng viết một cuốn *Cộng hòa*⁴³, trong đó ông chối từ lẽ tồn tại của đền thờ, tòa án, tiền bạc, hôn nhân và cả hệ thống giáo dục, tức là khá gần với chủ nghĩa vô si (cynisme).

Những quan điểm này bị Plutarque, người hết sức tôn trọng các thể chế, phản đối rất nhiều, đặc biệt trong các bài luận triết học của bộ *Moralia*⁴⁴. Tuy nhiên có một nghịch lý là khi viết các *Cuộc đời*, rất nhiều khi Plutarque lại tỏ thái độ đồng tình với những biểu hiện của khắc kỷ, chẳng hạn như thái độ bàng quan của Fabius Maximus trước những lời đả kích của người La Mã. Rất có thể Plutarque chống Portique (tên khác của chủ nghĩa khắc kỷ) về mặt lý thuyết, vì ông là môn đệ của Platon, nhưng những biểu hiện thực tế của triết học này lại không hoàn toàn nằm trong phạm vi đối tượng phê phán của ông.

⁴³ Dĩ nhiên là rất khác so với tác phẩm *Cộng hòa* của Platon, người thầy mà Plutarque ngưỡng mộ.

⁴⁴ Xem đoạn sau để biết thêm về tác phẩm *Moralia*.

Ngay cách sống của Plutarque cũng thiên về khắc kỷ, lấy thanh bạch làm vui, và ông cũng ca ngợi vua Numa vì đã chọn cách sống đó (xem *Numa*).

Plutarque còn khá gần với Aristote chứ không chỉ Platon. Cả hai đều nghĩ một thành phố có hai lối sống: hoặc hướng đến phúc lợi công cộng, hoặc chỉ chăm chăm quan tâm đến quyền lợi của những kẻ cai trị, và qua đó mà có chế độ quý tộc hay chế độ dân chủ, có vương quốc hay có chế độ bạo chúa. Con người chịu ảnh hưởng của quy định tự nhiên, giáo dục, di truyền, nhưng vẫn có khả năng lựa chọn, và thông qua lựa chọn đó mới trở thành con người mà anh ta trở thành, nghĩa là con người phải chịu trách nhiệm về hành động của anh ta, không thể có thái độ “ngụy tín”. Đọc các phần so sánh của Plutarque trong *Những cuộc đời song hành*, ta sẽ thấy quan điểm này được thể hiện rất rõ.

Tác phẩm lớn thứ hai của Plutarque ngoài *Những cuộc đời song hành* và cũng tương đương về tầm vóc với tập tiểu sử là *Moralia* (Tác phẩm *Luân lý*) tập hợp các bài luận của Plutarque. Danh sách thứ tự do Henri Estienne lập ra vào năm 1572 khi học giả người Pháp sửa chữa, chỉnh lý tác phẩm của Plutarque, trong đó có 78 bài luận gồm nhiều loại, mà Konrat Ziegler đề nghị chia thành 11 mục. Số lượng lớn nhất thuộc mục các tác phẩm có tính luân lý – giáo dục (33 bài, trong đó có *Về giáo dục trẻ con*, *Làm thế nào để tự coi trọng mình...*); chiếm số lượng lớn nữa còn có các tác phẩm về chính trị, triết học và thần học. Ước tính ông đã viết tất cả các bài luận này trong vòng nửa thế kỷ, từ năm 72, dưới thời hoàng đế Vespasien, cho đến năm 126, thời Hadrien.

Trong phạm vi khảo sát Plutarque với tư cách một nhân vật dung hòa hai nền văn hóa Hy Lạp và La Mã, chúng tôi chỉ đặc biệt lưu ý bạn đọc hai bộ phận của *Moralia*. Bộ phận thứ nhất

bao gồm những bài luận được xếp dưới cái tên *Những lời dạy chính trị* với những bài như *Làm thế nào để phân biệt kẻ phỉnh nịnh và bạn bè* (bài 4), *Làm thế nào để thu lợi từ kẻ thù* (bài 6) hay *Dành cho nhà cai trị ít học* (bài 50); đây là một bộ giáo khoa thư đầy tính thực hành về các hoạt động chính trị, thể hiện sự hiểu biết sâu sắc đời sống chính trị La Mã của một người Hy Lạp. Bộ phận thứ hai của *Moralia* là hai tập sách nhỏ *Những câu hỏi Hy Lạp* và *Những câu hỏi La Mã*. Cả ở đây nữa, Plutarque cũng đặc biệt quan tâm đến những chi tiết vụn vặt. Ông tự đưa ra những câu hỏi rồi trả lời luôn về phong tục, tập quán Hy Lạp và La Mã, từ chuyện tại sao phụ nữ La Mã bị cấm uống rượu vang cho đến chuyện tại sao người ta lại bắt phụ nữ La Mã khi lấy chồng phải chạm tay vào lửa và vào nước, hoặc tại sao các cô gái trẻ vùng Bottie lại có tục nói “Đi đến Athènes thôi” khi họ nhảy múa. Cách trả lời những câu hỏi này của Plutarque cũng hết sức độc đáo, nhiều khi ông không trả lời trực tiếp mà chỉ đặt ra những giả thuyết khác nhau, dưới dạng những câu hỏi nhỏ.

Một người Hy Lạp quan tâm nhiều đến chi tiết hơn toàn cục như vậy là một sự lạ, mà theo chúng tôi là kết quả của quá trình tiếp xúc sâu sắc với văn hóa La Mã, bởi chúng ta đã biết tinh thần duy lý của người Hy Lạp thường hướng họ suy nghĩ đến những vấn đề phổ quát, nền tảng hơn là đến chi tiết vụn vặt. Chúng tôi cũng nghĩ qua những gì thể hiện ở văn bản như vậy, Plutarque có phẩm chất của một nhà văn lớn hơn rất nhiều so với phẩm chất của một triết gia hoặc sử gia, hay thậm chí nhà luân lý. Không khó hiểu khi sau này, nhà văn Pháp kiệt xuất Montaigne sẽ coi Plutarque là thầy của mình và sẽ học cách viết về những điều nhỏ bé, suy tư từ những chi tiết của đời sống hoặc của lịch sử (với trường hợp Montaigne, ảnh hưởng của *Moralia* rõ ràng lớn hơn ảnh hưởng của *Những cuộc đời song hành*). Lý do này cũng khiến chúng tôi tìm ra điểm tương đồng ở chiều sâu giữa Plutarque và Jean-Jacques Rousseau, người mà

chúng tôi trích dẫn một đoạn văn trong tác phẩm *Tự thú* ở ngay đầu *Lời giới thiệu* này. Vì coi Plutarque trước hết là một nhà văn như vậy, chúng tôi chủ trương dịch *Những cuộc đời song hành* với ý thức bảo vệ tối đa giọng văn của ông, hành văn của ông, vì di sản quý giá nhất của nhà văn để lại không hẳn là nội dung tác phẩm của họ, mà có lẽ quan trọng hơn cả là một giọng điệu, một phong cách, một quan điểm văn chương.

Có một thời gian dài ở quãng “đêm trường Trung cổ”, tác phẩm của Plutarque rất hiếm khi được đọc (đó cũng là tình hình chung của các trước tác Hy Lạp – La Mã trong hoàn cảnh Giáo hội Thiên chúa đang khẳng định sự tồn tại và lớn mạnh của mình, không chấp nhận chia ánh hưởng với các nguồn văn hóa, văn minh khác). Nhưng kể từ khi sách của Plutarque được dịch ra nhiều thứ tiếng khác (bản dịch *Những cuộc đời song hành* quan trọng đầu tiên là bản tiếng Pháp của giám mục Amyot; Amyot cũng chính là người sau đó dịch *Moralia* năm 1559), người ta bắt đầu nhận ra tầm vóc của một nhà văn lớn đang bị lãng quên. Kể từ TK XVI, ở trường học người ta dạy tác phẩm của ông, và ông nhanh chóng trở thành một tác gia kinh điển. Bộ *Những cuộc đời song hành* được đánh giá cao vào thời này còn vì nguyên nhân truyền thống giáo dục của thời Phục Hưng là truyền thống nhân văn, sử dụng cổ văn học (*humanités*), cho học sinh đọc sách cổ bằng nguyên bản, nhất là đọc về các tấm gương, để rồi sau đó học tập về đức hạnh và tránh xa những thói xấu; những tấm gương, bài học như thế hoàn toàn không hề thiếu trong tác phẩm của Plutarque.

Việc phổ biến Plutarque còn được hưởng lợi từ các trường học thuộc dòng Jésuite, những người xây dựng nên cả một hệ thống trường học trên phạm vi quốc tế hồi cuối TK XVI, dù đó không phải là ý muốn của Ignace de Loyola, người sáng lập dòng tu. Ngay trong chương trình học đầu tiên của phái Jésuite,

Ratio studiorum, án định năm 1586 và in năm 1599, Plutarque có vị trí chính thức trong chương trình giảng dạy, và ông cũng thuộc các tác giả trong danh sách rút gọn cho lớp đệ nhị, gọi là lớp “cổ văn học”. Nhưng thời đó ông không có tên trong chương trình giảng dạy của Đại học Paris cải cách, năm 1598.

Vào TK XVII, Plutarque vẫn nhận được sự ưu ái của phái Jésuite. Ở lớp cổ văn học, Fontenelle và trước đó là Corneille (đều ở trường dòng Rouen) đã đọc Plutarque. Thời Louis XIII và Louis XIV có bầu không khí anh hùng và tiểu thuyết đậm nét, Plutarque rất nổi tiếng, chẳng hạn Madame de Scudéry, nhà văn diêm tinh, là độc giả hết sức say mê ông. Sang thế kỷ Ánh sáng, dù tiếng Latin thắng thế, và tiếng Pháp được đưa vào dạy, Plutarque vẫn có tên trong chương trình của phái Jésuite. Các trường khác cũng nhanh chóng bắt chước, và Plutarque được đọc trên diện rất rộng.

Rồi Plutarque dần xâm nhập chương trình đại học: bắt đầu có mặt lẻ tẻ ở TK XVII, sang TK XVIII, tác phẩm của ông đã chính thức có tên ở vị trí quan trọng trong chương trình học của Đại học Paris. Mãi đến TK XIX, sử gia nổi tiếng của Pháp Michelet còn viết luận án về Plutarque.

Để tìm xem dấu vết của Plutarque ở thời đại của chúng ta, không gì hơn là đọc ý kiến của các sử gia hiện đại. Chẳng hạn nữ sử gia Mona Ozouf của Pháp trong công trình tập thể *Những di chỉ của ký ức*⁴⁴ viết bài “Pathéon (sic⁴⁵)”, trường sú

⁴⁴ Nguyên bản: *Les Lieux de mémoire*, do Pierre Nora chủ biên, thực hiện từ 1981 đến 1992, tập hợp hơn 50 nhà sử học hàng đầu của Pháp, viết về ký ức của dân tộc, với sự phân biệt giữa ký ức và lịch sử. Bản dịch tiếng Việt: *Những di chỉ của ký ức*, NXB Đà Nẵng, 2003 (trích dịch một phần), Vũ Cận, Nguyễn Kiên, Mai Luân, Đỗ Ngọc Quý dịch, Đào Hùng hiệu đính.

⁴⁵ sic: đúng như nguyên văn [ghi chú của dịch giả trích đúng như nguyên văn - BT].

phạm của những người chết”⁴⁶ có viết một đoạn về Plutarque, mà ta có thể coi là cách đánh giá hàn lâm hiện đại về nhà văn Hy Lạp, khi Ozouf bàn về ký ức về các vĩ nhân, sau khi dẫn lời nhà văn Madame de Staël rằng tất cả các vĩ nhân “đều là đồng bào”: “Nếu nội hàm hiếu cổ vẫn luôn luôn rất đậm trong các định nghĩa ấy thì Phumarque (sic), như La Font de Saint Yenne⁴⁷ đánh giá, thừa đủ để nuôi cảm hứng cho “tất cả các cây bút về của châu Âu”. Người ta sẽ thấy nay nò những “Phumarque (sic) Pháp”, Voltaire khi viết Adélaïde du Guesclin⁴⁸, đã tuyên bố rằng ông để cập một đề tài Pháp, Louis XVI tán thành ý muốn của D’Angivillier⁴⁹ cho thực hiện “những hình ảnh các người Pháp (sic) lừng danh thuộc các loại (sic)”.

*

* * *

Jean-Jacques Rousseau không phải là người duy nhất ngưỡng mộ Plutarque. Denis Diderot, một người bạn lớn của

⁴⁶ Nguyên bản tiếng Pháp: “L’École Normale des morts”. Đây là một sự chơi chữ khá tinh tế: sô dī Mona Ozouf viết như vậy là vì trường Sư phạm phố Ulm nằm ở phố Ulm đâm vào hông điện Panthéon; trong Panthéon lại quàn rất nhiều người là cựu học sinh của trường; thêm vào đó, ý bài này của Ozouf là muốn chỉ ra điện Panthéon mang nặng ý nghĩa giáo dục cứng nhắc (didactique) chứ không thật sự là đại diện cho trí tuệ Pháp. Bản dịch tiếng Việt gần như không có chú thích nên rất nhiều chỗ gây khó hiểu một cách không cần thiết.

⁴⁷ Nhà văn TK XVIII, đồng thời là nhà phê bình nghệ thuật, chê trách sự suy đồi của hội họa thời đó, muốn hướng các họa sĩ Pháp về với truyền thống nghiêm túc của lịch sử.

⁴⁸ Vở bi kịch năm hồi của Voltaire; trong bản dịch không in nghiêng với tư cách tên một tác phẩm.

⁴⁹ Có lẽ là d’Auvigny, người vào năm 1739 cho in ở Amsterdam một cuốn sách mang tên *Đời các nhân vật kiệt xuất của Pháp*.

Rousseau, cũng là một trong những nhà tư tưởng chuẩn bị cho Cách mạng Pháp 1789, từng viết: "Khi tôi chạm tay vào những mảnh tro tàn của ông già Plutarque, có một hòn than dịu dàng sưởi ấm tôi". Plutarque lay động, sưởi ấm và thúc giục người đọc của ông; người ta không thể đọc ông mà không thấy bầu nhiệt huyết dâng trào. Không chỉ ngưỡng mộ suông, Diderot còn muốn biến tác phẩm của Plutarque trở thành sách giáo khoa cho học sinh, để lan rộng hơn nữa sức ấm áp của "hòn than" đó; khi lập dự án giáo dục cho Nữ hoàng Nga Catherine II, Diderot đã đưa Plutarque vào chương trình học "lớp tám" (tác phẩm *Dự án một trường đại học*).

Quay trở về với Rousseau và Diderot cũng đồng nghĩa quay về với truyền thống nhân văn chủ nghĩa bắt đầu từ thời Phục Hưng. Tuy rằng chủ nghĩa nhân văn không phải là nguồn duy nhất của văn học, nhưng văn học theo chủ nghĩa nhân văn luôn mang trong mình giá trị tự thân, luôn lấy mục đích hướng tới chân-thiện-mỹ làm trọng. Và ở ngọn nguồn của chủ nghĩa nhân văn Tây phương đó là một chùm những vì sao không ngót truyền thêm ánh sáng cho hiện tại. Trong chùm sao đó, dĩ nhiên có ngôi sao hiền hòa Plutarque, nhà hiền triết xứ Chéronée.

Tháng Tám năm 2005
Cao Việt Dũng

GHI CHÚ DỊCH THUẬT VÀ CHÚ THÍCH

Chúng tôi luôn cố gắng đề cao ý thức tiếp nối truyền thống nghiên cứu văn hóa Hy Lạp – La Mã ở Việt Nam, trong chừng mực có thể được. Do đặc thù lịch sử, tuyệt đại đa số các công trình nghiên cứu, dịch thuật về Hy Lạp – La Mã từ trước đến nay đều dựa trên các tài liệu Pháp văn, điều này có thể thấy rõ: *Thần thoại Hy Lạp* của Nguyễn Văn Khỏa, chuyên luận *Anh hùng ca của Homero* của Nguyễn Văn Khỏa (NXB Đại học và Trung học chuyên nghiệp, 1978), các bản dịch bi kịch Hy Lạp (Eschyle, Sophocle, Euripide), các bản dịch *Iliade* và *Odyssée* của Hoàng Hữu Đản v.v... Trong tất cả các công trình trên, tiếng gốc bao giờ cũng là tiếng Pháp, tuy có đôi khi được hiệu đính qua tiếng Hy Lạp (trường hợp tiêu biểu là *Tuyển tập kịch Xôphôclo*, NXB Văn học 1985, do Nguyễn Giang dịch với sự cộng tác về tiếng Hy Lạp của Nguyễn Mạnh Tường và Phan Ngọc). Tình hình đó giải thích vì sao người Việt Nam có thói quen gọi Caesar là Xêda (César) theo lối Pháp, trường hợp tương tự là Têđê (Thésée).

Cho dù ngày nay số lượng người biết tiếng Anh tăng lên đáng kể, thói quen gọi tên các nhân vật Hy Lạp, La Mã theo tiếng Pháp vẫn vô cùng phổ biến, điều đó khiến chúng tôi thấy tốt hơn hết là nên giữ nguyên cách này, nghĩa là thay đổi khá cơ bản so với cuốn sách trước, cũng do chúng tôi thực hiện (*Những anh hùng Hy Lạp cổ đại*, NXB Trẻ 2003; tái bản lần một,

NXB Thế giới 2005), trong đó tên nhân vật được ghi theo tiếng Anh. Việc viết tên theo tiếng Pháp nhằm mục đích khiến cho độc giả có cảm giác gần gũi, quen thuộc hơn với tên các nhân vật và địa danh. Ngoài ra, nhằm giúp độc giả thuận lợi hơn trong công việc tra cứu, chúng tôi viết tên riêng theo tiếng Pháp (Thésée, Romulus), có chú phiên âm (Têđê, Rômulut) ở lần xuất hiện đầu tiên đối với những tên có tần suất cao. Cách chú thích cũng xin được theo lối mới: viết liền không có gạch ngang giữa các âm (Têđê chứ không phải Tê-dê, Rômulut chứ không phải Rô-mu-lut), và không đánh dấu cho các âm. Độc giả quen với tiếng Anh có thể tìm được âm tương ứng trong phần Chỉ dẫn tên riêng ở cuối mỗi tập.

Cũng với ý thức tiếp nối truyền thống nghiên cứu Hy Lạp – La Mã ở Việt Nam, chúng tôi cố gắng đặt bộ sách này trong mối quan hệ với những công trình của các nhà nghiên cứu đi trước. Các chú thích sẽ dẫn chiếu, khi cần thiết, đến các tác phẩm dịch thuật, chẳng hạn khi Plutarque trích dẫn thơ của Homère hay các câu trong các vở bi kịch đã được dịch trong tiếng Việt. Tuy nhiên công việc này không phải bao giờ cũng thực hiện được, vì có những khác biệt về văn bản – bản nguồn các dịch giả trước đây sử dụng nhiều khi không trùng với bản của chúng tôi, cách hiểu nhiều khi cũng khác.

Một số cách dịch được khôi phục lại so với trước đây, chẳng hạn từ “Fortune” trong *Những anh hùng Hy Lạp cổ đại* hay được dịch là “Thần may mắn”, nay xin trở lại với cách dịch của các nhà nghiên cứu trước đây, là “Số mệnh”. Ngược lại, chúng tôi cũng thay đổi một số cách dịch, chẳng hạn Sparte hay Athènes trước hay được gọi là “thành bang”, có lẽ do ấn tượng về đặc trưng chính trị của các thành thị Hy Lạp cổ; tuy nhiên, “thành bang” gợi lên ý về một thành phố liên bang, cái đó chỉ chính xác với một số thành phố, chẳng hạn Athènes (Xem Thésée để

biết về sự hình thành thành phố này); chính vì thế chúng tôi sẽ gọi phần lớn các đô thị Hy Lạp và La Mã là “thành phố” với ý nghĩa trung tính.

Trước đây, *Những cuộc đời song hành* thường được biết đến ở Việt Nam dưới cái tên *Gương danh nhân*. Đây là cách dịch qua các bản tiếng Pháp (chắc là bản của Amyot), không phải căn cứ trên nguyên gốc. Trong tiếng Anh, tên sách là *Parallel Lives* và trong tiếng Pháp, *Vies parallèles*. Ý “song song” rõ ràng được nhấn mạnh nên chúng tôi chọn cách dịch *Những cuộc đời song hành* sau khi đã cân nhắc rất nhiều cách dịch khác; để cách dịch này thể hiện được nguyên tác, xin độc giả hiểu “song hành” có hàm nghĩa “song song”, “đôi chiếu”, mang tính so sánh, chứ không mang hàm nghĩa song hành về mặt thời gian. Đây có lẽ là cách dịch tốt nhất mà chúng tôi tìm ra, nhưng chưa hẳn đã là cách dịch tối ưu.

Tên của các tộc người được ghi thống nhất theo tên đất nước, vùng đất của họ: chẳng hạn “người Athènes”, “người Thessalie”..., trừ một số cái tên quá nổi tiếng (“người Gaulois” chứ không phải “người Gaule”, “người Étrusque” chứ không phải “người Étrurie”) hoặc tên của các tộc người không có nơi ở cố định và được biết rõ (ví dụ “người Dorien”). Nhiều nhà nghiên cứu có thói quen ghi tên tộc người bằng tính từ, chẳng hạn “người Athenian”, điều này theo chúng tôi không phù hợp với cách nói của người Việt Nam, nên nay xin đổi lại.

Vì Plutarque sống ở TK I sau Thiên chúa nên phần lớn sự kiện nêu trong sách của ông diễn ra trước Công nguyên, chính vì thế chúng tôi chủ trương không viết “trước Công nguyên” (tr. CN) cho mỗi năm được nêu, trừ những trường hợp khó biêt, nhất là các sự kiện xảy ra ở TK I tr. CN. Rất ít năm sau Thiên chúa được đề cập, mỗi khi xuất hiện chúng tôi đều chú

rõ ràng (s. TC). Ở đây chúng tôi hoàn toàn đồng ý với học giả An Chi (*Chuyện Đông chuyện Tây*, 2 tập, NXB Trẻ, 2004) rằng cách viết “sau Công nguyên” là hoàn toàn không chính xác, vì chúng ta vẫn đang sống trong Công nguyên – do đó nói “trước Công nguyên” thì được nhưng với các năm sau năm số 1, tốt hơn hết là nên căn cứ vào Thiên chúa (tiếng Anh và tiếng Pháp cũng diễn đạt rất chính xác: B.C. trong tiếng Anh và a. J. C. trong tiếng Pháp đều muốn nói là trước Thiên chúa – Before Christ và avant Jésus Christ.)

Trong tình hình chưa có các nghiên cứu sâu về Hy Lạp và La Mã ở Việt Nam, chúng tôi phải chú thích thông qua các bản dịch tiếng Anh, tiếng Pháp, cộng thêm những chú thích của chúng tôi để văn bản thêm phần sáng sủa. Vì số lượng chú thích vô cùng lớn, sẽ không có ghi chú về nguồn chú thích. Chúng tôi sử dụng một số cách giải thích, cách dịch của học giả An Chi trong *Chuyện Đông chuyện Tây*, những phần có liên quan đến Hy Lạp và La Mã, nhất là các chức danh.

Nhiều bản dịch sang các thứ tiếng khác được đánh dấu theo chương (đoạn) và câu. Bản dịch của chúng tôi, dù cố gắng trung thành với nguyên tác theo đơn vị câu nhưng do khác biệt về cấu trúc và cách tổ chức câu của tiếng Việt so với các thứ tiếng châu Âu, chúng tôi chỉ có thể đảm bảo đánh số theo đoạn, để tiện việc tra cứu, trích dẫn và tham chiếu của độc giả. Các đoạn sẽ được đánh số bằng số La Mã, theo cách phân chia của bản dịch tiếng Pháp gần đây nhất (*Vies parallèles*, Gallimard/Quarto 2001, năm 2004, bản dịch của Anne-Marie Ozanam, hội đồng biên tập do François Hartog làm chủ tịch). Chúng tôi sử dụng nhiều bản dịch tiếng Anh và tiếng Pháp, theo nguyên tắc đối chiếu, có lúc còn sử dụng các bản tiếng Nga và tiếng Đức.

Các bản nguồn mà chúng tôi sử dụng đều khá thống nhất đến từng câu nên dù không có khả năng dịch từ nguyên bản tiếng Hy Lạp, chúng tôi nghĩ rằng vẫn có thể đảm bảo được độ chính xác ở mức độ khá cao. Ngoài bản của Ozanam vừa nêu trên, chúng tôi dựa chủ yếu vào các bản của Jacques Amyot (1559), của John Dryden (1683-1686; bản này có toàn văn miễn phí trên nhiều thư viện trực tuyến) và bản *Những cuộc đời La Mã – Tuyển chọn tám nhân vật* (Plutarch, *Roman Lives – A Selection of Eight Roman Lives*, Robin Waterfield dịch, Oxford University Press, 1999).

Nhóm dịch

NHỮNG CUỘC ĐỜI SONG HÀNH

PLUTARQUE

TIỂU DẪN THÉSÉE – ROMULUS

Ngoài hai cặp Alexandre-César và cặp Démosthène-Cicéron, có lẽ cặp Thésée-Romulus thuyết phục người đọc hơn cả về cách ghép đôi các nhân vật của Plutarque⁵¹. Hai nhân vật này rất xứng đáng về tầm vóc để có thể được so sánh với nhau: Thésée là người lập ra thành phố Athènes phồn vinh, vũng chắc lâu đời, còn Romulus là cha đẻ của Rome vinh quang, trung tâm của toàn bộ thế giới, chủ nhân của những vùng đất rộng lớn. Ngoài ra, cả hai cuộc đời của Thésée và Romulus đều mang rất nhiều yếu tố thần thoại. Trên thực tế, Thésée được coi là một trong những anh hùng nổi tiếng nhất của thần thoại Hy Lạp, xếp ngang hàng với những Héraclès, Jason hay Achille (độc giả Việt Nam đã rất quen thuộc với các nhân vật này thông qua tác phẩm *Thần thoại Hy Lạp* của Nguyễn Văn Khỏa). Ngược lại, Romulus thường được xem là thuộc dòng dõi thành Troie; khi thành phố thất thủ vì con ngựa của Ulysse, Énée kịp thời chạy trốn khỏi đó, sau đó con cháu của ông sẽ xây dựng nên thành phố Albe, thành phố mẹ của Rome. Cuộc chạy trốn của Énée khỏi Troie đã trở thành đề tài cho Virgile, nhà thơ lớn nhất của La Mã, viết nên kiệt tác *Énéide* của

⁵¹ Theo Georges Dumézil, trong bộ sách lớn về sử thi Ấn-Âu của ông, "Romulus và Numa đối lập với nhau như hai khía cạnh của vương quyền bổ sung cho nhau" và so sánh sự đối lập ấy với sự đối lập giữa Varuna và Mitra ở Ấn Độ thời Vệ đà. Ở đây Dumézil đang tìm cách thiết lập các quan hệ văn hóa Ấn-Âu. Lịch sử La Mã, do đó, khởi đầu bằng một sự đối lập giữa hai vị vua đầu tiên (xem Dumézil, *Mythe et épopée*, Gallimard, Bibliothèque des sciences humaines, 1993, tập 1, tr. 274).

mình. Plutarque, với tư cách của một sử gia quan tâm đến mọi dị bản, sẽ cung cấp cho ta nhiều mẩu chuyện nhiều khi khác biệt nhau hoàn toàn về sự ra đời của Rome.

Trong khi có thể coi Thésée thuần túy là một vị anh hùng với rất nhiều ưu điểm nhưng cũng không thiếu nhược điểm (thích phiêu lưu mạo hiểm để thỏa mãn ham muốn cá nhân, ngây thơ về chính trị...), thì Romulus là một nhà chính trị khôn ngoan: vụ cướp phụ nữ Sabin nổi tiếng không chỉ giải quyết nhu cầu trước mắt về hôn nhân và dòng giống, mà về lâu dài còn cung cấp sức mạnh của thành phố Rome mới được thành lập bằng cách hòa nhập với một tộc người lân cận; từ nhân tố La Mã-Sabin đó mà Rome sẽ mở rộng lãnh thổ của mình dường như đến vô tận, và chỉ trong vòng vài trăm năm.

Hai người anh hùng tạo ra được hai thành phố, Athènes và Rome, xứng đáng với tầm vóc của mình, và ngược lại, hai thành phố đó sẽ xứng đáng với những người thành lập ra chúng. Nhưng Plutarque, một người theo chủ nghĩa hòa bình, sẽ gieo một dư vị cay đắng vào tác phẩm của mình, khi kể đến kết cục bi đát của cuộc đời Thésée cũng như của Romulus. Một cách để nhà thông thái xứ Chéronée chứng tỏ sự hư ảo của quyền lực và vinh quang.

Cao Việt Dũng

Thésée

Charles Dullin

I. Sossius Sénécion⁵² ạ, khi vẽ hình Trái Đất, các nhà địa lý đẩy ra sát mép bản đồ của họ những vùng đất mà họ không biết và chú ở bên cạnh: “vượt qua ranh giới này chỉ còn sa mạc hoang vu và thú hoang nguy hiểm” hay “đầm lầy u tối”, hay “Scythie lạnh lẽo”, hay “mặt biển đầy băng”. Khi viết *Những cuộc đời song hành*, tôi hoàn toàn có thể theo gương họ: sau khi đã dạo qua những khoảng thời gian được biết rõ thông qua các sự kiện lịch sử, tôi có thể nói về các thời kỳ trước đó như sau: “vượt qua ranh giới này chỉ còn vùng đất của những con quái vật và những truyền thuyết, nơi trú ngụ của các thi sĩ và các nhà viết huyền thoại, không thể chắc chắn về điều gì hết”. Tuy nhiên, sau khi xuất bản cuốn sách viết về nhà lập pháp Lycurgue và vua Numa⁵³, tôi tin là mình có thể ngược thời gian xa hơn, lên đến Romulus mà không rơi vào hoang đường, bởi vì những nghiên cứu lịch sử của tôi đã đưa tôi đến rất gần với thời của ông. Và khi tự đặt cho mình câu hỏi, giống như Eschyle⁵⁴, rằng:

⁵² Sossius Sénécion (60?-117?) là chấp chính quan La Mã dưới triều hoàng đế Trajan, một trong những người bảo trợ Plutarque nhưng đồng thời cũng là bạn ông, được ông đề tặng nhiều tác phẩm, trong đó có bộ sách về đời các nhân vật này.

⁵³ Hai nhân vật cùng có trong tập 1 này. Rõ ràng Plutarque không kể về đời các nhân vật lần lượt theo trình tự thời gian.

⁵⁴ Trong tác phẩm *Bảy người chống lại Thèbes*, câu 435 và 395-396; vở kịch kể về cuộc đối đầu giành quyền lực ở Thèbes giữa hai anh em Eteocles và Polynices, cuối cùng cả hai đều tử trận. Eschyle (525?-456 tCN) là người đầu tiên trong số ba kịch tác gia vĩ đại của Athènes chuyên viết bi kịch, hai người còn lại là Sophocle và Euripide.

Ai dám đương đầu con người phàm tục đó?

Ai ngang hàng với ông, ai đủ sức?

Tôi nhận thấy người lập ra thành Athènes đẹp đẽ và xuất chúng hoàn toàn có thể sánh với cha đẻ của Rome vinh quang và bất khả chiến bại.

Tôi hy vọng rằng truyền thuyết, sau khi được lọc qua lý trí, sẽ mang dáng vẻ của lịch sử. Nhưng có khi nào vì kiêu ngạo mà truyền thuyết không buông quan tâm đến mức độ khả tín của mình và trở nên hoang đường quá mức, tôi mong độc giả lượng thứ và mở lòng đón nhận những truyện kể cũ kỹ này.

II. Tôi cho rằng giữa Thésée và Romulus có rất nhiều điểm chung. Cả hai đều là con ngoài giá thú, sinh ra trong bí mật và đều được coi là con của các vị thần.

Cả hai đều là chiến sĩ gan dạ, ai ai cũng biết điều ấy⁵⁵

Ngoài sức mạnh, cả hai đều rất thông tuệ. Cả hai đều có công rất lớn với hai thành phố ưu tú, Romulus lập nên một thành phố, còn Thésée hợp nhất Athènes⁵⁶. Cả hai đều từng cướp phụ nữ, đều không thoát khỏi những bất hạnh cá nhân và thảm kịch gia đình, để rồi đến cuối đời đều vấp phải sự phản nô của đồng bào mình. Tuy nhiên phải chú ý tách bỏ rất nhiều những huyền thoại để đến được với sự thật⁵⁷.

⁵⁵ *Iliade*, VII, câu 281 (khi miêu tả Hector và Ajax). Bản *Iliade* của Hoàng Hữu Đản, Văn học 1997, tập I, tr. 214: "Xin cho cả hai người ngang nhau vinh quang và sức mạnh".

⁵⁶ Nghĩa là tập hợp nhiều thành phố nhỏ vùng Attique cho đến khi đó vẫn tồn tại độc lập.

⁵⁷ Thật ra giữa việc Romulus bắt cóc phụ nữ Sabin về làm vợ cho người của mình và các mối tình của Thésée không có điểm gì chung.

III. Họ nội Thésée có cụ tổ là Érechthée⁵⁸ và bắt nguồn từ những cư dân đầu tiên của Attique. Họ ngoại của ông có gốc từ một Pélopide. Pélops⁵⁹ từng là vị vua hùng mạnh nhất của Péloponnèse, không phải vì giàu có mà vì đông con: ông gả con gái cho nhiều nhân vật quan trọng và cử các con trai của mình đến các thành phố lân cận để cai trị. Một trong số họ, Pitthée, ông ngoại của Thésée, lập ra một thành phố tên là Trézène. Thành phố không lớn lắm nhưng Pitthée có tiếng là người hùng biện và thông thái nhất thời đó. Sự thông thái ấy gần giống với sự thông thái sắc sảo từng làm nên danh tiếng của Hésiode trong các châm ngôn của *Lao động và ngày tháng*⁶⁰. Pitthée có lẽ còn là tác giả của một trong những câu châm ngôn đó:

Hãy đảm bảo cho bạn bè số tiền lương ổn định.

Đó là những gì triết gia Aristote khẳng định. Và khi Euripide gọi Hippolyte là “đứa cháu nhỏ của Pitthée đức hạnh⁶¹”, ông cũng chứng tỏ con người này có danh tiếng vô cùng lớn.

Égée⁶² muốn có con. Ông đến đền thờ Delphes⁶³ xin lời

⁵⁸ Theo huyền thoại, Érechthée/Érichtonios là tổ tiên của người Athènes, sinh ra từ khoảnh đất tưới tinh trùng của thần thợ rèn Héphaïstos.

⁵⁹ Pélops là vua của Péloponnèse, con của Tantale và chồng của Hippodamie, có nhiều con trong đó có Atrée, tổ tiên của gia đình Atride, Pitthée, ông ngoại Thésée, và một con gái, Lysidice, bà của Héraclès. Có thể ông là người tổ chức các kỳ đại hội Olympique đầu tiên.

⁶⁰ Hésiode, nhà thơ Hy Lạp sống ở TK VIII; *Lao động và ngày tháng*, câu 370.

⁶¹ Euripide, *Hippolyte*, câu 11. Hippolyte là con trai của Thésée và nữ chiến binh Amazone.

⁶² Égée là con trai Pandion, cháu của Cécrops, gọi Érechthée là cụ.

khuyên. Pythie ban lời sấm nỗi tiếng cấm ông ăn nằm với bất kỳ người phụ nữ nào trước khi về đến Athènes. Nhưng lời sấm quá mơ hồ nên ông không hiểu được toàn bộ ý nghĩa. Khi đi qua Trézène, Égée bèn đến đọc lại cho Pitthée câu trả lời của thần linh:

*Bàn chân ở trong túi da, hời ông hoàng vĩ đại của các dân tộc,
Đừng giải phóng nó trước khi về được
Với dân tộc Athènes*

Không ai biết Pitthée nghĩ gì, nhưng sau đó hoặc là bằng thuyết phục hoặc là bằng lừa mị, ông đưa Égée đến ăn nằm với Aithra. Égée ngủ với nàng, rồi mới biết nàng là con gái Pitthée. Nghĩ rằng nàng sẽ có thai, ông để lại một thanh gươm và một đôi giày dưới một tảng đá lớn. Ông chỉ nói chuyện này với Aithra và nói thêm rằng nếu nàng sinh một đứa con trai và khi lớn lên nếu nó nâng được tảng đá đó thì thanh gươm và đôi giày sẽ thuộc về nó. Khi đứa bé đã lấy được gươm và giày, Aithra phải gửi nó cùng với các thứ đồ đó đến gặp ông ở Athènes. Mọi việc phải hết sức bí mật. Ông rất lo ngại các Pallantide⁶³ đang âm mưu chống lại mình. Bọn họ rất khinh bỉ ông vì ông không có con trong khi Pallas có đến năm mươi con trai. Nói đoạn ông ra đi.

⁶³ Đến thờ thần Apollon ở Delphes (dưới chân núi Parnasse, gần xứ Béotie) là một trong những trung tâm tôn giáo lớn nhất của Hy Lạp cổ đại. Tại đó, thần linh truyền sấm thông qua bà đồng Pythie. Plutarque làm thầy tế ở đây trong nhiều năm, cho đến khi mất.

⁶⁴ Tức là các con trai của Pallas; Pallas là con trai thứ của Pandion, em trai Égée, có ý đồ chiếm quyền của ông.

IV. Aithra sinh được một cậu con trai. Theo một số người, đứa bé được đặt tên ngay là Thésée theo việc đặt [*thèseis*] các thứ đồ vật dưới tảng đá; nhưng nhiều người khác nói sau này, khi ở Athènes, Égée nhận ra [*thésthai*] chàng, chàng mới mang tên đó. Chàng được Pitthée nuôi dạy, có một gia sư tên là Connidas, người đến nay vẫn được dân Athènes thờ cúng bằng cách hiến sinh một con cừu đực trước ngày lễ của Thésée. Đó là những vinh dự lớn hơn hẳn những gì họ dành cho Silanion và Parrhasios, họa sĩ và điêu khắc gia từng vẽ và tạc tượng Thésée.

V. Thời đó, vẫn còn tập tục các chàng trai đến tuổi thiếu niên đến đền Delphes để hiến mái tóc đầu tiên của mình cho thần Apollon. Thésée cũng đến đó và người ta nói chàng lấy tên mình đặt cho một nơi ngày nay vẫn tên là Théseia. Nhưng chàng chỉ cắt phần tóc ở phía trước, đúng như cách của người Abante⁶⁵ theo lời kể của Homère, và kiểu tóc đó được gọi theo tên chàng là *théséis*. Người Abante là những người đầu tiên để đầu theo lối đó, và kiểu tóc đó không phải là học từ người Arập như nhiều người vẫn nghĩ, hay để bắt chước người Mysie, mà vì người Abante là những người quen trận mạc, hay phải đánh giáp lá cà mặt đối mặt với kẻ thù, như Archiloque⁶⁶ ghi lại trong những câu thơ sau:

*Thật đây, người sẽ thấy ít cung giương lên hay túi văng đá
Khi Arès⁶⁷ trên cánh đồng cho trận đánh bắt đầu
Những thanh gươm sẽ làm cái công việc đau đớn.*

⁶⁵ Người Abante hay Abantide có gốc từ đảo Eubée, hòn đảo lớn nằm gần Attique, trong biển Égée.

⁶⁶ Archiloque, thi sĩ Hy Lạp, người gốc đảo Paros, tác phẩm ngày nay còn lại rất ít.

⁶⁷ Arès: thần chiến tranh trong thần thoại Hy Lạp.

*Đúng thế, đó là trận đánh nơi họ sẽ trở thành bậc thiêy,
Những người cai trị anh hùng vùng Eubée.*

Như vậy họ để đâu theo kiểu đó để kẻ thù không tóm được tóc. Đường như Alexandre xứ Macédoine cũng có suy nghĩ đó khi ông ra lệnh cho các vị tướng của mình cắt hết râu lính tráng vì ông nghĩ trong đánh trận râu là thứ kẻ thù dễ nắm được nhất.

VI. Thoạt tiên Aïthra giấu không cho ai biết cha Thésée là ai, còn Pitthée tung tin đồn cậu bé là con trai thần Poséidon⁶⁸. Người dân Trézène hết mực thờ kính vị thần này bởi đó là thần bảo hộ thành phố của họ. Họ cúng ông những thành quả đầu tiên của mùa màng và in hình cây đinh ba lên tiền làm biểu tượng. Khi Thésée đến tuổi thiếu niên và ngoài sức khỏe hiếm có, còn biểu lộ lòng gan dạ vô song cùng với một trí tuệ và khả năng suy tư sâu sắc, Aïthra bèn dẫn chàng đến chỗ tảng đá. Bà nói cho chàng biết cha chàng là ai và bảo chàng lấy những kỷ vật ông để lại rồi lên thuyền đi Athènes.

Thésée nhẹ nhàng nhắc tảng đá lên nhưng chàng từ chối không chịu đi bằng đường biển dù đó là cách an toàn nhất, mặc cho cả ông ngoại và mẹ chàng đều khuyên chàng sử dụng cách đó, vì đi Athènes bằng đường bộ rất nguy hiểm, không có ngả nào tránh được bọn trộm cướp. Thời đó sán sinh vô vàn những kẻ hung hiểm và bất trị được trời phú cho cánh tay vạm vỡ, đôi chân nhanh nhẹn và sức lực tràn trề. Nhưng chúng không sử dụng những phẩm chất tự nhiên đó cho các mục đích hữu ích và ngay thẳng mà thích

⁶⁸ Vị thần anh em của Zeus, trông coi biển cả. Tên khác là Neptune.

thú các trò bạo lực và hỗn xược; chúng lợi dụng sức mạnh để thỏa mãn thóï tàn bạo của mình, để đánh giết, hành hạ tất cả những ai vô phúc rơi vào tay chúng. Chúng nghĩ đám đồng ca ngợi công lý, công bằng và lòng nhân ái chỉ vì quá hèn nhát, không dám phạm tội ác, hoặc vì sợ trở thành nạn nhân của tội ác; chúng cho rằng các phẩm chất đó không thuộc về những người đủ sức đứng trên đầu người khác.

Héraclès đã tiêu diệt nhiều kẻ ác như thế khi chàng đi chu du thiên hạ. Nhưng còn có nhiều kẻ thoát được khỏi tay chàng, chúng trốn chui trốn lủi, lẩn vào những nơi bẩn cùng nhất và không còn khiến ai để ý nữa. Rồi Héraclès phải gánh chịu nỗi bất hạnh. Chàng giết chết Iphitos nên bị đày sang Lydie và trở thành nô lệ ở chỗ Omphale trong một thời gian dài, đó là sự trùng phạt chàng phải gánh chịu vì đã giết người⁶⁹. Khi ấy xứ Lydie trở nên vô cùng bình yên, nhưng tại Hy Lạp tội ác lại được dịp hoành hành vì không còn ai trấn áp và ngăn chặn nữa. Thế nên đi đường bộ từ Péloponnèse⁷⁰ đến Athènes là một lựa chọn hết sức nguy hiểm⁷¹.

Pitthée ra sức miêu tả cho cháu mình từng tên kẻ cướp và cách chúng đối xử với người lạ sa bẫy để thuyết phục chàng đi bằng đường biển. Nhưng đường như đã từ lâu, trong tim Thésée cháy bỏng khao khát vươn tới vinh quang của

⁶⁹ Iphitos là con trai vua xứ Oechalie, nghi ngờ Héraclès ăn cắp ngựa của mình, Héraclès tức giận giết Iphitos và phải làm nô lệ cho hoàng hậu Omphale xứ Lydie để chuộc tội.

⁷⁰ Thành phố Trézène nằm trên bán đảo Péloponnèse.

⁷¹ Rõ ràng lời khuyên của ông ngoại và mẹ của Thésée là hết sức hợp lý, vì đường biển từ Trézène sang Attique rất ngắn; Thésée đã chọn cách đi vòng, men theo bờ phía Đông của bán đảo Péloponnèse, đi qua eo đất Corinthe để sang được Attique; tên các địa danh được nêu lên ở phần tiếp theo diễn tả tuần tự từng chặng trên con đường dài đó.

Héraclès. Chàng coi đó là con người vĩ đại nhất; chàng lắng nghe từng câu từng chữ khi có người miêu tả Héraclès, nhất là khi đó là người từng tận mắt chứng kiến các hành động và lời nói của người anh hùng. Rõ ràng là khi đó chàng đang trong một trạng thái tinh thần rất giống với Thémistocle sau này, khi Thémistocle nói rằng chiến công của Miltiade khiến chàng không ngủ nổi⁷². Thésée cũng vậy, vì ngưỡng mộ các chiến công của Héraclès, đêm đến chàng cũng mơ thấy các hành động anh hùng, còn ban ngày thì ra sức tập luyện để có ngày làm được như hình mẫu đó.

VII. Thực ra, Héraclès và Thésée là họ hàng vì là con của hai chị em họ: Aïthra là con gái của Pitthée còn Alcmène là con gái của Lysidice, mà Pitthée và Lysidice lại là hai anh em, con của Hippodamie và Pélops⁷³. Thế nên Thésée nghĩ là không thể chấp nhận được việc mình trốn tránh nguy hiểm trên đường đi trong khi người anh em Héraclès của chàng đánh đuổi bọn gây tội ác ở khắp nơi, cả trên mặt đất lẫn trên mặt biển. Đi bằng đường biển như thế chàng cũng sẽ làm người cha mà rigười ta vẫn gán cho chàng [Poséidon] phải hổ thẹn; chàng lại còn đang trên đường đến gặp người cha thực sự, mang theo đôi giày và thanh gươm, và những hành động anh hùng sẽ trở thành minh chứng cho dòng máu cao quý mà chàng mang trong mình. Đó là những suy nghĩ sôi nổi trong đầu Thésée khi chàng lên đường, trong lòng quyết không tấn công ai nhưng sẽ tự vệ chống lại những kẻ gây sự trước.

⁷² Xem *Thémistocle*, III ở tập 2. Miltiade là người chiến thắng ở trận Marathon.

⁷³ Xem thêm chú thích ở chương III. Alcmène, mẹ Héraclès, bị Zeus quyến rũ dưới hình dạng Amphitryon, chồng nàng.

VIII. Đầu tiên, ở Épidaure (Êpiđo), chàng gặp phải Périphétès⁷⁴, hắn sử dụng một cây chùy nên được đặt biệt hiệu là Corynétès [“Kẻ mang chùy”]. Hắn hung hăng lao vào tấn công nhưng Thésée chống trả và giết được hắn. Chàng thích cây chùy nên cầm theo dùng làm vũ khí và không rời khỏi nó, giống như Héraclès từng làm với bộ da sư tử. Khi khoác bộ da đó, Héraclès cho thấy con thú mà chàng hạ được to đến mức nào. Thésée cầm chùy để chứng tỏ chàng đã chiếm được nó, nhưng chỉ với chàng cây chùy mới trở nên bất bại.

Tiếp đó, ở eo đất Corinthe, chàng giết Sinis⁷⁵ - kẻ uốn cong cây thông, theo đúng cách mà hắn đã dùng để giết rất nhiều nạn nhân. Thésée chưa từng bao giờ học cách uốn cây thông đó và cũng chưa bao giờ tập làm; chàng đã chứng tỏ rằng sự anh hùng mạnh hơn mọi kỹ thuật và tập luyện. Sinis có một người con gái rất đẹp và cao lớn tên là Périgounè [“Cô gái ôm đầu gối”]. Sau khi cha bị giết, nàng bỏ chạy và Thésée đuổi theo khắp vùng. Nàng trốn vào một vùng cây rậm rạp, đầy gai và măng dại. Ngày thơ như đứa trẻ, nàng cầu nguyện những cây cối đó như thể chúng có thể nghe được lời nàng, và thể với chúng là nếu chúng che chở và giấu kín nàng, nàng sẽ không bao giờ phá và đốt chúng. Nhưng cuối cùng, khi nghe tiếng Thésée gọi ở bên ngoài với lời hứa sẽ đổi xử tốt, nàng ra khỏi chỗ trốn. Nàng ngủ với chàng và sinh được một đứa con trai đặt tên là Mélanippos; sau này nàng sẽ lấy Deionée (con trai Eurytos xứ Oechalie) vì Thésée tặng nàng cho Deionée. Mélanippos sinh được Ioxos, Ioxos đi theo Ornytos khi ông

⁷⁴ Theo huyền thoại, Périphétès là con của Héphaistos và Anticlée, chuyên mang theo chùy.

⁷⁵ Sinis là con trai Poséidon.

đi lập một thuộc địa ở Carie. Vì những chuyện đã xảy ra nên con cháu của Ioxos không đốt cây măng dại và gai mà còn thờ cúng chúng.

IX. Phaia là biệt hiệu của con lợn cái xứ Crommyon, một con thú lạ kỳ, vô cùng hung dữ và khó trị. Trên đường đi, để giải khuây và để tỏ ra mình có thể hành động không chỉ những lúc bị ép buộc, Thésée tấn công và giết nó. Chàng cũng nghĩ là khi phải đối mặt với con người, một anh hùng chỉ nên tự vệ, đánh những kẻ ác, nhưng người anh hùng nên tấn công những con thú hung dữ nhất dù có phải gặp rất nhiều nguy hiểm. Một số người nói Phaia là một nữ tặc, một mụ đàn bà khát máu và dâm đãng; người ta gọi mụ là con lợn cái xứ Crommyon vì đạo đức và lối sống của mụ, và cuối cùng mụ bị Thésée giết chết.

X. Vào đến lãnh thổ Mégare, Thésée giết Sciron bằng cách ném hắn xuống vách đá. Người ta thường nói Sciron là một tên kẻ cướp chuyên lột tiền của người qua đường. Nhưng cũng lại có người nói đó là một kẻ kiêu ngạo, chuyên chà chân ra bắt người khác phải rửa rồi đá họ xuống vách đá trong lúc đang rửa chân cho hắn. Các sử gia gốc Mégare phản đối câu chuyện đó, họ

Đối đầu với toàn bộ lịch sử,

Theo cách nói của Simonide⁷⁶, để khẳng định Sciron hoàn toàn không phải là một tên kẻ cướp, ngược lại chính ông còn

⁷⁶ Simonide xứ Céos (khoảng 556-467 tCN) là thi sĩ trữ tình sống nhiều năm ở Athènes, mất ở Sicile nơi ông là khách của các bạo chúa Hiéron xứ Syracuse và Théron xứ Agrigente. Có vẻ như danh tiếng của ông thời Cổ đại ngang bằng với danh tiếng của Pindare.

trùng phạt chúng và là bà con bè bạn của những con người đức hạnh và công chính: Éaque là người đức trọng nhất ở Hy Lạp, còn ở Athènes, Cychreus xứ Salamine đón nhận những vinh dự thần thánh, và cũng không ai nghi ngờ đức hạnh của Pélée và Télamon. Sciron là con rể của Cychreus, bố vợ của Éaque và ông ngoại của Pélée và Télamon (hai người là con của Endéis, con gái của Sciron và Chariclô). Khó có thể tin rằng từng ấy con người danh tiếng tốt đẹp lại có quan hệ họ hàng và giao hảo với kẻ tàn ác vô song như thế. Vẫn theo các sử gia đó, Thésée không giết Sciron trong chuyến đi đầu tiên đến Athènes đó, mà là sau này, khi chàng đoạt thành Éleusis⁷⁷ từ tay người Mégare, sau khi lừa được Dioclès, người chỉ huy thành. Đó là những câu chuyện trái ngược nhau về chủ đề này.

XI. Tại Éleusis, Thésée chiến thắng Cercyon xứ Arcadie và giết hắn trong một trận đấu võ. Tiếp, ở Érinéos, chàng đối đầu với Damastès [“Kẻ thống trị”] tức Procruste [“Kẻ đánh đập”]: chàng bắt hắn nằm lên chiếc giường của hắn, làm lại cách thức mà tên kẻ cướp đã làm để giết những người khác⁷⁸. Thésée làm như vậy để bắt chước Héraclès, người trước kia từng đánh lại những kẻ tấn công mình bằng cách trả cho chúng đúng những món đòn của chúng: giết và hiến tế Busiris, bóp chết Antée, lấy chùy đập chết Cycnos, đập võ sọ Terméros (người ta nói đó là nguồn gốc của câu

⁷⁷ Éleusis là một thị trấn nhỏ xứ Attique, thoát tiên tự do nhưng sau được nhập vào Athènes, tại đó có ngôi đền Déméter nổi tiếng.

⁷⁸ Cercyon cũng là con của Poséidon, còn Damastes có biệt danh là Procuste (Plutarque viết là Procruste), nổi tiếng với chiếc giường khủng khiếp: hắn cho nạn nhân nằm lên đó, ai cao quá thì hắn cắt bớt người, thấp quá thì hắn kéo dài ra cho vừa với giường.

"chứng đau đầu Terméros", vì Terméros giết người qua đường bằng cách đập vào đầu họ)⁷⁹. Thésée dùng chính những món đòn của lũ kẻ cướp để trừng phạt chúng, bọn chúng phải nhận lại những đòn tàn bạo từng gây cho người khác, và chịu sự trừng phạt đích đáng vì sự bất công chúng từng gây ra.

XII. Chàng tiếp tục đi đến bờ sông Céphise. Ở đó, những người trong gia đình Phytalide đến gặp chàng và là những người đầu tiên chào đón chàng⁸⁰. Chàng nhờ họ tẩy uế cho mình và họ thực hiện công việc đó với những nghi lễ quen thuộc. Sau khi đã hiến tế xin xá tội, họ mời chàng đến nhà. Cho đến lúc đó trên đường đi, chàng chưa từng gặp ai tốt với mình như vậy. Người ta nói chàng đến nơi vào ngày thứ tám tháng Cronios (mà ngày nay người ta gọi là Hécatombaion⁸¹). Khi đến thành phố, chàng thấy cuộc sống nơi đây đang mất trật tự và hỗn loạn vô cùng; tình hình Égée cũng rất không suôn sẻ. Médée⁸² chạy trốn khỏi Corinthe đến đây, hứa là sẽ dùng thuốc chữa cho Égée khỏi bệnh hiểm muộn và sống với ông. Bà ta đoán ra lai lịch của Thésée. Égée thì không biết chàng là ai, ông đã già và thường xuyên sợ hãi vì những cơn xáo động của dân chúng.

⁷⁹ Xem thêm chi tiết ở *Thân thoại Hy Lạp*, Nguyễn Văn Khỏa, Khoa học xã hội 1990, tập II, từ tr. 132.

⁸⁰ Céphise là một con sông ở Attique. Gia đình Phytalide là con cháu người anh hùng Phytalos, sống bên bờ sông Ilissos, người từng đón tiếp Déméter khi nữ thần đi tìm con gái Corè bị thần Hadès bắt cóc.

⁸¹ Tức là tháng đầu tiên theo lịch Athènes, tương ứng khoảng tháng bảy theo lịch Julien.

⁸² Médée là vợ anh hùng Jason, chỉ huy cuộc đi tìm bộ lông cừu vàng; bà ta giết con để trả thù chồng. Xem kịch "Mêđê" trong *Kịch Oripit*, Văn học 1986, Nguyễn Trác dịch, từ tr. 171.

Médée thuyết phục được ông cho Thésée đến nhà và dùng thuốc độc giết chàng. Thésée đến ăn nhưng quyết định không tự nói mình là ai: chàng muốn cha mình tự phát hiện ra con trai, nên khi thức ăn được dọn ra bàn tiệc, chàng cẩn trọng rút thanh gươm ra như thể định dùng nó xé thịt. Égée nhận ra thanh gươm nên đổ ngay chén thuốc độc đi. Hỏi chuyện con trai xong, ông ôm hôn chàng và triệu tập hội nghị toàn thể dân chúng thành Athènes để giới thiệu. Họ vui mừng đón tiếp vì biết được lòng can đảm của chàng. Người ta nói rằng khi cái cốc bị hất đổ, thuốc độc chảy ra đến nơi ngày nay là vòng thành Delphinion⁸³.

XIII. Cho đến khi đó, các Pallantide vẫn nuôi hy vọng ngôi vua sẽ trở về với họ khi Égée chết đi mà không có con nối dõi. Vốn đã tức tối vì phải chịu đựng Égée chỉ là con nuôi của Pandion nên không hề có liên hệ huyết thống với nhà Érechthéide, nay bọn họ lại càng ấm ức khi Thésée (cũng là một người xa lạ) được chỉ định là thái tử sẽ lên ngôi sau này. Bọn họ bèn chuẩn bị chiến tranh. Họ chia quân thành hai toán: một toán khởi hành từ Sphettos và cùng người cha tiến đánh thắng thành phố, toán còn lại ém ở Gargettos để mai phục, hai toán tạo thành hai gọng kìm kẹp đối thủ vào giữa. Trong số họ có một quan tuyên cáo người tổng Hagnonte⁸⁴ tên là Léos. Ông ta báo lại cho Thésée kế hoạch của nhà Pallantide. Chàng bèn tấn công ngay toán quân mai phục và triệt hạ bọn họ. Khi nghe tin đó, những người đi cùng Pallas bỏ chạy cả. Người ta nói kể từ đó người của tổng Pallénè bị cấm lấy người Hagnonte và không được nói câu “Hãy nghe đây, những kẻ bình dân!”

⁸³ Delphinion là một ngôi đền thờ Apollon.

⁸⁴ Sphettos, Gargettos và Hagnonte thời cổ là các tổng của Attique.

vốn rất thông dụng trong vùng, vì cái tên Léos đã trở nên xấu xa vì tội phản bội đó⁸⁵.

XIV. Thésée, vì vừa muốn sử dụng sức mạnh của mình vừa muốn làm vừa lòng dân chúng, nên quyết định đi đánh con bò tót xứ Marathon đang gây tai họa cho cư dân Tétrapole⁸⁶. Chàng bắt sống con bò này đưa về cho người dân Athènes xem, rồi đem nó đến đền Delphes hiến tế cho thần Apollon.

Huyền thoại kể về việc Hécalè⁸⁷ trọng đai Thésée không hẳn là không chứa đựng sự thật. Các tổng quanh đó vẫn thường tụ tập để hiến tế thần Zeus Hécalè và cả Hécalè. Hécalè được gọi thân mật là Hécalinè vì khi đón tiếp Thésée lúc đó còn rất trẻ, bà đã hôn chàng và gọi chàng bằng nhiều tên thân mật theo lối đó, giống như mọi người già. Khi chàng đi chiến đấu, bà hứa sẽ tế thần Zeus nếu chàng an toàn trở về, nhưng bà đã mất trước khi chàng về tới nơi. Để đền đáp sự đón tiếp thân tình đó, Thésée lệnh cho dân chúng ở đó dành cho bà những vinh dự mà tôi vừa nói đến, theo lời kể của Philochore⁸⁸.

⁸⁵ Cái tên Léos có nghĩa là “bình dân”.

⁸⁶ Vùng Tétrapole tập hợp bốn thị trấn Attique: Marathon, Oenoè, Probalinthos và Tricorythos. Con bò tót Marathon là con quái vật mũi thở ra lửa.

⁸⁷ Callimachus (nhà thơ Alexandrie sống ở TK III tCN) từng viết một bản anh hùng ca nho nhỏ tên là *Hécalè* để kể chuyện này.

⁸⁸ Philochore là người nổi tiếng nhất trong số các sử gia mang tên chung Atthidographe, những người kể từ cuối TK V tCN tập hợp tất cả các yếu tố liên quan đến lịch sử Athènes (tên của trường phái này được đặt theo tên công chúa Atthis trong thần thoại). Ông sống khoảng từ năm 340 đến 260 tCN, tác phẩm nổi tiếng nhất là *Atthis*.

XV. Không lâu sau đó, có người từ Crète tới để lấy đồ cúng nạp. Vì Androgée⁸⁹ bị lừa giết ở Attique, Minos đã tiến hành chiến tranh và gây nhiều đau khổ cho người dân. Trong khi đó thiên tai lại hoành hành khắp thôn quê, sông ngòi cạn khô; sự nghèo đói và bệnh tật hành hạ mọi người. Thần linh ra lệnh cho dân chúng hòa giải với Minos để làm ông nguôi cơn giận dữ thánh thần và để chấm dứt những nỗi bất hạnh. Người ta bèn cử các quan tuyên cáo mang theo những lời cầu xin đến yết kiến Minos. Một hiệp ước đã được ký kết, theo đó cứ chín năm một lần, người Athènes phải gửi đồ công nạp cho ông gồm bảy đứa bé trai và bảy đứa bé gái. Hầu hết các sứ gia đều đồng ý với điều này. Về các cậu bé cô bé bị gửi đến Crète, câu chuyện đau thương nhất kể rằng chúng bị Minotaure giết chết trong Mê cung, hoặc là chúng lang thang trong đó mà không tìm được lối ra và cuối cùng phải chết⁹⁰. Còn Minotaure, theo Euripide, là:

Một hình hài pha trộn, xấu xa,

hoặc:

Một con bò tót lai người.

XVI. Nhưng theo Philochore thì người Crète phản đối câu chuyện đó. Theo họ, Mê cung là một nhà tù, trong đó tù nhân không phải chịu hình phạt nào, ngoại trừ án giam suốt đời vì không thể thoát được ra. Minos cho tổ chức một cuộc

⁸⁹ Androgée là con trai Minos, bị sát hại ở Athènes sau khi chiến thắng tại kỳ thi đấu ở đây.

⁹⁰ Mê cung là công trình do kiến trúc sư Dédale (cha của Icare, người bị rơi trong chuyến bay trốn khỏi Mê cung do bay quá gần mặt trời) xây theo yêu cầu của vua Minos để nhốt quái vật Minotaure đầu bò thân người, sản phẩm của cuộc tình duyên giữa vợ Minos và con bò do thần Poséidon phái đến.

vốn rất thông dụng trong vùng, vì cái tên Léos đã trở nên xấu xa vì tội phản bội đó⁸⁵.

XIV. Thésée, vì vừa muôn sử dụng sức mạnh của mình vừa muốn làm vừa lòng dân chúng, nên quyết định đi đánh con bò tót xứ Marathon đang gây tai họa cho cư dân Tétrapole⁸⁶. Chàng bắt sống con bò này đưa về cho người dân Athènes xem, rồi đem nó đến đền Delphes hiến tế cho thần Apollon.

Huyền thoại kể về việc Hécalè⁸⁷ trọng đai Thésée không hẳn là không chứa đựng sự thật. Các tổng quanh đó vẫn thường tụ tập để hiến tế thần Zeus Hécalè và cả Hécalè. Hécalè được gọi thân mật là Hécalinè vì khi đón tiếp Thésée lúc đó còn rất trẻ, bà đã hôn chàng và gọi chàng bằng nhiều tên thân mật theo lối đó, giống như mọi người già. Khi chàng đi chiến đấu, bà hứa sẽ tế thần Zeus nếu chàng an toàn trở về, nhưng bà đã mất trước khi chàng về tới nơi. Để đền đáp sự đón tiếp thân tình đó, Thésée lệnh cho dân chúng ở đó dành cho bà những vinh dự mà tôi vừa nói đến, theo lời kể của Philochore⁸⁸.

⁸⁵ Cái tên Léos có nghĩa là “bình dân”.

⁸⁶ Vùng Tétrapole tập hợp bốn thị trấn Attique: Marathon, Oenoè, Probalinthos và Tricorythos. Con bò tót Marathon là con quái vật mũi thở ra lửa.

⁸⁷ Callimachus (nhà thơ Alexandrie sống ở TK III tCN) từng viết một bản anh hùng ca nho nhỏ tên là *Hécalè* để kể chuyện này.

⁸⁸ Philochore là người nổi tiếng nhất trong số các sử gia mang tên chung Atthidographe, những người kể từ cuối TK V tCN tập hợp tất cả các yếu tố liên quan đến lịch sử Athènes (tên của trường phái này được đặt theo tên công chúa Atthis trong thần thoại). Ông sống khoảng từ năm 340 đến 260 tCN, tác phẩm nổi tiếng nhất là *Atthis*.

XV. Không lâu sau đó, có người từ Crète tới để lấy đồ cúng nạp. Vì Androgée⁸⁹ bị lừa giết ở Attique, Minos đã tiến hành chiến tranh và gây nhiều đau khổ cho người dân. Trong khi đó thiên tai lại hoành hành khắp thôn quê, sông ngòi cạn khô; sự nghèo đói và bệnh tật hành hạ mọi người. Thần linh ra lệnh cho dân chúng hòa giải với Minos để làm ông nguôi cơn giận dữ thánh thần và để chấm dứt những nỗi bất hạnh. Người ta bèn cử các quan tuyên cáo mang theo những lời cầu xin đến yết kiến Minos. Một hiệp ước đã được ký kết, theo đó cứ chín năm một lần, người Athènes phải gửi đồ công nạp cho ông gồm bảy đứa bé trai và bảy bé gái. Hầu hết các sứ gia đều đồng ý với điều này. Về các cậu bé cô bé bị gửi đến Crète, câu chuyện đau thương nhất kể rằng chúng bị Minotaure giết chết trong Mê cung, hoặc là chúng lang thang trong đó mà không tìm được lối ra và cuối cùng phải chết⁹⁰. Còn Minotaure, theo Euripide, là:

Một hình hài pha trộn, xấu xa,

hoặc:

Một con bò tót lai người.

XVI. Nhưng theo Philochore thì người Crète phản đối câu chuyện đó. Theo họ, Mê cung là một nhà tù, trong đó tù nhân không phải chịu hình phạt nào, ngoại trừ án giam suốt đời vì không thể thoát được ra. Minos cho tổ chức một cuộc

⁸⁹ Androgée là con trai Minos, bị sát hại ở Athènes sau khi chiến thắng tại kỳ thi đấu ở đây.

⁹⁰ Mê cung là công trình do kiến trúc sư Dédale (cha của Icare, người bị rơi trong chuyến bay trốn khỏi Mê cung do bay quá gần mặt trời) xây theo yêu cầu của vua Minos để nhốt quái vật Minotaure đầu bò thân người, sản phẩm của cuộc tình duyên giữa vợ Minos và con bò do thần Poséidon phái đến.

thi thể thao để tôn vinh Androgée và trao phần thưởng là những đứa trẻ bị nhốt trong Mê cung. Ở cuộc thi đầu tiên, người thắng trận là tướng quân Tauros, nhân vật khi đó có ảnh hưởng lớn nhất ở triều đình Minos và là một người vô cùng hung dữ; ông ta đối xử rất tàn nhẫn đối với những đứa trẻ Athènes. Trong *Hiến pháp của người Bottie*⁹¹, Aristote cũng nói rõ là theo ông những đứa trẻ này không bị Minos giết mà bị bắt phải làm những công việc nặng nhọc ở Crète cho đến già. Người ta nói có lần, theo một lời hứa cổ xưa, người Crète gửi đến Delphes những đứa con đầu lòng của mình, những đứa trẻ Athènes cũng bị trộn lẫn với chúng và cùng bị đưa đi. Nhưng vì không sống được ở Delphes, đầu tiên chúng sang Ý, sống ở vùng Iapygie, từ đó chúng đi Thrace⁹² và trở thành người Bottie. Chính vì thế mà khi hiến tế, các cô gái Bottie thường hát: “Đi đến Athènes thôi”.

Thật nguy hiểm khi bị một thành phố giỏi về tài ăn nói và nghệ thuật căm thù: Minos vẫn luôn bị chê bai và chế giễu trên sân khấu kịch nghệ Athènes; cho dù được Hésiode⁹³ gọi là “con người cao quý nhất” và Homère gọi là “bạn của thần Zeus”, ông vẫn bị chửi rủa như thường. Các nhà thơ bi kịch thắng thế, từ trên sân khấu bọn họ ném xuống ông những lời châm chọc, gọi ông là kẻ độc ác và tàn bạo. Thế nhưng, người ta nói Minos là ông vua và nhà lập pháp⁹⁴, và Rhadamanthe là vị thẩm phán chăm lo cho các đạo luật mà Minos đặt ra.

⁹¹ Ngày nay không còn.

⁹² Tên vùng đất ven bờ phía bắc biển Égée, nay thuộc lãnh thổ các nước Hy Lạp, Bulgarie và Thổ Nhĩ Kỳ.

⁹³ Xem chú thích ở trên, III.

⁹⁴ Platon cũng khẳng định điều này trong *Gorgias* (ở Sài Gòn có xuất bản một bản dịch năm 1960). Sau khi mất, Minos trở thành quan tòa ở Âm phủ, cùng người anh em Rhadamanthe và Éaque.

XVII. Kỳ nộp đồ cống nạp lần thứ ba đã tới, các ông bố phải đến để bắt thăm. Người ta lại bắt đầu lên án Égée. Các công dân run rẩy và tức tối khi nhìn thấy ông, nguồn gốc của mọi đau khổ, người duy nhất không hề phải gánh chịu hình phạt. Ông đã giao quyền lực cho một thằng con hoang, một kẻ nước ngoài, và ông bỏ mặc bọn họ bị bắt đi những đứa con ruột rà và cả dòng giống sau này. Những lời phàn nàn khiến Thésée đau lòng. Chàng nghĩ không thể bỏ qua chuyện này và phải chia sẻ số phận với đồng bào của mình: chàng bèn bước tới và tự ứng cử mà không cần rút thăm. Tất cả đều ngưỡng mộ sự kiêu hãnh của chàng và vui mừng vì thấy chàng tận tụy với dân chúng như vậy. Égée van xin con trai nhưng không thể lay chuyển được chàng. Ông bèn cho tiến hành rút thăm để chọn những đứa trẻ khác. Tuy nhiên, theo Hellanicos⁹⁵, những đứa bé trai bé gái bị đem cống nạp không phải được chọn thông qua rút thăm mà do đích thân Minos đến tận nơi chọn. Ông đã chọn Thésée đầu tiên, trước tất cả những người khác, theo các điều kiện đã đượcấn định. Các điều kiện đó là: người Athènes cung cấp thuyền, các cậu bé lên thuyền cùng ông không được mang theo "vũ khí của thần Arès"⁹⁶, hình phạt sẽ chỉ chấm dứt khi nào Minotaure chết đi.

Những lần trước đó, không ai hy vọng gì về việc trở lại, nên con thuyền thường ra đi với một cánh buồm màu đen, dấu hiệu của bất hạnh. Nhưng lần này, vì Thésée đảm bảo với cha là mình sẽ diệt được Minotaure, Égée đưa thêm cho người lái thuyền một cánh buồm màu trắng và ra lệnh phải dùng nó khi

⁹⁵ Hellanicos đảo Lesbos là một nhà văn sống ở TK V tCN, là người đầu tiên viết sử Athènes.

⁹⁶ Ý nói là không được vũ trang. Arès (Mars) là thần chiến tranh.

trở về nếu Thésée thoát được, nếu không phải dùng buồm đen để thông báo thảm họa. Nhưng theo Simonide, cánh buồm mà Égée đưa không phải màu trắng mà là

*Một mảnh vải viền tía, màu của
Bông hoa sồi xanh ẩn ướt nhiều nụ,
đó sẽ là dấu hiệu được lựa chọn để thông báo may mắn.*

Theo Simonide, người lái thuyền là Phéréclos, một hậu duệ của Amarsyas; nhưng theo Philochore, người này tên là Nausithoos và người thủy thủ là Phaiax. Sciros là người gửi họ cho Thésée từ Salamine⁹⁶, vì khi đó người Athènes còn chưa quan tâm đến biển khơi; Sciros là ông ngoại của Ménesthès, một trong những đứa trẻ có mặt trên tàu. Simonide chứng minh điều đó bằng tượng các anh hùng Nausithoos và Phaiax mà Thésée cho dựng ở Phalère, gần đền Sciros, và lễ Cybernésia được tổ chức để vinh danh họ.

XVIII. Sau buổi rút thăm, Thésée cho đưa những đứa trẻ đã bị chọn rời Phòng Họp⁹⁷ và đến đền Delphinion⁹⁸ để hiến tế cho Apollon cành cây của người gặp nạn: đó là một cành oliu thiêng, xung quanh quấn len trắng. Sau khi khấn, chàng

⁹⁶ Hòn đảo nằm phía đông lục địa Hy Lạp, trong biển Égée, gần Athènes. Tại đây vào năm 480 tCN đã diễn ra trận đánh nổi tiếng: quân Hy Lạp dưới quyền chỉ huy của Thémistocle (Xem Thémistocle) đánh tan hạm đội hùng mạnh của quân Ba Tư dưới quyền chỉ huy của vua Xerxès I. Năm 480 tCN cũng là một mốc đặc biệt của nền kịch nghệ Hy Lạp, điểm hội tụ của ba ngôi sao sáng nhất, vì trong đội quân thắng trận trở về có Eschyle, trong đám rước có Sophocle khi đó chưa đầy 20 tuổi chỉ huy một dàn đồng ca đón chào, và cùng năm đó Euripide được sinh ra.

⁹⁷ Xem ở dưới, chương XXIV.

⁹⁸ Xem chú thích ở trên, XII.

đi ra biển; ngày thứ sáu tháng Mounychion⁹⁹ ngày nay vẫn là ngày mà người ta gửi các cô gái đến Delphinion để cầu xin. Người ta nói vị thần đền Delphes [Apollon] ra lệnh cho chàng lấy Aphrodite làm người dẫn đường, và phải mời nữ thần đến để đi cùng; nhưng khi chàng hiến tế bên bờ biển, con dê mà chàng hiến chợt biến thành cừu, do đó nữ thần được gọi là Épitragia ["Nữ thần cừu"].

XIX. Theo phần lớn sách vở và bài ca, khi Thésée đến Crète, con gái Minos là Ariane đem lòng yêu chàng¹⁰⁰: nàng đưa chàng sợi dây và dạy chàng cách thoát khỏi Mê cung. Chàng giết được Minotaure và đi ra biển, mang theo Ariane và những đứa bé. Theo Thérècydès, Thésée còn đục thủng tàu của người Crète để ngăn họ đuổi theo, và theo Démon thì Tauros, vị tướng của Minos, bị giết trong một trận thủy chiến ở cảng trong khi Thésée đang bò đi. Philochore lại kể là Minos tổ chức cuộc đấu võ và tất cả đều trông chờ Tauros một lần nữa lại chiến thắng. Nhưng người ta ghen tị với ông ta: tính cách của ông ta khiến quyền lực mà ông ta có trở nên thái quá, và người ta buộc tội ông ta lăng nhăng với Pasiphaé¹⁰¹. Vì thế mà khi Thésée xin ra thi đấu, Minos đồng ý ngay lập tức. Ở Crète có tục phụ nữ cũng được đến xem những buổi thi đấu. Ariane có mặt, khi nhìn thấy Thésée, nàng vô cùng xúc động, sung sướng được xem chàng thi đấu và hạ gục tất cả các đối thủ. Bản thân Minos cũng hài lòng,

⁹⁹ Tức là tháng đầu tiên của mùa xuân.

¹⁰⁰ Theo Démon, Philochore, Thérècydès và Cleidemos, các sử gia Athènes.

¹⁰¹ Con gái thần mặt trời Hélios, vợ của Minos, mẹ của Ariane và Phèdre. Từ cuộc tình với con bò tót trắng sinh ra từ sóng biển do thần Poséidon phái tới, bà sinh ra quái vật Minotaure.

nhất là vì được thấy Tauros thua trận và bị làm nhục. Ông bèn trả cho Thésée những đứa trẻ và tuyên bố thôi không lấy đồ cống nạp của Athènes nữa.

Cleidémos có một phiên bản hoàn toàn khác. Ông lùi câu chuyện về thời rất xa xưa. Theo ông, người Hy Lạp có một đạo luật cấm không cho chiến thuyền có hơn năm người trên boong ra khỏi bất kỳ cảng biển nào. Người duy nhất có quyền đó là Jason, người chỉ huy con tàu *Argô* vì ông đi đánh cướp biển. Nhưng Dédale¹⁰³ đã chạy trốn bằng đường biển đến Athènes; Minos dùng thuyền dài đuổi theo, trái với những gì ghi trong luật, và bị bão thổi đến Sicile rồi chết ở đó. Con trai ông, Deucalion, vô cùng căm tức người Athènes, sai sứ giả đến đòi phải trao trả Dédale, nếu không sẽ giết những đứa trẻ mà Minos đã nhận làm con tin. Thésée nhẹ nhàng trả lời rằng Dédale là anh em họ của mình, người của gia đình mình, vì mẹ Dédale là Méropè, con gái của Érechthée. Nhưng về phần mình, chàng cho xây dựng một đội chiến thuyền, một phần được làm tại chỗ, ở Thymaetades, xa con đường của những người nước ngoài, một phần ở Trézène, nhờ sự giúp đỡ của Pitthée, vì chàng muốn tất cả ở trong vòng bí mật. Khi tất cả đã xong, chàng lên tàu cùng Dédale và những người chạy trốn khỏi Crète. Không ai biết gì, người Crète thì tưởng là tàu bạn hữu đang đến gần. Thésée chiếm lấy cảng, đổ bộ lên bờ và không chờ đợi lâu la, tiến đánh Cnossos¹⁰⁴. Chàng chiến đấu ở cửa Mê cung, giết Deucalion và quân lính của ông ta. Từ đó Ariane lên nắm quyền, chàng ký hiệp ước với nàng: chàng lấy lại những đứa trẻ và thiết lập một liên minh giữa người

¹⁰³ Xem chú thích ở trên, XIII.

¹⁰⁴ Thủ phủ đảo Crète, một địa điểm khảo cổ quan trọng.

Athènes và người Crète, theo đó giữa hai bên sẽ không bao giờ có chiến tranh nữa.

XX. Còn có rất nhiều dị bản khác hẳn nhau về các sự kiện này và về nàng Ariane. Theo một số người, Ariane bị Thésée bỏ rơi và treo cổ tự tử. Một số người khác lại nói nàng được các thủy thủ dẫn đến Naxos và cưới Oinaros ["cành nho"], thầy tế của thần Dionysos¹⁰⁵ ở đó. Thésée bỏ nàng vì chàng yêu một người con gái khác:

Yêu diên cuồng Aiglè, con gái Panopée¹⁰⁶.

Theo Héraclas xứ Mégare, Pisistrate¹⁰⁷ lấy cắp câu thơ này từ tác phẩm của Hésiode, ngoài ra để làm vui lòng người Athènes ông còn cho vào phần "Gọi hôn" của tác phẩm *Odyssée* câu thơ sau:

Thésée, Pirithous, những người con vinh quang của các vị thần¹⁰⁸.

Theo một số nhà văn, Ariane và Thésée sinh được hai người con, Oinopion ["Người uống rượu vang"] và Staphylos ["Nho"]. Một trong số các tác giả đó, Ion xứ Chios, nói về đất nước của mình:

¹⁰⁵ Thần rượu nho và hội hè, tiệc tùng, nguồn cảm hứng để Nietzsche xây dựng lý thuyết mĩ học của mình, trong đó đặt hai loại thẩm mĩ đối nghịch: thẩm mĩ chuẩn mực theo lối Apollon và thẩm mĩ cuồng loạn, phóng túng theo lối Dyonybos.

¹⁰⁶ Panopée là một vị anh hùng Phocidie, thuộc gia đình Éaque.

¹⁰⁷ Pisistrate là bạo chúa Athènes ở TK VI, bạn của nhà lập pháp Solon. Nhiều người cho là ông từng viết một vài phần hoặc chỉnh lí tác phẩm của Homère.

¹⁰⁸ *Odyssée*, XI, câu 631. Thésée và Pirithous (xem chương XXX ở dưới) là những người chết mà Ulysse gặp khi chàng xuống Âm phủ.

Oipinion, con trai Thésée, đã thành lập nó.

Các huyền thoại nổi tiếng nhất trong số đó thì ai cũng biết. Nhưng Paion xứ Amathonte lại có một phiên bản khác hẳn. Theo ông, Thésée bị bão tố đưa đến đảo Chypre. Ariane, khi đó đang mang thai, cảm thấy không được khỏe khi di thuyền nên Thésée dành cho nàng lên bờ một mình, và trong khi cô cứu thuyền, chàng bị sóng đánh bật ra khơi. Những người phụ nữ trên đảo đón nhận Ariane và chăm sóc nàng. Thấy nàng tuyệt vọng vì phải ở lại một mình, họ đưa cho nàng những lá thư giả, vò là của Thésée. Lúc nàng trở dạ, họ đến giúp đỡ nàng, nhưng nàng chết đi trước khi kịp sinh, và những người phụ nữ này chôn cất nàng. Khi Thésée quay lại, chàng vô cùng đau đớn và cho lại người dân nơi đó một số tiền để họ hiến tế vì Ariane; chàng cũng dựng hai bức tượng nhỏ, một bằng bạc, một bằng đồng. Trong lễ hiến tế vào ngày thứ hai tháng Gorpiaios đó¹⁰⁹, một chàng thanh niên đang ngủ chợt kêu lên và có những cử chỉ giống đàn bà lúc lâm bồn. Người dân Amathonte gọi khu rừng thiêng nơi có mộ nàng là “rừng Ariane Aphrodite”.

Một số người dân Naxos còn kể câu chuyện khác nữa. Theo họ có hai Minos và hai Ariane. Nàng Ariane đầu tiên lấy Dionysos xứ Naxos¹¹⁰, sinh được Staphylos và một người em trai. Nàng thứ hai sống ở thời sau này, bị Thésée cướp đi, rồi bị ruồng bỏ, đến Naxos cùng bà vú nuôi tên là Corcynè, hiện vẫn còn mộ. Nàng Ariane này cũng mất ở Naxos, nơi người ta thờ nàng Ariane kia theo cách khác hẳn: trong khi lễ hội tưởng niệm nàng Ariane thứ nhất tràn ngập niềm vui và có nhiều trò giải trí, thì

¹⁰⁹ Tức là cuối tháng Tám theo lịch Chypre.

¹¹⁰ Hòn đảo trong biển Égée, thuộc chùm đảo Cyclade.

các lẽ hiến tế cho nàng Ariane thứ hai nhuốm màu tang tóc và buồn thảm.

XXI. Từ Crète trở về, Thésée dừng ở Délos¹¹¹. Sau khi hiến tế thần linh và tặng bức tượng Aphrodite mà chàng nhận được từ Ariane, chàng nhảy với các thanh niên ở đó một điệu nhảy mà ngày nay người Délos vẫn còn sử dụng: nó tái tạo những chỗ ngoắt ngoéo của Mê cung theo một nhịp điệu nhiều biến tấu và lặp lại. Theo Dicéarque¹¹², người Délos gọi điệu nhảy đó là géranos ["con sếu"]. Thésée nhảy điệu đó xung quanh Cératon, bàn thờ độc đáo được làm toàn từ sừng bên trái của các loài vật. Người ta cũng nói là chàng tổ chức một cuộc thi đấu ở Délos; những người chiến thắng lần đầu đều được nhận một cành cọ từ tay chàng.

XXII. Khi về đến gần Attique, cả Thésée và người lái tàu vì hân hoan đều quên kéo lá buồm báo tin cho Égée là họ vẫn được bình an. Égée tuyệt vọng lao từ vách núi xuống tự tử. Khi Thésée cập bến, chàng đích thân hiến tế ở Phalère những gì mà chàng đã hứa khi ra đi và sai một quan tuyên cáo đến thành phố để thông báo chàng trở về an toàn. Trên đường đi, quan tuyên cáo gặp nhiều người đang khóc lóc vì cái chết của nhà vua, trong khi những người khác, khi nghe tin được giải thoát, vui sướng hết sức, vội vã ăn mừng và choàng vòng hoa lên ông. Ông

¹¹¹ Một hòn đảo ở biển Égée, nổi tiếng vì là nơi sinh của Apollon và Artémis. Ngày nay thuộc Thổ Nhĩ Kỳ.

¹¹² Dicéarque, gốc Messène (Péloponnèse) là học trò Aristote và Théophraste ở Athènes hồi những thập niên cuối cùng của TK IV tCN.

nhận các vòng hoa, quấn chúng quanh chiếc gậy của mình, rồi lại quay ra biển.

Vì Thésée còn chưa rót rượu lễ xong, ông đứng ở xa để không làm kinh động chàng. Khi chàng kết thúc lễ tế, ông báo tin cái chết của Égée. Tất cả đều òa khóc vì đau xót và vội vã trở về thành phố. Người ta nói vì thế mà cho đến ngày nay vẫn vậy, trong buổi lễ của các Oschophorie¹¹³, người ta không choàng vòng hoa cho quan tuyên cáo mà cho chiếc gậy của ông ta, và trong khi rót rượu lễ, những người phụ tá phải kêu: "Éléleu! Iou! Iou!". Tiếng đầu tiên là tiếng mà người ta thường kêu khi rót rượu và khi hát khúc tụng ca Apollon, tiếng thứ hai biểu lộ sự bàng hoàng và bối rối.

Sau đám tang, Thésée trả lễ cho Apollon vào ngày thứ bảy tháng Pyanepson, cũng vào ngày đó họ trở về thành phố. Tục luộc rau vào ngày đó được giải thích bởi việc các cô bé cậu bé mà chàng đã cứu sống dồn tất cả đồ ăn của mình vào một cái nồi lớn, nấu lên để ăn mừng với nhau. Người ta mang đến *eirésionè*, một cành ôliu quấn len, giống cành cây xin lễ ngày trước¹¹⁴. Trên đó có treo nhiều loại trái cây đầu vụ để ăn mừng mùa màng trở lại, và người ta hát:

*Eirésionè treo sung và bánh béo,
Một bình đầy mật, đậu bối da
Cốc rượu vang thuần khiết ru giấc ngủ*

¹¹³ Tức là lễ của những người chèo thuyền, để kỷ niệm sự quay trở lại của Thésée, được tổ chức vào đầu mùa thu.

¹¹⁴ Xem ở trên, XVIII.

Thế nhưng theo một số người, những câu thơ này liên quan đến các Héraclide¹¹⁵ được người Athènes cho trú ngụ. Nhưng thuyết phổ biến nhất là thuyết tôi sắp nói đến dưới đây.

XXIII. Con thuyền chở Thésée và các cô bé cậu bé đi và đưa họ trở về lành lặn có ba mươi mái chèo, người Athènes đã lưu giữ nó cho đến tận thời Démétrios xứ Phalère¹¹⁶. Họ gõ ván thuyền khi chúng quá cũ để thay bằng ván mới chắc hơn. Vì thế, khi các triết gia bàn luận về khái niệm tăng trưởng, họ coi con thuyền là một ví dụ gây tranh cãi: một số người cho rằng nó vẫn luôn là chính nó, trong khi những người khác lại nói khi thay ván nó không còn là con thuyền cũ nữa.

Ở Athènes người ta cũng tổ chức lễ hội cho các Oschophoros¹¹⁷ do Thésée lập ra. Người ta nói chàng đã không mang theo tất cả các cô gái trẻ đã rút đúng thăm phải đi lần đó. Trong số các bạn đồng hành của chàng có hai chàng thanh niên, dáng vẻ thì yếu điệu và trẻ trung nhưng lại có tâm hồn mạnh mẽ và quyết đoán. Nhờ tắm rửa thường xuyên, sống trong phòng kín, chăm chỉ điểm trang mái tóc bằng dầu bôi và đồ trang sức, nước da họ mềm đi và sáng bóng lên, vẻ ngoài của họ thay đổi rất nhiều; chàng cũng dạy họ bắt chước giọng nói, bước đi và dáng điệu của phụ nữ, đến mức không còn khác biệt gì nữa. Rồi chàng cho họ lên thuyền cùng các cô gái. Không ai nhận ra điều gì khác lạ. Khi trở về, chính chàng dẫn đầu đám rước, đi hai bên là hai chàng trai ăn mặc theo lối người cầm cành cây thiêng

¹¹⁵ Con cháu của Héraclès.

¹¹⁶ Démétrios xứ Phalère, triết gia và nhà chính trị Athènes, đứng đầu thành phố từ 317 đến 307 rồi bị lưu đày ở Ai Cập. Có lẽ ông chính là người khuyên vua Ptolémée xây dựng Thư viện Alexandria.

¹¹⁷ Xem chú thích ở trên, XXII.

ngày nay. Người ta mang những cành cây đó để tôn vinh Dionysos và Ariane, theo huyền thoại, hoặc đúng hơn là vì họ trở về Athènes vào mùa thu hoạch trái cây. Các Deipnophore [“Nàng mang xúp”] tham dự buổi lễ và tham gia hiến tế: các nàng đóng vai những bà mẹ có con bị rút trúng thăm, mang đến cho chúng kẹo và bánh mì. Họ đọc các bài ngũ ngôn, vì những người mẹ hồi đó kể chuyện cho con mình để an ủi và cổ vũ chúng. Trong số những người kể lại các chi tiết này có Démon.

Người ta xây dựng một ngôi đền để tạ ơn Thésée. Chàng ra lệnh các gia đình có con được cứu thoát phải cúng tế, và giao cho gia đình Phytalide¹¹⁸ phụ trách công việc này để đền ơn họ từng trọng đai mình.

XXIV. Sau khi Égée mất, chàng tiến hành một sứ mạng lớn lao và tuyệt diệu: chàng tập hợp toàn thể dân chúng Attique lại trong một thành phố, từ đó tạo nên một dân tộc duy nhất, xây dựng một Thành phố duy nhất¹¹⁹. Trước đây dân chúng sống tản mát và rất khó để bắt họ hành động vì lợi ích chung, thậm chí có lúc họ còn đối đầu và gây chiến với nhau. Thésée đến thăm từng tổng và gia đình để thuyết phục họ. Công dân bình thường và người nghèo nhanh chóng hưởng ứng lời kêu gọi của chàng. Còn với các nhà quý tộc, chàng hứa hẹn một chính quyền không có vua, một nền dân chủ mà chàng sẽ chỉ là vị chỉ huy quân sự và giữ gìn luật pháp; còn lại, mọi người đều có quyền như nhau. Một số người đồng ý, một số khác, vì

¹¹⁸ Xem chương XII ở trên.

¹¹⁹ Theo truyền thống, Plutarque không chỉ cho Thésée là người lập ra Athènes mà còn là cha đẻ của nền dân chủ, vì quyền lực khi đó thuộc về tất cả mọi người.

sợ quyền lực vốn đã rất lớn và tính cách quyết liệt của chàng, chọn cách vui vẻ vâng lời hơn là chịu cảnh bị ép buộc. Chàng bèn phá hủy các phòng họp¹²⁰ và tòa nhà của hội đồng ở mỗi thành phố, và xóa bỏ chế độ quan tước. Chàng xây dựng một Phòng Họp và một tòa nhà hội đồng duy nhất và chung cho tất cả, ở chỗ thành phố hiện tại; chàng đặt tên thành phố là Athènes và tổ chức một lễ hiến tế chung, lễ Panathénées.

Ngày thứ mười sáu tháng Hécatombaion¹²¹, chàng cũng tổ chức lễ hiến tế Métoica mà ngày nay người ta vẫn tiến hành. Rồi chàng từ bỏ ngai vàng như đã hứa và bắt tay vào công việc định ra quy tắc chính trị. Trước hết chàng hướng về thần linh, và khi xin sấm cho Thành phố, chàng nhận được từ Delphes câu tiên tri sau đây:

*Hỡi Thésée, con trai Égée, cháu của Pitthée,
Trong số vô vàn thành phố mà cha ta đã giao phó
Số mệnh và kêt cục cho thành trì của ngươi.
Đừng nhọc lòng suy tính làm chi!
Nếu không trên mặt nước dâng tràn, ngươi sẽ vượt biển.*

Người ta kể rằng sau này nữ tiên tri Sybille¹²² cũng sẽ đọc đúng lời sấm đó cho thành phố qua câu nói sau:

Ngươi ở trong nước, nhưng sẽ không bị chìm¹²³.

¹²⁰ Prytanée là phòng họp của các vị quan trong thành phố. Bouleutérion là phòng hội đồng họp. Tên thành phố Athènes mang số nhiều để ghi nhận sự tập hợp này. Panathénées là lễ tập họp tất cả người dân Athènes xung quanh nữ thần bảo trợ của thành phố.

¹²¹ Xem chú thích ở trên, XII.

¹²² Từ chỉ những người phụ nữ Hy Lạp hay La Mã có khả năng tiên tri. Sau này thành tên riêng của phụ nữ (chẳng hạn tác phẩm *Sybil* của nhà văn Anh Disraeli vào TK XIX).

¹²³ Những lời sấm này hé lộ vai trò quan trọng của hàng hải với Athènes tương lai.

XXV. Vì muốn mở rộng thành phố thêm nữa, chàng mời gọi tất cả mọi người và hứa sẽ cho tất cả quyền bình đẳng; người ta nói rằng câu nói “Tất cả các dân tộc, hãy tới đây!” là một lời kêu gọi của Thésée, khi chàng quyết định lập ra một dân tộc duy nhất. Nhưng chàng không muốn nhìn thấy cảnh một đám đông vô trật tự sẽ nhấn chìm nền dân chủ trong bất ổn và rối ren. Chàng là người đầu tiên phân chia dân chúng thành quý tộc [*eupatride*], nông dân [*géomoroi*] và thợ thủ công [*démiourgoi*]. Chàng giao cho quý tộc chăm lo các công việc tôn giáo, cung cấp quan lại, dạy dỗ luật pháp và diễn giải các luật lệ thần linh và thiêng liêng. Giữa các công dân, chàng tạo ra một kiểu bình đẳng: quý tộc vượt trội về vinh quang, nông dân về tính hữu dụng và thợ thủ công về số lượng. Chàng là người đầu tiên “chú ý tới số đông”, theo cách nói của Aristote, và là người đầu tiên từ bỏ quyền lực quân chủ. Dường như Homère cũng nói theo hướng đó: trong *Iliade*, khi liệt kê những người đi theo Agamemnon đánh Troie, người Athènes là những người duy nhất được ông gọi là dân tộc. Thésée cũng cho đúc một loại tiền in hình con bò, hoặc để nhắc lại câu chuyện con bò tót ở Marathon, hay viên tướng của Minos, hoặc để khuyến khích công dân của mình làm nông nghiệp. Người ta nói là từ loại tiền này mà có các cách nói *hécatomboion* [“đáng giá một trăm con bò”] và *décaboion* [“đáng giá mười con bò”].

Chàng sáp nhập Mégaride¹²⁴ với Attique và dựng trên eo đất Corinthe tấm bia lừng danh, trên đó khắc dòng chữ đánh dấu biên giới gồm hai câu thơ ba nhịp, mặt phía đông là:

Đây là Ionie, bạn đã rời khỏi Péloponnèse

và mặt phía tây:

¹²⁴ Tức là vùng đất trán giữ lối vào eo đất Corinthe.

Hết Ionie, đã sang Péloponnèse

Chàng là người đầu tiên tổ chức ở đây một cuộc đua để tỏ ra không thua kém Héraclès: nhờ Héraclès mà người Hy Lạp có các kỳ Olympique để vinh danh thần Zeus; Thésée cũng muốn tổ chức một cuộc đua thể thao ở Eo đất¹²⁵ để tôn vinh thần Poséidon. Thật ra cuộc thi ở Eo đất vinh danh Mélicertès và diễn ra vào ban đêm, giống với một buổi lễ nhập đạo hơn là một cuộc thi đấu và một cuộc hội họp đông người. Theo một số người, cuộc thi ở Eo đất được tổ chức để vinh danh Sciron; Thésée muốn được tha thứ vì đã giết người có họ với mình, vì người ta nói Sciron là con của Canéthos và Héniochë, tức là cháu ngoại của Pitthée. Theo một số người khác, đó không phải là Sciron mà là Sinis¹²⁶ và Thésée tổ chức cuộc thi để tôn vinh Sinis chứ không phải Sciron. Dù thế nào đi nữa, chàng cũng giải quyết xong mọi việc và thỏa thuận với người Corinthe để họ dành cho người Athènes tại cuộc thi ở Eo đất số chỗ trên những hàng ghế đầu với diện tích rộng bằng chiếc buồm của con thuyền chở các théore đến đây: đó là điều mà Hellanicos và Andron xứ Halicarnasse¹²⁷ kể lại.

XXVI. Rồi Thésée lên tàu đi Pont-Euxin¹²⁸. Theo Philochore và một vài người khác, chàng tham gia đội

¹²⁵ Thời cổ, các kỳ thi Isthme diễn ra bốn năm một lần, để vinh danh Poséidon.

¹²⁶ Về Sciron, xem chương X; về Sinis, xem chương VIII.

¹²⁷ Về Hellanicos, xem chương XVII. Andron xứ Halicarnasse, sử gia TK IV tCN, chuyên viết sử các gia đình danh giá. Thời cổ, các kỳ thi Eo đất do người Corinthe tổ chức. Théore là các sứ giả thiêng liêng do Athènes cử đến.

¹²⁸ Tức là vùng Biển Đen, ở xứ Thrace.

quân của Héraclès đi đánh các Amazone¹²⁹, và được chia Antiope làm chiến lợi phẩm. Nhưng với đa số các tác giả, nhất là Phérécydès, Hellanicos và Hérodoros, chàng lên đường sau Héraclès, cùng với đội tàu chiến của mình, và bắt sống được nữ chiến binh Amazone đó. Thuyết này có vẻ đáng tin hơn. Quả thật, theo nhiều sử gia, trong đội quân đó không ai khác bắt nỗi một Amazone, và Thésée cũng phải dùng mưu mới bắt được Antiope.

Bion¹³⁰ kể là các Amazone bình thường khá thân thiện với đàn ông, nên khi Thésée tiến lại gần họ không bỏ chạy mà còn tặng quà cho chàng. Chàng mời cô gái mang quà đến lên thuyền và ngay khi nàng đã ở trên thuyền, chàng ra lệnh nhổ neo. Theo một người tên là Ménécratès, người đã viết một cuốn sách lịch sử về thành phố Nicée ở Bithynie, Thésée đã đến vùng đó cùng với Antiope. Trong chuyến đi đó bên cạnh chàng còn có ba thiếu niên Athènes, đó là ba anh em Eunéon, Thoas và Solois. Solois đem lòng yêu Antiope. Không ai biết niềm đam mê này, trừ một người bạn, người này lại đem nói với Antiope; nàng không thích thú gì chuyện này, nhưng đã giải quyết sự việc rất khôn ngoan và dịu dàng, lại không tố cáo cậu thiếu niên với Thésée. Solois tuyệt vọng nhảy xuống tr�m mình trong một dòng sông. Khi đó Thésée mới biết được sự tình của nỗi bất hạnh và niềm đam mê của chàng trai trẻ; chàng rất buồn bã và nhớ đến một lời sấm trước đây.

¹²⁹ Amazone: các nữ chiến binh, gồm một tộc người toàn phụ nữ. Để giương cung thuận lợi hơn, họ cắt bỏ một bên vú. Xem thêm *Thần thoại Hy Lạp*.

¹³⁰ Có lẽ là Bion, thi sĩ gốc Smyrne, sống ở TK I hoặc TK II tr. CN, sáng tác một tác phẩm về Achille.

Bà đồng Pythie ở Delphes đã phán bảo cho chàng rằng khi ở nước ngoài, nếu cảm thấy vô cùng buồn bã và sầu muộn thì phải xây dựng ở chỗ đó một thành phố và để vài người bạn đồng hành lại để cai trị. Chàng bèn xây dựng một thành phố, đặt tên là Pythopolis theo tên vị thần, và dòng sông bên cạnh được đặt tên Solois để tưởng nhớ chàng thiếu niên. Chàng để lại thành phố mới hai người anh em của cậu thiếu niên và Hermos, một quý tộc Athènes. Để tưởng nhớ Hermos, người dân Pythopolis sẽ đặt tên một địa điểm là Nhà Hermès vì họ phát âm sai âm thứ hai, chuyển vinh dự dành cho một người anh hùng thành ra vinh dự dành cho một vị thần¹³¹.

XXVII. Đó là nguyên nhân cuộc chiến tranh với các Amazone; và có vẻ như với Thésée cuộc chiến tranh đó không hề dễ dàng vì rõ ràng là các nàng Amazone không thể dựng được trại trong Athènes để tiến hành đánh giáp lá cà ở gần Pnyx và Mouseion¹³² nếu không chiếm được cả vùng và thoái mái tiến vào thành phố. Hãy tưởng tượng rằng để đến được nơi, các nàng đã vượt qua eo biển Bosphore ngập chìm trong băng giá, giống như Hellanicos đã viết, và điều này thật khó tin. Nhưng việc các nàng dựng trại ngay giữa thành phố được khẳng định bởi nhiều tên địa danh, và mộ của những người ngã xuống trong trận chiến.

¹³¹ Hermès (tên khác là Mercure) là vị thần báo tin, có khả năng chạy rất nhanh nhờ có đôi dép thần Zeus ban cho, cũng là thần bảo trợ của nghề trộm cắp.

¹³² Pnyx là một ngọn đồi của Athènes, thời cổ là nơi Hội đồng dân chúng tụ họp. Mouseion là đền thờ các nữ thần Nghệ thuật.

Hai bên chần chờ một thời gian khá dài mà không giao chiến với nhau ngay. Sau đó, theo lệnh một lời sấm, Thésée bóp cổ chết một người để hiến tế ở Phobos (“nỗi sợ”) và phát lệnh tấn công. Trận đánh diễn ra vào tháng Boédromion¹³³, và để tưởng nhớ, ngày nay người Athènes vẫn tổ chức lễ Boédromies. Cleidémos¹³⁴ kể rất chi tiết là cánh trái của người Amazone đóng gần nơi ngày nay có tên là Amazonion, trong khi cánh phải đi về phía Pnyx, cho đến tận Chrysa. Người Athènes chiến đấu ở cánh trái từ Mouseion lao vào người Amazone: mộ của những người bị giết nằm dọc theo con đường lớn dẫn từ cửa ô ngày nay tên là Pirée gần công trình tưởng niệm người anh hùng Chalcodon. Ở phía này, người Athènes bị đẩy lui đến tận đền thờ Euménide, và phải lùi bước trước những người phụ nữ. Nhưng những người tiến đánh từ Palladion, Ardetos và Lycée lại đánh bật được cánh phải của người Amazone về đến trại của họ, gây cho đối thủ nhiều tổn thất nặng nề.

Sau ba tháng, một hiệp ước được ký thông qua Hippolytè; theo Cleidémos, nữ chiến binh Amazone ở với Thésée tên là Hippolytè chứ không phải Antiope. Một số người nói rằng nàng chiến đấu bên cạnh Thésée cho đến khi bị cây lao của Molpadia giết chết, tấm bia ở gần đền Đất Olympie đánh dấu chỗ đặt mộ của nàng. Những phiên bản khác nhau về các sự kiện đã diễn ra từ xa xưa đó không có gì đáng ngạc nhiên, người ta còn kể là Antiope bí mật gửi các chiến binh Amazone bị thương đến Chalcis để chữa bệnh; một số nàng được chôn cất ở đó, ở nơi ngày nay có tên Amazonion. Dù

¹³³ Tháng thứ ba theo lịch Athènes, tương ứng tháng Chín.

¹³⁴ Xem chú thích ở trên, XIX.

thế nào đi nữa, chiến tranh đã kết thúc bằng một hiệp ước, minh chứng bởi tên địa danh bên cạnh đền thờ Thésée, Horcomosion [“Lời thề”] và lẽ hiến tế lâu nay người ta vẫn làm trước lẽ Thésée. Người Mégare cũng nói ở xứ mình có một ngôi mộ Amazone, nằm giữa đoạn từ Quảng trường đến nơi có tên Rhous [“Thác nước”], nơi có tòa nhà hình thoi. Người ta nói rằng các nàng Amazone khác chết ở Chéronée và được chôn gần suối nước ngày xưa dường như từng có tên là Thermodon [“Nóng”] và ngày nay tên là Haimon [“Nhuộm máu”]; tôi đã nói về chuyện này trong *Démosthènes*. Chắc chắn là các Amazone cũng không vượt qua được xứ Thessalie một cách dễ dàng: ngày nay vẫn còn nhiều ngôi mộ gần Scotoussa và trong vùng núi Cynoscéphale.

XXVIII. Đó là chuyện liên quan đến các nàng Amazone. Còn chuyện bắt các nàng Amazone theo lời kể của tác giả *Théséide*¹³⁵ – giận dữ vì Thésée cưới Phèdre, Antiope tổ chức chiến tranh chống lại chàng, các Amazone đi cùng chiến đấu bên cạnh nàng, Héraclès giết chết họ – có vẻ chỉ là huyền thoại. Sau khi Antiope chết, Thésée mới lấy Phèdre và sinh được một người con trai tên là Hippolyte, mà Pindare gọi là Démophon¹³⁶. Còn về nỗi bất hạnh mà chàng phải gánh chịu về con trai và Phèdre, vì các sử gia không nói gì khác các nhà thơ bi kịch, cần phải chấp nhận rằng câu chuyện đã diễn ra như các nhà thơ đã kể lại.

¹³⁵ Tác phẩm anh hùng ca được Aristote nhắc đến, có lẽ được viết vào cuối TK VI tCN.

¹³⁶ Phèdre là em gái Ariane. Tác phẩm *Hippolyte* của Euripide, cảm hứng cho Racine viết kiệt tác *Phèdre*, kể về niềm say mê tội lỗi của Phèdre với con trai của mình là Hippolyte, cuối cùng phải chết vì Poséidon sai một con bò tót khổng lồ lao vào xe của bà ta.

XXIX. Tuy nhiên Thésée còn có nhiều mối tình khác, chưa bao giờ được dựng trên sân khấu, những mối tình không có khởi đầu đáng vinh dự và kết cục sung sướng. Người ta nói chàng đã cướp Anaxô xứ Trézène và sau khi đã giết chết Sinis và Cercyon, chàng hiếp con gái của họ. Chàng cưới Péribôia, mẹ của Ajax¹³⁷, rồi Phéréboia, rồi Iopè, con gái Iphiclès. Người ta chê trách chàng vì tình yêu với Aiglè, con gái Panopée, mà bỏ Antiope, chuyện này tôi đã nói. Cuối cùng, vụ bắt cóc nàng Hélène đã nhán chìm Attique trong các cuộc chiến tranh, kết cục là chàng phải chịu án lưu đày và cái chết; chúng ta sẽ nói tới chuyện này sau.

Thời đó có rất nhiều cuộc chiến đấu giữa những người anh hùng, nhưng theo Héliodore, Thésée không hề tham gia, ngoài trận chiến giữa người Lapithe và các Centaure¹³⁸. Tuy nhiên, theo các tác giả khác, chàng đi theo Jason sang Colchile¹³⁹ và giúp Méléagre¹⁴⁰ giết con lợn rừng – đó là

¹³⁷ Vị anh hùng nổi tiếng bên phe Hy Lạp trong trận chiến Troie, từng chiến đấu bên cạnh Achille, được Homère mệnh danh “bức tường thành của người Achéen”. Sau khi Achille chết, tức tối vì không được trao bộ giáp phục của Achille, Ajax định giết các thủ lĩnh của quân Hy Lạp là anh em Agamemnon và Ménélas, nhưng nữ thần Athéna khiến chàng phát điên, ngã vào thanh kiếm của chính mình và chết.

¹³⁸ Người Lapithe là một tộc người xứ Thessalie. Centaure là loài quái vật đầu người mình ngựa, sống ở vùng Thessalie và Arcadie, nổi tiếng hoang dã và dữ tợn, trừ một ngoại lệ là Chiron thông thái, thầy dạy của nhiều anh hùng như Achille hay Jason.

¹³⁹ Vùng đất nằm ở bờ phía đông của Biển Đen, dưới chân dãy núi Caucase, ngày nay thuộc lãnh thổ nước Cộng hòa Georgie. Theo thần thoại, đó là quê của Médée và là nơi cất giấu bộ lông cừu vàng, mà đoàn người Argonaute do Jason dẫn đầu sẽ sang đó để tìm.

¹⁴⁰ Méléagre là một hoàng tử, người chỉ huy cuộc đi săn con lợn rừng hung hăng do Artémis sai đến tàn phá cả vùng.

nguồn gốc của thành ngữ: “không thể được nếu không có Thésée”. Một thân một mình, không cần đến sự giúp đỡ của bất kỳ ai, chàng thực hiện được vô số chiến công đẹp đẽ, và câu nói “đó là một Héraclès thứ hai” trở nên thông dụng khi người ta nói về chàng. Chàng cũng giúp Adraste¹⁴¹ cướp lại xác những người ngã xuống trước thành Thèbes¹⁴², và trái ngược với những gì Euripide tưởng tượng trong một vở bi kịch, chuyện đó không diễn ra sau khi chàng chiến thắng người Thèbes bằng chiến trận mà bằng cách thuyết phục, ký với họ một hiệp ước hữu chiến: đó là thuyết phổ biến nhất. Theo Philochore, đó là hiệp ước hữu chiến vô tiền khoáng hậu để lấy lại xác từ chỗ kẻ thù. Nhưng Héraclès mới là người đầu tiên trả xác người chết cho kẻ thù: đó là những gì các câu chuyện viết về người anh hùng ghi lại. Hiện còn có mộ những người lính tron ở Éleuthères; mộ của những người chỉ huy nằm gần Éleusis, và điều này cũng là do Thésée đòi được cho Adraste. Phiên bản của Euripide trong tác phẩm *Những người phụ nữ van xin*¹⁴³ bị Eschyle phản bác trong *Người Éleusis*, trong đó ông để Thésée nói những điều mà tôi vừa kể¹⁴⁴.

¹⁴¹ Adraste là vua Argos, bị anh em của mình đuổi đi, phải đến trú ở Sicyone, cùng với Polynice, con của Oedipe, tham gia cuộc chiến *Bảy người chống lại Thèbes nổi tiếng*.

¹⁴² Thành phố nhỏ của Hy Lạp nằm ở xứ Béotie (quê hương của Plutarque). Còn có tên là Cadmée. Tuy là thành phố nhỏ nhưng đã có thời gian Thèbes thống lĩnh toàn cõi Hy Lạp, với các tướng tài Épaminondas và Pélopidas (Plutarque có viết về đời Épaminondas nhưng nay không còn, xem thêm *Pélopidas*).

¹⁴³ Tên vở kịch được dịch theo *Kịch Oripit*, Văn học 1986, trong Lời giới thiệu của Nguyễn Trác, tr. 9.

¹⁴⁴ Eschyle cho là Thésée thông qua thuyết phục còn Euripide lại cho rằng bằng vũ lực.

XXX. Dưới đây là câu chuyện về tình bạn giữa chàng và Pirithous¹⁴⁵. Sức mạnh và lòng can đảm của Thésée khiến chàng thu được một vinh quang đáng kể. Pirithous muốn thử thách sức mạnh và lòng can đảm đó. Chàng ăn cắp bò của Thésée ở Marathon và khi biết Thésée mang vũ khí đuổi theo mình, chàng không chạy trốn mà đến đồi mặt với Thésée. Nhưng ngay khi nhìn thấy nhau, cả hai đều bàng hoàng trước vẻ đẹp của đối thủ. Pirithous là người đầu tiên chìa tay phải cho Thésée và xin chàng tùy ý xét xử về vụ trộm bò, nói rằng mình sẵn sàng làm bất kỳ việc gì mà Thésée yêu cầu. Thésée bỏ qua mọi chuyện, không những thế còn đề nghị Pirithous trở thành bạn và đồng minh của mình, rồi họ ăn thế để đánh dấu tính bạn đó.

Sau cuộc gặp này, Pirithous cưới Deidameia¹⁴⁶ và mời Thésée đến thăm đất nước và sống cùng với người Lapithe. Chàng cũng mời các Centaure đến dự bữa tiệc. Những người này tỏ ra bất trị và hỗn láo; bọn họ say sưa rượu chè và bám lấy phụ nữ. Người Lapithe bảo vệ các nàng và giết một số Centaure, rồi giết những người khác trong trận đánh và đuổi bọn họ đi. Thésée chiến đấu ở phía người Lapithe. Nhưng, theo Hérodoros, mọi chuyện không diễn ra như vậy. Chiến tranh đã bắt đầu rồi Thésée mới đến giúp người Lapithe, và vào dịp đó, lần đầu tiên chàng được gặp Héraclès: chàng sắp xếp để gặp người anh hùng ở Trachis, khi Héraclès đã kết thúc những chuyến đi và các sứ mạng. Với cả hai người cuộc gặp này là dịp để chứng tỏ lòng trọng thị và quý mến người kia, cả hai cùng ca ngợi

¹⁴⁵ Pirithous là anh hùng xứ Thessalie, có dòng máu của người Lapithe.

¹⁴⁶ Thường thì vợ của Pirithous được gọi là Hippodamie. Theo một số huyền thoại, nàng là con gái Adraste, người anh hùng Argos tham gia cuộc chiến Bảy người.

nhau hết lời. Tuy thế' cũng nên dấn lời những người khẳng định là họ thường xuyên gặp gỡ nhau và Héraclès nhờ Thésée mà nhập đạo Bí tích, và thực hiện được lễ thanh tẩy giải thoát chàng khỏi một số hành động không tốt đẹp trong quá khứ.

XXXI. Hellanicos kể khi Thésée năm mươi tuổi, chàng còn cướp lấy Hélène dù tuổi tác rất cách biệt. Vì thế' để gỡ cho chàng khỏi lời buộc tội đó, lời buộc tội nặng nề nhất, một số người cho rằng không phải chàng bắt cóc nàng, mà Idas và Lyncée, những kẻ bắt cóc thực sự, đến giao nàng cho chàng, và chàng từ chối trả nàng cho các Dioscure¹⁴⁷. Người ta còn nói rằng Tyndare đã giao nàng cho chàng vì ông sờ Énarsphoros, con trai Hippocoon, kẻ muốn hăm hiếp nàng khi nàng còn là một đứa bé gái.

Nhưng câu chuyện có vẻ đúng đắn nhất và có nhiều bằng chứng nhất diễn ra như sau: Thésée và Pirithous cùng nhau đến Sparte, và khi cô gái đang nhảy múa trong ngôi đền Artémis Orthia¹⁴⁸, họ cướp lấy nàng và chạy trốn. Những người đuổi theo họ không đi quá được Tégée. Vượt qua Péloponnèse, nghĩ là đã an toàn, hai kẻ bắt cóc thỏa thuận như sau: họ sẽ rút thăm, ai thắng sẽ

¹⁴⁷ Tức Castor và Pollux. Hai anh em là con của Léda, nhưng Pollux là con của Zeus dưới dạng thiên nga trắng, còn Castor là người phàm tục, con vua Tyndare của Sparte, vì thế mặc dù hai người có tên chung là Dioscure nghĩa là "Con của Zeus" nhưng chỉ Pollux là bất tử. Hai người cũng là anh em của nàng Hélène (nguyên nhân cuộc chiến thành Troie) và Clytemnestre, hoàng hậu xứ Mycénée thuộc Péloponnèse, vợ của Agamemnon, thủ lĩnh Hy Lạp ở cuộc chiến thành Troie. Hai người là biểu tượng của tình anh em, và cũng là các vị thần bảo trợ cho thủy thủ và lính tráng.

¹⁴⁸ Xem thêm *Lycurgue* để biết thêm về nữ thần này.

được cưới Hélène, nhưng phải giúp người kia tìm được người vợ khác. Thỏa thuận xong, họ rút thăm. Thésée là người thắng cuộc. Chàng mang theo mình cô gái còn chưa đến tuổi cập kê và đưa nàng đến Aphidna¹⁴⁹. Chàng để cô gái ở cùng với mẹ chàng và phó thác hai người cho Aphidnos, bạn của chàng, nhờ bạn chăm sóc Hélène và giữ bí mật cho mình. Sau đó chàng đi cùng Pirithous sang Épire để bắt cóc con gái của Aidoneus, vua của người Molosse. Ông vua này đặt tên vợ mình là Perséphone, con gái là Corè và con chó là Cerbère¹⁵⁰. Ông ta ra lệnh cho những người cầu hôn con gái mình phải đánh nhau với con chó, và hứa gả nàng cho ai thắng được nó. Biết được Pirithous và bạn chàng đến không phải để cầu hôn mà để cướp cô gái, ông ta bắt họ và ngay lập tức cho con chó xé xác Pirithous, còn Thésée thì ông ta giữ làm tù binh.

XXXII. Trong thời gian đó, Ménesthée¹⁵¹, con trai Péteos, cháu của Ornée và chắt của Érechthée, người đầu tiên áp dụng biện pháp mị dân và diễn thuyết trước đám đông để phinh nịnh họ, bắt đầu kích động giới quý tộc. Những người này cũng đã tức tối Thésée từ lâu nay: bọn họ buộc tội chàng đã tịch thu quyền lực mà mỗi quý tộc có được ở tổng của mình, bắt tất cả bọn họ phải sống ở một thành phố để biến bọn họ thành thuộc dân và nô lệ. Ménesthée cũng kích động dân chúng, trách họ đã chỉ thấy tự do trong giấc mơ,

¹⁴⁹ Aphidna lúc đó là một tổng của Attique.

¹⁵⁰ Aidoneus chính là vị thần cai quản Diêm vương Hadès, hay Pluton theo cách gọi của người La Mã.

¹⁵¹ Trong *Iliade*, Ménesthée chỉ huy đội quân Athènes. Đó là cháu nhiều đời của Érechthée, do đó có đầy đủ quyền để tranh giành ngôi vua với Thésée.

còn trong thực tế thì bị đẩy khỏi đất nước và ngôi đền của mình, để mà thay vì có nhiều vị vua tốt và hợp lệ, lại phải quy phục trước một người chủ duy nhất, một tên nước ngoài. Chiêu bài của ông ta là như vậy, khi cuộc chiến tranh đã cận kề.

Các Tyndaride¹⁵² xâm chiếm đất nước; có người nói là do Ménesthée gọi đến. Đầu tiên, bọn họ không làm điều gì xấu, chỉ đòi trả lại người em gái của mình, nhưng khi người dân thành phố trả lời nàng không có ở đây và cũng không biết nàng đang ở đâu, bọn họ bèn tiến đánh. Khi đó Académos¹⁵³, không hiểu tại sao lại biết nàng đang ở Aphidna, báo cho họ điều đó. Vì thế, các Tyndaride dành cho ông ta rất nhiều vinh dự ngay khi ông ta còn sống; sau này người Lacédémone¹⁵⁴ thường xuyên xâm chiếm xứ Attique, tàn phá khắp nơi, nhưng bao giờ cũng chừa Académie ra để tỏ lòng biết ơn Académos.

Nhưng theo Dicéarque¹⁵⁵ thì có hai người Arcadie là Échédémos và Marathos tham gia đội quân của các Tyndaride: Académie ngày nay được gọi là Échédémie theo tên Échédémos; còn người thứ hai, tuân theo một lời sấm, chịu cho người ta bóp cổ mình để hiến tế trước trận đánh, để lại tên cho địa danh Marathon. Các Tyndaride tiến đánh Aphidna; bọn họ chiến thắng và tàn phá ngôi thành. Người ta nói Halycos, con trai Sciron, khi đó ở trong đội quân của các Dioscure, đã bỏ mạng tại đó; để vinh danh ông người ta đặt tên nơi ông được chôn ở Mégaride là Halycos. Héréas kể

¹⁵² Tức là các Dioscure (Castor và Pollux) đến cướp lại Hélène.

¹⁵³ Académos là một vị anh hùng địa phương, đền thờ của ông là nơi các học trò của Platon tụ tập, đây chính là nguồn gốc từ Académie.

¹⁵⁴ Tên gọi khác của Sparte.

¹⁵⁵ Xem chú thích ở trên, XXI.

là Halycos bị chính Thésée giết chết trước cửa ngõ Aphidna và viết những câu thơ sau về Halycos:

*Ngày xưa, ở Aphidna rộng lớn,
Chàng chiến đấu vì Hélène có mái tóc đẹp,
Thésée đã giết chàng.*

Nhưng cũng khó tưởng tượng là Thésée lại có mặt ở đó khi mẹ chàng bị bắt ở Aphidna.

XXXIII. Sau khi Aphidna thất thủ, người dân Athènes sợ hãi vô cùng. Ménesthée bèn thuyết phục dân chúng đón các Tyndaride vào thành, bởi bọn họ chỉ đánh nhau chống lại Thésée, người tấn công trước, còn với mọi người khác, bọn họ là những người giải phóng. Và cách cư xử của bọn họ chứng tỏ ông ta nói đúng: bọn họ làm chủ tất cả nhưng không đòi hỏi gì, chỉ xin được nhập đạo Bí tích giống như Héraclès, vì họ cũng muốn thân thiện với thành phố¹⁵⁶. Điều này được chấp thuận. Aphidnos nhận họ, như Pylios từng làm với Héraclès, và họ được nhận những vinh dự ngang hàng với các vị thần: người ta gọi họ là các *anaces*, hoặc vì hiệp định hữu chiến [*anochai*] mà họ đã cam kết, hoặc vì họ lúc nào cũng chăm lo sao cho không ai chịu thiệt hại gì khi có cả một đạo quân lớn đóng trong thành phố: người ta gọi những người cư xử đàng hoàng như vậy [*anacos*] và có thể cũng vì thế mà các ông vua được gọi là các vị chúa [*anactes*]. Nhưng theo những người khác, cái tên *anaces* xuất phát từ cách thức chùm sao của họ xuất

¹⁵⁶ Việc nhập đạo Bí tích có thể được xem như là dấu hiệu thân thiện giữa Athènes và các tộc người xung quanh. Việc sở hữu ngôi đền Éleusis có ý nghĩa lớn trong việc đồng hóa với người Athènes.

hiện trên bầu trời: để chỉ những gì trên cao [*anô*] người dân Attique dùng từ *anécas* và những gì đến từ trên cao [*anothen*] họ dùng từ *anécathen*.

XXXIV. Người ta nói là Aïthra, mẹ của Thésée, bị bắt làn tù binh đến Lacédémone, từ đó bà đi Troie với Hélène; người ta cho rằng Homère đã đưa ra bằng chứng về chuyện đó bằng câu thơ:

*Aïthra sinh ra từ Pitthée, Clymène với đôi mắt bò cái*¹⁵⁷.

Một số khác không nghĩ câu thơ đó chính xác, và cho rằng huyền thoại đó liên quan đến Mounychos, người ra đời từ mối tình vụng trộm giữa Démophon và Laodice và được Aithra nuôi ở Ilion. Trong quyển thứ mười ba của tác phẩm *Attiques*, Istros kể một chuyện khác hẳn về Aithra. Ông nói theo một số người, Alexandre-Pâris bị thua trận trước Achille và Patrocle ở gần Sperchios, nhưng Hector đã chiếm lấy Trézène và tàn phá thành phố, lại bắt đi Aithra đang bị bỏ lại trong thành. Tuy nhiên câu chuyện này chưa đựng quá nhiều yếu tố khó tin.

XXXV. Aidoneus người Molosse đón tiếp Héraclès và tình cờ nói với chàng chuyện về Thésée và Pirithous: ông ta kể họ đã đến với ý đồ như thế nào và ông ta đã xử họ ra sao sau khi bắt được họ. Héraclès bàng hoàng trước cái chết nhục nhã mà Pirithous đã phải chịu, giờ đang chờ đợi Thésée. Về phía Pirithous, chàng nghĩ không còn gì để phàn nàn, nhưng chàng xin ông ta ra ân huệ với Thésée như là

¹⁵⁷ *Iliade*, III, câu 144. Aithra được so sánh với Clymène, một nữ thần nymphe, mẹ của các vị thần Atlas và Prométhée.

làm một ân huệ cho mình. Aidoneus đồng ý. Thésée được tha và trở về Athènes, nơi bạn bè của chàng vẫn chưa hoàn toàn bị thua. Chàng tặng cho Héraclès toàn bộ những khoảnh đất thiêng mà thành phố dành cho chàng và đổi tên chúng từ Théseia sang Héracleai, trừ bốn khoảnh trong số đó, theo lời kể của Philochore.

Chàng cũng muộn sớm được chỉ huy như trước, điều khiển đời sống chính trị như trước. Nhưng chàng vấp phải những cuộc nổi loạn và rối ren: chàng phát hiện những kẻ từng ghét chàng khi chàng ra đi giờ đây ngoài căm ghét lại còn khinh thường vì chàng vắng mặt lâu quá, và thấy rằng dân chúng đã tha hóa đến mức dễ bị lừa phỉnh bằng những lời đường mật, không còn muốn ngoan ngoãn tuân lệnh nữa. Chàng thử sử dụng sức mạnh, nhưng bị những kẻ mị dân và bè phái của chúng đánh thua. Tuyệt vọng trước tình hình đó, chàng bí mật gửi các con đến Eubée, ở chỗ Éléphénor, con trai Chalcodon¹⁵⁸. Còn chàng thì đến Gargettos, tại đó chàng nguyên rùa người Athènes ở một nơi ngày nay còn có tên Aratérion ["Nơi nguyên rùa"], rồi đi thuyền sang Scyros¹⁵⁹; chàng kết bạn với người dân ở đó và trên đảo còn có vài mảnh đất mà tổ tiên chàng để lại. Vua Scyros khi đó là Lycomédès. Thésée đến gặp ông ta và yêu cầu cho mình lấy lại đất, nói là chàng có ý định ở lại đây lâu dài; nhưng theo một số người khác, chàng xin ông ta trợ giúp để chống lại người Athènes. Lycomédès, hoặc vì e ngại vinh quang của người anh hùng, hoặc để làm vừa lòng

¹⁵⁸ Éléphénor là vua Eubée, hòn đảo lớn trong biển Égée, gần Attique. Chalcodon là con trai Abas, vua người Chalcidique ở đảo Eubée, bị Amphitryon giết trong một cuộc chiến với người Thèbes.

¹⁵⁹ Scyros là một hòn đảo ở biển Égée. Người Athènes chiếm nó vào TK V TCN và lập đồn lính ở đây.

Ménesthée, dẫn Thésée lên đỉnh núi cao nhất trong vùng, lấy cớ để chỉ cho chàng toàn bộ đất đai ở đây, rồi ông ta đẩy chàng từ vách đá xuống và giết chết chàng. Nhưng một số người nói là Thésée bị trượt chân và ngã xuống, trong khi chàng đi dạo sau bữa tối theo thói quen hàng ngày. Khi đó không ai buồn quan tâm đến cái chết của chàng. Ménesthée trở thành vua Athènes và các con trai của Thésée sống như những người bình thường ở chỗ Éléphénor, và đi theo Éléphénor trong cuộc chiến thành Troie. Khi Ménesthée bỏ mạng ở đó, họ trở về Athènes và lên ngôi vua.

Rất lâu sau này, người Athènes mới vinh danh Thésée như một người anh hùng: họ buộc phải làm việc đó, vì ngoài những nguyên nhân khác, còn vì trong số những người đánh nhau với người Médie ở Marathon, rất nhiều người nói đã nhìn thấy bóng ma của Thésée cầm vũ khí dẫn đầu họ tấn công kẻ địch.

XXXVI. Sau cuộc chiến tranh với người Médie, khi người Athènes xin sấm dưới thời chấp chính của Phédon, bà đồng Pythie ra lệnh cho họ mang hài cốt của Thésée về, xây lăng mộ cẩn thận và giữ lại trong đất nước. Nhưng không dễ tìm lại được hài cốt, ngay cả việc tìm được mộ cũng khó, vì tính cách hung tợn và độc ác của người Dolopes sống ở Scyros. Tuy nhiên, Cimon, như tôi đã viết trong phần về cuộc đời ông¹⁶⁰, chiếm được hòn đảo; ông tiến hành cuộc tìm kiếm

¹⁶⁰ Xem *Cimon*, VIII. Cimon (510?-450?), con trai vị tướng chiến thắng của trận Marathon, Miltiade; cũng giống như cha, Cimon lập nhiều chiến công hiển hách trong các trận đánh chống người Ba Tư với tư cách nhà chỉ huy quân sự bên cạnh Aristide (xem *Aristide*). Như vậy rõ ràng Plutarque không viết tác phẩm này theo thứ tự thời gian.

thật cẩn thận, và người ta nói trong khi tìm kiếm có một con đại bàng dùng mỏ mổ vào một gò đất và dùng móng vuốt bới đất lên. Nhờ thần linh xui khiến, ông hiểu ý nghĩa của dấu hiệu và cho đào chỗ đó. Họ tìm thấy quan tài của một người đàn ông cao lớn, bên cạnh có một cây thương bằng đồng và một thanh gươm.

Cimon mang tất cả những thứ này về thuyền của mình. Người Athènes vui mừng đón tiếp ông với những đám rước lộng lẫy và các lễ hiến tế, có thể nói là Thésée đã đích thân trở về thành phố. Chàng được an táng ở ngay giữa thành phố, gần Gymnase¹⁶¹ ngày nay. Đó là nơi trú ngụ của nô lệ và tất cả những người bình thường sợ hãi những người có quyền lực, vì Thésée từng đóng vai trò người bảo trợ và bảo vệ, và đã mở lòng đón nhận lời cầu xin của những con người bé nhỏ. Buổi lễ trọng nhất mà người Athènes dành cho chàng là vào ngày thứ tám tháng Pyanepson, ngày chàng trở về từ Crète với các cô bé cậu bé. Nhưng người ta cũng tưởng niệm chàng vào ngày thứ tám mọi tháng, hoặc vì chàng lần đầu tiên đến từ Trézène vào ngày thứ tám của tháng Hécatombaion, như nhà địa lý Diodore kể lại, hoặc vì con số đó hợp với người anh hùng con trai của Poséidon hơn bất cứ con số nào khác. Người Athènes cũng có lễ mừng Poséidon vào ngày thứ tám mọi tháng, vì con số tám, số lập phương đầu tiên trong số các số chẵn, và gấp đôi số bình phương đầu tiên, mang trong mình sự vững chãi và cố định điển hình cho quyền lực của vị thần mà chúng ta gọi là Asphalios [“Người củng cố”] và Gaiéochos [“Người nắm giữ trái đất”]¹⁶².

¹⁶¹ Nơi luyện tập thể lực của người Athènes; có người dịch là “thể dục đường”.

¹⁶² Lý thuyết về các con số còn xuất hiện nhiều lần trong tác phẩm của Plutarque, gần với tư tưởng của trường phái Pythagore.

Romulus

Vũ Thọ và Cao Việt Dung dịch

I. Các sử gia không nhất trí về việc từ đâu và do ai mà có tên Rome, một cái tên đầy vinh quang và lừng danh ai ai cũng từng nghe tiếng. Một số người cho rằng người Pélasges¹⁶³, sau khi lang thang khắp nơi, chiến thắng rất nhiều tộc người, đã định cư lại đây và đặt tên cho vùng đất này là Rome để vinh danh sức mạnh [*romè*]¹⁶⁴ quân sự của mình. Một số người khác lại cho rằng vào thời điểm thành Troie bị hạ, một số người đã dùng thuyền bỏ trốn ra biển, được gió thổi tới bờ biển xứ Étrurie¹⁶⁵ và thả neo ở cửa sông Tibre.

Tại đây, thất vọng và kiệt sức với biển, những người vợ theo đế nghị của người có dòng dõi cao quý nhất và thông thái nhất trong số họ – tên bà là Romè – đã đốt cháy tất cả thuyền. Thoạt tiên, những người chồng của họ vô cùng tức tối với hành động này. Nhưng sau một thời gian bị buộc phải định cư gần Palatium, thấy mọi điều đều diễn ra tốt đẹp hơn hẳn trông đợi, nhận ra vùng này đất tốt, người dân lại nhâ

¹⁶³ Tên mà người Hy Lạp cổ dùng để chỉ những tộc người cổ xưa từng sống ở lãnh thổ Hy Lạp (ven biển Égée, ở Tiểu Á và Hy Lạp lục địa) trước khi các tộc người sau này như Achéen, Dorien... đến. Nhiều ý kiến cho rằng họ là những tộc người tiền Án-Âu sống ở Hy Lạp, có thể có nguồn gốc từ Thessalie.

¹⁶⁴ Từ Hy Lạp

¹⁶⁵ Ngày nay là xứ Toscane, Italia. Người dân tên là Étrusque, từng xây dựng một nền văn minh rất cổ (khoảng TK VIII tCN) và bí ẩn. Người Étrusque chịu thua người La Mã vào giữa TK III tCN và dần bị đồng hóa. Trong số các vị vua đầu tiên của La Mã (sau Romulus có thêm sáu người nữa là: Numa Pompilius, Tullus Hostilius, Ancus Marcius, Tarquinius Priscus, Servius Tullius và Tarquinius Superbus) một số là người Étrusque (xin lưu ý là bảy vị vua đầu tiên mang rất nhiều yếu tố huyền thoại).

nhận, do vậy họ không chỉ ngưỡng mộ Romè mà thêm vào đó còn đặt tên thành phố theo tên bà – thành phố mà nhờ bà họ đã tình cờ phát hiện. Người ta cho rằng câu chuyện này đã làm này sinh tập quán hôn miệng người thân¹⁶⁶ của phụ nữ La Mã, bởi vì những người phụ nữ này sau khi đốt xong thuyền đã hôn miệng chồng để làm họ nguôi giận.

II. Một số người khác lại cho rằng Romè – người mà tên được dùng để đặt cho thành phố – là con gái của Italus và Leucaria¹⁶⁷. Những người khác nữa lại nói bà là con gái của Téléphos, do đó là cháu gái của Héraclès, và rằng Romè đã kết hôn với Énée¹⁶⁸; lại có người khẳng định đó là con gái của Ascagne, và là cháu nội của Énée. Còn theo một số người thì Romanus – con trai của Ulysse và Circée¹⁶⁹ – mới là người xây dựng thành phố. Cũng có người cho rằng người xây thành phố là Romus, con trai của Émathion, người được Diomède¹⁷⁰ phái đến từ thành Troie. Một số người khác nữa lại cho rằng Romis, bạo chúa của người Latin, đã dựng ra thành phố sau khi đuổi người Étrusque - những người đã từ Thessalie đến Ý qua ngả Lydie.

¹⁶⁶ Polybe (*Lịch sử*, VI) có cách giải thích khác: người ta hôn miệng phụ nữ để kiểm tra xem họ có tuân thủ luật cấm uống rượu vang hay không.

¹⁶⁷ Italus là một vị vua của Italia, cái tên “Italia” lấy theo tên ông. Có người nói ông là con của Ulysse, còn Leucaria là vợ Italus, cháu gái Héraclès.

¹⁶⁸ Người anh hùng của thành Troie, chạy khỏi thành sau thất bại, được coi là tổ tiên của người La Mã vì dòng dõi của ông đã xây dựng nên thành phố Albe, “bước đệm” của thành Rome. Ông là nguồn cảm hứng cho thi sĩ La Mã Virgile viết kiệt tác *Énéide*.

¹⁶⁹ Anh hùng Hy Lạp Ulysse trên đường dài từ Troie về quê nhà Ithaque đã trải qua nhiều cuộc tình duyên, trong đó có cuộc tình với Circée. Xem thêm Homère, *Odyssée*, Văn học 2001, Hoàng Hữu Đản dịch và chú thích.

¹⁷⁰ Một anh hùng Hy Lạp khác trong đội quân đánh Troie, vua xứ Argos, được trường ca *Iliade* của Homère miêu tả như là một chiến binh đặc biệt can trường.

Ngay cả những tác giả theo thuyết đáng tin cậy nhất, theo đó Romulus là người lấy tên mình đặt cho thành phố, cũng không nhất trí với nhau về sự ra đời và dòng dõi của ông. Một số cho rằng Romulus là con trai của Énée và Dexithéa, và là cháu ngoại của Phorbas¹⁷¹. Thời thơ ấu, Romulus cùng với em trai Rémus đã được đưa đến Ý bằng thuyền đúng vào lúc có cơn lũ. Tất cả những thuyền khác bị cuốn trôi, trừ con thuyền chở hai cậu bé. Con thuyền nhẹ nhàng cập bờ ở khu vực bằng phẳng, cả hai tình cờ được cứu sống và nhờ họ nơi này sẽ được gọi là Rome. Một số người khác lại cho rằng Romè, con gái của người phụ nữ thành Troie nói ở trên, đã lấy Latinus, con trai của Télémaque¹⁷², và sinh được Romulus. Những người khác lại cả quyết rằng Aemilia, con gái của Énée và Lavinia, ngủ với thần Mars sinh ra Romulus. Những người nữa lại cung cấp cho chúng ta một truyền thuyết hết sức kỳ ảo về nguồn gốc của Romulus.

Tarchétius, vua xứ Albe, một người cực kỳ xấu xa và tàn ác, nhìn thấy trong nhà mình một ảo ảnh kỳ lạ: từ lò sưởi bỗng mọc ra một dương vật đàn ông và ở đó trong nhiều ngày. Ở Étrurie có đền thờ Téthys¹⁷³ ban phát sấm truyền, Tarchétius đến xin sấm và được trả lời rằng một nữ đồng trinh phải hiến thân cho dương vật mọc ra từ lò sưởi đó, rằng nàng sẽ sinh hạ một cậu con trai, cậu bé sẽ là một người rất may mắn, khỏe mạnh [*romè*], nổi danh, và xuất

¹⁷¹ Tên một người anh hùng xứ Thessalie.

¹⁷² Con trai của Ulysse và Pénélope.

¹⁷³ Nữ thần biển của Hy Lạp, trẻ nhất trong số các Titanide, vợ của thần biển Océanos, mẹ của các Océanide (không nhầm với nữ thần Thétis, vợ của Pélée và là mẹ của Achille).

chúng. Tarchétius thuật lại lời tiên tri này cho người con gái của mình và lệnh cho nàng phải làm công việc đó. Nhưng nàng không đồng ý vì cho đó là một sự sỉ nhục và sai người hầu gái làm thay. Được tin này, Tarchétius nổi giận, tống giam cả hai người với chủ định là giết chết họ. Nhưng trong một giấc mơ, nữ thần Vesta¹⁷⁴ hiện ra cấm ông không được giết người. Ông bèn ra lệnh trừng phạt hai người bằng cách bắt họ phải dệt một mảnh vải trong khi vẫn bị xiềng xích, và nói khi nào làm xong sẽ được thả. Đêm đến, ông cho người tháo ra những gì họ đã làm được vào ban ngày. Trong thời gian này, người hầu gái sinh được hai cậu con trai. Tarchétius trao hai cậu bé này cho một người tên là Tératius và ra lệnh cho anh ta giết chúng. Nhưng người này lại mang hai cậu bé đến đặt ở bờ sông. Nơi đây có một con sói cái thường xuyên đến cho hai cậu bé bú sữa, còn đủ mọi loài chim chóc đem bón cho chúng những mẫu thức ăn. Một người chăn bò tình cờ nhìn thấy cảnh đó, thoát đầu rất ngạc nhiên, sau đó mạnh dạn tiến lại gần và bế lũ trẻ lên. Thế là lũ trẻ được cứu sống và đến khi trưởng thành, chúng tấn công Tarchétius và đánh thắng ông ta. Đó là chuyện do một người tên là Promathion kể lại trong tác phẩm *Lịch sử Ý*.

III. Nhưng câu chuyện đáng tin cậy nhất là do Dioclès xứ Péparéthos xuất bản lần đầu tiên tại Hy Lạp, sau này được Fabius Pictor dựa theo ở nhiều điểm¹⁷⁵. Tuy tồn tại nhiều dị bản, nhưng về đại thể, câu chuyện là như thế này.

¹⁷⁴ Nữ thần chăm lo gia đình của người La Mã, được đồng hóa với nữ thần Hestia của Hy Lạp.

¹⁷⁵ Hai người này đều từng viết về cuộc chiến tranh Punic lần thứ hai.

Hai anh em Numitor và Amulius là con cháu của Énée trị vì xứ Albe . Amulius phân chia tài sản thành hai phần: một bên là vàng bạc châu báu đem từ thành Troie về và một bên là vương quốc. Numitor chọn vương quốc, nhưng Amulius, nhờ có tiền nên hùng mạnh hơn, dễ dàng giành lại vương quốc từ tay Numitor. Sợ con gái của Numitor sinh con, Amulius buộc nàng trở thành nữ đồng trinh Vestale, cả đời phải sống lẻ loi, không được lấy chồng¹⁷⁶. Nàng tên là Ilia, một số người gọi là Rhéa, những người khác nữa lại gọi là Silvia. Tuy nhiên, chẳng bao lâu sau, trái với điều luật áp dụng cho nữ đồng trinh Vestale, Silvia bị phát hiện là đã mang thai và lê ra nàng đã phải chịu hình phạt cao nhất nếu như không được Anthô, con gái của nhà vua, cầu xin giảm tội. Nàng bị nhốt kín và bị ngăn cấm mọi tiếp xúc để không thể sinh con mà nhà vua không biết.

Đến lúc nàng sinh được hai cậu con trai có vẻ đẹp và tầm vóc khác thường¹⁷⁷, Amulius hốt hoảng lệnh cho người hầu vứt bỏ chúng đi. Có người gọi người hầu này là Faustulus, người khác lại cho Faustulus là người đã nuôi dưỡng hai đứa trẻ. Ông ta đặt chúng vào một cái máng nhỏ và đi ra sông Tibre để vứt bỏ. Khi thấy nước sông cuộn sóng chảy xiết, ông ta sợ không dám lại gần nên vứt bọn trẻ ở gần bờ và bỏ đi. Nước sông dâng lên, cuốn cái máng đi và nhẹ nhàng đưa nó đến một dải đất phẳng phiu. Ngày nay chỗ ấy có tên Cermalus, còn trước kia tên là Germanus – có thể bắt nguồn từ “germains” nghĩa là anh em.

¹⁷⁶ Về các Vestale, xem *Numa*, IX.

¹⁷⁷ Chi tiết đẻ con sinh đôi này không thấy có trong sách của Tite-Live. Rất có thể nó có nguồn gốc Ấn Độ.

IV. Ở gần nơi ấy mọc lên một cây sung dại mà mọi người gọi là Ruminal. Tên gọi này bắt nguồn từ Romulus (như thông thường được hiểu) hoặc từ động tác nhai lại vì ban ngày trâu bò thường tìm chỗ nghỉ dưới bóng cây, hoặc cũng có thể bắt nguồn từ việc lũ trẻ được bú sữa tại đó, vì những người cổ đại gọi núm vú hoặc đầu vú của bất kỳ sinh vật nào là *ruma*. Và cũng có một vị thần giám hộ công việc nuôi dạy trẻ được gọi là Rumina. Khi cúng lễ vị thần này, người ta không dùng rượu vang mà dùng sữa.

Nhiều câu chuyện kể rằng trong khi lũ trẻ nằm ở đó, một con sói cái thường đến cho chúng bú sữa và một con chim gõ kiến chăm sóc và giúp sói cho chúng ăn. Hai loài vật này được sử dụng để dâng cúng thần Mars, bên cạnh đó người Latin còn đặc biệt kính trọng chim gõ kiến. Những điều này dù ít dù nhiều cũng xác nhận những gì người mẹ của lũ trẻ nói, rằng bố của chúng là thần Mars. Nhưng người ta cũng nói là nàng bị lừa, bởi đích thân Amulius cầm vũ khí giả thần Mars đến để hiếp nàng.

Những người khác lại nghĩ rằng khởi đầu của truyền thuyết này là tên người bảo mẫu của bọn trẻ. Người Latin dùng từ "sói cái" để chỉ những người phụ nữ có lối sống buông thả. Acca Larentia, vợ của Faustulus, người chăm sóc hai đứa trẻ đó, là một người như thế. Người La Mã thường cúng giỗ bà vào tháng Tư, vị thầy tế của thần Mars mang rượu cúng thần đến cho bà. Ngày lễ đó tên là Larentia.

V. Nhân nói về cái tên Larentia, người ta cũng thò cúng một Larentia khác vì lý do sau đây.

Người giữ đền Hercule vì quá buồn chán nên đề nghị với Hercule chơi trò xúc xắc với quy ước là nếu thắng ông ta sẽ được thần thỏa mãn một điều ước, còn nếu thua sẽ phải bày

cho thần một bữa ăn sang trọng và tìm cho thần một người phụ nữ xinh đẹp. Giao hẹn xong, ông ta tung súc sắc cho Hercule rồi sau đó cho mình. Kết quả là ông ta thua. Theo đúng lời hứa, ông ta làm cho thần một bữa ăn ngon lành và trả tiền thuê Larentia, khi đó đang ở độ tuổi đẹp rực rỡ nhưng chưa mấy tiếng tăm. Ông ta kê một chiếc giường trong đèn và sau bữa ăn tối, nhốt nàng ở trong đó để Hercule đến ngủ cùng.

Và quả thật thần đã tới với nàng và lệnh cho nàng sáng sớm hôm sau phải ra Quảng trường, hẽ gặp người đàn ông đầu tiên nào là phải chào hỏi và kết bạn. Nàng gặp một người tên là Tarrutius, đã khá nhiều tuổi, giàu có nhưng không có con cái và vẫn sống một mình. Ông ta lấy Larentia và rất quý trọng nàng. Khi chết đi, ông để lại cho người thừa kế duy nhất là nàng tất cả tài sản và tiền bạc. Theo di chúc của nàng, phần lớn số của cải này đã được phân chia cho mọi người. Người ta nói nàng vô cùng nổi tiếng và được xem là bạn của một vị thần, rồi nàng đột ngột biến mất ở gần nơi chôn Larentia thứ nhất [tức Larentia vợ Faustulus]. Ngày nay, nơi này có tên là Vélabre, bởi vì nước sông thường dâng trào, và để tới được Quảng trường, người ta phải qua sông bằng những chiếc phà ở một nơi nào quanh đây. Từ Latin diễn tả động tác qua phà là *velatura*. Một số người lại cho rằng từ này bắt nguồn từ *velum*, có nghĩa là cái màn che vì người La Mã khi tổ chức các cuộc thi đấu thể thao thường cảng màn trướng từ Quảng trường đến Circus Maximus¹⁷⁷ và lấy nơi đây làm điểm khởi hành. Câu chuyện này giải thích vì sao người La Mã vinh danh nàng - Larentia thứ hai.

¹⁷⁷ Đấu trường lớn ở La Mã cổ đại, dài đến 610 m và rộng 190 m, được Julius César cho sửa chữa và mở rộng. Ngày nay còn lại nền móng và phế tích ở rìa thành phố Rome.

VI. Người chăn lợn Faustulus của Amulius nuôi dạy những đứa trẻ mà không ai biết. Nhưng theo một số người thì Numitor biết chuyện và kín đáo hỗ trợ hai vợ chồng Faustulus, vì vậy lũ trẻ được đi học ở Gabies, nơi chúng học chữ và những gì cần thiết cho những người có địa vị cao quý. Chúng được gọi là Romulus và Rémus (phát sinh từ *ruma*, có nghĩa là đầu vú) như chúng ta đã biết, bởi vì người ta nhìn thấy chúng bú sữa sói cái.

Ngay từ khi còn rất nhỏ, vẻ cao quý của hai đứa trẻ đã gợi lên nguồn gốc siêu việt của chúng. Khi trưởng thành, cả hai đều tỏ ra rất nam tính và dũng cảm, luôn cả quyết và táo bạo, ngoan cường trước mọi thử thách. Tuy thế, Romulus hành động bằng tư duy nhiều hơn, với sự thông minh sắc sảo của một chính khách. Trong quan hệ với mọi người dù liên quan tới việc chăn nuôi gia súc hay săn bắt, Romulus cũng tạo được ấn tượng là chàng sinh ra để ban hành mệnh lệnh chứ không phải để phục tùng. Do vậy, những chàng trai này luôn được bạn hữu và những người bình thường khác yêu quý, nhưng họ khinh miệt và xem thường những hầu cận của nhà vua, những viên chức thi hành án và những giám sát viên, và cũng không thèm quan tâm đến những mệnh lệnh, những lời đe dọa của bọn họ. Các chàng trai chăm chỉ học hành, vui chơi giải trí lành mạnh, luôn trung thực và khoan dung, cố gắng tập luyện săn bắt, chạy nhảy, và ra sức làm những việc thiện như tấn công bọn cướp, bắt giữ bọn trộm cắp, giải nguy cho những người bị hâm hại và áp bức. Nhờ vậy, họ nhanh chóng trở nên nổi tiếng

VII. Những người chăn bò của Numitor cãi cọ với những người chăn bò của Amulius và cướp bò của họ. Romulus và Rémus tức giận đánh đuổi bọn người của Numitor và thu lại được phần lớn bò. Việc này làm cho

Numitor nổi giận, nhưng hai anh em vẫn xem thường, vẫn thu nhận và lôi kéo về phía mình những người nghèo và những nô lệ bỏ trốn – những hành động này được xem như giai đoạn đầu của cuộc nổi loạn.

Trong khi Romulus đang tham dự một buổi cúng lễ, say sưa với những nghi thức và công việc bói toán, thì những người chăn gia súc của Numitor chạm trán với Rémus, khi Rémus đang đi cùng một số bạn hữu. Họ tấn công Rémus, và sau một cuộc vật lộn, họ bắt Rémus làm tù binh, rồi dẫn chàng đến trước mặt Numitor và buộc tội chàng. Vì sợ Amulius nổi giận, Numitor không dám tự mình trừng trị Rémus; ông bèn đến chỗ Amulius và đòi hỏi sự công bằng, vì Numitor là anh em của Amulius, nhưng lại bị những người hầu cận của Amulius lăng mạ. Người Albe cũng phẫn nộ với sự việc đó; Amulius nghĩ rằng mình đã bị mất thể diện nên quyết định trao Rémus cho Numitor để tùy ông xử lý chàng một cách thỏa đáng. Vì thế Numitor dẫn chàng về nhà. Ông thấy ngạc nhiên và thán phục con người trẻ tuổi này, một chàng trai có tầm vóc vượt trội hơn mọi người, có lòng dũng cảm và sức mạnh của trí tuệ thể hiện trên nét mặt, với tinh thần không lay chuyển và không khuất phục trước hoàn cảnh, thêm nữa các hành động lại vô cùng cao quý.

Nhưng điều quan trọng hơn cả là người ta nhận thấy dấu vết của thần linh¹⁷⁹ đã dẫn lối cho Numitor; nhờ thần linh mà ông cảm thấy một phần sự thật. Numitor hỏi chàng là ai và từ đâu đến. Rémus đã mạnh dạn trả lời: "Tôi sẽ không giấu giiếm ngài điều gì, vì hình như ngài rộng lượng và bao dung hơn Amulius, ngài đã lắng nghe và xem xét trước khi trừng phạt, trong khi ông ta lại kết tội trước khi xem xét sự việc.

¹⁷⁹ Ám chỉ việc Rémus được thần Jupiter bảo trợ.

Vâng, trước đây, chúng tôi (vì chúng tôi là anh em sinh đôi) nghĩ mình là con trai của Faustulus và Larentia, những người hầu cận của nhà vua; nhưng từ khi chúng tôi bị kết tội là vu khống trước mặt ngài, bị buộc phải chiến đấu để bảo vệ tính mạng của mình, chúng tôi nghe được những câu chuyện kỳ vĩ về nguồn gốc của chúng tôi; nhưng liệu những câu chuyện đó có đúng không? có vẻ như hiểm họa hiện nay của chúng tôi sẽ giúp trả lời câu hỏi đó. Chúng tôi sinh ra trong bí mật, việc nuôi dưỡng và chăm sóc thời thơ ấu của chúng tôi còn kỳ lạ hơn, bởi vì chúng tôi đã bị vứt bỏ cho muông thú; chúng tôi đã được bú sữa của một con sói và ăn những mẩu thức ăn của một con chim gõ kiến, khi chúng tôi nằm trong một cái máng bên bờ sông. Chiếc máng vẫn còn và được cất giữ, với chiếc nẹp bằng đồng thau và những dòng chữ hầu như đã bị xóa nhòa. Trong tương lai, những thứ đó sẽ không còn giá trị nào cả nếu chúng tôi bị buộc tội chết."

Sau khi nghe những lời này và tính toán tuổi của chàng trai thông qua vẻ ngoài, trong Numitor dấy lên niềm hy vọng, song ông còn cần cân nhắc xem bằng cách nào có thể trò chuyện với con gái ông về những vấn đề này, vì đến nay bà vẫn bị giam lỏng.

VIII. Khi biết Rémus bị bắt đưa đến chỗ Numitor, Faustulus vội vã giục già Romulus đi cứu em. Ông kể cho chàng toàn bộ sự thật về nguồn gốc ra đời của chàng. Trước đây ông chỉ nói lấp lửng về chuyện này, chỉ vừa đủ để truyền cho hai anh em những tình cảm cao quý.

Bản thân ông cũng lo lắng và sợ mình không đến kịp nên đã vác cái máng chạy tới chỗ Numitor. Song ông khiến toán lính gác của nhà vua ở cổng thành nghi ngờ, và do bối rối vì bị dò xét và tra hỏi, ông để lộ ra mình đang giấu một cái

máng đằng sau áo choàng. Thật không may vì trong số các lính gác có một người xưa kia từng tham gia việc mang bọn trẻ đi vứt. Khi nhìn thấy chiếc máng, anh ta nhận ra nó qua hình dáng và những chữ khắc trên đó. Anh ta đoán ra sự việc và không chậm trễ chạy vào tâu lại cho nhà vua [Amulius] và dẫn Faustulus vào để tra hỏi.

Bị hành hạ đau đớn¹⁸⁰, Faustulus dù sợ hãi nhưng không rời trí hoàn toàn. Ông thú nhận lũ trẻ vẫn còn sống, nhưng nói rằng chúng đi chăn súc vật ở xa Albe, còn ông thì đang mang cái máng vào cho Ilia¹⁸¹ vì bà vẫn luôn muốn được nhìn thấy nó, chạm vào nó để nuôi hy vọng gặp lại con. Amulius roi vào trạng thái đầy kích động, sẵn sàng làm bất kỳ việc gì vì sợ hãi hay tức giận. Ông vội vã cù một người hết sức trung thực và là bạn của Numitor đến gặp và hỏi Numitor xem ông có nghe nói lũ trẻ còn sống hay không. Khi đến nơi, người sứ giả nhìn thấy Numitor đang chuẩn bị ôm hôn Rémus. Ông ta giục họ hành động sớm và hứa sẽ giúp đỡ họ. Mặt khác, thời cơ cũng không cho phép họ chờ đợi. Romulus đã tiến đến gần, và rất nhiều công dân đã đến để đi theo chàng, vì họ vốn căm ghét và sợ hãi Amulius. Romulus dẫn đầu một đội quân đông đảo, chia thành các đội mỗi đội một trăm người, có một chỉ huy tay cầm sào ở đầu buộc túm cổ khô và mấy mẩu gỗ nhỏ. Một túm cổ và gỗ như thế trong tiếng Latin gọi là “manipule”, chính vì thế ngày nay người ta vẫn gọi những người lính thuộc các đội đó là *manipulares*¹⁸². Trong khi Rémus thúc giục các công dân ở

¹⁸⁰ Việc hành hạ, tra tấn nô lệ không có gì lạ ở Hy Lạp và cả La Mã cổ đại.

¹⁸¹ Tức là Rhéa, Silvia hay Rhéa Silvia, mẹ của hai anh em.

¹⁸² Thực ra ở Rome việc tổ chức các đội như thế diễn ra sau khi thành lập phalang. Mỗi manipule gồm hai bách đội từ 60 đến 80 người; 30 manipule tạo thành một binh đoàn.

trong thành phố, Romulus tiến đến từ bên ngoài. Bạo chúa Amulius không biết phải làm gì, không có cách nào để trốn chạy: ông ta không tìm ra được giải pháp vì đầu óc quá rối bời. Ông ta bị bắt và bị giết.

Phần lớn những chi tiết này được Fabius và Dioclès xứ Péparéthos kể lại; hai người này có lẽ là các sử gia đầu tiên thuật lại sự hình thành Rome. Nhiều người nghi ngờ kịch tính và tính chất huyền hoặc của câu chuyện này. Tuy nhiên chúng ta cũng không nên quá hoài nghi. Hãy quan sát những tác phẩm kỳ vĩ mà Số mệnh là tác giả, hãy thử nghĩ đến Đế chế La Mã, một đế chế không thể đạt đến được sức mạnh hiện thời nếu không có nguồn gốc lớn lao và kỳ diệu đến thế.

IX. Sau khi Amulius chết và trật tự được tái lập, Romulus và Rémus không muốn sống ở Albe mà không trị vì, lại càng không muốn trị vì ở đó khi ông ngoại còn sống. Sau khi trao lại cho ông ngoại quyền lực và trả lại cho mẹ vị thế vốn có, hai anh em quyết định đi nơi khác, xây dựng một thành phố đúng ở nơi họ đã được nuôi dưỡng trước kia. Ít nhất thì đó cũng là mục đích cao quý nhất. Tuy nhiên rất có thể quyết định đó bắt nguồn từ sự thúc ép của tình hình, vì quanh họ giờ đây là đông đảo nô lệ và dân ngoài vòng pháp luật, nếu không muốn để mất quyền lực, họ buộc phải cùng những người kia đi sống ở nơi khác. Ngược lại, đội quân sẽ tan rã, vì người dân Albe không chịu chấp nhận cho những kẻ ngoài vòng pháp luật kia trở thành công dân thành phố. Bằng chứng đầu tiên là vụ cướp phụ nữ Sabin (Xabanh), đó không phải một trò táo bạo do tính hung hăng chỉ lối, mà là một hành động cần thiết,

tránh tình trạng thiêu các cuộc hôn nhân tự nguyện. Sau khi cướp những người phụ nữ này về, người La Mã vô cùng kính trọng và nâng niu họ.

Ngay sau khi đặt xong những nền móng đầu tiên của Rome, họ xây dựng cho những người chạy trốn một nơi trú ẩn thiêng liêng mà người ta gọi là đền thờ thần Asile¹⁸³ để đón tiếp tất cả mọi người. Họ kiên quyết không trả nô lệ cho ông chủ, người nghèo cho chủ nợ, kẻ giết người cho quan tòa. Người ta nói là người La Mã dựa vào một lời sấm của bà đồng Pythie đòi phải thiết lập quyền trú ẩn. Vì lẽ đó, thành phố phát triển nhanh chóng, dù khởi đầu chỉ có khoảng một nghìn hộ dân. Nhưng đây là chuyện về sau.

Khi Romulus và Rémus chuẩn bị chung sức xây dựng một thành phố mới, chợt nổ ra một cuộc cãi cọ về vấn đề lựa chọn địa điểm. Romulus đã xây dựng nên cái mà người ta gọi là Rome *quadrata*, nghĩa là Rome Hình vuông, và muốn biến nơi đó thành thành phố. Rémus lại chọn một địa thế chắc chắn trên đồi Aventin¹⁸⁴, mà người ta gọi là Rémorium để tôn vinh ông, hiện nay mang tên Rignarium. Hai anh em thỏa thuận giải quyết bất đồng bằng cách làm theo chỉ dẫn của đường chim bay, và mỗi người sẽ đứng ở một bên để nhìn. Người ta nói Rémus nhìn thấy sáu con kền kền, còn Romulus nhìn thấy mười hai con. Một số người lại nói quả thật Rémus nhìn thấy sáu con, còn

¹⁸³ Plutarque là người duy nhất nói đến “thần Asile” hay “Asyle”, bắt nguồn từ từ Hy Lạp *asylon*, “không thể xâm phạm”. Tite-Live chỉ chép rằng Romulus xây dựng một “nơi trú ẩn” trên đồi Capitole. Thoạt tiên, trong thế giới Hy Lạp, mọi đền thờ đều có thể trở thành nơi trú ẩn cho những người đến đó.

¹⁸⁴ Rome được xây dựng trên bảy ngọn đồi thiêng: Palatin, Capitole, Aventin, Quirinal, Vinrinal, Esquiline, Caelius.

Romulus đã nói dối: mãi lúc sau chàng mới nhìn thấy mười hai con kền kền¹⁸⁵ [Romulus không nhìn thấy chim cùng lúc với Rémus].

Chính vì chuyện này mà cho đến tận ngày nay người La Mã vẫn chủ yếu dùng kền kền khi cần bói toán. Theo Hérodoros xứ Pont, Héraclès cũng vui mừng khi nhìn thấy một con kền kền trước khi lên đường thực hiện các kỳ công, vì kền kền là con vật ít có hại nhất trong số các con vật: nó không ăn lúa, không hại cây trồng, không bắt gia súc mà chỉ ăn xác chết; nó không giết hay làm bị thương những gì đang sống, và không hề động đến các loài chim khác, ngay cả khi chúng đã chết. Trong khi đó, đại bàng, cú mèo và bồ cát thì lại tấn công cả những con chim cùng loài với mình, ngay cả khi còn sống. Theo Eschyle thì:

Chim ăn thịt chim thì làm sao thuần khiết cho được¹⁸⁶?

Thêm nữa, các loài chim khác sống ngay trước mắt chúng ta, không hề trốn đi đâu. Nhưng kền kền rất ít khi xuất hiện, ngay cả chim kền kền nhỏ cũng rất khó tìm. Thậm chí có người còn cho rằng kền kền đến từ nơi khác, từ một xứ nào đó xa lạ. Sở dĩ có giả thuyết phi lý này là vì kền kền rất hiếm và ít khi xuất hiện, giống như những hiện tượng không tự nhiên mà các vị thầy bói coi là những ý nguyện do thần linh gửi đến.

X. Khi biết mình bị lừa, Rémus rất tức tối. Trong lúc Romulus đào hào thành, chàng cười nhạo hoặc tìm cách cản

¹⁸⁵ Tite-Live cũng kể lại cùng câu chuyện, nhưng không nói là Romulus nói dối. Với Plutarque, việc những con người tiên phong nói dối vì mục đích tốt là hoàn toàn có thể chấp nhận được (xem chặng ..ạn Numa).

¹⁸⁶ Câu 226 của vở kịch *Những người phụ nữ van xin*.

trở công việc. Chàng còn nhún mình nhảy qua hào. Trong khi đang nhảy, chàng bị đánh, theo một số người chính Romulus là người đánh Rémus, còn theo những người khác thì Céler (Xêle) - một người bạn của Romulus mới là người đánh Rémus,. Chàng ngã xuống và chết trong hào. Faustulus cũng chết trong cuộc loạn đả này, cùng với em trai mình là Plistinus, người từng giúp ông nuôi Romulus và Rémus. Céler đi sang xứ Étrurie; tên ông được người La Mã dùng để tạo ra từ *celeres* chỉ những người nhanh nhẹn. Khi cha mất, Quintus Métellus tổ chức một cuộc đấu của các võ sĩ giác đấu trong vài ngày, và được đặt biệt danh Céler, vì chàng vô cùng nhanh nhẹn¹⁸⁷.

XI. Sau khi chôn cất Rémus cùng các cha nuôi của mình ở Rémaria, Romulus bắt tay xây dựng thành phố. Chàng gọi từ Étrurie đến những người chăm lo cho từng chi tiết và thực hiện kinh cẩn như trong lễ nhập đạo Bí tích, dựa trên các nghi lễ và sách thiêng¹⁸⁸. Một cái hố tròn được đào gần Comitium ngày nay. Người ta đặt vào đó sản phẩm đấu mùa của tất cả những gì luật lệ và tự nhiên cho phép sử dụng. Cuối cùng, mỗi người mang đến một nhúm đất quê hương mình để ném vào hố, tất cả được trộn lẫn vào nhau. Người La Mã đặt cho cái hố này cái tên giống như từ chỉ vòm trời: *mundus*. Rồi lấy điểm này làm tâm của một đường tròn, người ta vẽ vòng thành. Romulus lấp lưỡi cày bằng đồng thau vào cái cày, đóng ách nó vào một con bò mộng và một con bò cái và tự mình

¹⁸⁷ Về Quintus Metellus Celer xem *Coriolan*, XI.

¹⁸⁸ Plutarque và Varron là những người duy nhất cho là đã có tiếp xúc giữa người La Mã và người Étrusque từ thời Romulus, trong khi trên thực tế mối quan hệ đó rất có thể muộn hơn.

điều khiển chúng, vạch đường cày thật sâu theo đường biên giới kẻ sẵn.

Mọi người đi theo chàng để ném vào bên trong vòng thành những cục đất mà lưỡi cày xới lên, không để cục đất nào rơi ra bên ngoài. Tường thành sẽ được xây trên đường cày đó. Người La Mã gọi đường cày đó là *pomoerium*, nghĩa là phía sau bức tường [*post murum*]. Ở nơi muốn đặt cổng, họ tháo lưỡi cày ra và nhắc cái cày lên khỏi mặt đất, do đó đường cày bị cách ra một đoạn. Chính vì thế họ coi toàn bộ bức tường là thiêng liêng, trừ những cái cổng. Nếu coi cổng cũng thiêng liêng thì họ không thể đưa ra đưa vào một số thứ cần thiết nhưng không được thuần khiết, vì sợ thần linh nổi giận¹⁸⁹.

XII. Công việc này được thực hiện vào ngày thứ mười một trước *calendes*¹⁹⁰ tháng Năm [tức 21 tháng Tư], mọi tác giả đều nhất trí với điểm này. Người La Mã ăn mừng ngày này, ngày mà họ coi như ngày khai sinh đất nước mình. Thoạt tiên họ không hiến tế sinh vật sống, theo họ cần phải giữ cho buổi lễ thật thuần khiết, không dính máu, vì đó là lễ kỷ niệm ngày sinh của đất nước. Tuy nhiên, trước khi thành lập thành phố, đúng vào ngày đó họ đã kỷ niệm một buổi lễ mục đồng gọi là *Parilia*. Ngày nay, ngày đầu tháng La Mã

¹⁸⁹ Những thứ “không được thuần khiết” này chủ yếu là các xác chết.

¹⁹⁰ Ngoài hệ thống tên ngày và tên tháng đã quen thuộc, người La Mã còn có hệ thống ghi ngày trong tháng khá phức tạp: *calendes* là ngày đầu tiên của mỗi tháng, *ides* là ngày thứ mười lăm của tháng Ba, Năm, Bảy và Mười, đồng thời là ngày thứ mười ba của các tháng còn lại, *nones* là ngày thứ chín trước các ngày *ides*. Người La Mã thường ghi ngày theo lối cộng trừ các ngày quan trọng này (ví dụ: cách ngày *ides* tháng Ba bốn ngày...) Đã có người dịch các ngày này thành ngày *sóc*, ngày *vọng*, nhưng theo chúng tôi không thể nói tháng âm lịch trùng với tháng La Mã, do đó dịch như vậy là không chuẩn, chúng tôi chú trương viết theo tiếng Pháp, và chú thích ở đây.

không còn trùng với ngày đầu tháng Hy Lạp nữa, nhưng người ta nói ngày Romulus lập ra thành phố trùng với ngày thứ ba mươi của tháng Hy Lạp. Đúng vào ngày đó có nhật thực, mà ngay cả Antimachos, nhà thơ viết anh hùng ca xứ Téos, cũng biết: nó xảy ra vào năm thứ ba của kỳ Olympique thứ sáu¹⁹¹.

Vào thời triết gia Varron¹⁹², người thông thái nhất trong số các sử gia La Mã, có một người tên là Tarutius, bạn của ông, cũng là triết gia và nhà toán học, ngoài ra còn biết lập lá số tử vi và hành nghề chiêm tinh. Varron nhò ông tính ngày và giờ sinh của Romulus bắt nguồn từ những ảnh hưởng của các vì sao, sử dụng suy luận như khi giải một bài toán hình học. Theo Varron, môn khoa học đó cho phép đoán tương lai một con người dựa trên thời điểm người đó sinh ra, và ngược lại, khi đã biết cuộc đời một người, có thể tính ra thời điểm sinh của anh ta. Tarutius làm điều mà Varron yêu cầu. Ông xem xét những gì xảy đến với Romulus và những gì Romulus đã thực hiện được, dựa vào khoảng thời gian ông sống trên đời, cách ông chết, cùng với tất cả những chi tiết tương tự, rồi rất tin tuyên bố rằng Romulus được hoài thai vào năm đầu tiên của kỳ Olympique thứ hai, ngày thứ hai mươi ba của tháng Choiac của người Ai Cập, vào giờ thứ ba sau khi mặt trời lặn, khi có nhật thực toàn phần; ông chào đời ngày hai

¹⁹¹ Thực ra không có nhật thực nào ở vùng này vào các năm 754-753 tCN, chỉ có một lần nhật thực vào năm 778 tCN.

¹⁹² Tức Marcus Terentius Varro (116-27 tCN), nhà văn và nhà thông thái La Mã. Ông đứng về phía Pompée trong thời nội chiến (thời Tam hùng César – Pompée – Crassus); nhưng sau trận Pharsale, ông dàn hòa với César và được César giao cho thành lập thư viện công cộng đầu tiên ở Rome. Tác phẩm nổi tiếng của ông là một công trình về nông nghiệp – qua đó ông được coi là cha đẻ của khoa học nông nghiệp.

mươi mốt tháng Thouth, khi mặt trời mọc; ông lập ra Rome vào ngày thứ chín tháng Pharmouthi, giữa giờ thứ hai và giờ thứ ba.

Với các nhà chiêm tinh, Số mệnh một thành phố, cũng như của mỗi con người, đều được quy định bởi một thời điểm quan trọng có thể biết được từ vị trí của các vì sao vào đúng lúc người đó sinh ra đời. Rất có thể các chi tiết này sẽ hấp dẫn người đọc vì tính chất kỳ lạ của chúng hơn là sẽ bị họ phản đối vì quá hoang đường.

XIII. Sau khi lập ra thành phố, Romulus bắt tay vào việc phân chia đàn ông ở tuổi chiến đấu thành các đội quân: mỗi đội gồm ba nghìn bộ binh và ba trăm kỵ binh. Người ta gọi kiểu đội quân này là binh đoàn [légion], vì nó được xây dựng từ những người lính tinh nhuệ, được lựa chọn [*logades*] kỹ lưỡng¹⁹³. Những người còn lại là dân chúng, gọi là *populus*. Ông lấy một trăm người giỏi nhất trong số họ để lập nên một hội đồng, gọi họ là quý tộc và hội đồng của họ là Viện nguyên lão¹⁹⁴.

Từ Viện nguyên lão [*senatus*] chỉ rõ đây là hội đồng của những người già. Thành viên của nó được gọi là quý tộc [*patricien*], một phần vì họ là cha [*patres*] của những đứa con hợp pháp, phần khác vì họ có thể nói được cha mình là ai, điều mà chỉ một số rất nhỏ những người nhập cư vào thành phố có thể làm được. Theo một số người, từ *patres* bắt

¹⁹³ Cách dẫn chiếu tới một từ Hy Lạp của Plutarque không được thuyết phục cho lắm: kỳ thực từ *legio* (binh đoàn) phát xuất từ động từ Latin *legere* nghĩa là “lựa chọn”.

¹⁹⁴ Tite-Live cũng khẳng định Romulus thành lập Viện nguyên lão: *Senatus Populus Que Romanus (SPQR)*, từ *Senatus* được cấu tạo từ *senex* nghĩa là “già”, “bô lão”...

nguồn ở từ patronage, nghĩa là chức năng của người bảo trợ; họ nghĩ rằng một người bạn của Évandre tên là Patron chuyên cứu giúp người hèn kém là nguồn gốc của từ này. Tuy nhiên, giả thuyết đáng tin cậy nhất nói rằng Romulus gọi họ như vậy bởi vì theo ông, những công dân hàng đầu và có thế lực nhất cần phải quan tâm và chăm lo cho những người bình thường; ngược lại, ông dạy những người khác không sợ hãi người có quyền lực, không tức tối với những vinh dự họ được nhận, mà cần trùm mền với họ, coi họ như cha mình. Ngày nay vẫn vậy, người nước ngoài gọi các thành viên Viện nguyên lão là ông chủ, trong khi người La Mã gọi là Patres Conscripti, danh hiệu vô cùng cao quý nhưng không gọi lên lòng đố kỵ. Thoạt tiên, người ta chỉ gọi họ là Patres, nhưng sau đó, khi số lượng các thành viên tăng lên, người ta chuyển sang gọi họ là Patres Conscripti. Với Romulus, đó là cái tên mang đầy đủ uy quyền để tạo ra sự khác biệt giữa dân chúng và các thành viên hội đồng.

Ông còn sử dụng nhiều biện pháp khác để tách những người có quyền lực khỏi đám đông. Ông gọi những người có quyền lực là patron, nghĩa là người bảo trợ, còn những người còn lại là client, nghĩa là người chịu bảo trợ, môn khách; bằng cách đó ông cũng tạo ra giữa họ tình thân ái và kéo theo nhiều ràng buộc quan trọng về mặt pháp luật. Người bảo trợ giải thích luật lệ cho môn khách của mình, đại diện cho họ ở tòa án, khuyên bảo họ và tham gia cùng họ trong mọi công việc. Môn khách phục vụ người bảo trợ, mang lại vinh dự cho họ và thậm chí còn giúp đỡ những người nghèo kiết tiền hồi môn cho con gái và trả nợ. Không một luật lệ nào, không một viên quan nào có thể buộc một người bảo trợ đứng ra làm chứng chống lại môn khách của mình, hay một môn khách chống lại người bảo

trợ mình. Sau đó, những quyền này sẽ còn được lưu giữ, nhưng người ta nghĩ thật đáng xấu hổ và thấp kém khi người quyền quý nhận tiền của người nghèo. Nhưng về vấn đề này nói vậy đã là đủ¹⁹⁵.

XIV. Theo Fabius¹⁹⁶, vụ cướp phụ nữ Sabin đã được tiến hành vào tháng thứ tư sau khi thành phố được thành lập. Một số người cho rằng Romulus đánh người Sabin bởi vì bản chất ông rất hiếu chiến, và vì ông tin vào một số lời sấm nói rằng số phận của Rome sẽ được nuôi dưỡng trong chiến tranh, sẽ lớn mạnh và đầy quyền lực nhờ chiến tranh. Cho nên ông chỉ cướp đi một số lượng phụ nữ rất nhỏ, ba mươi người, vì cái ông muốn không phải là phụ nữ cho người của mình, mà là chiến tranh. Nhưng cách diễn giải này không đúng lắm. Thật ra, ông nhận thấy thành phố nhanh chóng trở nên đông đúc dân nhập cư mà ít người có vợ, phần đông là dân nghèo và người tầm thường hèn mọn; họ khó có thể sống chung với nhau mãi mãi; ông hy vọng vụ cướp phụ nữ này sẽ mở ra một cuộc sáp nhập với người Sabin, một khi thuần phục được những người phụ nữ kia.

Ông đã tiến hành công việc như sau. Thoạt tiên ông tung tin đồn rằng mình đào được bàn thờ thần Consus, rất có thể là một vị thần trông coi việc hội họp (ngày nay người La Mã vẫn gọi hội đồng của mình là *consilium*, và vị quan cao cấp nhất là chấp chính quan [consul], nghĩa là cố vấn), hoặc có thể

¹⁹⁵ Plutarque sẽ còn quay lại vấn đề này, chẳng hạn trong *Marius*, vì với một người Hy Lạp, hệ thống tổ chức xã hội này của người La Mã là rất độc đáo.

¹⁹⁶ Tức Quintus Fabius Pictor, sử gia La Mã đầu tiên (khoảng 254-201 tCN), đã được nhắc đến ở trên, III.

là Neptune Équestre, mà bàn thờ đặt ở Circus Maximus¹⁹⁷ luôn được che kín, chỉ khi nào có đua ngựa mới bày ra. Theo một số người khác, vì thường thì người ta họp kín nên bàn thờ của vị thần này bị chôn dưới đất là điều dễ hiểu. Sau phát hiện đó, Romulus loan tin ông sẽ tổ chức một lễ hiến tế long trọng ở bàn thờ này, tiếp sau sẽ có một cuộc thi đấu và một buổi biểu diễn dành cho mọi người. Đám đông tụ tập lại. Bản thân ông ngồi ở hàng đầu tiên, vây quanh là các công dân quan trọng nhất; ông vận trang phục màu tía. Ám hiệu tấn công như sau: Romulus đứng dậy, mở rộng áo tía ra rồi lại choàng lại. Nhiều người mang vũ khí dõi theo từng cử động của ông. Khi có ám hiệu, họ đồng loạt rút kiếm và hét to, lao vào những người phụ nữ Sabin và bắt họ đi, nhưng để cho đàn ông Sabin bỏ chạy mà không đuổi đánh.

Theo một số người, họ chỉ bắt ba mươi cô gái trẻ, tên họ sẽ được đặt cho tên các curie¹⁹⁸. Tuy nhiên, theo Valérius Antias, có tất cả năm trăm hai bảy người, còn theo Juba¹⁹⁹ là sáu trăm tám mươi ba người. Theo lệnh của Romulus, điều quan trọng nhất là không được bắt phụ nữ đã có chồng, ngoại trừ trường hợp Hersilia (Hecxilia) là do nhầm lẫn. Như vậy họ tiến hành vụ cướp người này không phải vì bạo lực, cũng không phải vì tội ác, mà vì qua những mối liên hệ gần gũi, họ có ý định hòa trộn và biến hai tộc người thành một. Có người nói Hersilia trở thành vợ của Hostilius, một trong số những người La Mã có danh vọng nhất. Một số

¹⁹⁷ Xem chú thích ở trên, V.

¹⁹⁸ Đơn vị hành chính của La Mã. Curie còn có nghĩa là nơi họp của Viện nguyên lão.

¹⁹⁹ Valérius Antias là một sử gia La Mã theo dòng biên niêm, quê ở Antium; Juba II là vua Mauritanie (Bắc Phi), đồng thời là sử gia xuất sắc, sống vào TK I TCN và I SCN.

khác lại cho là nàng lấy chính Romulus và sinh cho ông con gái đầu lòng tên là Prima và đứa con trai duy nhất tên là Aollius, vì khi đó cả một đám đông công dân [aollès] đổ xô đến; tên của người con trai này sau sẽ chuyển thành Avillius. Nhưng câu chuyện mà Zénodote xứ Trézène kể này bị rất nhiều sử gia phản đối²⁰⁰.

XV. Người ta nói rằng có vài người thân phận thấp kém trong số những người cướp phụ nữ Sabin đã cướp đi một cô gái trẻ đặc biệt xinh đẹp. Các công dân cao cấp hơn nhìn thấy và muốn cướp lại cô gái này; những người kia bèn kêu lên là mình mang cô gái đến cho Talasius, một người còn trẻ nhưng đã đầy tiếng tăm và rất độ lượng. Khi nghe thấy cái tên này mọi người đều hoan hô; thậm chí một số người còn đi theo đoàn người kia để tỏ lòng kính trọng với Talasius, vừa đi vừa hét to tên chàng. Đó có thể là nguồn gốc câu tung hô “Talasius” mà ngày nay người La Mã vẫn sử dụng trong lễ cưới, giống như người Hy Lạp kêu “Hyménée”, vì người ta cho là cô gái đó mang lại hạnh phúc cho Talasius. Nhưng Sextius Sylla xứ Carthage, nhà văn được hưởng ân huệ của các nữ thần Thiện²⁰¹ và Nghệ thuật, nói với tôi là Romulus đã chọn từ đó làm dấu hiệu cho cuộc cướp người; tất cả những người bắt được phụ nữ đều kêu “Talasius!” và chính vì thế câu này được dùng trong lễ cưới.

Tuy nhiên, phần lớn các tác giả, đặc biệt là Juba, nghĩ từ này là một lời thúc giục và cổ vũ làm việc và dẹt len [*talasia*], vì vào thời đó tiếng Latin vẫn lẩn lộn rất nhiều từ Hy Lạp.

²⁰⁰ Tác phẩm của Zénodote còn lại rất ít, có lẽ ông đã viết về lịch sử Rome hay Ý.

²⁰¹ Nguyên văn: các nữ thần Grâce.

Nếu nhận xét này chính xác, và nếu người La Mã cũng dùng từ *talasia* giống như chúng ta, thì có thể nghĩ đến một nguồn gốc khác đáng tin cậy hơn. Sau chiến tranh, khi người Sabin đã giao hảo với người La Mã, họ thỏa thuận những người phụ nữ bị bắt cóc sẽ chỉ phải dệt len cho chồng. Truyền thống đó sẽ được duy trì cho các cuộc hôn nhân: những người tháp tùng cô dâu và tất cả những ai có mặt ở lễ cưới sẽ đùa mà kêu “*Talasius*” để nhắc nhở rằng phụ nữ chỉ phải làm công việc dệt len. Và ngày nay vẫn vậy, người ta vẫn không cho cô dâu tự mình bước qua ngưỡng cửa phòng ngủ mà được bế lên khi qua cửa, bởi vì thời đó phụ nữ Sabin không tự bước vào nhà mà bị buộc phải vào. Theo một số người, tục rẽ tóc cô dâu bằng mũi lao cũng gợi lại chuyện những cuộc hôn nhân đầu tiên bắt nguồn từ chiến trận. Chúng tôi đã nói rất nhiều về điều này trong *Những câu hỏi La Mã*²⁰². Vụ cướp người táo bạo này diễn ra vào ngày thứ mười tám của tháng khi đó còn có tên là tháng *Sextilis*, nay là tháng Tám, ngày lễ *Consualia*.

XVI. Người Sabin rất đông, hiếu chiến, ở những ngôi làng nhỏ không có phòng thủ. Họ nghĩ là với tư cách những người thực dân Lacédémone²⁰³, họ có nghĩa vụ tỏ ra kiêu hãnh, không sợ hãi bất kỳ ai. Tuy nhiên, khi thấy mình phải đối mặt với kẻ thù hung mạnh đến thế, lo lắng cho số phận của con gái mình, họ phái các đại diện đến gặp người La Mã để đề xuất cách giải quyết trung thực và đầy thiện ý, đó là

²⁰² Tác phẩm khác của Plutarque, thường đi đôi với *Những câu hỏi Hy Lạp*; đó là hai tác phẩm viết dưới dạng hỏi-đáp, chủ đề là phong tục tập quán của Hy Lạp và La Mã.

²⁰³ Tức Sparte.

Romulus phải trả con gái lại cho họ và từ bỏ những thành quả đạt được bằng bạo lực; sau đó bằng con đường thuyết phục và đúng luật lệ, hai tộc người có thể kết bạn và kết đồng minh với nhau. Nhưng Romulus từ chối trả lại các cô gái trẻ, và đề nghị người Sabin chấp nhận kết hợp với Rome.

Trong khi tất cả mọi người còn đang bàn thảo, thì vua người Céninète là Acron, một người hung hăng và một chiến binh tài năng, phát động chiến tranh. Ông ta nghi ngờ Romulus ngay từ đầu và sau khi Romulus cướp phụ nữ Sabin, ông ta cho là Romulus từ nay đã trở thành kẻ nguy hiểm đối với mọi người và sẽ không thể khống chế được nếu không bị trừng phạt ngay. Ông ta bèn dẫn đầu một đội quân hùng mạnh tiến đánh Romulus, và Romulus cũng tiến công đánh trả. Khi đã đối diện và quan sát nhau, họ thách đấu tay đôi, trong khi đó quân đội hai bên phải đứng yên không được tham chiến. Romulus thế là nếu chiến thắng và hạ được Acron, ông sẽ mang vũ khí của kẻ thù đến hiến cho thần Jupiter. Ông chiến thắng, hạ được Acron. Khi trận đánh nổ ra, ông đánh đuổi được đội quân đối phương và chiếm được thành của Acron. Tuy nhiên, Romulus không hề làm hại những người bị bắt làm tù binh; ông chỉ ra lệnh cho họ phá hủy nhà cửa rồi đi theo ông về Rome để trở thành công dân với quyền lợi giống như những người khác. Không gì có thể giúp Rome trở nên lớn mạnh hơn thế: nó luôn chiếm lấy và sáp nhập vào mình những tộc người mà nó đã chiến thắng.

Để thực hiện lời hứa với thần Jupiter theo cách trọng thể nhất và cũng để làm vui lòng dân chúng, Romulus cho đẽn một cây sồi rất lớn trong trại, tạc nó thành hình cúp chiến thắng và treo vũ khí của Acron lên đó; bản thân ông ăn bận

lộng lẫy và đặt lên mái tóc một vành nguyệt quế. Rồi ông nâng chiếc cúp lên, đặt nó thẳng đứng trên vai phải và bước đi, vừa đi vừa đọc vang một bài tụng ca chiến thắng, đằng sau là đội quân đầy đủ binh phục vừa đi vừa tung hô hưởng ứng. Các công dân vui mừng và ngưỡng mộ đón tiếp ông. Cuộc rước này là nguồn gốc và mô hình cho các lễ khai hoàn về sau. Người ta gọi chiếc cúp dâng lên thần Jupiter này là Férétrien, trong tiếng Latin *ferire* nghĩa là đánh, vì Romulus từng cầu khẩn thần linh phù hộ mình đánh hạ kẻ thù. Những tặng phẩm này được gọi là opime, theo Varron từ này bắt nguồn từ từ *ops* có nghĩa là giàu có, nhưng cũng có thể giải thích từ này theo cách khác. Trong tiếng Latin, *opus* nghĩa là hành động, và vị tướng hoàn thành được hành động anh hùng là tự tay giết chết tướng địch mới được quyền hiến tế các thứ tặng phẩm opime. Chỉ có ba vị tướng La Mã từng làm được chuyện này: đầu tiên là Romulus, giết chết Acron - vua người Céninètes; tiếp theo là Cornélius Cossus giết Tolumnius người Étrusque; cuối cùng là Claudius Marcellus, người chiến thắng Britomartus - vua người Gaulois. Cossus và Marcellus tiến vào Rome trên một chiến xa do bốn ngựa kéo và tự mình cầm cúp chiến thắng. Nhưng về Romulus, Denys đã nhầm khi nói ông diễu hành ở lễ khai hoàn trên chiến xa. Theo các sử gia, Tarquin - con trai Démarate - là vị vua đầu tiên nâng cúp vào dịp đó, còn theo một số người khác, Publicola là người đầu tiên làm lễ khai hoàn trên chiến xa. Mặt khác, có thể thấy ở Rome tất cả những bức tượng Romulus cầm cúp chiến thắng đều tạc hình ông không cưỡi ngựa.

XVII. Sau khi Romulus chiếm được Cécina, trong khi những người Sabin khác còn đang bận chuẩn bị, người dân

các thành phố Fidène, Crustumérium và Antemna liên minh chống lại người La Mã²⁰⁴. Nhưng cũng giống như người Céninète, họ bị thua và buộc phải để Romulus chiếm thành phố của mình, đất đai bị chia cắt và bị bắt phải định cư ở Rome. Romulus chia toàn bộ đất đai chiếm được cho các công dân, nhưng cho phép cha của các cô gái bị cướp được giữ lại những mảnh đất mà họ có từ trước. Giận dữ vì cách giải quyết này, những người Sabin khác chọn Tatius làm tướng và tiến đánh Rome. Nhưng thành phố rất kiên cố vì được ngọn đồi (mà ngày nay có tên là Capitole) bảo vệ; trên ngọn đồi đó có một đồn binh do Tarpeius chỉ huy, chứ không phải do cô gái tên là Tarpeia chỉ huy như một số tác giả nhầm tưởng, và như thế đã biến Romulus thành một kẻ ngớ ngẩn.

Tarpeia là con gái của người chỉ huy. Nàng trao đồn lũy cho người Sabin vì muốn có vòng tay bằng vàng mà họ đang đeo. Để đổi lại sự phản bội của mình, nàng đòi toàn bộ vòng họ đeo ở tay trái. Tatius chấp nhận và Tarpeia bèn đang đêm mở một cái cổng cho người Sabin đi vào.

Có vẻ như rất nhiều người đều nghĩ giống như Antigone²⁰⁵: “Ta yêu những kẻ đang phản bội chứ không phải những kẻ đã phản bội”, hay giống như Auguste²⁰⁶ khi nói về Rhoimétalcès xứ Thrace: “Ta yêu sự phản bội nhưng ghét kẻ phản bội”. Đó là một thứ tình cảm thông thường mà

²⁰⁴ Cénina, Fidène, Crustumérium và Antemna không phải là các thành phố của người Sabin, mà là các địa điểm xưa kia nằm dọc theo đường Salaria - “con đường muối” nối liền Rome với Sabine. Antemna nằm gần Rome có lẽ quy thuận từ rất sớm. Tite-Live cho là chiến thắng Crustumérium diễn ra trước năm 495 tCN, chiến thắng Fidène năm 426 tCN.

²⁰⁵ Có lẽ Plutarque muốn nói đến một vị vua Macédoine sau thời Alexandre.

²⁰⁶ Hoàng đế đầu tiên của La Mã, con nuôi và cháu của César.

người ta vẫn cảm thấy đỗi với những kẻ mà người ta cần đến, giống như khi cần đến nọc độc và mêt đắng của một số loài động vật. Người ta thích thú chúng khi chúng có lợi cho họ; nhưng một khi đã đạt được điều mình muốn, người ta sẽ đậm ra căm ghét sự độc ác đó. Đó chính là thứ tình cảm mà Tatius dành cho Tarpeia. Ông ra lệnh cho người Sabin phải tôn trọng cam kết của mình, không được từ chối đưa bất cứ thứ gì đeo ở tay trái mà nàng muốn. Bản thân ông là người đầu tiên tháo vòng cùng với tấm khiên của mình ném cho nàng. Tất cả làm theo gương ông. Bị đống đồ trang sức đập vào người và bị khiên ném lên, Tarpeia chết vì không chịu nổi sức nặng của chúng²⁰⁷. Về phía Tarpeius, ông bị Romulus kết tội phản bội; Juba cho rằng đó là chuyện kể của Sulpicius Galba. Trong số các phiên bản khác về chuyện nàng Tarpeia, một số rất可信: có người nói nàng là con gái của Tatius, tướng chỉ huy người Sabin; nàng đã làm mọi việc như kể ở trên và phải chịu trừng phạt của người cha bởi vì Romulus bắt nàng phải sống với ông. Antigone là một trong những người kể như vậy. Nhà thơ Simylos thì chêch lỗi hoàn toàn khi tưởng tượng ra Tarpeia trao đổi Capitole không phải cho người Sabin mà cho người Celtic, bởi vì nàng đem lòng yêu vị vua của họ. Ông nói:

Tarpeia sống gần đồi Capitole,

Nàng tàn phá những bức tường thành của Rome

Vì muốn lấy ông vua Celtic làm chồng,

Nàng không buôn quan tâm đến nhà cửa của ông cha.

Và khi nói đến cái chết của nàng ta:

²⁰⁷ Có phiên bản khác cho là nàng Tarpeia phản bội là vì đem lòng yêu chàng Tatius đẹp trai.

*Những người Boien, các bộ lạc Celtic đông đảo,
 Vinh quang, không ném nàng xuống sông Po;
 Mà bằng cánh tay rắn chắc, họ ném vũ khí
 Vào đีea con gái xấu xa, tặng cho thú trang sức chết chóc.*

XVIII. Tarpeia được chôn ở ngay tại đó, và đồi được mang tên Tarpeia, cho đến khi vua Tarquin quyết định dâng ngọn đồi cho thần Jupiter và cải táng phần mộ của nàng đi chỗ khác. Tên nàng rơi vào quên lãng; nhưng ngày nay người ta vẫn gọi một mỏ đất trên đồi Capitole là Tảng đá Tarpeia, nơi những kẻ phạm tội bị đẩy ngã xuống.

Khi đồn lính đó đã rơi vào tay người Sabin, Romulus tức giận thách đấu với họ. Tatius tràn đầy hy vọng vì ông hiểu là nếu mình có bị đánh thua thì vẫn còn có chỗ để lui về. Ở nơi sẽ xảy ra trận đấu, khoảng cách giữa hai bên nằm lọt vào giữa nhiều ngọn đồi. Địa hình khó khăn buộc hai bên phải lao vào một cuộc chiến đấu dữ dội và tàn khốc, sự trốn chạy và truy đuổi rất khó khăn, chỉ có thể diễn ra trong một khoảng cách rất nhỏ, chật hẹp. Thêm vào đó, vài ngày trước, nước sông tràn bờ và biến cánh đồng (nơi ngày nay là Quảng trường) thành một đầm lầy sâu đầy bát trắc, khó đoán định, một chốn đáng sợ và dễ khiến người ta mắc lừa. Người Sabin vội vã tiến lên vì không hề hay biết, nhưng một sự may mắn tình cờ đã cứu họ. Curtius, một con người nổi bật, rất kiêu hãnh với vinh quang và lòng gan dạ của mình, cưỡi ngựa chạy lên trước mọi người, nhưng ngựa của ông ta bị sa lầy vào đầm bùn đất. Ông ta cố thúc ngựa ra khỏi chỗ đó, đánh đập nó, hò hét ra lệnh, rồi khi thấy là không thể làm gì được, ông ta bỏ ngựa lại để thoát thân. Ngày nay, cái hồ đó vẫn còn tên là Curtius.

Thoát được mồi họa đó, người Sabin đã tiến đánh một trận long trời lở đất nhưng không có ý nghĩa quyết định, dù giết được rất nhiều người, trong đó đáng kể nhất là Hostilius, người được cho là chồng của Hersilia; cháu của ông sẽ trở thành vua Hostilius, người nối ngôi Numa. Nhiều trận đánh khác cũng diễn ra trong thời gian ngắn, trong đó trận cuối cùng là trận nổi tiếng nhất. Hôm đó, Romulus bị thương do đá ném vào đầu, suýt tử trận và phải ngừng đánh nhau; người La Mã thúc thủ trước người Sabin và bị đuổi khỏi cánh đồng, phải bỏ chạy về phía đồi Palatin. Khi hồi phục lại sau vết thương, Romulus cầm vũ khí đứng ra chặn đường những kẻ chạy trốn; ông hét to lệnh cho họ cõi thù đánh trả kẻ địch. Nhưng quanh ông ai ai cũng bỏ chạy, không ai dám quay lại hết. Ông bèn giơ tay lên trời, cầu thần Jupiter dừng đội quân của mình lại, cầu cho sức mạnh của người La Mã không bị sụp đổ, cầu thần dựng nó lên. Khi ông cầu khẩn xong, nhiều người cảm thấy xấu hổ khi nhìn vị vua của mình; rồi mọi chuyện thay đổi bất ngờ, những người chạy trốn lấy lại được can đảm. Ở nơi họ dừng lại lần đầu tiên, ngày nay có đền thờ thần Jupiter Stator, tên gọi này có thể hiểu là “người dừng người khác lại”. Sau đó, họ tập hợp lại đội ngũ và đánh lui người Sabin cho đến nơi mà ngày nay có tên là Régia và đến tận đền thờ Vesta.

XIX. Ở đó, hai bên chuẩn bị lao vào đánh nhau tiếp thì bị dừng lại bởi sự xuất hiện một cảnh tượng lạ thường mà không ngôn từ nào có thể miêu tả được. Những cô gái Sabin bị cướp trước đây chạy bỗng đến giữa đám vũ khí và thây người, họ hướng về chồng và cha mình mà gào thét rất to như thể bị một vị thần nhập vào người, một số người bê con,

số khác tóc tai xõa xuyệt, khi thì họ gọi người Sabin, lúc lại gọi người La Mã với những lời dịu dàng nhất. Cả hai bên đều chùng xuống và giãn ra để những người phụ nữ chạy vào giữa hai hàng lính. Tất cả đều nghe thấy những lời than vãn của họ, cảm thấy thương xót sâu sắc khi nhìn thấy họ, và càng thương xót hơn khi nghe họ nói. Thoạt tiên, những người phụ nữ này nói lời biện hộ mãnh liệt, rồi chuyển thành những lời cầu xin và khẩn nài:

“Chúng tôi đã làm điều gì xấu xa? Chúng tôi đã gây ra điều bất hạnh gì để phải chịu và còn phải chịu những nỗi đau đớn tồi tệ nhất như thế này? Chúng tôi đã bị cướp đi không theo một luật pháp nào cả bởi những người mà giờ đây chúng tôi thuộc về họ. Và sau đó, anh em cha mẹ chúng tôi bỏ rơi chúng tôi lâu đến mức giờ đây chúng tôi đã gắn bó với kẻ thù bằng những mối liên hệ gần gũi nhất. Nhìn họ đánh nhau, chúng tôi bị buộc phải lo sợ và khóc cho cái chết của họ. Các người không chịu đến bảo vệ chúng tôi khỏi sự tàn bạo của họ khi chúng tôi vẫn còn là trinh nữ, và giờ đây các người lại giật vợ khỏi chồng, mẹ khỏi con! Sự giúp đỡ mà ngày hôm nay các người mang đến cho chúng tôi còn độc ác hơn việc các người bỏ rơi và phản bội chúng tôi ngày trước. Sao mà chúng tôi lại bất hạnh đến thế này. Hãy nhìn vào tình yêu mà họ trao cho chúng tôi, hãy nhìn vào sự thương hại mà các người dành cho chúng tôi! Ngay cả khi các người đánh nhau vì một động cơ khác, các người cũng phải ngừng ngay lại, bởi vì thông qua chúng tôi các người đã trở thành bố vợ, ông ngoại của kẻ thù các người, là thành viên trong một gia đình. Nếu vì chúng tôi mà các người phát động chiến tranh, hãy mang chúng tôi đi cùng với con rể và

cháu ngoại của các người; hãy trả cho chúng tôi trụ cột của gia đình, đừng có cướp đoạt của chúng tôi những đứa con và những người chồng. Chúng tôi xin các người đây, đừng biến chúng tôi thành tù nhân lần thứ hai nữa."

Hersilia nói rất nhiều theo cách đó và tất cả những người phụ nữ tập hợp lại. Hai bên quyết định dừng đánh nhau để các vị chỉ huy thương nghị. Trong lúc đó, những người phụ nữ đưa chồng con đến gặp cha và anh em của mình; họ mang đồ ăn và đồ uống đến cho những người cần ăn uống, mang người bị thương về nhà mình để chăm sóc; họ chứng minh mình là chủ trong nhà, chồng họ là những người tử tế, nâng niu quý trọng họ hết mực. Một thỏa thuận được thông qua: ai muốn thì sẽ được ở lại với chồng và được, như đã nói ở trên, được miễn khỏi mọi trách nhiệm và công việc, trừ việc dệt len. Người La Mã và người Sabin chung sống trong cùng thành phố; thành phố này sẽ được gọi là Rome theo tên Romulus, và tất cả người La Mã sẽ được gọi là Quirites theo tên đất nước của Tatius. Cuối cùng, hai người chỉ huy hai bên sẽ cùng nhau cai trị và điều hành quân đội. Nơi bàn hiệp ước được thông qua ngày nay vẫn có tên là Comitium, vì *comire* [*coire*] trong tiếng Latin có nghĩa là họp lại.

XX. Thành phố giờ đây đông lên gấp đôi, trong số những người Sabin, người ta chọn ra thêm một trăm quý tộc²⁰⁸ và binh đoàn giờ đây gồm sáu nghìn bộ binh và sáu trăm kỵ binh. Người ta lập ra ba bộ lạc: thành viên bộ lạc thứ nhất

²⁰⁸ Trong *Numa*, II, Plutarque nói là có 150 thành viên Viện Nguyên lão, như vậy là tăng thêm 50 người so với ban đầu.

gọi là các Ramnense, theo tên của Romulus; thành viên bộ lạc thứ hai gọi là các Tatiense theo tên của Tatius; và thành viên bộ lạc thứ ba gọi là Lucérense theo tên khu rừng thiêng nơi rất nhiều người sẽ trở thành công dân thành phố đã trốn khi quyền lưu trú (*asile*) được áp dụng (từ *lucus* trong tiếng Latin có nghĩa là rừng thiêng²⁰⁹). Như vậy là có ba bộ lạc, ngày nay người ta vẫn dùng từ *bộ lạc* để gọi họ và những người đứng đầu được gọi là *tộc trưởng*. Mỗi bộ lạc gồm mười curie và nhiều người cho rằng tên các curie được đặt theo tên những người phụ nữ Sabin nổi tiếng; nhưng theo tôi điều này không đúng vì nhiều curie lấy tên cũ của địa phương. Tuy nhiên, người ta dành cho những người phụ nữ này rất nhiều vinh dự: đặc biệt phải nhường đường cho họ khi đi trên phố, không được nói năng thô thiển khi có mặt họ, không được ở trần trước mặt họ, nếu vi phạm sẽ bị đưa ra tòa xử phạt rất nặng; con cái họ mang một cái mề đay gọi là *bulla* theo hình dáng của nó, vì nó giống cái bong bóng (*bulle*) và mặc áo dài viền tía²¹⁰.

Hai vị vua không gặp nhau ngay lập tức mà mỗi người xem xét riêng rẽ vấn đề cùng với một trăm cố vấn của mình, rồi mới họp chung toàn thể. Tatius ở nơi ngày nay có đền Monéta, còn Romulus thì ở gần cầu thang tên là Cầu thang Cacus, trên dốc đồi dẫn từ Palatin đến Circus Maximus²¹¹.

²⁰⁹ Nhiều người nghĩ rằng cái tên Lucérense xuất phát từ tên vị tướng Étrusque Lucumo.

²¹⁰ *Bulla* là một cái bao bằng da hoặc kim loại đựng bùa chú mà trẻ em trai mang trên người cho đến tuổi 17, cũng như chiếc áo dài viền tía. Plutarque đặc biệt quan tâm đến những chi tiết này vì với tư cách là một người Hy Lạp, ông rất ngạc nhiên trước vị thế cao của phụ nữ trong xã hội La Mã.

²¹¹ Tức là Tatius ở trên đồi Capitole còn Romulus sát rìa *Roma quadrata* ở đồi Palatin. Các công trình khảo cổ không tìm ra được dấu vết nơi ở của hai vị vua tại các địa điểm đó.

Người ta nói rằng ở đó có một cây thù du linh thiêng. Nếu tin vào truyền thuyết, Romulus đã đứng trên đỉnh đồi Aventin ném đi một cây lao làm bằng gỗ thù du để chứng tỏ sức mạnh của mình. Mũi lao đâm sâu xuống đất, nhiều người đến giật nó lên nhưng không ai đủ sức. Đất màu mỡ nuôi dưỡng cái lao mọc lên thành một cây thù du rất cao. Những người kế vị Romulus cho xây tường bao quanh cái cây để bảo vệ và thờ cúng, vì nó được coi là vô cùng linh thiêng. Khi ai đó đi qua nơi này mà cảm thấy cây không được sum suê và xanh tươi, ngược lại còn héo hắt đi, người đó sẽ héto báo cho những người mà anh ta gặp trên đường. Những người này, giống như những người chữa cháy, hét lên: "Nước đâu!" và từ mọi phía, người ta mang nước chạy đến. Nhưng người ta nói khi Caius Caesar cho sửa mấy bậc thang gần đó, một số người làm đào quá gần chõ trống cây, vô tình làm hại rễ cây và sau đó cây bị chết héo.

XXI. Người Sabin quyết định áp dụng tháng của người La Mã²¹²: trong *Numa*, tôi đã thuật lại tất cả những điểm quan trọng về việc này. Về phần mình, Romulus du nhập loại khiên dài của người Sabin, sửa sang lại vũ khí của mình và của người La Mã mà cho đến khi đó vẫn mang khiên kiểu Argive²¹³. Hai bên tham gia các buổi lễ và buổi hiến tế của nhau. Họ không hề bỏ một cuộc lễ nào từng kỷ niệm trước đó, mà còn tổ chức nhiều lễ mới, nhất là lễ Matronalia dành cho phụ nữ²¹⁴ để cảm tạ công lao chấm dứt chiến tranh của họ, hoặc lễ Carmentalia. Theo một số

²¹² Xem *Numa*, XVIII-XIX. Điều này chứng tỏ truyện Numa được viết trước truyện Romulus.

²¹³ Tên thung lũng ở thành phố Argos cổ xưa, thuộc Péloponnèse.

²¹⁴ Lễ dành cho các bà mẹ trong gia đình, ngày mồng Một tháng Ba.

người, Carmenta là một trong các nữ tử thần Parque²¹⁵ cai quản sự sinh tử của con người; và vì lẽ đó các bà mẹ thò cúng bà. Theo những người khác, bà là vợ của Évandre xứ Arcadie²¹⁶, một nữ tiên tri có được quyền năng nhờ Phoibos²¹⁷, thường xuyên có những lời sấm bằng thơ; nàng có biệt danh là Carmenta, vì trong tiếng Latin từ *carmina* có nghĩa là câu thơ, trong khi tên thật của nàng là Nicostratè. Về điểm này mọi người đều nhất trí, nhưng vài tác giả để xuất giả thuyết đáng tin hơn: cái tên Carmenta muôn nói “mắt trí”, ám chỉ sự nhập đồng khi tiên tri; trong tiếng Latin, *carere* có nghĩa là “mất”, còn *mentem* có nghĩa là lý trí. Lễ Parilia thì như tôi đã nói ở trên²¹⁸.

Lễ Lupercales có thể được coi là một lễ tẩy trần nếu dựa vào thời điểm nó diễn ra: trong những ngày xấu của tháng Hai²¹⁹, tháng đặc trưng cho sự tẩy rửa, và ngày lễ xưa tên là Februata. Nhưng cái tên Lupercales trong tiếng Hy Lạp có nghĩa là lễ chó sói [Lycaia], có vẻ như là điều đó chứng tỏ lễ này rất cổ xưa, từ thời người Arcadie, bạn bè của Évandre. Chí ít đó cũng là cách giải thích thông dụng nhất, nhưng cái tên rất có thể đến từ con sói cái: quả thật chúng tôi thấy là các Luperque bắt đầu cuộc chạy vòng của mình ở nơi Romulus bị bỏ rơi hồi bé. Qua các nghi lễ mà họ thực

²¹⁵ Tức ba nữ thần trông coi việc sinh tử của con người.

²¹⁶ Évandre trong thần thoại được coi là con trai của thần Hermès, có khi được đồng hóa với thần Faunus; xuất hiện trong tác phẩm *Énéide* của Virgile, từng đón tiếp Énée khi người anh hùng lưu lạc từ thành Troie.

²¹⁷ Tức thần Apollon.

²¹⁸ Xem chương XII.

²¹⁹ Nguyên văn: các ngày néfaste: thêm một bằng chứng cho sự rắc rối về ngày tháng của người La Mã. Những ngày này theo luật của thần linh không được phép tiến hành các công việc cộng đồng.

hiện, họ còn biến nguồn gốc của buổi lễ thành ra khó đoán hơn. Họ bóp cổ dê rồi dẫn đến hai đứa bé trai con nhà quý tộc; một số người lấy dao nhuộm máu chạm vào trán chúng, người khác lau vết máu đi ngay lập tức và dít len nhúng sữa vào đó. Khi đã lau chùi xong, đứa bé phải cười lên. Sau đó, họ cắt da con dê thành từng dải và chạy đi khắp mọi hướng, người để trần, chỉ đóng một cái khố và lấy mấy cái dây da này đánh tất cả những ai gặp phải. Những người phụ nữ ở độ tuổi sinh đẻ không tìm cách tránh những sợi dây da này vì họ nghĩ chúng giúp thuận thai và sinh nở dễ dàng hơn. Một trong những điểm đặc biệt của buổi lễ là các Luperque hiến tế một con chó. Theo một người tên là Boutas, người từng kể bằng thơ nguồn gốc thần thoại của các tập tục La Mã, sau khi chiến thắng Amulius, Romulus và em trai vui sướng chạy đến chỗ con sói cái từng cho hai người bú khi họ còn nhỏ. Buổi lễ mô phỏng cuộc chạy đó: những đứa bé trai con nhà quyền quý chạy đến nơi ấy,

*Vìa chạy vìa đánh những người đi qua, như ngày xưa
Romulus và Rémus tay cầm gươm đi từ Albe đến.*

Theo Boutas, lưỡi gươm nhuốm máu mà người ta đặt lên trán bọn trẻ con là biểu tượng của vụ giết người và những hiểm nguy của ngày hôm đó, còn sự tẩy rửa bằng sữa nhắc lại cách thức lũ trẻ được nuôi dưỡng. Nhưng Caius Acilius kể là trước khi thành lập thành phố, đàn cừu của Romulus và Rémus đột nhiên biến mất; hai đứa trẻ cầu xin Faunus²²⁰ rồi chạy đi tìm cừu, cả người trần truồng để không bị mồ

²²⁰ Thần bảo vệ mục đồng của người La Mã, được đồng hóa với thần Pan của Hy Lạp, thường được miêu tả dưới dạng người có sừng, chân dê.

hội vương; đó có thể là lý do vì sao các Luperque lại trốn truồng khi chạy vòng quanh như vậy²²¹.

Nếu cuộc hiến tế là một sự tẩy rửa, có thể nói con chó được sử dụng làm nạn nhân tẩy rửa. Người Hy Lạp cũng mang những con chó nhỏ đến các buổi lễ tẩy rửa và thực hành ở nhiều nơi cái mà người ta gọi là *périscylacisme*. Nhưng nếu đó là một cuộc hiến tế tạ ơn sói, kỷ niệm cách thức mà con sói cái nuôi dưỡng và cứu sống Romulus, việc giết một con chó không có gì là phi lý vì chó là kẻ thù của sói; trừ phi, cầu Zeus!, người ta giết chó vì nó quắn chán các Luperque khi chạy.

XXII. Người ta nói Romulus cũng là người đầu tiên cho thò lửa và chỉ định các trinh nữ làm Vestale. Một số người cho rằng Numa mới là tác giả của công việc này, nhưng không ai phủ nhận rằng Romulus vô cùng sùng đạo và thậm chí còn biết bói toán. Khi bói ông cầm một chiếc *lituus* thần, tức là một chiếc gậy cong được dùng để xác lập vị trí quan sát chim bay trong khi bói. Người ta bảo quản nó ở trên ngọn Palatin; nó biến mất khi người Gaulois chiếm thành phố, nhưng, sau khi người Ngoại di đã rút đi, người ta tìm lại được nó dưới lớp tro dày. Nó không hề bị lửa làm hư hại trong khi tất cả những cái khác đều bị tàn phá và biến mất²²².

Romulus cũng quy định một số luật lệ, một trong số đó là nghiêm cấm phụ nữ bò chồng, nhưng cho phép người

²²¹ Sở dĩ buổi lễ có tên như vậy là vì trong tiếng Latin thần Faustus (tức Pan) còn được gọi là Lupercus.

²²² Xem *Numa*, IX để biết thêm về các trinh nữ Vestale. Về cây gậy *lituus*, xem *Camille*, XXXII.

chồng đuổi vợ đi khi người vợ đầu độc con, tráo đổi chìa khóa, và ngoại tình. Nếu đuổi vợ vì các lý do khác, luật đòi hỏi anh ta phải chuyển lại cho vợ một phần tài sản trước đây, phần còn lại hiến cho thần Cérès²²³; người đuổi vợ đi cũng phải cúng tế các vị thần diêm vương. Một nét đặc biệt của điều luật này là Romulus không án định hình phạt nào để trùng trị tội giết cha mẹ và gọi mọi vụ giết người đều là giết cha mẹ, vì theo ông giết người là điều đáng kinh tỤm, và giết cha mẹ là hành động không thể dung thứ. Và trong một khoảng thời gian rất dài, có vẻ như là ông có lý, vì trong vòng gần sáu trăm năm ở Rome không có ai phạm tội đó. Phải sau chiến tranh với Hannibal mới có một người tên là Lucius Hostius phạm tội giết cha. Nhưng như vậy đã là đủ về những vấn đề này.

XXIII. Vào năm thứ năm dưới triều Tatius, khi họ hàng và bạn bè của vua gặp các sứ giả trên đường đi từ Laurente đến Rome. Họ tấn công những người này để cướp tiền. Và khi các sứ giả chống lại, họ liền bị giết chết. Sau một tội ác tày trời như thế, Romulus muốn xử tội những kẻ phạm tội ngay lập tức, nhưng Tatius phản đối và khiến vụ án dây dưa kéo dài. Đó là lần duy nhất hai người công khai bắt hòa với nhau, bình thường họ rất ăn ý, cùng nhau cai trị hết sức nhịp nhàng. Những người thân thuộc của các nạn nhân tức tối tấn công Tatius khi ông hiến tế cùng Romulus ở Lavinium và giết chết ông. Họ coi Romulus là một người công chính nên không những không giết mà còn hoan hô ông. Romulus mang xác Tatius về và xây cho ông một phần mộ đẹp đẽ trên đồi Aventin, gần nơi có tên

²²³ Mẹ của nữ thần Perséphone.

Armillistrium; nhưng ông không hề quan tâm đến việc trừng trị những kẻ giết người.

Theo một số sử gia, thành phố Laurente²²⁴ vì sợ hãi đã mang nộp cho ông những kẻ giết Tatius, nhưng ông nói rằng giết người đã phải trả giá bằng giết người và thả cho họ đi. Việc này khiến nảy sinh nghi ngờ: người ta cho rằng ông sung sướng vì trừ khử được người đồng nhiệm. Tuy nhiên thái độ của ông không khiến mọi việc trở nên bát ổn; người Sabin không hề muốn nổi loạn, trong số họ người thù quý mến ông, người thì sợ hãi quyền lực của ông, lại có người thấy ông lúc nào cũng được thần linh bảo trợ nên ngưỡng mộ ông. Rất nhiều người ngưỡng mộ ông, trong số đó có cả người nước ngoài; những cư dân cổ xưa nhất của xứ Latium phái sứ giả đến để lập hòa ước với ông.

Ông chiếm Fidènes, thành phố láng giềng của Rome. Theo một số người, đột nhiên ông cử kỵ binh đến đó với lệnh phá bản lề cửa thành, rồi chính ông xuất hiện. Theo một số người khác, người Fidènes là những kẻ gây hấn thường kéo đến tàn phá và cướp bóc vùng nông thôn và vùng lân cận thành phố. Romulus phục kích và giết một số lớn người Fidènes rồi chiếm lấy thành phố. Tuy nhiên, thay vì tàn phá nó, ông biến nó thành một thuộc địa của La Mã và gửi đến đó hai nghìn năm trăm lính đồn trú, vào ngày ides tháng Tư.

XXIV. Sau đó không lâu nạn dịch hạch tràn vào thành phố, gây ra những cái chết đột ngột không rõ nguyên nhân,

²²⁴ Laurente có thủ đô là Lavinium, thành phố hợp tác với Rome ngay từ đầu với một hiệp ước mang tính tôn giáo nhiều hơn là quân sự.

và làm cho cây cối và động vật trở nên cằn cỗi, vô sinh. Một trận mưa máu rơi xuống, một nỗi sợ hãi kinh khủng làm tăng thêm nỗi bất hạnh mà con người đang phải gánh chịu.

Người dân Laurente cũng phải gánh chịu những nỗi đau khổ đó. Rõ ràng là cơn giận dữ của thần thánh đã giáng xuống hai thành phố, vì luật lệ đã bị vi phạm khi các sứ giả và Tatius bị giết. Và quả thật, khi những kẻ sát nhân bị bắt và bị xử, tai họa đã giảm bớt đi nhiều phần. Romulus dùng hiến tế để tẩy rửa các thành phố. Những nghi lễ hiến tế đó ngày nay chúng ta vẫn còn thực hiện ở gần Rừng Férente. Trong khi bệnh dịch hạch vẫn đang hoành hành, người dân Caméria tấn công người La Mã vì nghĩ họ không đủ sức chống trả. Ngay lập tức, Romulus hành quân đánh trả, chiến thắng và giết chết sáu nghìn quân địch. Sau khi chiếm được thành phố của họ, ông bắt một nửa dân đến sống ở Rome và vào ngày calandes tháng Tám, ông điều đến một số lượng người La Mã nhiều gấp đôi người Caméria còn lại. Như vậy là khi Rome mới thành lập được mười sáu năm, ông đã phải đổi mặt với vấn đề dân cư quá đông đúc! Trong số những chiến lợi phẩm thu được ở Caméria có một cỗ xe tứ mã bằng đồng, được Romulus đem hiến nó cho đền thờ thần Vulcain²²⁵, sau khi cho dựng một bức tượng tạc hình ông được thần Chiến thắng trao vương miện.

XXV. Khi thấy sức mạnh La Mã được củng cố như vậy, các láng giềng yếu nhất của họ đồng lòng quy thuận vì muốn được yên thân. Nhưng những người láng giềng hùng mạnh thì lo ngại và ghen tức không muốn chấp nhận tình

²²⁵ Tức thần thợ rèn Héphaïstos.

thế và định phá hỏng sự lớn mạnh của Rome và kiềm giữ Romulus. Người Véies sở hữu một lãnh thổ rộng lớn và sống trong một thành phố lớn là những người Étrusque đầu tiên phát động chiến tranh²²⁶: họ tuyên bố Fidènes là của họ và đòi lại. Đòi hỏi đó không chỉ không đúng đắn, mà còn lố bịch, vì khi người Fidènes lâm nguy trong chiến tranh, người Véies không hề đến giải cứu mà còn để mặc cho họ bị chém giết, thế mà giờ đây bọn họ lại đòi đất đai và nhà cửa đã thuộc về người khác!

Câu trả lời họ nhận được từ Romulus là những lời lăng mạ. Họ bèn chia quân làm đôi, một nửa tấn công Fidènes, một nửa tiến đánh Romulus. Ở Fidènes, họ là người chiến thắng, giết được hai nghìn người La Mã; nhưng họ bị Romulus đánh bại và mất hơn tám nghìn người. Họ gây chiến lần thứ hai gần Fidènes, nơi hầu như toàn bộ chiến thắng là tác phẩm của Romulus, người đã vô cùng khéo léo và đầy táo bạo. Đường như ông sở hữu một sức mạnh và sự dẻo dai hơn hẳn người thường, mà ai ai cũng phải công nhận điều đó. Nhưng những gì một số người kể lại thực sự khó tin, nếu không nói là hoàn toàn hoang đường: trong số mười bốn nghìn người chết, hơn một nửa do chính Romulus giết. Người Messénie đã quá phóng đại khi nói rằng Aristoménès ba lần hiến tế nhờ giết kẻ địch Lacédémone²²⁷! Sau khi đuổi kẻ thù bỏ chạy, Romulus để mặc những người sống sót chạy trốn để tiến quân đến Véies, và người dân ở đó không thể chống cự sau khi quân đội của họ chịu thất bại nặng nề đến thế.

Họ van xin và ký một hiệp ước hòa bình hữu hảo trong vòng một trăm năm; họ phải nộp một số lượng lớn đất đai,

²²⁶ Xem thêm về những sự kiện này ở *Camille*.

²²⁷ Nguyên văn là “hécatomphonie”, lễ hiến tế khi giết được 100 kẻ địch – như vậy Aristoménès giết được 300 địch.

gọi là *Septempagium*, nghĩa là *thất phân* (septième)²²⁸, bờ các ruộng muối bên sông và nộp năm mươi nhà quý tộc làm con tin. Romulus tiến hành lễ khai hoàn vào ngày ides tháng Mười với một số lượng lớn tù binh, trong đó có viên chỉ huy của người Véies, một người đã già nhưng rất nồng nỗi và thiếu kinh nghiệm trong điều hành công việc. Vì lẽ đó, đến ngày nay vẫn vậy, khi người La Mã hiến tế ăn mừng một chiến thắng, họ dẫn một ông già bận áo choàng dài đi qua Quảng trường đến đồi Capitole, đeo *bulla* của lũ trẻ con; quan tuyễn cáo kêu: "Người Sardaigne²²⁹ đem bán đây!", vì người Étrusque chiếm hữu vùng Sardaigne, và Véies là một thành phố xứ Étrurie.

XXVI. Đó là cuộc chiến tranh lớn cuối cùng mà Romulus chỉ huy. Tiếp sau đó, ông không thể thoát được điều xảy đến với biết bao con người, mà đúng hơn là tất cả mọi người, trừ những ngoại lệ vô cùng hiếm hoi, những người nhờ những thành công không thể ngờ tới mà leo lên đỉnh cao của quyền lực. Kiêu căng vì thành công của mình và lúc nào cũng đầy ngạo nghẽ, ông đánh mất đi những cung cách dân chủ, thay chúng bằng cung cách của một vị quân vương, làm tất cả mọi người tức giận và đau khổ, trước tiên là vì sự xa hoa quá đà của ông. Ông mặc áo tía, choàng áo dài viền tía, và khi nói trước đám đông, ông ngồi trên một chiếc ghế có dựa nghiêng về đằng sau. Bao quanh ông luôn là các chàng trai trẻ gọi là các *celeres*, vì họ lúc nào cũng thực hiện các mệnh lệnh vô cùng mau chóng. May mắn trai trẻ

²²⁸ Theo Denys xứ Halicarnasse, đó là *septem pagi* ("bảy quận") nằm ở tả ngạn, giữa Fidènes và cửa sông Tibre.

²²⁹ Đảo ngày nay thuộc Ý, nằm ở phía Nam đảo Corse của Pháp.

khác đi trước ông, dùng gậy xua đám đông và quấn dây quanh người để trói gô bất kỳ ai ông muốn. Trói gô trong tiếng Latin cổ là *ligare*, ngày nay là *alligare*; chính vì lẽ đó mà những người cầm gậy được gọi là vệ sĩ vác phủ việt (*licteur*); gậy của họ tên là *bacilla*. Nhưng cũng có thể tương tự ngày nay người ta gọi họ là vệ sĩ vác phủ việt là vì người ta đã thêm vào một chữ c, còn ngày xưa gọi là “*liteurs*”, tương ứng với từ Hy Lạp *liturge* [“mang trách nhiệm chung”]. Trong tiếng Hy Lạp, ngày nay vẫn vậy, trách nhiệm chung gọi là *leiton*, còn dân chúng là *laos*.

XXVII. Khi Numitor - ông ngoại của ông qua đời ở Albe, vương quốc trở thành tài sản của Romulus; nhưng ông để cho tất cả mọi người cùng cai trị để làm vui lòng họ²³⁰, và mỗi năm ông chỉ định một vị quan tối cao cho người Albe. Bằng cách đó ông dạy cho các quý tộc của Rome tìm kiếm một thể chế tự tôn, không có vua, quyền lực chuyển luân phiên từ người này sang người khác. Bởi vì ngay cả những người được gọi là quý tộc cũng không tham gia điều hành đất nước, họ chỉ còn lại một cái tên và một vị trí danh dự. Họ tập hợp ở Viện nguyên lão theo thói quen hơn là để suy tính; họ im lặng lắng nghe vua nói và tiếp theo đó đi ra; lợi thế duy nhất mà họ có được so với đám đông đó là những người đầu tiên được thông báo về những gì đã được quyết định. Như thế vẫn chưa là gì cả, vì Romulus còn tự mình quyết định chia đất chiếm được trong chiến tranh cho lính tráng, và trả về cho người Véies

²³⁰ Plutarque là người duy nhất cho rằng Romulus có khuynh hướng dân chủ.

con tin của họ, không chờ sự đồng ý của các nguyễn lão, hơn nữa còn chống lại ý nguyện của họ. Các nguyễn lão cho là ông lăng nhục thậm tệ Viện nguyễn lão. Chính vì thế họ bị nghi ngờ và bị buộc tội khi Romulus biến mất một cách đầy bí ẩn một thời gian không lâu sau đó.,

Sự biến mất này diễn ra vào ngày nones của tháng mà ngày nay người ta gọi là tháng Bảy, khi đó còn có tên quintilis. Không thể nói điều gì chắc chắn, không một thông tin nào đáng tin cậy còn lại đến nay về kết cục của Romulus, trừ ngày xảy ra, mà tôi vừa nêu. Ngày nay người ta vẫn ký niệm nhiều buổi lễ gọi lại những sự kiện đó. Một khác sự thiếu chắc chắn này không có gì đáng ngạc nhiên.

Khi Scipion, một người châu Phi qua đời ở nhà ông sau bữa tối mà không có một bằng chứng nào, không một manh mõi nào cho phép giải thích tại sao ông ta chết. Theo một số người, ông ta chết tự nhiên vì ông ta vốn có sức khỏe không được tốt; theo những người khác thì ông ta uống thuốc độc tự tử; những người khác nữa lại tin là kẻ thù đã đột nhập nhà ông trong đêm và thắt cổ ông. Tuy nhiên sau đó, ai cũng có thể nhìn được thi thể của Scipion, và khi đó, mỗi người có thể tự đặt giả thuyết riêng của mình. Nhưng Romulus lại bất ngờ biến mất mà không thể tìm lại được bộ phận nào của cơ thể ông, không một mảnh áo quần nào.

Một số người nghĩ các nguyễn lão đã lao vào giết ông trong đền Vulcain, bọn họ chặt xác ông ra và mỗi người mang theo một mảnh dưới áo choàng. Theo những người khác, sự biến mất không diễn ra trong đền Vulcain, cũng không phải chỉ có mặt các nguyễn lão. Hôm đó, Romulus ở bên ngoài thành phố (nơi ngày nay gọi là Đầm Dê) để điều

hành một cuộc họp dân chúng; đột nhiên trong không trung diễn ra những sự kiện kỳ lạ, không thể miêu tả nổi, và những biến đổi đó thật khó tin. Ánh sáng mặt trời bỗng nhiên biến mất. Đêm buông xuống, một màn đêm không yên tĩnh cũng không hiền hòa, mà đầy những tiếng sấm đáng sợ, với những cơn gió mãnh liệt thổi tới từ khắp mọi phía. Đám đông bèn tản ra và chạy trốn; các vị quý tộc đứng sát cả vào nhau. Khi con chấn động qua đi, ánh sáng xuất hiện trở lại, và đám đông quay về, tìm kiếm và gọi nhà vua, nhưng các nguyên lão không chịu mở cuộc tìm kiếm. Họ ra lệnh cho mọi người phải thờ cúng và vinh danh Romulus, người vừa được thần linh mang đi. Ông đã là một ông vua tốt và từ nay sẽ là một vị phúc thần.

Phần lớn mọi người tin lời nói đó; họ vui vẻ đi về, lòng tràn ngập hy vọng và kính ngưỡng dành cho vị thần mới. Nhưng cũng có những người xem xét các sự kiện một cách cẩn trọng; họ buộc tội các nhà quý tộc, quy cho họ giết vua rồi lừa bịp dân chúng bằng những lời bịa đặt.

XXVIII. Người ta kể rằng khi đó Julius Proclus, một trong số những người thực dân từ Albe đến, một quý tộc có dòng dõi vô cùng cao quý và có đức hạnh, từng là bạn trung thành và bạn đồng hành của Romulus, tiến bước lên Quảng trường. Ông lập thê, đặt tay lên những thứ đồ vật linh thiêng nhất, và tuyên bố trước mặt mọi người rằng, trong khi bước đi trên đường, ông đã nhìn thấy Romulus hiện ra, đẹp và cao lớn hơn bao giờ hết, tay cầm vũ khí sáng loáng. Khi nhìn thấy thế, ông sợ hãi quá nên đã kêu lên: "Thưa đức vua, điều gì đã xảy ra vậy? Ngài muốn gì khi đẩy chúng tôi đối mặt với những lời buộc tội xúc xiểm và độc ác, và đẩy

toàn bộ thành phố vào cảnh mồ côi, vào sự tang tóc vĩnh cửu?" Romulus trả lời: "Hỡi Proclus, các vị thần không muốn ta sống thêm với các ngươi nữa, và sau khi xây dựng xong một thành phố được hứa hẹn quyền lực và vinh quang vĩ đại, ta quay lại sống ở trên trời, nơi ta đã rời đi. Vĩnh biệt! Hãy nói với người La Mã rằng nếu họ cẩn mực và dũng cảm, họ sẽ đạt tới đỉnh cao quyền lực của con người. Ta sẽ trở thành Quirinus, thần bảo trợ của các ngươi."

Người La Mã tin vào câu chuyện đó vì tin tưởng người nói và lời thề của ông. Mặt khác họ cảm thấy một niềm xúc động mang tính tôn giáo, giống như thể nhập đồng. Không ai cãi lời Proclus; họ thôi không nghi ngờ nữa, không buộc tội gì nữa, chỉ cầu xin và kêu gọi Quirinus như là một vị thần. Câu chuyện này rất giống các truyền thuyết của người Hy Lạp về Aristéas xứ Proconnésos và Cléomédès xứ Astypalée. Người ta kể là Aristéas chết trong một cửa hàng bán đồ dạ, nhưng khi bạn bè của ông ta đến tìm thì không thấy xác đâu, nó đã biến mất, và những người vừa đi xa về khẳng định đã gặp Aristéas đang đi về hướng Crotone. Cléomédès lại là người rất khỏe và cao lớn, nhưng ngu ngốc, có chứng điên và hay gây chuyện rắc rối. Trong một ngôi trường cho trẻ con, ông ta lấy tay đánh mạnh vào cái cột chống trần nhà và đánh gãy nó. Mái nhà sụp xuống làm chết lũ trẻ. Người ta kết án Cléomédès. Ông ta trốn trong một cái hòm lớn, đóng nắp lại và giữ chặt từ bên trong, chặt đến nỗi nhiều người tập hợp lại cũng không mở nổi nắp. Người ta phá cái hòm ra nhưng không tìm thấy ông ta ở trong đó, dù đang sống hay đã chết. Kinh hãi quá, bọn họ phái một đoàn người đi đến đền Delphes và nhận được lời sấm:

Người cuối cùng trong số các anh hùng, đó là Cléomédès.

Người ta nói xác Alcmène cũng biến mất vào lúc được mang đi, còn trên giường của người chết chỉ có một hòn đá. Nhìn chung, có rất nhiều truyền thuyết tương tự như thế, được người ta sử dụng, đi ngược lại mọi lý lẽ, để phong thần và đưa một người phàm trần lên gần gũi hơn với các vị thần. Rõ ràng là từ chối hoàn toàn không công nhận tính chất thần linh trong đạo đức là hạ cấp và báng bổ, nhưng thật ngu xuẩn khi trộn lẫn đất với trời. Nếu chúng ta chỉ quan tâm đến những gì chắc chắn, chúng ta sẽ phải chấp nhận, giống như Pindare, rằng

*Cơ thể ai cũng sẽ phải chết,
Nhưng sẽ còn lại một hình ảnh vĩnh cửu
Chỉ có nó đến từ các vị thần.*

Đúng vậy, nó đến từ các vị thần. Nó trở lại bên cạnh họ, nhưng không có cơ thể, và thậm chí phải với điều kiện thoát được khỏi cơ thể đó, chừng nào có thể, phải tách khỏi cơ thể để được trở nên hoàn toàn thuần khiết, thoát xác và thánh thiện. Cái tâm hồn “khô ráo và hoàn hảo” như Heraclite nói đó “bay lên từ cơ thể giống như tia sét thoát ra khỏi đám mây”. Nhưng tâm hồn nào còn ẩm ướt vì vẫn tiếp xúc với cơ thể chứa đựng nó, giống như một làn hơi nặng nề và vẫn đục, rất khó cháy lên và bay lên. Cho nên đừng có cố chống lại các quy luật tự nhiên mà gửi lên trời những cơ thể những người giỏi giang, và hãy kiên định nghĩ rằng đức hạnh và tâm hồn của họ, tuân theo các quy luật tự nhiên và công lý của thần linh, chuyển từ thân phận con người lên thành thân phận của người anh hùng, từ thân phận anh hùng lên thân phận thần hộ mệnh, và từ thân phận thần hộ mệnh – nếu như trong một buổi lễ nhập đạo, chúng được tẩy rửa và thánh hóa hoàn toàn, thoát khỏi toàn bộ những gì phàm tục

và khả cảm – chuyển lên thân phận của các vị thần, không phải qua luật lệ của một thành phố, mà trên thực tế, theo một lôgic tự nhiên, đạt đến sự hoàn thành đẹp đẽ nhất và ân điển cao quý nhất.

XXIX. Theo một số người, biệt hiệu Quirinus của Romulus tương đương với Ényalios; một số khác nghĩ từ này đến từ từ *Quirites*, nghĩa là công dân La Mã. Theo những người khác nữa, người xưa gọi mũi thương hay mũi giáo là *curis*. Người ta gọi một bức tượng Junon gắn ở đầu một cái thương là *Quiritis*, một cái giáo thiêng ở Régia tên là Mars, và người ta thường cho những người chiến thắng trong các trận chiến một ngọn giáo. Có thể Romulus được đặt biệt hiệu Quirinus vì ông là một vị thần “chiến tranh” hoặc vì ông mang giáo. Một ngôi đền được dựng để thờ ông trên một ngọn đồi (mà ngày nay được gọi là Quirinal) để tôn vinh ông. Ngày ông biến mất được gọi là “cuộc tháo chạy của dân chúng”, là “Nones Capratines”, bởi vì người ta đi từ thành phố xuống Đầm Dê để cúng tế, mà dê trong tiếng Latin là *capra*. Khi người La Mã đi để làm lễ hiến tế này, họ hét to một vài cái tên địa phương, như Marcus, Lucius, Caius, để bắt chước nỗi sợ hãi của ngày hôm đó, khi mọi người hoảng hốt gọi tên nhau.

Tuy nhiên, theo một số người, người ta không bắt chước một cuộc chạy trốn, mà là sự vội vã và cuồng cuồng, và họ giải thích là sau khi chiếm được Rome, người Celtic bị Camille đánh đuổi khỏi đó; lúc này thành phố tiêu điều khó lòng vực dậy, nhiều tộc người xứ Latium mở chiến dịch tấn công họ, dưới sự chỉ huy của Livius Postumius. Livius dừng

quân của mình ở gần Rome và phái một vị quan tuyên cáo đến gặp người La Mã để nói rằng người Latin muốn thắt chặt lại những mối dây đồng minh thân thiện với họ như ngày xưa; hai tộc người lại hòa nhập với nhau bằng những đám cưới mới. Người La Mã phải gửi đến cho đồng minh của mình những cô gái trẻ và phụ nữ không có chồng, và giữa họ lại ngự trị hòa bình và tình bạn, giống như ngày xưa với người Sabin, sau những sự kiện tương tự.

Khi nghe thấy thế, người La Mã vừa lo sợ chiến tranh vừa nghĩ viễn cảnh giao nộp phụ nữ cũng không khác gì hơn viễn cảnh trở thành tù binh. Họ không biết làm gì, mãi cho đến lúc một nữ nô lệ tên là Philotis, hay là Tutula theo một số người khác, khuyên họ không chọn cách nào hết, mà phải dùng mưu để vừa tránh chiến tranh vừa tránh phải nộp con tin. Họ gửi chính Philotis sang chở quân thù, đi cùng với những nữ nô lệ ăn mặc như phụ nữ tự do; sau đó, khi đêm xuống, Philotis sẽ giơ một cái đuốc lên và quân La Mã sẽ mang vũ khí tiến đánh bất ngờ kẻ thù đang say ngủ. Các vị quan chấp thuận làm theo mưu kế này. Philotis đốt đuốc trên một cây sung hoang, phía sau che ánh sáng bằng giấy để kẻ thù không nhìn thấy gì, nhưng người La Mã vẫn có thể nhìn thấy rõ.

Ngay khi nhìn thấy ám hiệu, người La Mã vội vã ra khỏi thành, và vì vội vã quá họ hò hét gọi nhau ở cửa thành. Họ bắt chẹt được kẻ thù và nghiên nát chúng. Để tưởng nhớ chiến thắng này người ta kỷ niệm ngày lễ đó, ngày Nones Capratines, xuất phát từ từ *caprificus*, trong tiếng Latin có nghĩa là cây sung hoang. Vào ngày đó, người ta mời phụ nữ đến dự một bữa tiệc bên ngoài thành phố, dưới bóng mát những cành sung. Những người hầu gái quyên góp tiền và

choi bời, rồi đánh nhau và ném đá vào nhau, vì ngày hôm đó họ đã giúp đàn ông La Mã chiến đấu. Nhưng rất ít sử gia nhất trí với cách giải thích này. Việc gọi tên người giữa thanh thiên bạch nhật và việc đi về phía Đầm Dê để cúng tế đường như ăn nhập với cách giải thích thứ nhất hơn²³¹; trừ phi, cầu Zeus!, hai sự kiện xảy ra vào cùng một ngày nhưng vào các thời kỳ khác nhau.

Người ta kể là Romulus đã sống năm mươi tư năm và trị vì được ba mươi bảy năm thì biến mất khỏi thế giới loài người.

²³¹ Tức là để kỷ niệm những sự kiện liên quan đến sự biến mất của Romulus.

SO SÁNH THÉSÉE VÀ ROMULUS

I. Trên đây là những gì đáng nhớ mà tôi ghi chép được về Romulus và Thésée. Ngay từ đầu chúng ta đã có thể nhận xét là Thésée, do lựa chọn chứ không hề bị ép buộc, đã tự dấn thân vào những sứ mạng vĩ đại, trong khi chàng hoàn toàn có thể trị vì xứ Trézène một cách yên ổn, sau khi được thừa kế một vương quốc không thiếu vinh quang. Romulus thì lại muốn chạy trốn khỏi đời nô lệ và sự trùng phạt treo lơ lửng trên đầu. Theo lời Platon, ông trở thành người “đúng cảm chỉ vì sợ hãi”²³², nỗi sợ phải chịu tội chết đã buộc ông thực hiện những công việc lớn lao.

Mặt khác, chiến công lớn nhất của Romulus là tiêu diệt tên bạo chúa ở Albe, trong khi Thésée đánh Sciron, Sinis, Procruste và Corynétès như những trò giải trí và những khúc dạo đầu. Khi giết và trùng phạt bọn họ, Thésée giải thoát Hy Lạp khỏi những tên bạo chúa độc ác, trong khi những người được chàng cứu còn chưa biết chàng là ai. Chàng có thể lựa chọn đi lại thoái mái bằng đường biển, không phải lo bọn cướp, còn Romulus không thể tránh được nguy hiểm chừng nào Amulius còn sống. Đây là một bằng chứng quan trọng: khi tấn công những kẻ độc ác để bảo vệ người khác, Thésée không hề phải chịu mối hiểm nguy nào²³³,

²³² *Phédon*, 68d.

²³³ Ý nói Thésée tự nguyện và chủ động dấn thân vào nguy hiểm để cứu người khác.

trong khi nếu Romulus và Rémus còn chưa bị tên bạo chúa động tới, họ không hề quan tâm đến việc tên bạo chúa đó làm điều xấu gì cho người khác.

Chắc chắn việc Romulus bị thương khi đánh nhau với người Sabin, việc ông giết Acron và đánh thắng nhiều kẻ thù là một điều vinh quang, nhưng người ta có thể đặt các chiến công đó bên cạnh các trận đánh của Thésée chống người Centaure và người Amazone [để so sánh]. Và nếu người ta nghĩ đến hành động táo bạo của Thésée ở lần cống nạp mà Athènes phải giao cho Crète [chuyện quái vật Minotaure ở chỗ vua Minos], khi chàng tự quyết định ra đi để bị một con quái vật ăn thịt, hay để bị bóp cổ trên mộ Androgée, hoặc hiểm nguy nhẹ nhàng nhất mà người ta nói đến là chịu kiếp nô lệ nhục nhã dưới quyền của những ông chủ độc ác và lão xược, khi chàng vui lòng lên thuyền cùng các cô bé cậu bé, người ta khó có thể nói hết được mức độ của sự táo bạo, quảng đại, ý thức về công bằng trong cộng đồng, ham muốn vinh quang và đức hạnh của chàng.

Theo tôi, các triết gia không nhầm khi định nghĩa tình yêu là “sự trợ giúp mang tính thần thánh hướng đến việc bảo vệ và cứu thoát những người trẻ tuổi²³⁴”. Bởi vì tình yêu của Ariane trước hết là tác phẩm của một vị thần và là phương cách để cứu thoát người anh hùng. Thật không công bằng khi lên án nàng, đúng hơn là nên ngạc nhiên vì không phải mọi đàn ông và phụ nữ đều cảm thấy những tình cảm đó. Nếu chỉ mình nàng cảm thấy chúng thì, tôi tin mình có thể khẳng định mà không nhầm, điều đó khiến

²³⁴ Định nghĩa tình yêu của Ptolémon (340?-269? tCN), triết gia dòng Platon của Académie cổ.

nàng trở nên xứng đáng với tình yêu của một vị thần, bởi vì nàng yêu cái đẹp, cái thiện, nàng yêu những gì vĩ đại nhất.

II. Về bản chất, Thésée và Romulus đều được sinh ra cho chính trị, nhưng cả hai đều không giữ ngôi vua; một người hướng tới dân chủ, một người hướng tới độc tài, cả hai đều phạm phải sai lầm vì vướng vào những niềm đam mê trái ngược. Bởi vì người thi hành quyền lực trước hết phải giữ được nó, và để làm được điều đó, phải vừa tránh được những gì không thích hợp, vừa phải gắn bó mật thiết với những gì thích hợp. Người nào buông thả hoặc thắt chặt quá mức quyền lực đều không còn là một vị vua hay một vị thủ lĩnh; ông ta sẽ trở thành hoặc một tên mị dân hoặc một kẻ độc tài, khiến người dân căm thù hoặc khinh bỉ. Tuy nhiên, dường như lỗi buông thả quyền lực chịu tác động của lòng ôn hòa và nhân đạo, trong khi lỗi lạm quyền có nguồn gốc từ sự ích kỷ và hè khắc.

III. Nếu những nỗi bất hạnh của con người không phải lúc nào cũng có thể quy kết hết cho thần linh, nếu phải tìm trong đó hậu quả tàn hại của tính cách và niềm đam mê, thì không gì có thể tha thứ cho hai người anh hùng của chúng ta vì đã lao vào cơn giận dữ phi lý tính, sự nỗi khùng vội vã và không suy xét, Romulus với người em trai, còn Thésée với người con²³⁵. Tuy nhiên, nguyên nhân khơi dậy sự giận dữ đó khiến người gây ra sự việc và sau đó phải chịu đòn đánh tàn nhẫn của số phận trở nên dễ được tha thứ hơn. Trong trường hợp Romulus, xung đột xảy ra sau một cuộc

²³⁵ Tức là Hippolyte.

tranh luận về công việc chung, và người ta khó có thể tha lối cho việc ông đột ngột nóng giận. Nhưng khi Thésée lao vào con trai mình, ông tuân theo những thế lực mà ít người trần tục có thể thoát được, đó là tình yêu, lòng ghen tuông, những lời vu khống của một người đàn bà. Và điều quan trọng hơn cả là cơn giận của Romulus thúc đẩy ông hành động và thực hiện một việc có hậu quả tai hại, còn Thésée chỉ dùng lời nói, chửi rủa, lời nguyền rủa của một người già. Tất cả những gì xảy đến với con trai ông sau đó dường như là tác phẩm của Số mệnh. Do đó về những điểm này, chúng tôi thiên về ủng hộ Thésée.

IV. Nhưng Romulus có một phẩm chất vô cùng quan trọng, ông vươn tới được quyền lực từ khởi đầu hết sức tầm thường. Em trai ông và ông bị gọi là nô lệ, con của người chăn lợn, và trước khi trở thành người tự do, hai anh em đã giải phóng cho gần như toàn bộ các tộc người ở Latium. Họ cùng nhận những cái tên đẹp đẽ nhất: những người tiêu diệt kẻ thù, những người cứu gia đình, vua của các tộc người, những người xây dựng thành phố – chứ không chỉ sáp nhập chúng giống như Thésée. Khi tập hợp và quy tụ các tổng nhỏ thành một thành phố duy nhất, Thésée đã triệt hạ nhiều thành phố mang tên các vị vua và các vị anh hùng trong quá khứ.

Tất nhiên, sau này Romulus cũng sẽ hành động tương tự khi ông bắt kẻ thù phải phá hủy nhà cửa của chính mình để đến sống với những người chiến thắng. Nhưng ngay từ đầu, ông đã không muốn chuyển địa điểm hay mở rộng một thành phố đã tồn tại, mà ông xây dựng một thành phố khác hẳn, từ chỗ không có gì. Ông lập ra vừa một miền đất, vừa

một đất nước, một quyền lực quân chủ, đồng thời với các gia đình, các cuộc hôn nhân và các cuộc liên minh, và để làm được như vậy, ông đã không tiêu diệt ai hết cả; ngược lại, ông còn cứu giúp những con người bần hàn muốn tạo ra một dân tộc và trở thành các công dân. Romulus không giết những tên cướp đường và bọn người xấu, nhưng ông đẩy không biết bao nhiêu người dân vào các cuộc chiến tranh, triệt hạ các thành phố và trong lễ khai hoàn, ông cho giải các ông vua và thủ lĩnh quân sự thua trận diễu qua cho người dân xem.

V. Về cái chết của Rémus, khó có thể chắc chắn về kẻ ra tay sát hại; người ta đổ trách nhiệm cho những người khác chứ không phải Romulus. Tuy nhiên, chắc chắn là ông đã cứu mẹ khỏi cái chết và đưa ông ngoại mình trở lại ngai vàng truyền từ ông tổ Énée, thoát khỏi kiếp nô lệ đáng hổ thẹn và nhục nhã; ông làm rất nhiều việc tốt, thiện tâm, và không bao giờ làm điều xấu, dù vô tình. Nhưng tính hay quên của Thésée, việc ông không nhớ đến cánh buồm, theo tôi phải cần đến những lời biện hộ dài và các vị thẩm phán độ lượng để giải thoát cho ông khỏi tội giết cha. Vì thế một nhà văn Attique thấy rằng rất khó để biện hộ cho Thésée về điểm này, đã tưởng tượng ra một phiên bản khác: khi nhìn thấy con thuyền tiến lại gần, Égée lao lên điện Acropole để nhìn, và trong khi vội vã, ông trượt chân ngã – làm như ông không có đoàn tùy tùng! làm như khi ông vội vã lao ra biển, không người hầu nào của ông chạy theo hết vậy!

VI. Về các cuộc bắt cóc người mà cả hai từng gây ra, ở Thésée lỗi lầm đó khó tìm được lời biện minh nào có giá trị. Trước hết, vì ông phạm lỗi đó rất nhiều lần. Ông đã cướp

Ariane, Antiope, Anaxô xứ Trézène, và cuối cùng là Hélène. Khi cướp Hélène, ông đã rất già, nàng thì chưa đến tuổi cập kê, mới chỉ là một cô gái nhỏ, còn lâu mới này nở đầy đủ, còn ông thì đã đến cái ngưỡng phải ngừng lại mọi cuộc tình duyên, cho dù là hợp pháp. Thứ hai, vì lý do sau đây: phụ nữ Athènes, con cháu của Érechthée và Cécrops, hoàn toàn xứng đáng nuôi dạy những đứa con, còn hơn là những cô gái Trézène, Lacédémone và Amazone mà ông cướp về không thông qua hôn nhân. Do đó người ta có thể ngờ là ông chỉ hành động vì bị lòng tàn nhẫn thúc đẩy, và để thỏa mãn ham muốn. Romulus thì khác. Trước hết, ông bắt đi gần tám trăm phụ nữ, nhưng hoàn toàn không phải để cho riêng ông, vì người ta nói ông chỉ giữ lại một người, Hersilia; ông chia những người phụ nữ đó cho những công dân còn độc thân của mình.

Mặt khác, nhờ vào những vinh dự, vào tình yêu và sự công bằng mà những người phụ nữ này sau đó được hưởng, ông cho thấy bạo lực và sự bất công ban đầu đó phục vụ cho một mục đích vô cùng tốt đẹp, có tính chính trị sâu sắc, hướng đến việc thành lập một cộng đồng. Vụ cướp người đó cho phép Romulus hòa trộn và tạo ra một chính thể từ hai tộc người, do đó ông là nguồn gốc của phồn vinh và sức mạnh mà kể từ đó đất nước của ông có được. Thời gian làm chứng cho sự dịu dàng, tình yêu và lòng chung thủy trong những cuộc hôn nhân mà ông áp đặt. Trong vòng hai trăm ba mươi năm, không có người chồng nào dám bỏ vợ, và cũng không người vợ nào bỏ chồng.

Ở Hy Lạp, chỉ có những người thông thái nhất mới biết tên người đầu tiên giết bố hoặc mẹ mình, nhưng tất cả người La Mã đều biết Carvilius Spurius là người đầu tiên

đuối vợ đi, lấy cớ vợ mình bị vô sinh. Rất nhiều sự kiện có thể lấy làm chỗ dựa cho nhận định trên. Nhờ các cuộc hôn nhân đó, hai vị vua cùng nhau sát cánh cai trị hai tộc người, quyền dân sự của họ cũng ngang nhau.

Ngược lại, những mối tình của Thésée, đã không mang đến cho người Athènes tình bạn hay liên minh với bất kỳ ai, mà còn kéo theo hận thù, chiến tranh, giết chóc, và chưa hết, khiến đất nước để mất thành phố Aphidna. Người Athènes rất khó khăn mới tránh được số phận mà người Troie phải gánh chịu vì Alexandre²³⁶, mà cũng phải nhờ đến lòng thương hại của kẻ thù, kẻ thù mà họ ngưỡng mộ và coi như các vị thần. Về phía mẹ của Thésée, bà không chỉ phải đối mặt với nguy hiểm, mà còn phải chịu số phận với Hécube²³⁷. Con trai bà bỏ rơi bà và bà bị bắt đi, tuy nhiên điều đó chỉ đúng khi những gì người ta kể về vụ bà bị bắt không phải là bịa đặt, vì ai cũng muốn câu chuyện này, cũng như nhiều câu chuyện khác, chỉ là lời dối trá. Mặt khác, các truyền thuyết kể chuyện các vị thần can thiệp vào số phận của hai vị anh hùng khiến cho giữa họ có một khác biệt lớn. Romulus được hưởng ân điển đặc biệt của các vị thần, trong khi có vẻ như lời sấm cấm Égée ăn nằm với một người đàn bà ở xứ lạ chứng tỏ Thésée sinh ra ngược với sự mong muốn của họ.

²³⁶ Plutarque đang so sánh Thésée với Pâris-Alexandre, người cướp nàng Hélène từ tay người Hy Lạp, gây ra cuộc chiến tranh Troie kéo dài cả chục năm.

²³⁷ Vợ của Priam, vua thành Troie, mẹ của các anh hùng Hector và Pâris.

TIẾU DẪN

LYCURGUE – NUMA

Sau khi mở đầu tác phẩm của mình với một cặp nhân vật mang đậm màu sắc thần thoại (Thésée-Romulus; cũng xin lưu ý rằng các nhân vật không được viết theo đúng trình tự thời gian mà họ sống), Plutarque chuyển sang hai nhân vật nửa có thật, nửa huyền thoại. Cách lựa chọn bốn nhân vật đầu tiên cũng rất có ý nghĩa: tính chất rộng lớn, dàn trải của Hy Lạp hoàn toàn ngược với tính chất tập trung cao độ của La Mã. Trong khi các nhân vật Hy Lạp có thể là người của rất nhiều thành phố, thì hành động của các nhân vật La Mã bao giờ cũng chỉ xoay quanh thành Rome. Cũng vậy, một người thành lập Athènes (Thésée) và một người được mệnh danh cha đẻ của Sparte (Lycurgue), hai thành bang mạnh nhất của Hy Lạp (ngoài ra còn phải kể đến Thèbes, Corinthe, Syracuse...), được so sánh với hai vị vua nối tiếp nhau của La Mã, hai người với các chính sách trái ngược nhau hoàn toàn (Romulus chiến binh, Numa Pompilius thông thái và hiền hòa) đã mở ra cho Rome một lịch sử vinh quang, một đế chế kéo dài nhất trong lịch sử loài người.

Lycurgue nổi bật vì từ chối làm vua khi hoàn toàn có thể, sẵn sàng bỏ thời gian đi chu du thế giới để học cách cai trị, khi trở về Sparte thì chuyên chú cho các cải cách vĩ đại, đặc biệt là những cải cách về lối sống của người dân và giáo dục

trẻ em. Nhờ những cải cách đặc biệt đó, Sparte đã trở thành thành phố hùng mạnh nhất của toàn cõi Hy Lạp, có sức mạnh quân sự vượt trội so với Athènes (cuộc chiến tranh Péloponnèse sẽ minh chứng cho sự vượt trội đáng kể này). Địa vị bá chủ của Sparte sẽ kéo dài trăm năm sau đó, cho đến khi các thế chế do Lycurgue lập ra bị lơ là,. Numa lại là người gắn kết chặt chẽ thêm mối thân tình giữa hai tộc người được kết hợp với nhau, La Mã và Sabin (Numa là người Sabin), và qua cuộc đời hiền hòa, sùng đạo của mình, ông thuần hóa được người La Mã hiếu chiến. Thời của vị vua thứ hai trong số bảy vị vua đầu tiên và huyền thoại của La Mã là khoảng thời gian duy nhất La Mã không chìm trong khói lửa của chiến tranh. Khi ông mất, người dân đưa tang ông như đưa tang một người thân trong gia đình.

Cao Việt Dũng

Lycurgue

Cao Việt Dũng dịch

I. Không thể nói gì về nhà lập pháp Lycurgue mà không gây tranh cãi: gốc gác của ông, những chuyến đi của ông, cái chết của ông, nhất là công trình xây dựng các đạo luật và thể chế của ông đã làm nảy sinh vô số câu chuyện. Bất đồng lớn nhất là xung quanh thời ông đã sống. Có người cho là ông sống cùng thời với Iphitos²³⁸, hai người cùng nhau tổ chức Olympique; đó là ý kiến của Aristote²³⁹ với bằng chứng là chiếc đĩa Olympique²⁴⁰ trên có ghi tên Lycurgue. Người khác, nhất là Érastosthène²⁴¹ và Apollodore²⁴², những người lập niên biểu các vua Sparte, tuyên bố ông sống trước kỳ Olympique đầu tiên rất nhiều năm. Timée²⁴³ cho rằng ở Sparte có hai Lycurgue thuộc hai thời kỳ khác nhau: rất có thể người ta đã gán các hành động của cả hai người cho một người; theo ông, người già hơn sống ở thời Homère; thậm

²³⁸ Vua Élide (vùng Tây Bắc Péloponnèse), người tái tổ chức Olympique vào năm 776.

²³⁹ Trong cuốn *Hiến pháp của người Lacédémone*, ngày nay không còn.

²⁴⁰ Pausanias trong *Périégèse*, V, viết trên đĩa ghi tên Lycurgue.

²⁴¹ Érastosthène xứ Cyrène (275-204) là người phụ trách Thư viện Alexandrie thời Ptolémée III, một nhà địa lý, tác giả cuốn sách chép tên những người chiến thắng ở các kỳ Olympique.

²⁴² Apollodore (TK II tr. CN), người Athènes. Tác phẩm mà Plutarque dẫn chiếu ở đây là cuốn *Biên niên* ghi lại các sự kiện chính từ cuộc chiến thành Troie đến năm 144.

²⁴³ Timée xứ Tauroménion (356-260), tác giả một bộ *Lịch sử* lớn gồm 38 tập, chủ yếu chép các sự kiện diễn ra ở Sicile từ khởi đầu đến cái chết của Pyrrhos (272). Bị tên bạo chúa Agathoclès của Syracuse đuổi khỏi Sicile, ông đến trú ở Athènes và theo học các trường phái tu từ học ở đây.

chỉ một số người còn nghĩ là ông đã từng gặp Homère. Đường như Xénophon cũng nghĩ Lycurgue sống ở thời rất xa xưa, thời các Héraclide²⁴⁴. Chắc hẳn là các vị vua cuối cùng của Sparte cũng thuộc dòng dõi Héraclide nhưng có vẻ như là Xénophon dùng tên Héraclide để chỉ các vị vua thời kỳ đầu, những người gần gũi với Héraclès nhất. Dù cho có rất nhiều điểm không chắc chắn như vậy, chúng tôi cũng sẽ gắng sức kể lại cuộc đời của Lycurgue bằng cách đi theo, trong số những gì người ta đã viết về ông, những văn bản chưa đựng ít mâu thuẫn nhất và đã được các nhân chứng chắc chắn nhất kiểm chứng.

Theo nhà thơ Simonide²⁴⁵, Lycurgue không phải là con của Eunomos [“Thiện Luật”] mà Lycurgue và Eunomos đều là con của Prytanis [“Thống Lĩnh”]. Phần lớn các tác giả khác không đồng ý với điều đó; họ cho rằng Proclès, con trai Aristodémos, có con trai là Soos, Soos có con trai là Eurypion, Eurypion lại sinh ra Prytanis và Prytanis sinh ra Eunomos; với người vợ đầu Eunomos sinh được Polydectès, và theo Dieutychidas²⁴⁶, với người vợ sau tên là Dionassè, ông sinh được Lycurgue. Như thế Lycurgue là hậu duệ sáu đời kể từ Proclès và mười một đời kể từ Héraclès.

²⁴⁴ Tức là các hậu duệ của Héraclès, từng cầm đầu người Dorien chinh phục Péloponnèse.

²⁴⁵ Simonide xứ Céos (556?-467), nhà thơ bi kịch Hy Lạp, có thời sống ở Athènes, sau sang xứ Thessalie rồi quay lại Athènes, viết các tác phẩm ca ngợi binh lính Hy Lạp chiến thắng quân Ba Tư, cuối đời sống ở Syracuse, Sicile, ít tác phẩm còn lại cho đến ngày nay. Xem thêm chú thích ở *Thésée*, X.

²⁴⁶ Dieutychidas (hay Dieuchydias) xứ Mégare là một sử gia TK IV.

II. Trong số các tổ tiên đó, người được kính trọng nhất là Soos, dưới thời trị vì của ông người Sparte bắt các *hilote*²⁴⁷ phải phục dịch mình và chiếm được một lãnh thổ rộng lớn của người Arcadie. Người ta kể rằng Soos, bị người Cleitoria²⁴⁸ vây hãm tại một vùng đất hiểm trở không có nước, đã đồng ý trả lại lãnh thổ chiếm được, với điều kiện đổi phương phái cho ông và những người đi theo uống nước ở dòng suối gần đó.

Thỏa thuận được thông qua bằng lời thề, ông tập hợp các bạn đồng hành và hứa tặng vương quốc cho ai không uống nước. Không ai đủ sức; tất cả đều uống nước. Ông là người cuối cùng xuống suối dưới cái nhìn của kẻ thù, chỉ đầm mình xuống nước chứ không uống, rồi đem quân rút lui và từ chối không trả lãnh thổ kia vì không phải tất cả mọi người đều đã uống nước. Tuy thế, dù ông rất được ngưỡng mộ vì câu chuyện đó, người ta vẫn dùng tên con ông chứ không phải tên ông để đặt cho những người nối dõi: người ta gọi họ là các Euryponide²⁴⁹, bởi vì vẻ như Eurypon là người đầu tiên nới lỏng quyền lực thái quá của vua với mục đích lấy lòng người dân. Sự nới lỏng đó khiến dân chúng trở nên láo xược: các vị vua sau đó đều bị căm ghét nếu họ tìm cách dùng sức mạnh đè nén người dân, hoặc bị nhục nhã vì dẽ dại hay mềm yếu; trong một thời gian dài Sparte lâm vào

²⁴⁷ Hilote là các nông nô làm ruộng cho người Sparte. Theo nhiều người, trong đó có Plutarque, chế độ nông nô này bắt đầu từ khi người Dorien bắt người dân Laconie phải phục dịch mình. Sau này người Messénie cũng chịu chung số phận. Nói chung các hilote phải làm công việc phục dịch nhưng không hẳn là nô lệ.

²⁴⁸ Cleitoria là một thành phố của Arcadie.

²⁴⁹ Đây là một trong hai dòng họ vương gia lớn nhất của Sparte, dòng họ còn lại là Agiade.

cảnh hỗn loạn và vô chính phủ. Tình thế đó thậm chí còn gây ra cái chết của vua cha Lycurgue; ông đang tìm cách can ngăn người ta đánh nhau thì bị một người hàng thịt đâm dao trúng; ông chết đi và để lại vương quốc cho con trai cả, Polydectès.

III. Polydectès cũng qua đời không lâu sau đó. Tất cả đều chờ đợi Lycurgue lên làm vua, và quả thật ông cũng trở thành vua, nhưng người ta phát hiện người vợ của anh trai Lycurgue đang mang thai. Ngay khi biết tin, ông tuyên bố vương quốc thuộc về đứa trẻ sắp ra đời nếu đó là một đứa con trai; kể từ đó ông quản lý vương quốc với tư cách giám hộ. Giám hộ của các ông vua mồ côi được người Lacédémone²⁵⁰ gọi là *prodicoi*.

Ít lâu sau người chị dâu tới gặp Lycurgue, đề nghị sẽ giết bỏ đứa bé ngay trong bụng nếu ông đồng ý cưới bà ta. Lycurgue kinh hoàng với lối cư xử đó nhưng vò đồng ý và thuyết phục bà ta đừng phá thai vì sẽ rất nguy hiểm đến tính mạng; ông hứa sẽ giết ngay đứa trẻ khi nó chào đời. Bằng cách đó ông buộc người đàn bà sinh đứa con ra. Ngay khi được tin bà ta đau đẻ, ông sai người đến tận nơi để giám sát: nếu đứa bé là gái, họ sẽ phải đưa nó cho các bà đỡ, nhưng nếu nó là trai thì phải mang lại ngay cho ông, bất kể ông đang làm việc gì. Lycurgue đang dự tiệc với các vị quan thì người chị dâu sinh được một đứa bé trai; người ta liền mang đến cho ông cậu bé mới sinh. Ông bế cậu bé trên tay và nói: "Hỡi người dân Sparte, đây là vị vua mới vừa được sinh ra cho các ngươi". Rồi ông đặt cậu bé lên ngai vàng và

²⁵⁰ Tên khác của Sparte.

đặt tên cho cậu là Charilaos ["niềm hân hoan của dân chúng"], bởi vì tất cả đều vui mừng và ngưỡng mộ sự quảng đại và công chính của Lycurgue.

Ông mới trị vì được tám tháng nhưng đã được lòng tất cả các công dân: số những người tuân phục vì ông là giám hộ của vua và nắm giữ quyền hành trong vương quốc ít hơn số những người kính trọng đức hạnh của ông và sẵn sàng hái hái nghe lệnh ông. Nhưng cũng có những kẻ ghen tị, muốn phản đối nhà vua lên ngôi, nhất là họ hàng và người thân cận của bà mẹ nhà vua đang cảm thấy bị xúc phạm. Anh trai của bà ta, Léonidas, một hôm chửi rủa Lycurgue thậm tệ, đưa tin đồn thổi rằng hắn biết là ông mưu toan lên làm vua. Hắn muốn biến ông thành kẻ tình nghi và bằng những lời vu khống đó đẩy mọi người chống lại ông: nếu có bất hạnh nào đó xảy đến với vua, người ta sẽ buộc tội ông muốn giết vua. Những lời vu vạ kiểu đó cũng được mẹ của nhà vua đem nói khắp nơi. Khi ấy, lòng trĩu nặng nỗi buồn trước những lời đồn đại này và e ngại bất trắc của tương lai, Lycurgue quyết định thoát khỏi những mối nghi kỵ bằng cách đi chu du thế giới, cho đến khi cháu trai của ông đến tuổi có con để nối dõi.

IV. Ông bèn ra đi và trước tiên đến Crète²⁵¹. Ông nghiên cứu các thể chế của đất nước này và thường xuyên qua lại với những người có tiếng tăm nhất; ông ngưỡng mộ và thu nhận một số luật lệ của họ, nghĩ rằng sẽ mang về áp dụng

²⁵¹ Đảo Crète đạt đến một trình độ văn minh rực rỡ vào thiên niên kỷ thứ hai, vị vua huyền thoại Minos được coi là một nhà lập pháp vĩ đại. Cả Platon và Aristote đều chỉ ra sự tương đồng giữa các thể chế ở Crète và Sparte, điều ấy khiến người ta càng tin vào chuyến đi của Lycurgue đến Crète.

cho đất nước mình, nhưng không thèm quan tâm đến phần lớn những luật lệ khác. Trong số những người được coi là thông thái và xuất sắc về chính trị ở đó, ông thuyết phục được một người sang Sparte bằng những lời khẩn khoản và tình bạn. Đó là Thalès²⁵². Người ta nghĩ ông chỉ là một nhà thơ trữ tình, nhưng thực ra dưới lớp vỏ nghệ thuật đó ông còn là một trong những nhà lập pháp xuất sắc nhất; những bản tụng ca của ông cũng là những lời thúc giục tuân thủ và hòa hợp, những câu thơ, vần điệu hài hòa và bình thản đến mức những người nghe, dù không ý thức được điều đó, cũng mềm mỏng hẳn đi để rồi quen với việc tìm kiếm cái đẹp và xa rời sự ác độc. Rất có thể Thalès đã vạch cho Lycurgue con đường giáo dục người Sparte.

Từ Crète, Lycurgue giong thuyền sang châu Á. Giống như một người bác sĩ so sánh cơ thể mạnh khỏe với cơ thể yếu đuối và bệnh tật, người ta nói ông cũng so sánh cuộc sống giản dị và khổ hạnh của người Crète với sự xa hoa và bạc nhược của người Ionie²⁵³, và quan sát sự khác nhau giữa phong tục và thể chế của họ²⁵⁴. Có vẻ như ở đó ông đã lần đầu tiên khám phá các tác phẩm của Homère, được con cháu nhà Créophylos²⁵⁵ lưu giữ. Ông hiểu là dù đôi khi những bài thơ đó dẫn con người đến khoái lạc và buông thả, chúng vẫn chứa đựng những lời giảng về chính trị và sự

²⁵² Không phải là nhà toán học lừng danh, mà là một nhà thơ trữ tình, thường được gọi là Thalétas, người gốc Gortyne.

²⁵³ Một trong ba tộc người đầu tiên đến sống ở Hy Lạp, sau tộc người thần thoại Pélasges.

²⁵⁴ Đôi nghịch thường thấy trong tư tưởng Hy Lạp, giữa sự khổ hạnh của người Dorien và sự xa hoa của người Ionie.

²⁵⁵ Créophylos hoặc Cléophylos, được coi là học trò của Homère, thậm chí có thể là con rể của nhà thơ.

phạm đáng quan tâm hơn nhiều; ông vội chép lại chúng và tập hợp lại để mang về nước. Trước đó, người Hy Lạp đã có phần ngưỡng mộ những câu thơ này, nhưng rất hiếm người có được chúng trong tay: thơ ca được truyền đi theo lối tàn mát, được chăng hay chó. Lycurgue thực sự là người đầu tiên phổ biến chúng²⁵⁶.

Người Ai Cập nghĩ rằng Lycurgue cũng đã từng đến nước mình; có lẽ ông đã vô cùng ngưỡng mộ sự phân chia giữa các chiến binh và các tầng lớp khác; hẳn ông đã học điều đó để mang về áp dụng ở Sparte, nơi ông tách riêng công nhân và người lao động chân tay ra một chỗ, bằng cách đó tạo dựng được một đất nước thực sự thuần khiết²⁵⁷. Một số sử gia Hy Lạp xác nhận câu chuyện đó của người Ai Cập. Nhưng theo hiểu biết của tôi, không có tác giả nào ngoại trừ Aristocratès²⁵⁸ xứ Sparte, con trai Hipparchos, khẳng định là Lycurgue đã đến Lybie và Ibérie, đi qua Ấn Độ và gặp gỡ các Gymnosophiste²⁵⁹.

V. Người Lacédémone vô cùng tiếc nuối sự vắng mặt của Lycurgue. Nhiều lần họ đề nghị ông trở lại: họ nhận ra rằng các vị vua của mình chỉ khác biệt với các công dân khác ở danh hiệu và các vinh dự được nhận, trong khi Lycurgue có

²⁵⁶ Có nguồn tài liệu khác cho rằng bạo chúa Pisistrate và các con trai của ông ta mới là những người dựng lại được văn bản chính xác của hai trường ca *Iliade* và *Odyssée*.

²⁵⁷ Hérodote là người đầu tiên đưa ra giả thuyết người Sparte học người Ai Cập chế độ tách binh lính khỏi mọi hoạt động khác.

²⁵⁸ Sống vào TK II hoặc I tr. CN, tác giả một cuốn *Lịch sử người Sparte*.

²⁵⁹ Tức là các nhà hiền triết Ấn Độ, được các tùy tùng của Alexandre gọi như vậy vì họ luôn ở trần.

bản chất của một vị chỉ huy và sức mạnh để dẫn dắt người khác. Ngay cả các vị vua cũng không chống lại sự trở về của ông: họ hy vọng sự hiện diện của ông sẽ khiến dân chúng bớt hồn xược phần nào. Trước hoàn cảnh đó, Lycurgue bèn trở về. Ngay lập tức, ông tiến hành các thay đổi và điều chỉnh. Theo ông, các đạo luật riêng lẻ không mang lại chút hiệu quả nào và không có lợi ích gì; giống như đối với một cơ thể mang đủ thứ bệnh, cần phải phá hủy toàn bộ sự cân bằng đang có để biến đổi nó hoàn toàn bằng các loại thuốc và tạo ra một chế độ cân bằng hoàn toàn mới. Dự tính như vậy, thoát tiên ông đến đền Delphes (Đenph): ông hiến tế thần linh, nghe lời sám và trở về với câu trả lời nổi tiếng, theo đó bà đồng Pythie (Piti) chào mừng ông như là người “được thần linh yêu mến, và thuộc về thế giới thần linh hơn là thế giới của người thường”; vì ông hỏi xin những đạo luật tốt, bà nói rằng thần linh chấp thuận những lời cầu xin của ông và hứa sẽ ban cho ông một thể chế tốt đẹp hơn tất cả những thể chế khác.

Được câu trả lời đó khích lệ, ông mời các công dân danh giá đến và kêu gọi họ giúp đỡ. Trước tiên, ông bí mật nói với bạn bè, sau đó mới nói rộng rãi cho những người khác; ông kéo họ tham gia kế hoạch của mình.

Khi thời cơ thuận lợi đến, ông ra lệnh cho ba mươi công dân quan trọng nhất đến Quảng trường²⁶⁰ vào lúc sáng tinh mơ, mang theo vũ khí để uy hiếp những người muốn chống lại. Trong số ba mươi người này, Hermippos²⁶¹ chép

²⁶⁰ Nếu Rome có *forum* thì người Hy Lạp có *agora*, đều có chức năng Quảng trường, nơi diễn ra các hoạt động cộng đồng quan trọng nhất.

²⁶¹ Hermippos xứ Smyrne (TK III), thành viên trường phái Tiêu dao và tác giả một tác phẩm viết về các triết gia và nhà lập pháp nổi tiếng.

lại tên hai mươi công dân ưu tú nhất; người đóng vai trò quan trọng nhất trong kế hoạch của Lycurgue và giúp đỡ ông đặc lực nhất tên là Arthmiadas. Khi các cuộc bạo loạn diễn ra, vua Charilaos, lo ngại kế hoạch đó nhằm để chống lại mình, đi trốn ở chỗ nữ thần Đền Đồng²⁶². Sau đó, ông được thuyết phục, tin tưởng các lời hứa, ra khỏi chỗ trốn và tham gia kế hoạch. Tính cách của ông vua mềm yếu đến mức người ta kể rằng người đồng nhiệm Archélaos của ông, khi nghe người ta ca ngợi Charilaos, đã tuyên bố: "Làm sao Charilaos lại có thể là một người tốt khi mà ông ấy không bao giờ cứng rắn với bất kỳ ai, ngay cả với những kẻ độc ác?"

Trong số rất nhiều những cải cách mà Lycurgue thực hiện, cải cách đầu tiên và quan trọng nhất là thành lập một hội đồng Bô lão với vai trò, theo cách nói của Platon²⁶³, trung hòa quyền lực quá mức của các ông vua, bởi vì hội đồng đó, những khi có biến động lớn, có quyền ngang với quyền của vua, việc này vừa có lợi vừa khôn ngoan. Bởi vì cho đến lúc đó chính quyền vẫn rất bất ổn: khi thì nó đẩy các ông vua về hướng trở thành bạo chúa, khi thì đẩy dân chúng về phía dân chủ. Được đặt giữa hai thái cực đó, hội đồng Bô lão giống như một đối trọng đảm bảo cân bằng, giữ gìn kỷ cương và sự ổn định theo cách chắc chắn nhất: hai mươi tám nguyên lão luôn đứng về phía vua để ngăn chặn con đường dân chủ, và ngược lại, bảo vệ người dân tránh khỏi nạn bạo chúa. Theo Aristote, số lượng thành viên hội đồng được ấn định ở con số hai tám vì trong số ba

²⁶² Tức là đền thờ nữ thần Athéna Chalcioicos, nằm trong khu acropole của Sparte.

²⁶³ Plutarque dẫn lại phân tích của Platon trong *Luật lệ*.

mươi người đầu tiên tham gia cùng với Lycurgue, có hai người hoảng sợ rời bỏ kế hoạch. Nhưng Sphairos²⁶⁴ khẳng định ngay từ đầu số người kết giao với Lycurgue chỉ có hai mươi tám. Cũng có thể giải thích rằng con số hai mươi tám này là tích của bảy nhân với bốn và nó bằng đúng tổng của các ước số, điều khiến số hai tám, sau số sáu, là một số hoàn hảo²⁶⁵. Nhưng theo tôi, lý do chính khiến con số này được sử dụng là do nó sẽ có tổng là ba mươi khi đem cộng thêm cả hai vị vua vào.

VI. Lycurgue thiết tha thành lập hội đồng này đến nỗi ông bỏ công đến xin sấm ở đền Delphes chỉ riêng về vấn đề đó, lời sấm mà người ta gọi là *rhétra*. Lời sấm đó như sau: "Khi ngươi dựng xong một ngôi đền cho Zeus Scyllanios và Athéna Scyllania, khi ngươi chia xong các bộ lạc và vạch xong ranh giới, khi ngươi tạo ra một hội đồng gồm ba mươi người, trong đó có cả các archagète, khi đó dần dần ngươi sẽ tập hợp được *apella* ở giữa Babyca và Cnacion. Người dân sẽ có quyền bầu cử trong hội đồng".

Trong lời sấm đó, "chia các bộ lạc" và "vạch ranh giới" nghĩa là chia công dân: Lycurgue đặt tên các đơn vị được chia ra đó là bộ lạc [*phylai*] và ranh giới [*obai*]. Từ "archagète" dùng để chỉ vua; tập hợp *apella* nghĩa là triệu tập đại hội, bởi vì Lycurgue khẳng định nguồn gốc và nguyên tắc hiến pháp của mình thuộc về thần Apollon

²⁶⁴ Sphairos (TK III), người gốc Borysthène (Caucase), đến Athènes theo học Zénon, người đứng đầu trường phái Khắc kỷ. Ở Sparte ông là cố vấn cho vua Cléomène III khi vua muốn tái áp dụng các luật lệ của Lycurgue vào năm 235.

²⁶⁵ Cách lý luận của các nhà ngụy biện. $6 = 1 + 2 + 3$, $28 = 1 + 2 + 4 + 7 + 14$.

Pythie (trong tiếng Laconie²⁶⁶ là Apellon). Tên hiện nay của Babyca là Cheimarrhos, tên của Cnacion là Oenous, nhưng theo Aristote, Cnacion là một dòng sông, Babyca là một cây cầu. Chính ở giữa hai địa điểm này mà người ta tập hợp đại hội, không có tường vây quanh mà cũng không có nhà cửa gì, bởi vì theo Lycurgue, một tòa nhà hoàn toàn không có lợi cho việc suy tính, mà ngược lại còn làm phân tán tư tưởng: những người tập hợp có nguy cơ có những suy nghĩ thiếu chín chắn và bị những bận rộn vớ vẫn làm xao nhãng nếu ở chỗ họp có tượng, chữ viết trên đá, các họa tiết trang trí sân khấu hay trần nhà quá mức xa hoa.

Khi đám đông đã tập hợp, không ai có quyền trình bản kiến nghị trừ các cố vấn và vua, sau đó dân chúng được quyền quyết định có theo hay không. Tuy nhiên, sau đó, vì thêm bót mà dân chúng làm sai lạc các sắc lệnh của hội đồng, các vua Polydoros và Théopompos²⁶⁷ cho thêm vào *rhétra* điều khoản sau đây: "Nếu dân chúng có lựa chọn sai lầm, các bô lão và archagète phải loại bỏ chúng", nghĩa là họ không được tin vào bỏ phiếu mà phải rút lui hoàn toàn và giải tán dân chúng, coi như là dân chúng đã làm biến dạng bản kiến nghị nhằm chống lại quyền lợi Nhà nước. Họ cũng thuyết phục thành phố rằng mệnh lệnh này đến từ thần linh, như Tyrtée²⁶⁸ dường như đã nhắc lại trong những câu thơ sau đây:

²⁶⁶ Thêm một tên khác chỉ Sparte.

²⁶⁷ Polydoros nhà Agiade và Théopompos nhà Euryponide có lẽ cai trị đầu TK VII.

²⁶⁸ Tyrtée (TK VII): gốc Athènes, đến Sparte vì nghe theo một lời sấm. Ông đã tham gia cuộc chiến tranh Messénie thứ hai. Trong thơ của mình, ông ca ngợi lòng can đảm của các chiến binh Sparte.

*Nghe xong Phoibos nói, họ từ Pythô trở lại
 Với những vần thơ của thần linh đó, những câu nói tuyệt diệu:
 Rằng trước tiên hai vua được thần linh yêu quý quyết định,
 Những thần linh coi sóc thành phố Sparte đáng thèm muốn
 Rồi đến lượt các Bô lão, rồi người dân,
 Những người đáp ứng trung thành theo quy định của rhétra.*

VII. Bằng cách đó Lycurgue cân bằng được các thế lực trong thành phố. Tuy nhiên, chính thế đầu sỏ vẫn nắm quá nhiều quyền: những người kế tục ông, khi thấy hệ thống đó quá mức hỗn láo và quá nhiều tham vọng, đã dùng các pháp quan để phanh nó lại, theo cách nói của Platon²⁶⁹: một trăm ba mươi năm sau Lycurgue, các pháp quan đầu tiên, Élatos và đồng nhiệm của mình, được bổ chức dưới quyền Théopompos²⁷⁰. Người ta nói vợ vua trách cứ ông vì ông sẽ để lại cho con cháu một thứ vương quyền yếu ớt hơn là quyền lực ông được kế thừa, ông trả lời: “Ngược lại, nó sẽ còn mạnh hơn, vì kéo dài hơn.”

Và, trên thực tế, bằng cách giảm bớt quyền lực quá mức, ngôi vua bớt bị thèm muốn đi. Nó không phải chịu số phận mà người Messénie và người Argos gây ra cho vua của mình, những người nhất quyết không chịu nói bỏ và nhường bớt quyền lực cho dân chúng²⁷¹. Người ta càng đánh giá cao sự khôn ngoan và thận trọng của Lycurgue hơn khi nhớ đến những cuộc xung đột giữa các vị vua và

²⁶⁹ Pháp quan của Hy Lạp: éphore.

²⁷⁰ Chức pháp quan gồm năm người, bầu hàng năm.

²⁷¹ Messénie, sau hai cuộc chiến tranh, rơi vào tay người Lacédémone, còn Argos, thoát thân thống trị vùng Đông Bắc Péloponnèse, sau này vì tranh giành quyền lực nội bộ liên miên mà mất dần quyền lực.

dân chúng và đến thứ chính trị èo uột của người Messénie và Argos, sống liền kề với người Sparte: khởi đầu cả ba vương quốc mạnh ngang nhau, thậm chí còn có thể nói là Messénie và Argos được hưởng nhiều ưu thế hơn về đất đai, nhưng hạnh phúc của họ không kéo dài lâu; các ông vua chuyên quyền và dân chúng không chịu nghe lời làm chao đảo trật tự đã được thiết lập, điều đó cho thấy người Sparte may mắn thế nào khi có được con người vững vàng như Lycurgue để xây dựng luật pháp. Nhưng điều này mãi về sau mới xảy ra.

VIII. Biện pháp chính trị thứ hai của Lycurgue, biện pháp táo bạo nhất, là chia lại đất²⁷². Sự chênh lệch giàu nghèo thật khủng khiếp; thành phố đông đặc người không tài sản, không thu nhập, trong khi toàn bộ của cải tập trung trong tay một vài cá nhân. Để tránh sự hỗn xược, ghen tị, tội lỗi, xa hoa và hai điều xấu xa còn cổ xưa hơn, gây hại vô cùng to lớn cho Nhà nước – giàu có và nghèo khổ – Lycurgue thuyết phục đồng bào của mình coi đất đai là của cải chung và thực hiện một cuộc chia đất mới; kể từ đó mọi người sống trong sự bình đẳng tuyệt đối, ai cũng sở hữu như nhau: tất cả sẽ chỉ còn tìm kiếm sự vượt trội về đức hạnh, vì giữa những người khác nhau chỉ còn lại khác biệt và bất bình đẳng duy nhất, nỗi nhục nhã gắn liền với các hành động xấu xa và vinh quang gắn với những chiến công đẹp đẽ.

Ông chia xứ Laconie thành ba mươi nghìn khoảnh đất dành cho các công dân tự do ở đây và chia lãnh thổ dân sự

²⁷² Việc phân chia đất đai là một đòi hỏi luôn xuất hiện trong suốt chiều dài lịch sử các thành phố Hy Lạp, này sinh từ điều kiện sống khó khăn của người nông dân luôn phải vay nợ hay phụ thuộc một người có thế lực.

thành Sparte thành chín nghìn khoảnh, theo số lượng người Sparte. Theo một số người, Lycurgue chia thành sáu nghìn khoảnh và Polydoros thêm vào ba nghìn; theo những người khác, Polydoros chia một nửa trong số chín nghìn khoảnh đó và Lycurgue chia một nửa còn lại. Mỗi khoảnh đất được tính toán để có thể làm ra được bảy mươi giạ (médimne - bushel)²⁷³ lúa cho ông chủ gia đình, mười hai giạ cho vợ ông ta, cùng với một lượng thích hợp rượu vang và dầu ăn. Lycurgue thấy rằng số lượng lương thực đó là đủ để họ đảm bảo sức khỏe, ngoài ra không cần gì khác nữa. Một thời gian sau, khi trở về từ một chuyến đi, ông đi qua vùng nông thôn sau mùa gặt; nhìn thấy những đụn rơm xếp hàng đều tăm tắp, ông mỉm cười và nói với những người ở đó: "Người ta có thể nói là trên khắp xứ Laconie chỉ có anh em chia nhau gia tài để lại."

IX. Sau đó, để loại bỏ toàn bộ bất bình đẳng và khác biệt, ông tiến hành phân chia động sản. Nhưng ông nhận ra rằng các công dân không dễ dàng để người ta lấy đi đồ đạc của mình; ông bèn đi theo một con đường khác và đưa ra các phương cách chính trị để chế ngự sự tham lam. Thoạt tiên ông ra lệnh ngừng trao đổi tiền vàng và tiền bạc²⁷⁴, chỉ cho lưu thông tiền sắt, mà ông chỉ định giá trị rất thấp: cần đến một cái phòng lớn để chứa và cả một cỗ xe để chuyên chở số tiền mười pao²⁷⁵. Khi loại tiền đó được đưa vào sử dụng, rất

²⁷³ Mỗi médimne tương đương với khoảng hơn 50 lít một chút.

²⁷⁴ Tiền xuất hiện trong thế giới Hy Lạp khá muộn, chắc chắn là không trước nửa sau TK VI, và thoạt tiên là ở các thành phố Hy Lạp thuộc châu Á.

²⁷⁵ Một pao (mine) tương đương 100 drachme. Khối lượng drachme dao động rất nhiều, thời cổ khoảng 4,36 gr bạc.

nhiều hình thức bất bình đẳng đã biến mất khỏi xứ Lacédémone. Quả thật, ai còn muốn ăn trộm hay giao nhậm thứ kim loại không cách nào giấu được đó, mà sự sở hữu không hề gây chút ghen tị nào, cái loại tiền dù chia nhỏ ra cũng không dùng để làm gì như thế²⁷⁶? Có lẽ là hồi ấy người ta nung nóng sắt lên rồi lại làm lạnh bằng cách nhúng vào dấm, điều đó loại bỏ toàn bộ giá trị và khả năng sử dụng của nó cho mọi việc khác, thứ kim loại này kể từ đó rất khó gia công và uốn nắn.

Rồi Lycurgue cấm tất cả các thứ ngành nghề phù phiếm và vô ích khỏi thành phố, mặt khác không ai đuổi bọn họ cũng sẽ bỏ đi vì không lẽ lại bán sản phẩm của mình để lấy thứ tiền không tồn tại ở đâu khác trên toàn cõi Hy Lạp; thứ tiền đó không được công nhận ở bất kỳ đâu, thậm chí còn bị cười nhạo²⁷⁷. Người Sparte không thể mua được hàng hóa nước ngoài, không thể mua được gì dù là nhỏ nhất; không thuyền buôn nào cập cảng của họ; người ta không thấy nhà ngụy biện nào đến Laconie để thuyết giảng, không người kể chuyện phiêu lưu, không kẻ dẫn gái điếm nào, không nhà sản xuất đồ trang sức, vì không có tiền. Vì lý do đó, sự xa hoa dần biến mất: những người giàu có không sở hữu được gì hơn người khác nữa, bởi vì họ không thể trưng ra của cải của mình mà phải để nó vô

²⁷⁶ Trong *Lysandre*, XVII, Plutarque cũng kể về loại tiền đó và nói rằng ngay trước cuộc chiến Péloponnèse, phải cấm “một lần nữa” sử dụng tiền vàng và bạc. Rất có thể là khi đó ông mới tạo ra huyền thoại Lycurgue cấm dùng tiền khi mà tiền chưa hề tồn tại.

²⁷⁷ Vấn đề bê quan tỏa cảng của Sparte gây nhiều tranh cãi. Khảo cổ học cho thấy cho đến đầu TK VI, Sparte không khác biệt gì nhiều so với các thành phố Hy Lạp khác, nhiều di tích cho thấy có tồn tại quan hệ thương mại với các vùng khác. Kể từ TK VI, sự giao lưu đó dần giảm đi nhưng cũng không mất hẳn.

dụng ở nhà. Cũng vì lý do đó, các thứ đồ dụng thiết yếu như giường ghế bàn ở Sparte được làm hết sức tinh xảo: chẳng hạn *cothon*, hay cốc Laconie, theo Critias²⁷⁸, rất được quân đội ưa chuộng: màu của nó giấu được độ bẩn của nước mà đôi khi binh lính vẫn phải uống và gây khó chịu; bùn được mép cốc giữ lại ở bên trong, do đó nước uống sẽ trong hơn. Cả điều đó cũng nhờ công của nhà lập pháp; được giải thoát khỏi những công việc vô ích, những người thợ thủ công có thể thi triển sự khéo léo của mình ở các thứ đồ vật thiết yếu.

X. Để loại bỏ triệt để hơn nữa sự xa hoa và lòng ham muốn của cải, ông đưa thêm vào cải cách thứ ba, cải cách đẹp đẽ nhất: ăn chung. Người dân được tập hợp lại để ăn cùng nhau, đồ ăn và các món đều giống nhau và do luật pháp quy định; họ không còn ăn ở nhà, ngả mình trên những chiếc ghế dài tráng lệ, trước mặt là bàn ăn sang trọng, ngày càng to béo thêm lên vì đồ ăn, giống như những con vật tham ăn, cả tính tình lẫn cơ thể ngày càng đắm mình vào trong hoan lạc, nhồi nhét đến độ sau đó ngủ rất lâu, rồi tắm nước nóng, lười nhác kéo dài, giống như là những kẻ bị bệnh²⁷⁹.

Đó đã là một kết quả lớn lao; nhưng còn có một kết quả nữa, còn vĩ đại hơn, như Théophraste²⁸⁰ nói, là khiến cho

²⁷⁸ Critias (460-403), quý tộc Athènes, họ hàng của Platon, một trong số Ba mươi người chiếm quyền ở Athènes năm 404. Nguồng mô Sparte, ông viết một quyển *Nên Cộng hòa của người Lacédémone*, hiện chỉ còn lại vài đoạn.

²⁷⁹ Ở đây Plutarque miêu tả lối sống của các thành phố xứ Ionie vùng Tiểu Á hoặc các thành phố vùng Đại Hy Lạp và Sicile, theo đúng các định kiến phổ biến.

²⁸⁰ Théophraste (khoảng 372-287), học trò Aristote, kẽ nghiệp ông đứng đầu Lyceum. Nay chỉ còn lại tác phẩm *Nhân vật* và hai tiểu luận về sinh học.

không ai còn thèm muốn sự giàu có nữa. Bởi vì khi đến ăn cùng với người nghèo, người giàu không thể sử dụng hay lợi dụng sự giàu có của mình, cũng không thể trưng ra hay khoe khoang nó dù bằng cách nào đi nữa. Sparte trở thành thành phố duy nhất trên cõi đời chứng minh tính đúng đắn của câu ngạn ngữ: Ploutos, vị thần của cải, không những bị mù mà còn bất động không cựa quậy, giống như trong một bức tranh. Cũng không thể ăn trước ở nhà rồi mới đến bữa ăn chung: những người khác theo dõi sát sao ai không uống hay không ăn cùng họ; họ sẽ si nhục người đó, trách cứ anh ta không chịu tiết độ và ngạo mạn.

XI. Người ta nói chính vì cải cách này mà các công dân giàu có dần trở nên thù địch với Lycurgue; họ tụ tập lại thành đám đông chống lại ông, hò hét phản đối. Cuối cùng, vì quá nhiều người ném đá vào ông, ông buộc phải chạy trốn khỏi Quảng trường. Ông chạy đến trốn trong một ngôi đền; một người trong số bọn họ, Alcandros, một người còn trẻ rất hăng máu dù không phải là không có nhiều phẩm chất tốt, đuổi kịp ông, và khi Lycurgue quay lại, anh ta dùng gậy đánh ông làm ông lòi một bên mắt. Lycurgue không để nỗi đau đớn khuất phục, quay về phía các đồng bào của mình, ông cho họ thấy khuôn mặt đầy máu và con mắt lòi ra của mình.

Nhìn thấy cảnh đó, sự xấu hổ và nỗi buồn xâm chiếm họ, họ bắt Alcandros giải đến tận nhà ông và bày tỏ lo lắng cho ông. Lycurgue cảm ơn và mời họ về; ông cho Alcandros vào trong nhà, không làm gì xấu với anh ta, không hề trách cứ mà còn sai người hầu phục vụ anh ta. Chàng trai trẻ, vốn có dòng máu cao quý, tuân theo các mệnh lệnh mà không cãi

lại; anh ta ở lại với Lycurgue và sống cả đời với ông. Khi chứng kiến sự dịu dàng của ông, trí tuệ thâm sâu của ông, sự nghiêm cẩn trong lối sống và khả năng làm việc cao độ của ông, chàng thanh niên cảm thấy vô cùng quý trọng ông; anh ta nói với người nhà và bạn bè của mình rằng Lycurgue không hề ác độc hay kiêu ngạo mà là người vô cùng đáng mến và dịu dàng. Đó là sự trùng phẹt dành cho anh ta, hình phạt mà anh ta phải chịu; Lycurgue biến chàng thanh niên độc ác và hăng máu đó thành một người mềm mỏng và khôn ngoan. Để nhắc nhở vụ việc đó, ông xây một ngôi đền cho Athéna, đặt tên là Optillétis: bởi vì người Dorien trong vùng gọi mắt là *optilloi*. Tuy nhiên một số nhà văn, nhất là Dioscoride²⁸¹, tác giả của một cuốn sách về sự hình thành Lacédémone, nói rằng con mắt của ông không bị mù mà chỉ bị thương, và để cảm tạ vì lành mắt mà ông xây tặng nữ thần ngôi đền đó. Dù sao đi nữa, sau tai nạn, người Sparte thôi không mang gậy đến các buổi họp nữa.

XII. Người Crète gọi những bữa ăn tập thể đó là *andrie*, còn người Lacédémone gọi là *phiditie*, hoặc vì chúng tạo ra tình bạn và tình cảm bạn hữu, vì từ *phiditie* gần với từ *philitie* (“tình bạn”); hoặc vì chúng làm người ta quen với sự giản dị và tiết kiệm [*pheidô* nghĩa là “tiết kiệm”]. Nhưng không có gì ngăn chúng ta nghĩ, như một số người đã xác nhận, rằng thực ra từ đó là *éditia*, từ chỉ sự ăn uống điều độ và thức ăn. Họ tập hợp thành từng nhóm mười lăm người, hoặc dạo động không nhiều quanh con số đó. Mỗi tháng, mỗi người

²⁸¹ Nhiều người mang tên như vậy; rất có thể đây là một học trò của Ioscrate.

trong số họ phải góp một giã lúa mì, tám galông rượu vang, năm pao phomát, năm giã ruối sung, và thêm vào đó, một chút ít nữa cho các món ăn khác. Ngoài ra, khi trong số họ có ai đó cúng mùa màng hay săn được thú, anh ta sẽ mang một phần đến cho bữa ăn chung. Những người bạn đi cúng hoặc đi săn có thể ăn ở nhà; tất cả những người khác vẫn buộc phải đến ăn. Lệ ăn chung này sau đó được quan tâm rất chặt chẽ. Vua Agis²⁸², khi trở về từ một chiến dịch trong đó ông đè bẹp người Athènes, muốn ăn tối cùng vợ và cử người đi tìm đồ ăn: các ông quan²⁸³ từ chối không cho họ lấy đồ ăn, và khi ngày hôm sau, vì bức mình ông không chịu cúng tế theo quy định, ông liền bị họ phạt một khoản tiền.

Trẻ con cũng đến những bữa ăn chung đó; người ta dẫn chúng đến như đến một trường học dạy tiết độ: ở đó chúng nghe người ta nói về chính trị; bản thân chúng cũng dần quen với việc đùa cợt và chế nhạo nhưng không ác ý, chịu đựng những lời chế giễu mà không giận dữ. Biết cách chịu đựng những lời chế nhạo được coi là một phẩm chất hàng đầu của một người Laconie chân chính; nhưng nếu người ta không nương nhẹ chúng, chúng có quyền xin thôi và người đang chế nhạo phải dừng lời. Mỗi khi đến, người già nhất ở đó lại chỉ ra cửa nói: "Những gì nói trong này không được lọt qua cánh cửa kia". Khi ai đó muốn đến ăn chung, theo quy định mỗi người ở đó im lặng cầm mẩu ruột bánh mì ném vào một cái giỏ đặt trên đầu một người hầu, tương tự như bỏ phiếu; nếu muốn nhận người mới, mẩu bánh được

²⁸² Vua Agis chi huy quân đội chiếm pháo đài Décélie năm 413 trong chiến tranh Péloponnèse và nhiều lần tàn phá lãnh thổ Athènes. Ông trị vì từ năm 427 đến năm 400. Xem Agis.

²⁸³ Nguyên văn: polémarque, có lẽ là chức quan tư pháp ở Athènes.

để nguyên, nếu không muốn thì mẫu ruột bánh mì đó sẽ bị bóp dẹt lại. Chỉ cần có một mẫu ruột bánh mì dẹt là người kia sẽ không được nhận, vì người ta muốn rằng tất cả đều được vui vẻ khi ăn chung. Người bị từ chối khi đó được gọi là *caddichos* theo tên cái giỏ trên đầu người hầu.

Trong số các món ăn, món mà mọi người thích nhất là món canh đen; đến mức người già còn không đòi ăn thịt, họ để thịt lại cho những người trẻ tuổi và ăn tối bằng món canh đó. Người ta nói rằng để được ăn canh, một ông vua vùng Pont²⁸⁴ đã bỏ tiền mua một đầu bếp Lacédémone; khi nếm món đó, ông ta thấy nó dở quá; người đầu bếp bèn nói: “Ôi đức vua ôi, để ăn được món canh này thì trước tiên phải tắm sông Eurotas²⁸⁵ đã.” Sau đó họ uống một chút rượu và ra về mà không được cầm theo đèn; họ không bao giờ được quyền dùng đèn vì phải quen với việc đi đứng táo bạo không sợ hãi trong bóng tối và trong đêm khuya. Đó là bữa ăn chung.

XIII. Các đạo luật của Lycurgue không bao giờ tồn tại ở dạng văn bản; một trong các *rhétra* của chính ông nghiêm cấm điều đó. Theo ông những điều luật quan trọng nhất nhằm đảm bảo hạnh phúc và đức hạnh cho một thành phố phải được bắt rẽ ăn sâu trong phong tục và cách đào tạo các công dân thông qua giáo dục; khi đó chúng mới có mối ràng buộc sâu sắc, hơn nhiều so với ép buộc. Những điều nhỏ nhặt, những cam kết về tài chính và buôn bán thường xuyên thay đổi, tốt hơn hết là không buộc quy định chúng cứng

²⁸⁴ Vương quốc Pont nằm ở phía Bắc vùng Tiểu Á. Các ông vua Pont có quan hệ mật thiết với các thành phố Hy Lạp vùng Biển Đen.

²⁸⁵ Dòng sông của thành phố Sparte, dưới ngọn núi Taygète.

nhắc trên giấy trắng mực đen, mà ngược lại, tùy tình hình mà cho phép thêm bớt những gì cần thiết. Nói một cách ngắn gọn, ông dựa toàn bộ công trình lập pháp của mình vào giáo dục.

Tôi đã nói rằng một *rhétra* cấm không cho ban hành văn bản luật. Một *rhétra* khác cấm xa hoa, ra lệnh chỉ được dùng rìu để sửa mái ngói nhà và cửa cho cửa già, cấm mọi thứ dụng cụ khác. Chính vì thế điều mà Épaminondas (Êpaminôngđax)²⁸⁶ sau này sẽ tuyên bố về bàn ăn của ông ta: "Bữa ăn ở nhà tôi không có chỗ cho phản phúc" không có gì xa lạ với Lycurgue, ông đã biết từ trước đó rất lâu rằng một ngôi nhà đơn sơ như thế sẽ không có chỗ cho sự bạc nhược hay xa hoa: không ai kém thâm mĩ và trí tuệ đến mức mang vào để trong ngôi nhà giản dị và chất phác những chiếc giường có chân bạc, thảm tía, ghế nằm dát vàng và đùi thú xa hoa tráng lệ khác nữa; người ta buộc phải làm thế nào để giường chiếu thích hợp với ngôi nhà, chăn màn thích hợp với giường chiếu, và mọi thứ trang bị và đồ đạc khác thích hợp với chăn màn. Chính bởi vì quen với kiểu nhà như thế mà người ta nói là Léotychidas Già²⁸⁷, khi ăn tối ở Corinthe, nhìn thấy trần căn phòng được trang trí lộng lẫy và trát thạch cao, đã hỏi ở vùng này cây mọc lên có hình vuông hay không.

Người ta còn nhắc tới một *rhétra* thứ ba của Lycurgue cấm đánh nhau với một kẻ thù nhiều lần để tránh biến bọn

²⁸⁶ Vị tướng Thèbes chiến thắng người Sparte năm 371 tại Leuctres, đánh dấu sự đi xuống của Sparte.

²⁸⁷ Léotychidas Già có lẽ là người chiến thắng trong cuộc chiến tranh Messénie thứ hai. Plutarque phân biệt ông với một Léotychidas khác, cầm quyền từ 491 đến 469 và chỉ huy thủy quân Hy Lạp ở trận Mycale, tại đó hạm đội Ba Tư bị phá hủy năm 479.

họ thành những kẻ dày dạn trận mạc và có thói quen tự vệ. Vì thế sau đó người ta sẽ trách cứ thậm tệ ông vua Agésilas (Azézilax)²⁸⁸ vì những chiến dịch liên miên ở Béotie (Bêôxi)²⁸⁹ khiến người Thèbes trở nên gan dạ và đủ sức chống cự lại người Lacédémone. Khi thấy ông ta bị thương, Antalcidas²⁹⁰ nói: “Ông đang được trả ơn vì những bài học mà ông đã dạy cho người Thèbes đấy! Ông đã dạy họ chiến đấu khi mà họ còn chưa muốn và cũng chưa biết làm gì.” Đó là nội dung của các *rhétra* của Lycurgue, mà ông nói là nhận được từ thần linh và rằng chúng là những lời sấm.

XIV. Trong lĩnh vực giáo dục, lĩnh vực được ông coi là công trình quan trọng nhất và đẹp đẽ nhất của một nhà lập pháp, ông quy định ngay từ hôn nhân và sinh đẻ. Aristote sai khi nói Lycurgue định dạy dỗ phụ nữ rồi buộc phải bỏ ý định đó vì không tài nào chế ngự được sự phóng túng và quyền lực của họ, sở dĩ bởi đàn ông phải đi chinh chiến quá nhiều và để cho họ toàn bộ quyền lực²⁹¹; vì lý do đó, đàn ông dành cho họ nhiều vinh dự hơn họ đáng được hưởng và phong họ làm các “quý bà”. Lycurgue chăm lo họ với tất cả sự cẩn thận cần thiết.

²⁸⁸ Một trong những vị vua nổi tiếng của Hy Lạp, nối ngôi Agis năm 399. Về những cuộc đối đầu giữa Agésilas và người Thèbes xem *Agésilas*, III và IV.

²⁸⁹ Quê hương của Plutarque, gần núi Parnasse và không xa Attique bao nhiêu.

²⁹⁰ Tướng Sparte, người bàn thảo về hòa bình năm 386 theo đó vua Ba Tư, đồng minh của Sparte, trở thành trọng tài phân giải cho Hy Lạp.

²⁹¹ Trong *Chính trị học* (II, 1269b 12 và sau đó) Aristote phê phán quyền tự do của phụ nữ Sparte, mà ông buộc tội là đã lợi dụng sự vắng mặt của chồng để điều hành thành phố.

Còn với các cô gái trẻ, ông muốn rèn luyện thân thể họ thông qua chạy đua, đấu vật, ném đĩa và lao; nhờ đó con cái mà họ sinh ra được mạnh khỏe, lớn nhanh; bản thân họ cũng đủ sức khỏe để sinh nở; họ dũng cảm và thoải mái chống chọi với những cơn đau đớn. Ông cấm dạy họ để trở nên bạc nhược, tìm kiếm sự nâng đỡ và các trò èo là nữ nhi; trong đám rước ông buộc họ phải quen ở trần giống như các chàng trai, nhảy múa và ca hát trong các lễ hội có mặt nhiều thanh niên²⁹². Thậm chí có khi họ còn tung lời chế nhạo những kẻ phạm lỗi; nhưng ngược lại họ hát ca ngợi những người xứng đáng được ca ngợi. Những cô gái như thế khiến đàn ông cảm thấy ham muốn vinh quang và thi đua. Người nào được vinh danh vì lòng dũng cảm và trở nên nổi tiếng trong số các cô gái sẽ thấy bay bổng vì những lời ngợi ca, trong khi những lời đùa cợt và chế nhạo của những cô gái sắc nhọn vô cùng, vì điều đó diễn ra ngay trước mắt toàn bộ các công dân, vua và thành viên hội đồng.

Sự trần truồng của các cô gái không hề gây xấu hổ: họ có thể cảm thấy thận thùng chử không thấy mình đang bừa bãi hư hỏng. Cách làm đó khiến họ quen thuộc với lối sống giản dị và thúc đẩy họ đua tranh sức mạnh; nó khiến phụ nữ cảm thấy kiêu hãnh, bởi vì, cũng giống như đàn ông, họ có thể đạt tới đức hạnh và vinh quang. Vì thế họ có thể nói và nghĩ giống như những gì người ta chép lại từ Gorgô, vợ của Léonidas²⁹³: khi một người phụ nữ, chắc là người nước ngoài, nói với bà:

²⁹² Hình thức giáo dục các cô gái này là một đề tài chế giễu cho người Athènes. Xem cuộc tranh luận giữa phụ nữ Athènes và Sparte trong vở hài kịch *Lysistrata*, 78-81 của Aristophane.

²⁹³ Vị vua Sparte lừng danh

“Chỉ đàn bà Lacédémone các người mới chỉ huy đàn ông”, bà trả lời: “Bởi vì chỉ chúng tôi mới sinh ra đàn ông.”

XV. Những biện pháp đó cũng thúc đẩy hôn nhân – tôi nói đến những đám rước của các cô gái trẻ, sự tràn truồng của họ và những cuộc đấu vật của họ trước mặt các thanh niên, những người bị thu hút, như Platon nói “không phải vì hình học mà vì tình yêu²⁹⁴”. Ngoài ra, Lycurgue còn tuyên bố sống độc thân là ô nhục. Những người độc thân bị cấm đến lễ hội Gymnopéries²⁹⁵; mùa đông, các vị quan bắt họ tràn truồng chạy quanh Quảng trường, vừa chạy vừa hát bài hát chế giễu những người như mình, bài hát nói rằng người ta có lý khi phạt vạ họ, vì họ không chịu tuân thủ luật pháp. Họ không được hưởng sự tôn kính và vinh dự mà người trẻ vẫn dành cho người già. Vì thế mọi người đều cứng họng trước câu nói dành cho Dercyllidas²⁹⁶, một chiến lược gia lừng danh: khi ông bước vào, một chàng thanh niên không những không chịu đứng dậy nhường chỗ cho ông mà còn nói: “Ông không để nổi một đứa con để một ngày kia nó đánh lại tôi.”

Thanh niên phải đi cướp vợ. Đó không phải là những cô gái bé bỏng mà là những người phụ nữ khỏe mạnh, đủ độ chín cho hôn nhân. Người bị bắt được giao cho một người đàn bà gọi là *nymphœtria* [“trợ hôn”]: bà ta cạo trọc đầu cô gái, đưa cho cô áo và giày đàn ông, cho cô nằm lên đệm một mình trong bóng tối. Chàng trai mới được vợ không say

²⁹⁴ Cộng hòa, V, 458d.

²⁹⁵ Tức là thi điền kinh.

²⁹⁶ Tướng Sparte, đóng vai trò quan trọng trong các chiến dịch cuối cùng của cuộc chiến Péloponnèse và đóng góp vào sự phồn vinh của Sparte vào đầu TK IV.

rượu và không để các lạc thú cuốn mình theo; anh ta ăn tối giản dị như bình thường cùng những người khác. Sau đó, anh ta đến với cô gái, cởi thắt lưng, nhắc cô gái đặt lên giường. Anh ta ở chỗ cô ta trong một thời gian rất ngắn rồi lại kín đáo quay về nơi ngủ quen thuộc, cùng với các chàng trai khác. Tiếp theo, anh ta cứ tiếp tục như thế: ở chỗ các bạn, ngủ với họ, và kín đáo đến với vợ, vô cùng thận trọng và xấu hổ, chỉ sợ bị ai đó nhìn thấy. Về phía mình, cô vợ mới tìm đủ mọi mưu mẹo và mánh khóe để tìm cơ hội gặp chồng một cách bí mật. Cứ thế khá lâu, đến mức có người có con trước khi nhìn được mặt vợ.

Quan hệ theo kiểu đó buộc họ phải làm chủ được bản thân và tính khí của mình, nó khiến vợ chồng hòa thuận với nhau hơn, vì họ gìn giữ được sức lực, tình yêu của họ luôn có được sự tươi mới, họ không hề biết đến sự chán ngấy và giảm sút tình cảm mà một cuộc sống chung không rào cản dễ kéo theo, và khi nào rời nhau cũng để lại cho nhau ngọn lửa cháy bùng của ham muốn tình ái.

Quy định chừng ấy về hôn nhân xong, Lycurgue liền bỏ công loại trừ lòng ghen tuông, thứ tình cảm vô ích và đầy nữ tính. Ông thấy rằng cần phải cấm tiệt mọi bạo lực và mất trật tự trong hôn nhân, và cho phép những người xứng đáng được có con chung. Ông chế giễu những người biến gia đình thành một xã hội cô lập, không chịu trao đổi với người khác, chế giễu những kẻ săn sàng giết người gây đổ máu vì gia đình. Nếu một người đàn ông đứng tuổi có một cô vợ trẻ cảm thấy quý mến và trọng thị một chàng thanh niên dũng cảm, ông có quyền giới thiệu anh ta với vợ mình, cho vợ mang thai từ một dòng máu cao quý và coi đứa con đó như con mình. Cũng vậy, nếu một người tốt

ngưỡng mộ một người đàn bà mẫn đẻ và đức hạnh vợ của một người khác, ông có quyền ngủ với bà theo sự cho phép của người chồng, gieo mầm sống vào người đàn bà như gieo cây trên mảnh đất tốt hứa hẹn những trái cây ngon lành, để sinh ra những đứa trẻ khỏe mạnh, cùng dòng máu và cùng chủng tộc.

Với Lycurgue, trẻ con không phải là tài sản riêng của người cha; ông coi chúng là tài sản chung của cả thành phố, do đó ông muốn các công dân được hoài thai không phải từ bất kỳ ai, mà phải là từ những người giỏi nhất. Mặt khác, ông coi cách đối xử của các nhà lập pháp trong cùng vấn đề là ngốc nghếch và mù quáng: ông nói con người bỏ tiền cho chó cái và ngựa cái phôi giống với những con đực tốt nhất, nhưng họ lại khóa chặt vợ mình lại và cho người canh gác, muốn rằng người vợ chỉ sinh con cho mình, ngay cả khi họ ngu xuẩn, yếu ớt và bệnh hoạn! Như thế những người có con và nuôi dạy chúng không phải là những người đầu tiên phải chịu đựng những đứa con ốm o của một ông bố ốm o vậy! Và ngược lại, như thế những con người mạnh mẽ không tìm được hạnh phúc với những đứa con khỏe mạnh vậy!

Những cách thức này, được xây dựng dựa trên bản chất và quyền lợi Nhà nước, hoàn toàn không có điểm gì chung với sự phỏng túng mà người ta nói là sau đó sẽ lan tràn ở phụ nữ Sparte, và hoàn toàn khác với thói ngoại tình. Người ta trích dẫn lời của một người Sparte xa xưa tên là Géradas. Một người nước ngoài hỏi ở nước ông người ta đối xử với những kẻ ngoại tình như thế nào: "Hồi người lạ, ông nói, ở chỗ chúng tôi không có chuyện ngoại tình." Người kia nắn nót: "Thế nếu có?" Géradas đáp lời: "Kẻ phạm tội sẽ bị phạt

phải trả tiền mua một con bò mộng đù to để có thể uống nước ở sông Eurotas khi đứng trên đồi Taygète." Người kia kêu lên: "Làm sao có con bò nào to thế được?" Khi đó Géradas cười mà nói: "Thế làm sao có thể có một kẻ ngoại tình ở Sparte được?" Đó là điều người ta kể lại liên quan đến hôn nhân.

XVI. Khi một đứa trẻ ra đời, người cha không được quyền tự do nuôi dạy nó; ông ta mang nó đến một chỗ tên là *leschè* nơi có các vị bô lão của các bộ lạc. Họ kiểm tra thằng bé. Nếu nó mạnh khỏe vững chãi, họ ra lệnh nuôi nó và cấp cho nó một trong số chín nghìn khoảnh đất. Nếu ngược lại nó ốm yếu và có dị tật thì người ta sẽ sai mang nó đến vứt xuống một nơi tên là Apothètes ["Bãi rác"], một cái vực gần Taygète. Họ cho rằng sẽ là tốt hơn cho bản thân đứa bé và cho thành phố khi không để cho một con người ngay từ đầu đã không đủ khả năng sức khỏe và sức lực được sống.

Cũng vì lý do đó, phụ nữ tắm đứa bé bằng rượu vang chứ không phải bằng nước. Họ làm như vậy là để dò xem trạng thái tâm thần của đứa bé: nếu đứa trẻ bị chứng động kinh và ốm yếu, chúng sẽ bị co giật khi tắm mình trong rượu vang thuần khiết, còn những đứa trẻ khỏe mạnh sẽ nhận được tinh chất của rượu để càng thêm khỏe mạnh. Các bà vú nuôi luôn cẩn thận và khéo léo: họ không quần tã cho đứa trẻ, bằng cách đó thân hình và dáng vẻ của chúng mang dáng dấp của người tự do, chúng sẽ hài lòng với đồ ăn thức uống, không sợ bóng tối và không sợ phải ở một mình, cũng không a dua theo những trò nghịch ngợm ngu xuẩn và không kêu gào sợ hãi. Vì thế, người nước ngoài thường thích mua các bà vú nuôi Lacédémone về cho con mình:

người ta nói Amiclas, người nuôi Alcibiade²⁹⁷, là người Lacédémone, nhưng theo Platon thì Périclès giao trách nhiệm dạy Alcibiade Zopyros cho một kẻ nô lệ không nổi bật gì so với người khác²⁹⁸.

Lycurgue, ngược lại, không giao trẻ con Sparte cho các ông thầy được mua hay thuê về: ông không cho phép bất kỳ công dân nào nuôi dạy con mình như họ muốn; ngay khi bọn trẻ con được bảy tuổi, ông đã đích thân đón nó đi, cho nó vào các đội quân, bắt chúng theo cùng các luật lệ và cho ăn giống nhau, bắt chúng quen với việc học và chơi chung với nhau. Đứa nào tỏ ra thông minh nhất và dũng cảm nhất trong chiến đấu sẽ được cử làm trưởng nhóm; tất cả dồn mắt vào nó, tuân lệnh nó và chịu để nó trừng phạt: giáo dục trước hết là dạy dỗ lòng tuân thủ. Người già trông coi các trò chơi của chúng và liên tục khích chúng lao vào những cuộc đánh nhau và cãi cọ để nghiên cứu tính cách của từng đứa và xem xét liệu chúng có đủ dũng cảm để không chạy trốn khỏi bãi chiến trường hay không.

Việc học hành của bọn trẻ chỉ tập trung vào những gì tối cần thiết; tất cả những gì còn lại của giáo dục nhằm dạy chúng tuân thủ, rèn luyện nỗ lực và chiến thắng trong chiến đấu. Khi chúng lớn lên, người ta tăng cường việc tập luyện của chúng: người ta cao trọc đầu chúng, bắt chúng làm quen với việc bước đi không giày và trần truồng trong khi chơi đùa. Mười hai tuổi, chúng không còn mặc áo nữa; chúng chỉ

²⁹⁷ Alcibiade là con nuôi Périclès. Thông minh và nhiều tham vọng, ông đưa Athènes vào cuộc viễn chinh xâm chiếm Sicile vào năm 415. Bị buộc tội báng bổ thần thánh, ông bị phát vāng ở Sparte, rồi Tiểu Á. Năm 407 ông trở về Athènes nhưng lại bị phát vāng lần nữa và chết xa quê. Xem *Alcibiade*.

²⁹⁸ Sự đối lập giữa cách giáo dục tự do của Athènes và giáo dục có quy cách kiểu Sparte đã xuất hiện ở Thucydide (*Chiến tranh Péloponnèse*, II).

có một chiếc áo khoác cho cả năm; chúng rất bẩn thỉu, không biết đến tắm rửa và nước hoa, chỉ được hưởng những thứ êm dịu đó vào rất ít dịp trong năm. Chúng ngủ chung với nhau, từng nhóm một, trên những tấm đệm do chúng tự làm lấy, những tấm đệm kết từ sậy hái bằng tay không từ bên bờ sông Eurotas. Mùa đông, người ta đặt thêm những tấm vải bông; chúng ghép những tấm này vào đệm để có thêm chút hơi ấm.

XVII. Đó là tuổi mà các cậu bé xuất sắc nhất bắt đầu được để ý. Người già trông coi chúng: họ đến noi tập luyện của chúng ngày càng thường xuyên hơn và quan sát những trận đấu vật và tranh cãi giữa chúng. Sự trông coi này không hề hời hợt: tất cả, theo cách này hay cách khác, đều tự coi mình là những người cha, người thầy và người chủ của tất cả bọn trẻ. Vì thế không lúc nào, không ở đâu kẻ phạm lỗi không bị mắng mỏ và trừng phạt. Hơn thế nữa, người ta chỉ định một *pédonome* trong số những người có phẩm chất, và mỗi nhóm có một chỉ huy trong số các thanh niên, gọi là *irène*, người khôn ngoan và hăng say nhất trong chiến đấu. Người Sparte gọi những người hết tuổi niên thiếu được hai năm là *irène* và những đứa trẻ sắp thành người lớn là *mellirène*. *Irène* hai mươi tuổi; trong những trận đánh nhau, anh ta chỉ huy bọn trẻ con trong nhóm của mình và sử dụng chúng trong nhà như là người hầu lo bữa ăn. Anh ta ra lệnh cho những đứa khỏe nhất đi lấy gỗ, những đứa bé nhất lo chuyện rau cỏ: chúng phải đi ăn cắp những thứ đó, một số chui vào vườn, những đứa khác khéo léo trốn vào các bếp ăn của người lớn; đứa nào bị tóm sẽ bị đánh rất nhiều vì tỏ ra là một tên kẻ trộm vụng về.

Chúng ăn trộm tất cả những gì ăn được; chúng học cách khéo léo tấn công những người đang ngủ hoặc đánh lạc

hướng họ. Đứa nào bị bắt sẽ bị phạt và không được ăn. Người ta cho chúng ăn rất ít để buộc chúng thỏa mãn cơn đói bằng cách của mình, buộc chúng phải tỏ ra táo bạo và khôn khéo. Chính vì thế mà bữa ăn của chúng rất đậm đặc; có vẻ như bằng cách đó người ta thúc đẩy chúng lớn nhanh hơn. Bởi vì con người sẽ lớn lên khi năng lượng sống không được kìm hãm hay bị ngăn chặn bởi quá nhiều đồ ăn, những thứ làm cho chúng nặng nề và béo phì; sự nhẹ cân khiến chúng lớn lên; cơ thể tự do và thoái mái phát triển. Đường như đồ ăn ít ỏi cũng khiến chúng trở nên đẹp đẽ: những người mảnh khảnh có xu hướng thon thả hơn, trong khi những đứa trẻ to béo ăn nhiều không thể đẹp được vì quá nặng; cũng vậy, những đứa con của những người đàn bà bị bỏ đói khi mang thai cũng gây nhưng đẹp và thanh mảnh hơn. Lý do của hiện tượng đó, tôi dành cho người khác tìm hiểu²⁹⁹.

XVIII. Bọn trẻ con coi việc ăn cắp nghiêm túc đến mức người ta kể có một đứa trong số đó cuỗm được một con cáo nhỏ và giấu vào trong áo khoác và vì không muốn bị lộ, để mặc cho con cáo cào và cắn nát bụng mà không nhúc nhích; để rồi sau đó nó chết vì thủng bụng. Câu chuyện đó hoàn toàn đáng tin: ngày nay chúng ta vẫn còn thấy nhiều tráng niên để bị đánh đến chết trước bàn thờ Artémis Orthia³⁰⁰. Sau bữa tối, *irène*, vẫn còn nằm dài, ra lệnh một đứa trẻ hát; anh ta đặt câu hỏi cho một đứa khác, những câu đùi hỏi phải suy nghĩ nhiều, chẳng hạn: ai là công dân dũng cảm

²⁹⁹ Những điều này thuộc học thuyết của Hippocrate về chế độ ăn uống.

³⁰⁰ Artémis Orthia là một trong các vị thần được nhân dân, nhất là thanh niên thờ cúng nhiều nhất ở Sparte.

nhất? hay: phải nghĩ gì về cách cư xử của một ai đó? Ngay từ đầu chúng đã quen coi trọng các hành động đẹp và quan tâm đến đời sống chính trị. Khi người ta hỏi một đứa bé: ai là một công dân tốt? hoặc: ai không tốt? và nếu nó không biết trả lời, sự ngu dốt đó sẽ bị coi là dấu hiệu của sự lười biếng, không chịu chăm lo cho đức hạnh. Câu trả lời phải biểu lộ được lý trí và có chứng minh, với một phong cách ngắn gọn và chính xác.

Đứa trẻ trả lời kém bị *irène* phạt bằng cách cắn ngón tay cái của nó. *Irène* thường xuyên trừng phạt những đứa trẻ khác khi có mặt người già và các quan chức: qua đó họ có thể xem xét anh ta trừng phạt có lý và có chấp nhận được không. Không ai chống lại các hình phạt mà anh ta quyết định, nhưng khi những đứa trẻ đã đi khỏi, anh ta phải tự vấn xem liệu mình có trừng phạt quá nặng nay hay ngược lại quá nương nhẹ hay không. Các tình nhân³⁰¹ cũng phải chịu trách nhiệm về hạnh kiểm của bọn trẻ con: người ta nói một hôm một đứa bé trong khi đánh nhau bật ra một lời nói tục, tình nhân của nó liền bị các vị quan phạt. Ở người Sparte, tình yêu có giá trị lớn đến mức ngay cả những người phụ nữ trung thực nhất cũng say mê các cô gái trẻ. Không có cạnh tranh về dục vọng; những người cùng yêu ai đó coi đây là dịp để kết giao bạn bè; họ cùng nhau góp sức làm những gì tốt đẹp nhất cho người mình yêu.

XIX. Người ta dạy bọn trẻ con khi nói phải trộn lẫn những lời khó chịu với những lời dịu dàng, phải dùng ít lời

³⁰¹ Nguyên văn: éraste, người bảo trợ các cậu bé, đồng thời là người tình của chúng. Từ "éraste" sau này được sử dụng để cấu tạo từ "péderaste" chỉ những kẻ loạn đâm.

mà nói được nhiều ý. Tôi đã nói Lycurgue quy định tiền sắt giá trị nhỏ và khối lượng lớn; với tiền ngôn ngữ, ông làm ngược lại: ông bắt nó phải mang lại một ý nghĩa phong phú và sâu sắc bằng những từ đơn giản và ít ỏi; bọn trẻ con im lặng nhiều, điều đó khiến chúng luyện được cách nói gãy gọn và đủ nghĩa khi trả lời. Giống như thứ tinh trùng của những kẻ ham dâm vô độ thường là kém cỏi và không dồi dào, sự buông tuồng trong lời nói cũng làm ngôn ngữ yếu ớt đi, mất đi ý nghĩa. Một hôm một người Attique³⁰² chế giễu gươm của người Laconie quá ngắn: hắn ta nói bọn làm trò ảo thuật nuốt gọn mấy thanh gươm đó. Vua Agis bèn trả lời: “Đúng thế, nhưng với những cây kiếm nhỏ bé này, chúng tôi cũng đủ đánh trúng tim kẻ thù”.

Theo tôi, dù ngắn gọn, lối nói của người Laconie vẫn chuyển tải được hoàn hảo các ý tưởng và đưa được chúng vào tâm khảm người nghe. Bản thân Lycurgue, dường như, cũng nói ngắn gọn và chính xác, nếu căn cứ theo những câu trả lời ngày nay còn lưu giữ được. Về chính quyền, trả lời một người khuyên ông áp dụng chính sách dân chủ, ông nói: “Trước tiên ông hãy lập nền dân chủ trong nhà ông ấy.” Và về việc cúng tế, khi người ta hỏi tại sao ông lại hiến tế ít và đậm bạc như thế: “Để không bao giờ ngừng kính ngưỡng thần linh.” Với các cuộc thi đấu thể thao, ông tuyên bố chỉ cho phép các công dân tham gia các cuộc “mà người khác không thể với tới”. Người ta cũng trích những lá thư gửi đồng bào của ông, trong đó có những câu trả lời giống như vậy. “Làm thế nào để đẩy lui kẻ thù tấn công? – “Sống nghèo khổ và không muốn trèo lên đầu lên cổ nhau”. Và về thành quách: “Một thành phố không thể thiếu tường thành khi bức tường đó được làm bằng các anh

³⁰² Tức vùng có thành phố Athènes.

hung, chứ không phải bằng gạch". Tuy nhiên, không thể biết trong số những bức thư đó những bức nào thực sự do chính tay ông viết.

XX. Sau đây là những câu nói hay cho thấy người Lacédémone ghét nói năng dài dòng đến mức nào. Ai đó đề cập các vấn đề không phải là không thú vị nhưng không đúng lúc, vua Léonidas nói với anh ta: "Hỡi người lạ, anh nói hay đây, nhưng ngoài lề rồi." Người ta hỏi Charilaos, cháu của Lycurgue, về số lượng ít ỏi các đạo luật do chú ông đặt ra, ông trả lời: "Những người cần dùng ít từ ngữ không cần quá nhiều luật lệ". Một số chỉ trích nhà ngụy biện Hécatée³⁰³ được nhận vào một bữa ăn chung mà không chịu nói gì; nhưng Archidmidas tuyên bố: "Người khôn ngoan biết lúc nào phải nói gì." Đó là vài ví dụ về những câu trả lời gay gắt nhất nhưng không kém phần duyên dáng, như tôi đã nói ở trên.

Một người tính tình khó chịu quấy rầy Démarate³⁰⁴ bằng những câu hỏi không đúng chỗ, nhất là hỏi đi hỏi lại ông: "Ai là người giỏi nhất trong số người Sparte?" Démarate trả lời: "Người ít giống ông nhất." Người ta thường ca ngợi người dân Élis³⁰⁵ vì thái độ đẹp và sự công chính của họ trong các kỳ Olympique, nhưng Agis kêu lên: "Tuyệt thật! Người Élis chỉ công chính được một lần trong vòng bốn

³⁰³ Hắn đây là Hécatée xứ Abdère, tác giả một quyển *Lịch sử Ai Cập* dưới thời Ptolémée I.

³⁰⁴ Démarate, vua Sparte triều đại Eurypontide, bị Cléomène buộc tội, phải lưu đày vào năm 491 ở chỗ vua Ba Tư. Có thể ông đã trở thành cố vấn của Xerxès khi Xerxès chuẩn bị tấn công Hy Lạp, nhưng chính ông lại không biết gì về các kế hoạch chống Hy Lạp của Xerxès.

³⁰⁵ Đến thờ Olympie nằm trên lãnh thổ Élis, cứ bốn năm một lần các vị quan ở đây lại điều hành các cuộc đua vinh danh thần Zeus.

năm!" Một người nước ngoài muốn tỏ ra thân thiện với người Sparte tuyên bố rằng đồng bào của ông ta gọi ông ta là "bạn của người Lacédémone"; Théopompos đáp: "Hỡi người lạ, tốt hơn là đồng bào của ông gọi ông là 'bạn của đồng bào của ông'." Một nhà hùng biện Athènes coi người Lacédémone là ngu dốt; Pleistonax³⁰⁶, con trai của Pausanias, kêu lên: "Ông có lý; chúng tôi là những người Hy Lạp duy nhất mà ông không hề dạy những gì xấu xa."

Một ai đó hỏi Archidamidas số lượng người Sparte: "Đủ đông, hỡi người lạ, để đánh lui bọn người độc ác". Người ta cũng có thể đánh giá phong tục của họ thông qua những lời tốt đẹp mà họ nói vì người ta đã làm họ quen với việc không bao giờ nói những lời vô ích và để bật ra những câu không chứa đựng được một tư tưởng đáng để suy ngẫm. Người ta mời một người trong số họ đến nghe một người bắt chước tiếng chim họa mi: "Bây giờ tôi mới được nghe, ông nói, chim họa mi thật ấy." Một người khác đọc được lời khắc trên bia mộ sau:

*Những người xưa kia từng dập tắt thói bạo chúa,
Arès³⁰⁷ bắt được họ bằng những thứ vũ khí bằng đồng.
Trước những cánh cửa Selinonte³⁰⁸ họ chết.*

Ông ta bèn tuyên bố: "Những người đó chết là đáng; nhẽ ra họ không nên dập tắt thói bạo chúa, mà phải để cho nó cháy hết đi." Ai đó hứa với một chàng thanh niên sẽ đưa cho chàng những con gà chơi đã bị giết: "Tôi không muốn,

³⁰⁶ Có lẽ là vị vua Sparte cai trị từ 458 đến 445. Bị buộc tội đồng lõa với người Athènes, ông chịu án lưu đày.

³⁰⁷ Tức thần chiến tranh.

³⁰⁸ Selinonte: thành phố Hy Lạp nằm trên bờ phía Nam đảo Sicile, thời cổ xưa chịu ách bạo chúa trong một thời gian dài.

anh nói, tốt hơn là hãy đưa cho tôi những con đã giết được đối thủ của nó ấy." Một người khác, khi nhìn thấy có phân người trên ghế, nói: "Liệu tôi có thể ngồi lên một chỗ từ đó tôi không thể đứng dậy để nhường cho một người lớn tuổi hơn không." Nhiều người cho rằng những câu nói hay đó còn có giá trị hơn là một bài tập luyện thể chất, sự ngắn gọn (laconisme³⁰⁹) còn là một thứ triết học.

XXI. Người ta dạy những đứa trẻ bài hát và thơ trữ tình cũng chu đáo như là dạy ngôn ngữ và độ thuần khiết của nó; trong những bài hát của chúng có một sự khích lệ làm thức dậy sự nhiệt tình và truyền cho chúng một ham muốn say mê phải hành động; hình thức của những bài hát đó giản dị, không hoa hòe, hoa sói, với những chủ đề nghiêm túc, thường xuyên là những lời ngợi ca các anh hùng xả thân vì Sparte, hát về cuộc đời hạnh phúc của họ, hoặc những lời lên án những kẻ hèn nhát với cuộc đời đau khổ và hèn kém; những người hát, tùy theo tuổi, hứa hẹn sẽ chứng tỏ lòng dũng cảm hoặc lớn tiếng khẳng định mình dũng cảm. Để hiểu điều đó, cũng nên đưa ra một ví dụ. Trong các kỳ hội lễ, người ta tổ chức ba dàn đồng ca tương ứng với ba độ tuổi; người già hát đầu tiên:

Xưa kia chúng tôi từng là những trang thanh niên gan dạ.

Những người đàn ông trưởng thành đáp lời:

Chúng tôi là những trang thanh niên gan dạ!

Hãy thử thách nếu ông muôn!

³⁰⁹ Từ này cấu tạo từ từ gốc *laconie*. Trong tiếng Pháp còn có tính từ "*laconique*" nghĩa là "ngắn gọn".

Dàn thứ ba, những đứa trẻ con, thêm vào:

Đến một ngày chúng tôi sẽ là những trang thanh niên gan dạ, còn gan dạ hơn các ông.

Tóm lại, nếu nghiên cứu các bài thơ Laconie còn được lưu lại cho đến ngày nay, nếu tìm hiểu điệu hành khúc của chúng cùng nhịp với điệu kèn *aulos*³¹⁰ để tiến đánh kẻ thù, người ta sẽ công nhận rằng Terpandre³¹¹ và Pindare không nhầm khi thiết lập mối quan hệ giữa lòng dũng cảm và âm nhạc. Terpandre từng viết về người Lacédémone:

*Chính ở nơi đây mủi thương các chàng trai đã nở hoa
Thân Nghệ thuật sáng rõ và công bằng ở những con đường lớn.*

Còn Pindare³¹² thì viết:

*Nơi đó, người ta nhìn thấy rực rõ các bậc nguyên lão,
Những chàng chiến binh trẻ sứ thương tuyệt vời,
cùng với tiếng ca, thân Nghệ thuật và Aglaia³¹³.*

Họ vẽ người Sparte vừa tài âm nhạc vừa tài năng trong chiến tranh:

Thanh gươm và nghệ thuật đàn cithare cùng đi đôi với nhau.

Như nhà thơ Lacédémone³¹⁴ từng nói. Trước các trận đánh, nhà vua cúng tế các nữ thần Nghệ thuật, dường như

³¹⁰ Loại kèn cấu tạo từ hai tuyô nối với nhau, gần giống kèn oboe sau này.

³¹¹ Terpandre: một nhà thơ trữ tình TK VII, gốc Lesbos nhưng sống chủ yếu ở Sparte.

³¹² Pindare (518-438): nhà thơ trữ tình lớn nhất của Hy Lạp với những bài thơ ca ngợi các vận động viên và các chiến binh.

³¹³ Một trong ba nữ thần Thiện (Grâces).

³¹⁴ Plutarque ám chỉ Alcman, nhà thơ trữ tình gốc Hy Lạp châu Á, sống ở Sparte vào nửa sau TK VII. Ông sáng tác nhiều bài thơ cho các dàn đồng ca nữ.

là để nhắc nhở các chiến binh về những gì họ đã được dạy dỗ và những lời cam kết của họ, để họ sẵn sàng đối đầu với hiểm nguy và thu gặt những chiến công quân sự xứng đáng được lưu danh.

XXII. Trong những dịp đó, người ta nói bót ký luật hà khắc cho các chàng trai; họ không bị ngăn cản chăm sóc ngựa và trang trí vũ khí cũng như trang phục của mình; người ta thích thú nhìn ngắm họ, nhìn ngựa của họ diễu qua trong cơn rung động trước cuộc chiến. Ngay khi ra khỏi tuổi tráng niên³¹⁵, họ để tóc dài và, khi gặp nguy hiểm, chăm sóc chúng thật kỹ lưỡng; họ muốn người ta phải nhận ra mái tóc bóng dầu và chải mượt của mình và nhớ đến câu nói của Lycurgue: "Mái tóc khiến những chàng thiếu niên đẹp đẽ càng trở nên quyến rũ hơn và những kẻ xấu xí thêm phần kinh khủng".

Trong các chiến dịch, việc tập luyện thân thể cũng được nới lỏng, chế độ sống của các chàng trai cũng bớt khắc nghiệt và bó hẹp hơn thường lệ: họ là những người duy nhất trên đời mà chiến tranh cho phép tạm nghỉ những bài tập luyện mà họ tiến hành để chuẩn bị cho nó. Một khi đội hình phalang³¹⁶ của họ đã được xếp cho trận đánh, khi nhìn thấy kẻ thù, nhà vua hiến tế dê; ông ra lệnh tất cả đội vòng hoa và những người chơi kèn aulos phải chơi khúc nhạc Castor³¹⁷. Cùng lúc đó, họ đồng thanh hát một hành khúc

³¹⁵ Tuổi tráng niên (*éphébie*) là giai đoạn ngay trước khi người thanh niên bước vào đời sống cộng đồng, khoảng giữa 18 và 20 tuổi.

³¹⁶ Đội hình chiến đấu nổi tiếng, gồm rất đông quân đứng sát nhau, tạo thành hình vuông, khiên giơ lên phía trước để đỡ tên.

³¹⁷ Ở Sparte thần Castor được cúng tế rất nhiều. Xem thêm *Thésée* để biết về Castor và Pollux.

xung trận. Thật là một cảnh tượng hùng tráng và đáng sợ khi nhìn những chàng trai đó nhịp bước tiến lên trong tiếng kèn aulos, đội hình phalang không một chỗ trống, trong lòng không gợn chút xáo động nào; họ được âm nhạc dẫn vào chiến trận một cách bình thản và vui vẻ. Người ta hiểu rằng được trang bị như thế, các chiến binh không thể sợ hãi hay tức tối; họ cảm thấy một sự bằng an, trộn lẫn với hy vọng và lòng táo bạo, như thể thần linh đang ở bên cạnh họ.

Khi nhà vua tiến về phía kẻ thù, bên cạnh ông có những người chiến thắng từng được đeo vòng hoa ở các cuộc thi đấu. Người ta kể là có một người Sparte được người ta hứa cho một lượng bạc lớn để không tham gia kỳ Olympique, anh đã từ chối và sau đó dùng hết sức lực để đánh ngã đối thủ; người ta hỏi anh: "Hỡi người Lacédémone, anh kiếm được gì nhiều hơn sau khi chiến thắng như thế?" Anh mỉm cười trả lời: "Khi đi đánh nhau với kẻ thù, tôi sẽ được xếp trước nhà vua." Một khi kẻ thù đã chịu thua và bỏ chạy, người Sparte chỉ đuổi theo chừng nào đủ để đảm bảo chiến thắng; ngay sau đó họ thu quân, coi là không cao quý và không xứng đáng là người Hy Lạp nếu chém giết những người đã chạy trốn khỏi chiến địa. Lối hành xử đó không chỉ đẹp và cao thượng mà còn hết sức hữu ích: kẻ thù của họ, biết rằng họ chỉ giết những ai đứng vững mà bỏ qua những người đầu hàng, luôn nghĩ chạy trốn tốt hơn là chống cự.

XXIII. Theo nhà ngụy biện Hippias³¹⁸, bản thân Lycurgue cũng là một chiến binh rất giỏi và tham gia nhiều cuộc

³¹⁸ Về Hippias, xem *Numa*, I.

chiến. Philostéphanos³¹⁹ thậm chí còn nói ông dẫn đầu các kỵ binh trong “oulame”, một đội năm mươi kỵ binh xếp thành hình vuông do Lycurgue lập ra. Nhưng Démétrios xứ Phalère³²⁰ nói ông chưa bao giờ tham gia chiến trận và đã xây dựng hiến pháp của mình trong thời bình; ngoài ra ý tưởng dùng Olympique để đình chiến cũng cho thấy tính cách ôn hòa và chuộng hòa bình của ông. Tuy thế một số người, như Hermippos ghi lại, khẳng định Lycurgue không hề nghĩ đến sự đình chiến đó mà thoát tiên ông không tham gia kế hoạch của Iphitos³²¹; ông đến Olympie vì các mục đích khác và có tham dự các cuộc đua; đột nhiên, từ sau lưng ông nghe thấy một giọng nói, dường như của một người đàn ông, tỏ ra không đồng tình và kinh ngạc vì không thấy ông cho đồng bào của mình tham gia buổi lễ chung. Ông quay lại nhưng không nhìn thấy người nói. Thế là, vì nghĩ đó là một lời cảnh báo của thần linh, ông đi tìm Iphitos và cùng với Iphitos bàn tính để biến lễ hội trở nên rực rỡ và ổn định hơn.

XXIV. Quá trình giáo dục còn kéo dài sang tuổi trưởng thành. Người ta không cho phép bất kỳ ai sống theo ý mình; thành phố giống như một trại lính; những thói quen và công việc của họ được luật pháp quy định, để phục vụ lợi ích chung; nhìn chung các công dân sống với ý nghĩ mình không thuộc về bản thân mình, mà thuộc về tổ quốc. Khi

³¹⁹ Philostéphanos xứ Cyrène là một sử gia và nhà địa lý TK III tr. CN.

³²⁰ Là học trò của Aristote và bạn của Théophraste, viết nhiều tác phẩm trước và sau giai đoạn mười năm cai quản Athènes dưới sự bảo trợ của ông vua xứ Macédoine Cassandre (317-307). Ông từng bị lưu đày sang Ai Cập và nhiều người cho rằng ông là người đầu tiên có ý tưởng xây dựng thư viện và bảo tàng Alexandrie.

³²¹ Tức là người mà lại các kỳ thi Olympique, xem chương I.

không nhận được lệnh làm việc gì khác, họ chăm sóc con cái, dạy chúng những điều cần thiết, hoặc tự học hỏi từ những người lớn tuổi. Bởi vì một trong những lợi thế và hạnh phúc mà Lycurgue tạo ra cho đồng bào của mình là họ có rất nhiều trò giải trí: ông nghiêm cấm họ làm các nghề tay chân; ngoài ra, họ không hề cần phải làm việc và lao công khổ tú để kiếm tài sản vì tài sản không hề được thèm muốn hay thờ phụng. Các *hilote*³²² thế chỗ họ làm đất và trả thuế đất cho họ từ trước.

Một người Sparte có mặt ở Athènes đúng ngày xử phạt và biết người ta vừa kết tội một người Athène vì lười biếng³²³, anh ta buồn bã cùng bạn bè quay về nhà, bạn bè anh ta cũng buồn khổ. Người Sparte hỏi những người đi cùng anh ta: "Hãy cho tôi gặp người bị kết án vì tội sống như một người tự do." Trong mắt họ làm một nghề nào đó để kiếm tiền là một việc hạ đẳng. Dĩ nhiên là các vụ xử án biến mất khỏi Sparte cùng với tiền bạc, vì ở đó, người ta không còn biết đến sự giàu sang lấn bần hàn, tất cả đều cố sao sống thoải mái và sự thanh đạm khiến cuộc sống của họ dễ dàng hơn. Ở chỗ họ chỉ có nhảy múa, tiệc tùng và ăn uống, đi săn, tập luyện và trò chuyện trong các *leschai*, khi họ không phải tham gia công việc chiến chinh.

XXV. Những người dưới ba mươi tuổi không bao giờ lai vãng đến Quảng trường: người nhà và các tình nhân của họ chịu trách nhiệm mua những gì cần thiết. Những người nhiều tuổi hơn sẽ cảm thấy xấu hổ khi bị nhìn thấy suốt ngày buôn bán thay vì dành thời gian tập luyện và đến những chỗ mà người ta gọi là *leschai*: họ đến đó gặp gỡ để trò chuyện

³²² Xem chú thích ở trên, II.

³²³ Người ta thường cho rằng Solon là tác giả của một đạo luật chống lười biếng (xem Solon, XXII).

thân mật với nhau, và không bao giờ nói về các biện pháp làm giàu hay công việc buôn bán ở Quảng trường.

Những cuộc trò chuyện thường xuyên có chủ đề ca ngợi một hành động đẹp đẽ nào đó, phê phán hành động xấu xa nào đó bằng những lời nói đùa và những tiếng cười khiến việc trách móc và các bài học trở nên dễ tiếp thu hơn. Bản thân Lycurgue cũng không luôn sống trong cảnh khổ hạnh: theo Sosibios³²⁴, ông cho làm một bức tượng nhỏ mang tên Tiếng cười, và cũng nói đùa khi cần thiết ở các bữa tiệc và các dịp tương tự để làm cuộc sống khó nhọc của người dân được dễ dàng hơn. Nhìn chung ông tập cho công dân của mình quen với việc không muốn sống cô độc, thậm chí không có khả năng sống cô độc: giống như những con ong, họ luôn sống trong cộng đồng và nhóm họp lại, kề sát bên nhau xung quanh người chỉ huy của mình; do đó sự háng hái và tình yêu dành cho vinh quang kéo họ ra khỏi chính họ để dành toàn tâm toàn ý cho tổ quốc.

Một số những câu nói của họ cho thấy rõ trạng thái tâm lý đó. Chẳng hạn Pédaritos, người không được nhận vào Hội đồng Ba Trăm³²⁵, vui vẻ rời khỏi nơi họp, tuyên bố là mình vui mừng vì trong thành phố có ba trăm công dân giỏi hơn ông. Polystratidas được gửi đi làm đại sứ cùng những người khác ở chỗ các chiến lược gia của Quân vương Vĩ đại³²⁶; những người này hỏi họ đến với tư cách cá nhân hay chính thức: “Nếu chúng tôi thành công, ông trả lời, đó sẽ là

³²⁴ Sicibios xứ Sparte đến Ai Cập thời Ptolémée I và trở thành thành viên trường Alexandria. Ông viết về lịch sử Sparte.

³²⁵ Tức là hội đồng tập hợp các công dân ưu tú nhất để đi chiến đấu cùng nhà vua. Nhiều thành phố Hy Lạp khác, và cả ở Rome cũng có các hội đồng tương tự.

³²⁶ Người ta gọi các vị vua Ba Tư như vậy.

với danh nghĩa chính thức; nếu chúng tôi thất bại, đó sẽ là với danh nghĩa cá nhân.” Người của Amphipolis³²⁷ đến Lacédémone gặp Argiléonis, mẹ của Brasidas (Brazidax)³²⁸; bà hỏi họ con trai bà có chết anh hùng xứng đáng là người Sparte không; họ ca ngợi người anh hùng, tuyên bố là Sparte chưa bao giờ có người nào anh dũng đến thế. “Im miệng đi, hỡi những người lạ, bà nói; Brasidas cao quý và can trường, nhưng Lacédémone còn có nhiều anh hùng giỏi hơn nó nhiều.”

XXVI. Lycurgue, như chúng tôi đã nói, thoát tiên đích thân lựa chọn các thành viên của hội đồng trong số những người tham gia kế hoạch của ông. Sau đó, ông quyết định thay mỗi thành viên chết đi bằng người mà ông cho là đức hạnh nhất trong số những người trên sáu mươi tuổi. Sự cạnh tranh này là quan trọng hơn cả và người ta thi đua để vào được đó. Vấn đề không phải là lựa chọn người nhanh nhất trong số những người nhanh, người mạnh nhất trong số những người mạnh, mà là trong số những người giỏi nhất và khôn ngoan nhất, tìm ra người giỏi nhất và khôn ngoan nhất: vì những phẩm chất của mình, cả đời người đó sẽ nắm trong tay một quyền lực có thể là tuyệt đối trong thành phố, được quyền xử tội chết và kết án, và chịu trách nhiệm những công việc quan trọng nhất.

Việc bầu cử tiến hành như sau: Khi Hội đồng dân chúng họp lại, những người được lựa chọn bị nhốt vào một căn

³²⁷ Amphipolis là một thành phố Hy Lạp ở mạn Thrace, phía Bắc biển Égée, Athènes và Sparte đánh nhau quyết liệt để chiếm thành phố này.

³²⁸ Brasidas, tướng Sparte, chiếm được Amphipolis và bị chết khi người Athènes tấn công thành phố năm 422-421.

nhà gần đó, từ đó họ không thể nhìn thấy gì và cũng không bị ai nhìn thấy; họ chỉ lắng nghe tiếng hò reo của dân chúng: bởi vì cũng như trong mọi chuyện, thông qua lời hò reo mà người ta có thể đánh giá các đối thủ. Người ta không dẫn tất cả các ứng cử viên ra cùng một lúc; theo bắt thăm, mỗi người được dẫn đi qua trước dân chúng, và không được lên tiếng. Những người trong nhà cầm bảng để ghi lại tiếng hò reo của dân chúng dành cho mỗi ứng cử viên mà không hề biết đó là ai, chỉ biết đó là người thứ nhất, thứ hai, thứ ba và cứ thế tiếp tục. Người nào được hoan hô nhiều nhất và to nhất sẽ được coi là trúng cử. Người ta choàng vòng hoa lên đầu ông và khi ông đến các ngôi đền thờ, đám đông thanh niên ngưỡng mộ đi theo sau để hoan nghênh đức độ của ông, cùng với nhiều phụ nữ vừa đi vừa hát về đức hạnh và tung hô cuộc đời ông. Mỗi người bạn của ông chuẩn bị cho ông một bữa ăn và nói: "Thành phố vinh danh ông qua cái bàn này." Sau khi đã đi thăm mọi người, ông đến nhà ăn tập thể. Ở đó, mọi việc lại diễn ra như thường lệ, chỉ khác là người ta đặt trước mặt ông khẩu phần ăn thứ hai; ông giữ lại và mang nó theo. Sau bữa ăn, phụ nữ người thân của ông đến ngưỡng cửa căn phòng chung: ông gọi người mà ông coi trọng nhất đến và đưa cho người đó phần ăn thêm và nói: "Đây là phần thưởng vinh dự mà tôi nhận được, bây giờ, tôi giao lại cho bà." Khi đó, người phụ nữ được tung hô và những người khác đưa bà về nhà.

XXVII. Về mặt tang lễ, ông quy định rất nghiêm cẩn. Throat tiên, để tránh mọi thói mê tín, ông không cấm chôn người chết trong thành phố và cho xây mộ gần những ngôi

đền; bằng cách đó, ông tập cho thanh niên quen với cảnh đó: họ sẽ không còn kinh sợ cái chết, không tin là nó vây bắn lên những ai chạm vào một xác chết hay đi qua gần quan tài. Sau đó, ông cấm không được chôn gì theo người chết; người ta đặt xác lên một tấm vải tía và lá ôliu và lấy vải quấn xác lại. Không được phép viết lên mộ tên người chết, trừ khi đó là một người anh hùng hy sinh trong chiến trận hoặc một người đàn bà chết khi sinh nở. Ông hạn chế để tang chỉ trong vòng mười một ngày; ngày thứ mười hai, người nhà phải cúng tế nữ thần Déméter và thôi không than khóc nữa. Như vậy là, ngay cả những điều bé nhỏ nhất cũng có thể phản ánh vinh dự, đức hạnh hay khiếm khuyết.

Ông tạo ra trong thành phố vô số tấm gương khiến mọi người đều muốn bắt chước làm theo để vươn tới được như những tấm gương đó. Cũng vì lý do này, ông cấm họ đi du lịch theo ý mình và đi chu du thế giới vì họ rất dễ học tập lối sống ngoại quốc, học cách sống theo lối thô thiển và những nguyên tắc chính trị xa lạ. Thậm chí ông còn đuổi người nước ngoài suốt ngày túm năm tụm ba vô dụng khỏi thành phố; theo Thucydide thì không phải vì sợ họ sao chép cách cầm quyền của ông và thu lợi cho đức hạnh của họ, mà đúng hơn là ông muốn ngăn chặn họ truyền bá cái xấu; bởi vì với người nước ngoài, việc đưa vào những hình thức suy nghĩ khác là không thể tránh khỏi; những cách suy luận khác dẫn đến cách nhìn khác, những cách nhìn đó sẽ nhất thiết dẫn đến rất nhiều dục vọng và ham muốn làm xáo động trật tự chính trị, như những nốt nhạc lạc điệu trong dàn hòa âm. Vì thế theo ông cần phải cứu thành phố thoát khỏi những phong tục xấu, và còn phải cẩn thận hơn cả với các bệnh dịch lan đến từ bên ngoài.

XXVIII. Trong tất cả những điều đó, người ta không hề tìm thấy chút dấu vết nào của bất công hay ngạo mạn mà nhiều người trách cứ ở các luật lệ của Lycurgue, cho rằng chúng khiến con người trở nên dũng cảm nhưng mất cân bằng. Có thể bọn họ muốn nói đến cái được gọi là "cryptie"³²⁹, nếu quả thật như Aristote nói, một thể chế mà Lycurgue lập ra, cái có thể đã gây cảm hứng cho bản thân Platon phán xét về hiến pháp và về Lycurgue. Cryptie có nghĩa là những người chỉ huy thỉnh thoảng gửi các thanh niên tỏ ra thông minh nhất đến một số địa điểm khác nhau trên đất nước: người ta không cho họ bắt cứ cái gì, ngoài những con dao găm và lương thực. Ban ngày, họ tản mát trong những nơi bí mật và trốn ở đó không nhúc nhích; đêm đến, họ lén xuống đường và cắt cổ các *hilote* nào rơi vào tay họ. Họ cũng thường xuyên đuổi để giết các *hilote* khỏe mạnh nhất trên cánh đồng vào ban ngày.

Trong tác phẩm *Cuộc chiến tranh Péloponnèse*, Thucydide kể rằng, các *hilote* được người Sparte lựa chọn thông qua sự can đảm; họ tưởng là mình được trở thành người tự do, được đeo vòng hoa và đi vòng quanh các đền đài; nhưng không lâu sau, tất cả bọn họ đều biến mất, tổng cộng hơn hai nghìn người; không một ai, cả lúc đó cũng như về sau, có thể nói họ đã chết ra sao. Aristote còn khẳng định khi các pháp quan lên nắm quyền, họ đã tuyên bố chiến tranh với các *hilote* để không bị phạm tội khi giết họ. Lúc nào bọn họ cũng bị đối xử tàn tệ: người ta bắt họ uống nhiều rượu vang rồi dẫn họ đến các bữa ăn chung để cho thanh niên say rượu là như thế nào. Bọn họ bị buộc phải hát và nhảy những

³²⁹ Đó là nghi lễ đưa người thanh niên từ tuổi niên thiếu sang tuổi trưởng thành.

điệu xấu xí và lố bịch, trong khi người tự do bị cấm không được làm như thế. Chính vì thế mà sau này, khi người Thèbes tiến đánh Laconie, người ta nói là các *hilote* bị bắt làm tù binh bị buộc phải hát những bài hát của Terpandre, Alcman và Spendon xứ Lacédémone; những người này từ chối, nói là chủ họ cấm họ làm như thế³³⁰.

Nhiều người khẳng định rằng ở Lacédémone, người tự do được tự do hơn bất kỳ đâu và người nô lệ bị bóc lột tàn tệ hơn bất kỳ nơi nào khác. Nhưng theo tôi, những trò tàn bạo như thế mãi sau này mới xuất hiện ở người Sparte, nhất là sau vụ động đất lớn mà sau đó người ta nói các *hilote* liên minh với người Messénie chống lại Sparte, gây ra cho đất nước những tổn thất lớn nhất, và đặt thành phố vào môi nguy hiểm cao độ³³¹. Tôi nghĩ không thể gán cho Lycurgue một biện pháp đáng xấu hổ như “cryptie” vì tính cách của ông rất ôn hòa và công chính, tính cách mà ông đã chứng tỏ trong suốt cuộc đời mình và ngay cả thần linh cũng chứng giám.

XXIX. Khi đại bộ phận những cải cách của ông đã đi vào phong tục và hiến pháp của ông từ nay đã đủ mạnh để tự mình đứng vững, cũng giống như vị thần mà Platon kêu³³², sau khi tạo ra trái đất, hài lòng truyền cho nó chuyển động đầu tiên, Lycurgue ngưỡng mộ và mừng vui trước vẻ đẹp

³³⁰ Đó hẳn là cuộc viễn chinh do Épaminondas chỉ huy ở Péloponnèse sau năm 371.

³³¹ Cơn động đất năm 464-463, ngay trước cuộc nổi loạn của các *hilote* xứ Messénie; trong suốt sáu năm liền người Sparte không làm sao đánh thắng được bọn họ, khi đó co cụm ở pháo đài núi Ithomè.

³³² Trong *Timée*, 37c.

và sự vĩ đại của công trình lập pháp giờ đã thực hiện xong, giờ đây ông nghĩ đến việc duy trì nó: ông muốn, trong chừng mực người trần có thể dự đoán trước, những cải cách đó sẽ trở nên bất tử không biến đổi trong tương lai, ngay cả khi không còn ông nữa. Ông bèn tập hợp toàn bộ công dân lại, nói với họ rằng nhìn chung chính quyền của ông đã được tổ chức tốt, có khả năng dẫn dắt thành phố tới hạnh phúc và đức hạnh, nhưng vẫn còn thiếu một điều cuối cùng, rất quan trọng và thiêng liêng mà ông phải truyền cho họ; tuy nhiên, ông không thể làm điều đó trước khi xin sấm của thần linh. Họ sẽ phải giữ nguyên các đạo luật, không được sửa đổi hay thay thế gì cho đến khi ông từ đền Delphes trở về; khi trở về, ông sẽ làm điều mà thần linh quyết định.

Tất cả đồng ý và cầu xin ông hãy đi đến đó; ông buộc hai nhà vua, các thành viên hội đồng và toàn thể công dân phải thế giữ nguyên hiến pháp cho đến khi ông trở về. Sau đó, ông khởi hành đi Delphes.

Đến nơi, ông hiến tế và hỏi các đạo luật của ông đã tốt chưa và liệu chúng có thể đảm bảo hạnh phúc và đức hạnh cho thành phố không. Thần linh trả lời là chúng tốt, và thành phố sẽ còn lừng danh chừng nào nó còn giữ được các thể chế của Lycurgue. Ông bèn viết câu trả lời này ra và gửi về Sparte. Rồi sau khi hiến tế lần thứ hai, ông ôm hôn bạn bè và con trai: ông đã quyết định không gõ cho các đồng bào của mình khỏi lời thề và tự mình chấm dứt cuộc đời. Ông đã đến cái tuổi có thể tiếp tục cuộc sống hay từ bỏ nó theo ý muốn, và ông cho là trong đời mình đã có đủ hạnh phúc. Ông bèn bỏ ăn cho đến khi chết. Theo ông, cái chết của các nhà chính trị vẫn phải tiếp tục phục vụ cho chính sách của

họ: nó không thể vô ích mà phải trở thành một yếu tố thuộc đức hạnh và hành động của họ. Sau công trình đẹp đẽ mà ông đã hoàn thành, kết cục cuộc đời ông thực sự mang lại cho ông hạnh phúc cao nhất: ông để lại cho đồng bào của mình, những người đã thể sê giữ nguyên hiến pháp của ông cho đến khi ông trở về, cái chết của ông sẽ đảm bảo sự tiếp nối những gì tốt đẹp mà ông đã làm cho họ.

Những tính toán của ông rất chuẩn xác. Trong vòng năm trăm năm, trung thành với các luật lệ của Lycurgue, thành phố luôn đứng hàng đầu ở Hy Lạp, nhờ sự cân bằng của chính quyền và vinh quang của nó³³³. Không một ai trong số mười bốn vua tiếp theo đó, cho đến Agis, con trai Archidamos, biến đổi các luật lệ đó; việc lập ra các pháp quan không phải là một sự nói lóng mà đúng hơn là một sự củng cố thể chế; dường như cải cách đó có lợi cho dân chúng, nhưng thực ra, nó làm cho giới quý tộc mạnh thêm lên.

XXX. Dưới thời Agis, lần đầu tiên tiền bạc được đưa vào Sparte, và cùng với nó, sự tham lam và ham muốn giàu có cũng theo vào; đó là sản phẩm của Lysandre³³⁴, người không hề tham lam nhưng đã mang vào đất nước mình sự giàu sang và xa hoa; vàng và bạc mà ông mang từ chiến tranh về cuối cùng đã thắng thế các luật lệ của Lycurgue. Khi chúng còn hiệu lực, Sparte không giống như một thành phố được quản lý tốt mà giống như một người ôn hòa và khôn ngoan;

³³³ Người ta vẫn thường cho rằng các luật lệ đó bị bãi bỏ vào đầu TK IV.

³³⁴ Lysandre chỉ huy hạm đội Sparte, giành chiến thắng vang dội trong cuộc chiến Péloponnèse, do đó bị các vua Agis và Pausanias nghi kỵ. Xem *Lysandre*.

hoặc đúng hơn là giống như Héraclès³³⁵, người theo những bài thơ thần thoại đã đi qua các vùng đất có người sống với bộ da sư tử và cây chùy để trừng trị những kẻ sống ngoài vòng pháp luật và những tên bạo chúa man dã, Sparte, chỉ bằng những bức thông điệp³³⁶ và chiếc áo choàng thô, chỉ huy toàn xứ Hy Lạp, và cả Hy Lạp cũng chấp nhận và thậm chí còn muốn được Sparte chỉ huy. Nó xóa bỏ các quyền lực bất công và các chế độ bạo chúa ở các thành phố, đứng ra xử lý các cuộc tranh chấp, dập tắt các cuộc phản loạn mà thường xuyên không cần phải gio khiên lên: chỉ cần gửi đến một đại sứ và tất cả sẽ thi hành các mệnh lệnh của Sparte, giống như những con ong, khi ong chúa xuất hiện sẽ vội vã tập hợp và xếp lại xung quanh nó.

Luật lệ và sự công bằng của Sparte có sức mạnh đến mức như vậy. Với tất cả những chuyện đó, tôi ngạc nhiên khi người ta cứ khăng khăng người Lacédémone thích tuân lệnh nhưng không đủ sức chỉ huy, chẳng hạn như khi Théopompos đáp lời người khác tuyên bố Sparte thịnh vượng như vậy là nhờ quyền lực của các ông vua: "Đúng hơn là, ông trả lời, nhờ sự thuần phục của các công dân." Theo tôi, con người không chấp nhận thuần phục những kẻ không biết cách dẫn dắt họ; chính quyền lực của người chỉ huy khiến người ta phải khuất phục; người dẫn dắt tốt sẽ biết cách làm người khác đi theo mình, cũng giống như trong nghệ thuật cưỡi ngựa mục đích là làm cho con ngựa trở nên thuần tính chịu sai bảo, nghệ thuật làm vua là bắt người khác tuân theo mình.

³³⁵ Theo truyền thuyết các vị vua Sparte đều có dòng dõi Héraclès.

³³⁶ Nguyên văn: *scytale*, gần giống với chiêu chỉ của vua chúa phương Đông.

Ngoài ra, người Lacédémone không truyền cho người khác sự phục tùng mà là ham muôn được họ chỉ huy và tuân theo mệnh lệnh của họ. Các sứ thần mà người ta gửi đến Sparte không hỏi xin chiến thuyền, tiền bạc hay lính, mà chỉ một người Sparte duy nhất để làm chỉ huy; khi người ta cho họ một người như thế, họ tuân thủ ông với sự sợ hãi và kính trọng: chẳng hạn người Sicilie và Gylippe³³⁷, người Chalcidique và Brasidas và toàn bộ Hy Lạp thuộc châu Á với Lysandre, Callicratidas và Agésilas. Họ nói rằng, người Sparte là các *harmoste* [thống chế] và là người điều khiển các dân tộc hoặc vị quan khác nhau mà họ được gửi đến; họ luôn ngưỡng vọng toàn thành phố Sparte như về một vị thầy hay một ông chủ về nghệ thuật sống và quản lý Nhà nước. Đó là điều mà mà Stratonicos³³⁸ đã chế nhạo khi nói đùa rằng người Athènes cung các Bí tích và các đám rước, người Élis điều hành các cuộc đua tài vì họ rất giỏi trong các vai trò đó, còn người Lacédémone, khi những người kia phạm lỗi, thì đánh họ bật máu. Dĩ nhiên đó chỉ là một lời nói đùa, nhưng sau trận Leuctres, triết gia theo phái Socrate Antisthène³³⁹, nhận thấy người Thèbes quá kiêu ngạo, tuyên bố rằng họ giống những thằng bé tự hào vì đánh được ông thầy của mình.

XXXI. Tuy nhiên vào thời đó, mục đích chính của Lycurgue không phải là đặt Sparte lên đứng đầu các thành

³³⁷ Gylippe được gửi sang Syracuse để giúp đỡ thành phố chống lại các đợt tấn công của người Athènes, và phải chịu trách nhiệm về thất bại lớn ở đây.

³³⁸ Stratonicos, nhà thơ và nhạc sĩ Hy Lạp nửa đầu TK IV tr. CN, nổi tiếng vì những câu nói đùa.

³³⁹ Antisthène là một học trò của Socrate. Ông mất khoảng năm 360.

phố khác. Vì nghĩ rằng, cũng giống như cho cuộc đời một con người cụ thể, với một thành phố, hạnh phúc phải dựa trên đức hạnh và sự hài hòa bên trong, ông ra lệnh và tạo nên điều đó, tìm cách sao cho các công dân sống lâu nhất có thể được trong tự do, độc lập và khôn ngoan. Đó cũng là nguyên tắc chính trị của Platon, Diogène, Zénon và tất cả những ai từng thử giải quyết các vấn đề đó. Người dân ủng hộ họ, nhưng họ chỉ để lại những bài viết và bài nói. Lycurgue không để lại bài viết hay bài nói nào; ông lập ra một thể chế độc nhất vô nhị và áp dụng trong thực tế.

Những ai nghĩ Lycurgue là nhà thông thái, giống như người ta vẫn hay miêu tả ông, đã hoàn toàn nhầm lẫn, ông tạo ra cả một thành phố đầy thông thái: và như thế, ông cũng đã vượt qua vinh quang của tất cả những ai từng cai trị ở Hy Lạp, một cách xứng đáng. Chính vì thế, Aristote nói là các vinh dự mà người ta dành cho Lycurgue ở Lacédémone thấp hơn những gì ông xứng đáng được hưởng, tuy, những vinh dự đó đã rất lớn rồi: ông có một ngôi đền và hàng năm người ta hiến tế như hiến tế một vị thần³⁴⁰. Khi hài cốt được đưa về nhà ông, người ta nói là sét đánh xuống mộ ông, điều chưa từng xảy đến với người nổi tiếng sau này nào, trừ Euripide³⁴¹, người chết và được chôn ở Macédoine gần Aréthuse: những người ngưỡng mộ Euripide coi việc ông là người duy nhất được hưởng ân sủng đó, sau con người

³⁴⁰ Ở Sparte, Lycurgue được cúng tế với tư cách người thành lập thành phố, dù thành phố đã tồn tại trước ông.

³⁴¹ Euripide, nhà thơ lừng danh của Athènes, mất năm 406 ở Macédoine. Sét đánh đúng vào mộ ông, một điều cho thấy ông được hưởng ân sủng của thần linh.

sùng đạo và thánh thiện nhất trong số con người, là một vinh dự cực kỳ lớn.

Theo một số tác giả, Lycurgue mất ở Cirrha³⁴²; theo Apollothémis, ông được mang đến Élis; Timée và Aristoxène (Arixtôxen)³⁴³ nói rằng ông mất ở Crète. Aristoxène còn khẳng định người Crète dựng mộ ông ở Pergamie, gần con đường của người nước ngoài. Người ta nói ông để lại một người con trai duy nhất, Antioros (Ἀντιόροξ); Antioros qua đời mà không có con, dòng dõi của ông chấm dứt ở đó. Nhưng bạn bè và họ hàng ông, để tưởng nhớ ông, đã lập ra một hội tôn tại khá lâu và gọi những ngày gặp nhau là Lycurgides. Aristocratès³⁴⁴, con trai Hipparchos, nói là sau khi Lycurgue qua đời ở Crète, những người ở đó đã thiêu xác ông và rải tro xuống biển; ông đã cầu xin họ làm như vậy để ngăn cản những người đồng bào của ông nếu một ngày người ta mang xác ông về Lacédémone nghĩ rằng họ được thoát khỏi lời thề ràng buộc với lý do ông đã trở về, và sau đó sẽ thay đổi thể chế do ông lập ra. Đó là những gì người ta kể về Lycurgue.

³⁴² Nằm phía Bắc vịnh Corinthe, cảng biển chính dành cho người hành hương đến Delphes.

³⁴³ Arostoxène xứ Tarente: học trò của Aristote, nổi tiếng với một tác phẩm lý luận âm nhạc.

³⁴⁴ Xem ở trên, chương IV.



Numa

Cao Việt Dũng dịch

I. Cũng có rất nhiều tranh cãi gay gắt về thời vua Numa³⁴⁵, cho dù, có vẻ như, phả hệ của các gia đình quyền quý chép ngược đến ông đều rất thống nhất với nhau. Một người tên là Clodius³⁴⁶, trong tác phẩm *Các nghiên cứu mang tính phê phán về niên đại* khẳng định các ghi chép cổ đã biến mất khi Rome bị người Gaulois tàn phá³⁴⁷; những gì được truyền tụng đến ngày nay đều là đồ giả, được mạo tác để thỏa mãn lòng ngạo mạn của một số người bằng mọi cách muốn trở thành thành viên của các gia đình lâu đời và danh giá nhất. Qua những cuốn sách đó, người ta cho rằng Numa là một học giả và thân thiết với Pythagore³⁴⁸.

Nhưng nhiều các tác giả khác lại khẳng định Numa không hề được giáo dục theo lối Hy Lạp mà bẩm sinh ông đã có khả năng vươn tới đức hạnh, hoặc giả ông được một người Ngoại di giỏi hơn Pythagore dạy dỗ³⁴⁹. Lại có người khác³⁵⁰ cho rằng Pythagore ra đời rất lâu sau thời Numa, có đến năm thế hệ³⁵¹,

³⁴⁵ Trong tác phẩm của mình, nhiều chỗ Plutarque cho thấy một sự liên mạch, nhất là ở một số câu mở đầu, mà đây là một minh chứng.

³⁴⁶ Không rõ là ai.

³⁴⁷ Khoảng năm 390 tCN. Xem Tite-Live, *Lịch sử La Mã*, VI.

³⁴⁸ Pythagore (582?-500? tCN), triết gia và nhà toán học Hy Lạp, quê ở đảo Samos, có nhiều ảnh hưởng đến Platon, mà Plutarque lại là một người theo trường phái Platon.

³⁴⁹ Vấn đề học vấn và văn hóa Hy Lạp theo lối Pythagore là trọng tâm trong tác phẩm về Numa này. Người “Ngoại di” dịch từ “barbare”, với nghĩa “khác biệt”, “xa lạ”, “từ nơi khác đến” hơn là “dã man” (sauvage).

³⁵⁰ Chẳng hạn Cicéron, Tite-Live, Denys xứ Halicarnasse và nhất là Varron.

³⁵¹ Nghĩa là Plutarque xếp Pythagore sống ở nửa sau TK VI tCN, như chúng ta vẫn nghĩ.

một Pythagore khác hẳn, quê Sparte và chiến thắng ở kỳ thi Olympique thứ mười sáu (Numa lên ngôi vua vào năm thứ ba của kỳ đại hội này), người từng đi khắp đất Ý, đã gặp Numa và giúp nhà vua tổ chức vương quốc của mình, do đó, mới có rất nhiều tập quán Lacédémone³⁵² trộn lẫn với các phong tục La Mã, xuất phát từ sự truyền bá của Pythagore này. Tuy nhiên, Numa có nguồn gốc Sabin³⁵³, mà người Sabin lại muốn tiêu diệt những kẻ thực dân Lacédémone. Vì thế, rất khó thiết lập được một bảng niên đại chính xác, nhất là khi căn cứ vào những người chiến thắng các kỳ Olympique, vì danh sách đó mãi sau này mới được Hippias xứ Elis lập ra³⁵⁴ nhưng không dựa trên tài liệu đáng tin cậy nào. Dù thế, chúng tôi cũng sẽ trình bày những gì liên quan đến Numa đáng để kể ra.

II. Rome được thành lập khi ông ba mươi bảy tuổi, khi đó, Romulus là người nắm quyền. Ngày thứ năm của tháng Quintilis [“tháng Bảy”], thường gọi là ngày Nones Capratines, Romulus tổ chức một lễ hiến tế cộng đồng bên ngoài thành phố, gần một nơi gọi là Đầm Dê. Viện nguyên lão và rất đông dân chúng đã có mặt ở đó. Đột nhiên, trời nổi cơn giông tố. Một đám mây sà xuống mặt đất, kèm với những cơn gió dữ dội. Đầm đông kinh hoàng chạy trốn, tan cả ra. Còn Romulus thì biến mất, không một ai nhìn thấy ông nữa, và ngay cả thi thể ông cũng không tìm thấy.

³⁵² Tức Sparte.

³⁵³ Tộc người hòa trộn với người La Mã ngay từ đầu. Xem thêm *Romulus*.

³⁵⁴ Đó là nhà nguy biện TK V tCN, được Plutarque trích dẫn (xem *Lycurgue*, XXIII) và bị Platon chế giễu trong *Tiểu Hippas* và *Đại Hippas* vì thói “polymathie”, tham lam hiểu biết quá mức.

Các nguyên lão phải gánh chịu nỗi ngò vực to lớn. Trong dân chúng đã lan truyền một tin đồn đáng sợ rằng, từ lâu nay các nguyên lão vẫn không thích thú với chế độ vua chúa và, vì muốn quyền lực trở về với mình, họ đã giết nhà vua. Điều đó không phải là không có lý, vì từ lâu nay, người ta đã chứng kiến nhà vua đối xử với họ rất khắc nghiệt. Để thoát khỏi mối nghi ngờ này, các nguyên lão tôn Romulus lên hàng thần linh; họ nói ông không chết mà thuộc về một giống loài cao cấp hơn. Proclus, một người rất danh tiếng, thể độc mà nhận rằng mình đã nhìn thấy Romulus cùng vũ khí bay lên trời và từ trên đó ra lệnh phải gọi ông là Quirinus³⁵⁵.

Nhưng đối với toàn thành phố, việc lựa chọn nhà vua mới là cả một nguồn cơn bối rối và gây ra những bất đồng mới. Những cư dân mới chưa hoàn toàn hòa nhập với các công dân đầu tiên³⁵⁶; dân chúng hoang mang và nhốn nháo hết sức. Bản thân giới quý tộc cũng nghi kỵ lẫn nhau vì mỗi người một ý, tuy tất cả đều nhất trí là cần có một vị vua, nhưng họ lại tranh cãi và chia rẽ nhau không chỉ về việc nhà vua mới là ai, mà cả nguồn gốc của ông: người của dân tộc nào trong hai dân tộc ở Rome sẽ có thành viên trở thành vua? Các cư dân đầu tiên, những người cùng Romulus thành lập Rome, nghĩ là người Sabin mới được tiếp nhận vào thành phố và họ không thể áp đặt quyền lực lên những người đã tiếp nhận họ. Người Sabin thì rất biết điều: sau khi vua của họ là Tatius mất đi, họ không nổi lên chống Romulus mà để ông làm vua một mình. Nhưng đối lại, họ đòi vua mới phải là người của họ. Họ khẳng định

³⁵⁵ Xem *Romulus*, XXVII-XXVIII.

³⁵⁶ Đây là vấn đề này sinh khi sáp nhập hai tộc người xa lạ, Sabin và La Mã.

khi nhập với người La Mã, họ không phải là những kẻ kém cạnh phải khuất phục trước người mạnh hơn. Với số dân của mình khi sáp nhập, họ đã cung cấp đáng kể lực lượng của người La Mã, cho nên cả hai dân tộc, La Mã cũng như Sabin, đều xứng đáng với quyền lực. Sự bất đồng có nguồn gốc là như vậy.

Để tránh xung đột nội bộ bùng lên trong thành phố vì không có người nắm quyền, các nguyên lão, một trăm năm mươi người³⁵⁷, quyết định mỗi người trong số họ, lần lượt từng người một, sẽ thực thi các nghĩa vụ của một vị vua: hiến tế thần linh và quản lý công việc trong vòng sáu tiếng ban ngày và sáu tiếng ban đêm³⁵⁸. Cách phân chia thời gian như thế, theo những người có uy tín, về bản chất là để bảo đảm sự bình đẳng giữa hai bên; và nếu quyền lực liên tục chuyển từ người này sang người khác, dân chúng sẽ không có gì phải phàn nàn, bởi vì họ sẽ chỉ phải chịu đựng một người cai trị trong khoảng một ngày một đêm, để rồi sau đó, người này lại trở lại làm người dân bình thường. Người La Mã gọi hình thức cai trị này là chế độ luân quyền.

III. Như vậy là các nguyên lão có vẻ điêu hành đất nước vì lợi ích chung và không có quyền lực thái quá. Tuy thế, họ

³⁵⁷ Các sử gia không thống nhất về số lượng các nguyên lão sau thời Romulus: Tite-Live cho là có 100, Denys xứ Halicarnasse cho là có 200, còn Plutarque, 150.

³⁵⁸ Chế độ này rất điển hình cho hệ thống quân chủ thông qua bầu cử, được áp dụng sau cái chết của bốn vị vua đầu tiên và bị bãi bỏ thời các vua Étrusque. Cicéron miêu tả nó là “độc đáo và không dân tộc nào khác có được” (*Cộng hòa*, II). Mỗi nguyên lão (khi đó được gọi là *interrex* – luân vương) phụ trách năm ngày. Sylla từng có ý định khôi phục chế độ này vào năm 80 tCN.

vẫn bị nghi ngờ và vẫn có nhiều lời bàn tán đồi địch³⁵⁹: người ta nói họ không muốn có vua là để biến Nhà nước thành một chính thể đầu sỏ và tạo dựng các thể chế để phân chia quyền lực. Vì thế hai bên đồi thủ thống nhất một điều: một bên sẽ chỉ định một vị vua, nhưng nhà vua phải là người của bên kia. Việc đó sẽ cho phép chấm dứt ngay lập tức sự đồi nghịch giữa họ. Người được chỉ định sẽ phải công bình với cả hai bên: ông ta sẽ hòa hảo với những người đã lựa chọn mình và sẽ thân ái với những người khác vì cùng chủng tộc. Người Sabin nhường lại quyền chỉ định cho người La Mã, còn người La Mã muốn chọn một người Sabin hơn là phải chịu đựng một người La Mã do người Sabin chỉ định. Sau khi cân nhắc kỹ càng, họ chỉ định Numa Pompilius: ông không thuộc những người đến định cư ở Rome, nhưng đức hạnh của ông nổi tiếng đến mức người Sabin vui mừng đón nhận sự chỉ định đó hơn cả những người chỉ định. Quyết định đó được thông báo với dân chúng và người ta gửi những người có uy tín đến gặp Numa để đề nghị ông trở thành vua.

Numa sinh ra ở một thành phố nổi tiếng của người Sabin, thành Cures; người La Mã sau khi hòa trộn với người Sabin đã lấy tên đó để tạo ra cái tên chung cho cả hai bên, tức Quirites³⁶⁰. Ông là con út trong số bốn con trai của Pompon, một người được kính trọng. Ý nguyện của thần linh đã khiến ông sinh đúng ngày Romulus lập ra Rome³⁶¹, tức là

³⁵⁹ Một chủ đề quen thuộc của Tite-Live: sự đồi nghịch giữa quý tộc và bình dân.

³⁶⁰ Xem *Romulus*, XIX. Cures là một thành phố cổ của người Sabin ở tả ngạn sông Tibre, trên đường Salaria.

³⁶¹ Tức là ngày 21 tháng Tư, ngày lễ mục đồng *Parilia*. Như thế Numa xứng đáng là người sáng lập thứ hai.

ngày thứ mươi một trước calendes³⁶² tháng Năm. Tính cách ôn hòa hiếm có từ khi sinh ra dẫn ông đến với đức hạnh; hơn thế nữa, ông lại sống rất có kỷ luật, thông qua học hành, khổ hạnh và triết học. Ông không chỉ thoát ra khỏi các dục vọng xấu xa của tâm hồn mà còn tránh được thói bạo tàn và tham lam rất thường thấy ở những người Ngoại di. Với ông, lòng can đảm thực sự là đè nén được các ham muốn của bản thân và đặt chúng dưới sự kiểm soát của lý trí. Thế nên, trong nhà ông không có chút biểu hiện nào của sự xa hoa lộng lẫy. Công dân La Mã cũng như người nước ngoài đều nhận ra ở ông một vị thẩm phán và một cố vấn không thể chê trách. Ông dồn hết tâm sức không phải để tìm kiếm sự giàu có và xa hoa mà là để thờ phụng thần linh và dùng lý trí chiêm ngưỡng thiện tâm và sức mạnh của các vị thần. Ông đạt được nhiều vinh quang và danh tiếng đến mức Tatius, người cai trị Rome cùng với Romulus, chọn ông làm chồng cho Tatia, người con gái độc nhất của mình. Thế nhưng, cuộc hôn nhân này không hề làm cho Numa cảm thấy cao ngạo; ông không đến sống với bố vợ mà vẫn ở lại chỗ người Sabin để chăm sóc cha già. Tatia cũng thích sống yên ổn bên người chồng giản dị hơn là sống ở Rome trong vinh quang và hào nhoáng nhò vào vua cha. Người ta nói bà mất sau mười hai năm chung sống với Numa.

IV. Sau khi vợ mất, Numa rời khỏi sự náo nhiệt của thị thành, ông muốn sống phần còn lại của cuộc đời ở làng quê, lang thang một mình trong những cánh rừng của thần linh, trên những cánh đồng thiêng và những nơi hẻo lánh. Lối sống đó của ông khiến nảy sinh một huyền thoại. Người ta

³⁶² Xem chú thích ở *Romulus*, XII về cách ghi ngày của người La Mã.

nói Numa không muốn sống cùng với con người nữa không phải vì hoang mang hay lầm đường lạc lối trong tâm hồn mà vì ông được ân huệ sống trong một xã hội cao quý hơn nhiều, và được cưới một vị thần: được nữ thần nymphé Égérie³⁶³ đem lòng yêu, ông lấy nàng, sống với nàng và trở thành một con người sung sướng, dám mình trong sự cao quý của thần linh.

Không nghi ngờ gì nữa, câu chuyện này rất giống với các huyền thoại rất cổ: các huyền thoại của người Phrygie liên quan đến Attis, của người Bithynie xung quanh Rhodoitès, của người Carie về Endymion³⁶⁴, và các câu chuyện của các tộc người khác nữa cũng công nhận các cuộc tình duyên giữa người trần và thần linh, khiến nhiều người được trở nên sung sướng. Và trên thực tế, người ta có lý do để nghĩ là các nữ thần không yêu ngựa hay chim mà yêu người, muốn có quan hệ với những con người nổi bật vì lòng tốt, và thần linh không khinh rẻ cũng không ruồng rẫy một người cao quý và đức hạnh. Nhưng thật khó tin chuyện một nam thần hay một thần hộ mệnh³⁶⁵ lại yêu quý cơ thể và vẻ đẹp của một con người và sống với người đó. Người Ai Cập quan niệm ngược lại: theo họ, hoàn toàn có thể có chuyện một nam thần đến với một người phụ nữ và gieo vào nàng

³⁶³ Nữ thần suối và trong lễ giáo La Mã, đồng hóa với các Camène (nữ thần nymphé ca hát tiên tri, sau này trở thành các Nữ thần nghệ thuật). Égérie giúp thuận thai nên được phụ nữ thờ cúng.

³⁶⁴ Attis chàng chăn cừu Phrygie, người tình bất hạnh của Cybèle, nữ thần Mẹ của các vị thần xứ Phrygie, sau này được phong thần; huyền thoại Rhodoitès ít được biết đến và gây tranh cãi; Endymion là chàng chăn cừu trẻ tuổi và đẹp trai được nữ thần mặt trăng Sélénè yêu.

³⁶⁵ Hiểu theo nghĩa loài cao cấp hơn người nhưng thấp kém hơn thần linh.

những mầm sống sinh sôi nảy nở, trong khi đó đối với một người đàn ông, mọi quan hệ và tương giao xác thịt với một nữ thần là điều không thể có. Tuy thế, họ không biết là có một trao đổi tương hỗ tinh chất giữa hai yếu tố hòa trộn với nhau. Ngược lại, người ta có quyền nghĩ là một nam thần có thể có quan hệ thân thiết bạn bè với một người đàn ông, và từ tình bạn đó mà có tình yêu, nhưng vẫn luôn quan tâm gìn giữ đức hạnh³⁶⁶. Và các thi sĩ thần thoại không hề nhầm lẫn khi kể rằng Phorbas, Hyacinthos, Admète và Hippolyte xứ Sicyone từng được Apollon yêu³⁶⁷. Người ta còn nói là cứ mỗi lần Hippolyte giong buồm đi từ Cirrha đến Sicyone, nữ tiên tri Pythie lại hân hoan báo tin ông tới và đọc câu thơ đầy chất anh hùng:

Hippolyte thân yêu đang trở về từ mặt biển.

Người ta cũng kể là thần Pan yêu Pindare³⁶⁸ và các câu thơ của ông. Nữ thần Pythie cũng tôn vinh hai nhà thơ Archiloque và Hésiode³⁶⁹ vì tài năng của họ. Thậm chí người ta còn nói khi còn sống, Sophocle đã đón tiếp Aclépios³⁷⁰; câu chuyện này đã được nhiều người, ngay cả thời chúng ta, công nhận. Người ta nói, sau khi nhà thơ mất, một vị thần

³⁶⁶ Plutarque đang phát biểu với tư cách người theo học thuyết của Platon.

³⁶⁷ Phorbas và Admète là các anh hùng xứ Thessalie; Hyacinthos xứ Amyclées là nạn nhân con ghen của Zéphyr; Hippolyte hẳn là vua xứ Sicyone.

³⁶⁸ Pindare (518 hoặc 522 – 438 tCN), nhà thơ Hy Lạp vĩ đại.

³⁶⁹ Ở đây là các vinh dự sau khi chết. Kẻ giết Archiloque bị Apollon nguyên rủa là đã gây ra cái chết của một “người phụng sự các nữ thần Nghệ thuật”. Pythie biến hài cốt Hésiode thành các thánh tích chưa được bệnh cho người dân Orchomène trong kỳ dịch hạch.

³⁷⁰ Sophocle có một bức tượng thần Asclépios (thần về y dược) ở nhà, có lẽ để mong tránh dịch bệnh.

khác tìm cho ông một ngôi mộ. Nếu chấp nhận tất cả các câu chuyện đó có thật, liệu chúng ta có thể từ chối tin rằng các vị thần từng có quan hệ thân mật với Zaleucus, Minos, Zoroastre, Numa và Lycurgue, những người cai trị và tổ chức các vương quốc³⁷¹? Liệu có hợp lý không khi nghĩ rằng các vị thần tuân theo các mục đích nghiêm túc nhất khi quan hệ với những người đó, để truyền dạy cho họ và khuyến khích họ, còn khi gặp các nhà thơ và ca sĩ, họ chỉ tìm trò giải khuây? Tuy thế nếu ai đó có ý kiến khác, tôi sẽ bắt chước Bacchylide mà nói “Đường rộng lầm”³⁷². Bởi vì còn có một giải thích khác không thể bỏ qua: cũng như Lycurgue, Numa và các nhân vật cùng kiểu đó từng phải dẫn dắt các tộc người cứng đầu và bất kham, đưa ra những cải cách lớn trong đời sống chính trị, cho nên, họ buộc phải vò rằng các cải cách đó đến từ thần linh – huyền thoại được tạo ra để phục vụ lợi ích của chính những người mà họ lừa dối.

V. Như vậy là khi ở tuổi tứ tuần, Numa đón tiếp các sứ giả từ Rome đến đề nghị ông lên ngôi vua. Các sứ giả đó là Proclus và Vélésus, cả hai đều có thể được chọn làm vua; người La Mã ủng hộ Proclus, còn người Sabin ủng hộ Vélésus³⁷³. Họ nói ngắn gọn vì nghĩ Numa sẽ vui sướng đón

³⁷¹ Zaleucus, nhà lập pháp của Locres Epizéphyrioi, trong mơ được Athéna truyền cho các đạo luật để cai trị thành phố; các luật của Minos, vua Crète, được cho là được Zeus truyền; Zoroastre hay Zarathoustra, nhà cải cách tôn giáo, lập ra đạo của mình ở Ba Tư theo lời khuyên của đại thần linh Ahura Mazda; Lycurgue viết hiến pháp cho Sparte sau khi hỏi ý kiến Apollon (xem *Lycurgue*, V).

³⁷² Trích của nhà thơ Hy Lạp TK V, Bacchylide xứ Céos.

³⁷³ Proclus này là Proculus Julius trong *Romulus*, XXVIII, một trong những người nổi tiếng đầu tiên của gia đình Julia. Vélésus là Volusus Valérius trong *Publicola*, I.

nhận may mắn lớn này. Nhưng có vẻ như việc thuyết phục không hề dễ dàng chút nào, phải cần đến rất nhiều tài hùng biện và cầu xin mới thuyết phục và làm thay đổi ý kiến của một người đã quen sống trong yên ổn và bình dị, để khiến ông đồng ý đứng đầu một thành phố ít nhiều sinh ra và lớn lên trong chiến tranh.

Numa trả lời, khi đó có mặt cả cha ông và Marcius³⁷⁴, một người bà con của ông: "Trong đời một con người, mọi thay đổi đều nguy hiểm, và khi người ta không thiếu thốn gì, không phải phàn nàn gì về cuộc sống của mình, họa là điên mới muốn thay đổi và bỏ hết mọi thói quen, mà những thói quen đó, chưa nói đến các thuận tiện khác, chưa đựng một sự an toàn tốt đẹp hơn mọi sự bất an. Nhưng thậm chí sự bất an cũng không đáng để nói đến, khi nói về quyền lực của nhà vua. Hãy nghĩ tới số phận của Romulus, người phải chịu mỗi nghi ngờ kinh khủng là đã âm mưu chống lại người đồng nhiệm Tatius, và sau đó các nguyên lão lại phải chịu mỗi nghi ngờ kinh khủng là đã giết ông. Thế nhưng, họ đã hát ngợi ca Romulus như thể ông là con một vị thần; họ nói hồi nhỏ ông được ăn đồ ăn của thần linh và được hưởng ân huệ tối cao. Còn tôi, tôi thuộc giống người phàm trần; tôi được nuôi dưỡng bởi những người mà các ông cũng biết. Điều mà người ta khen ngợi trong tính cách của tôi rất xa vời với những gì cần thiết với một vị quân vương tương lai. Sự bình lặng, thú vui học tập của tôi không có chút liên quan tới hành động, rồi lòng yêu chuộng hòa bình mỗi lúc một lớn thêm lên trong tôi, lòng yêu chuộng các hoạt động không dính dáng tới chiến tranh, lòng yêu chuộng những con người tập hợp lại để cúng tế thần linh và vì tình bạn

³⁷⁴ Tổ tiên của gia đình Marcia, ông nội của vua tương lai Ancus Marcius.

hữu, nhưng phần thời gian còn lại, mỗi người đều phải cày cấy ruộng đồng hoặc chăn nuôi súc vật. Ôi người La Mã! Romulus đã di tặc cho các người quá nhiều cuộc chiến tranh. Có thể các người không phàn nàn gì về điều này, nhưng để tiến hành các cuộc chiến tranh đó, thành phố cần có một vị vua đầy hào khí và trẻ trung. Dân chúng đã quen với chiến chinh và vì hay chiến thắng nên họ rất hăng máu. Ai cũng biết là La Mã muốn lớn mạnh lên để chiến thắng các đất nước khác. Hắn tôi sẽ trở thành một kẻ lố bịch khi chỉ yêu việc thờ cúng thần linh, dạy dỗ lòng kính trọng công lý, lòng căm thù chiến tranh, trong khi thành phố đang cần đến một vị tướng cầm quân hơn là một vị vua³⁷⁵.

VI. Đó là những lời ông nói để tìm cách từ chối ngai vàng. Nhưng người La Mã khẩn nài ông, cầu xin ông đừng bỏ mặc họ cho bất hòa và nội chiến: ông là người duy nhất có thể hòa hợp cả hai tộc người. Sau khi họ đi khỏi, cha ông và Marcius gọi ông ra một chỗ và khuyên ông nên nhận món quà tặng của thần linh này. "Nếu con không hề màng đến giàu sang, vì con tự hài lòng với mình, nếu con không muốn có vinh quang gắn liền với quyền lực và uy danh, vì con đã có một vinh quang còn vĩ đại hơn xuất phát từ đức hạnh của con, thì chí ít hãy nghĩ nắm quyền là phụng sự thần linh. Chắc chắn là hôm nay Người đã gọi đến con; thần linh không muốn sự công chính dõi dào trong con người con bị bỏ phí. Đừng lảng tránh, đừng chạy trốn quyền lực. Đây là một dịp tốt để thực hiện các hành động

³⁷⁵ Câu trả lời của Numa rất có thể là do Plutarque sáng tạo, vì không có nguồn nào khác ghi lại, và lại nội dung rất gần với vị vua lý tưởng theo Plutarque.

đẹp đẽ và kỳ vĩ. Quyền lực đó cho phép hết lòng thờ kính thần linh, khiến cho người khác cũng đầy lòng vị tha, vì con người ta rất dễ chịu ảnh hưởng của người cai trị. Người La Mã từng yêu quý vua Tatius dù ông là người nước ngoài; họ đã gần như phong Romulus là thần thánh. Ai biết được rằng, dân tộc chiến thắng đó chưa chán ngấy chiến tranh, rằng những con người đầy mình vinh quang và chiến quả đó không muốn có một vị thủ lĩnh hiền hậu, công chính, để được sống trong luật pháp và hòa bình? Thậm chí, ngay cả nếu họ say mê cuồng loạn chiến tranh thì nắm lấy cương³⁷⁶ để chuyển hóa họ lại không tốt hơn sao, để thấy đất nước của con và của người Sabin được liền về một mối nhờ thiện nguyện và tình bằng hữu trong một thành phố phát triển và hùng mạnh?"

Người ta nói, ngoài những lời nói đó còn có những điểm báo tốt lành, cùng với sự khẩn khoản nồng nhiệt của các đồng bào ông, ngay khi họ biết tin về các sứ giả, họ khẩn cầu ông khởi hành đi Rome và chấp nhận làm vua để thu hai thành phố về một mối.

VII. Vậy là Numa đồng ý lên làm vua. Sau khi hiến tế thần linh, ông khởi hành đi Rome. Viện nguyên lão và dân chúng đón tiếp ông, yêu quý ông hết mực. Phụ nữ tung hô ông; người ta tổ chức hiến tế trước các điện thờ; niềm vui tỏa khắp như thể thành phố đón tiếp không phải một ông vua mà cả một vương quốc. Khi tới Quảng trường, Spurius Vettius, người hiện đang nắm luân quyền, mời các công dân bỏ phiếu. Tất cả đều bầu cho Numa. Người ta mang

³⁷⁶ Tư tưởng và từ vựng đều mượn từ Platon.

đến cho ông các lệnh bài của quốc vương, nhưng ông ra lệnh tạm dừng, nói là trước hết thần linh cũng phải tỏ ý chấp thuận quyền làm vua của ông. Dẫn theo các thầy bói và thầy tế, ông trèo lên đồi Capitole, mà khi đó người La Mã còn gọi là Đồi đá Tarpeia³⁷⁷.

Tại đó, người đứng đầu các thầy bói bịt mắt ông lại và quay ông ngồi hướng về phía Nam. Ông ta đứng ngay sau vị vua tương lai, đặt tay phải lên đầu ông, khấn thần linh, rồi nhìn ra xung quanh để quan sát các dấu hiệu thần linh thông qua lối chim bay hoặc các dấu hiệu khác. Toàn bộ Quảng trường im phăng phắc dù đông kín người chờ đợi cẩn thắt, đầy lo lắng với những gì sắp diễn ra. Cuối cùng người ta nhìn thấy những con chim mang dấu hiệu tốt bay đến từ bên phải. Numa bèn vận trang phục của nhà vua và bước từ trên đồi xuống với dân chúng. Những tiếng la hét rộn rã mừng vui vang lên, tất cả chào mừng ông, con người thuần đạo nhất và được thần linh yêu quý nhất.

Khi đã lên nắm quyền lực, đầu tiên, ông ra lệnh giải tán đội vệ binh ba trăm người mà Romulus luôn có bên mình và gọi là *celeres* ["nhanh chóng"]³⁷⁸. Numa nghĩ thật không phải khi nghi kỵ những người đã tin tưởng ông, và cũng không phải khi cai trị những người đã nghi kỵ ông. Tiếp đó, ông bổ

³⁷⁷ Đồi Capitole, sau khi có tên *Saturnius mons*, được gọi là *mons Tarpeius*. Sau khi Romulus dẫn người La Mã cướp đàn bà Sabin, chiến tranh nổ ra; người Sabin vây đồi Capitole; con gái Tarpeius đem lòng yêu Tatius, vua Sabin, đã đem dâng thành, nhưng sau đó nàng bị người Sabin lây khiên ném đến chết vì không muốn coi chiến thắng của mình bắt nguồn từ một sự phản bội. Xem thêm *Romulus*, XVII.

³⁷⁸ Một chi tiết gây rất nhiều tranh cãi ngay từ thời cổ đại. Nhiều tác giả cho rằng Numa không những giữ lại đội vệ binh đó mà còn giao cho họ nhiều trách nhiệm tôn giáo.

sung thêm một chức thầy tế thứ ba bên cạnh thầy tế thần Zeus và thần chiến tranh Arès, dành cho Romulus, mà ông phong là Flamine Quirinal³⁷⁹. Ngay từ thời đó người ta đã gọi các thầy tế là Flamine vì loại mū họ đội tên là *pilos*. Người ta kể là những người đội mū đó được gọi là *pilamène*, vì thời đó trong tiếng Latin trộn lẫn nhiều từ Hy Lạp hơn bây giờ. Cũng giống như vậy, theo Juba, áo choàng *laenae* mà thầy tế mặc tương đương với từ Hy Lạp *chlainai* ["áo bào"]; còn người phụ tá của thầy tế Jupiter, một đứa trẻ còn đầy đủ cả bố mẹ, được gọi là Camille, giống như một số người Hy Lạp hay gọi Hermès là *Camillos* ["tùy tùng"].

VIII. Sau khi đã thực hiện các biện pháp đảm bảo được sự quy thuận và yêu quý của dân chúng, Numa ngay lập tức bắt tay vào việc rèn rũa thành phố, giống như người ta rèn sắt để làm gián bót độ cứng và tính hiếu chiến của nó, biến nó trở nên mềm mại hơn. Quả thật không thời nào thích hợp hơn để áp dụng công thức của Platon về một thành phố "bừng bừng những khí chất bất thường"³⁸⁰. Ngay từ khởi thủy, thành phố đã được sinh ra từ lòng táo bạo và gan dạ vô song của những con người ưa phiêu lưu nhất, là nơi dung nạp những người thích chiến tranh nhất, tập hợp lại từ khắp mọi nơi. Tiếp theo đó, qua rất nhiều chiến dịch quân sự và chiến tranh không ngừng, nó tìm được dưỡng chất cho mình và một quyền lực tăng tiến. Giống như những cây cột cắm xuống đất sẽ đứng vững

³⁷⁹ Trong số 15 flamine (thầy tế) La Mã, mỗi người chuyên thờ phụng riêng một vị thần; chỉ có các flamine Jupiter, Mars và Quirinus là các "flamine chính".

³⁸⁰ Trích từ *Cộng hòa*, II, 372c của Platon.

vàng hơn khi được đập sâu xuống thêm, dường như thành phố thu được sức mạnh của mình từ những hiểm nguy.

Numa hiểu thuần hóa và áp dụng hòa bình cho một dân tộc sôi nổi và hăng hái như thế là một công việc không hề dễ dàng và đơn giản; ông bèn nhờ cậy đến sự giúp đỡ của thần linh. Ông thường xuyên sử dụng các cuộc hiến tế, đám rước và nhảy múa do chính ông tổ chức và điều hành với sự nghiêm túc đi đôi với niềm phán khích của ngày hội và những thú vui hiền hòa. Theo cách đó, ông chinh phục được dân chúng và dần dần hóa giải tính cách hung hăng hiếu chiến của họ. Nhiều khi ông nói với họ về những điểm báo khủng khiếp do thần linh gửi đến, về sự xuất hiện của những vị thần hộ mệnh lạ, hay những giọng nói đe dọa. Nhờ cách đó, ông cũng thuần hóa và giảm bớt sự kiêu hãnh của họ, buộc họ phải biết kính sợ thần linh. Cách hành xử đó khiến người ta nghĩ ông thu nhận được minh triết và hiểu biết nhờ năng qua lại với Pythagore, vì chính sách của ông, giống như triết học của Pythagore, đều dành một vị trí lớn cho sự tiếp cận và thân thiết với thần linh. Người ta nói ông cũng rèn luyện được một phong thái cao quý và nghiêm trang, giống như Pythagore. Có vẻ như Pythagore từng đã có lần thuần hóa một con đại bàng; chỉ cần vài lời nói, con chim đang bay qua đầu ông dừng lại và đáp xuống; ở Olympie, khi ông đi qua đám đông, người ta nhìn thấy ông có một bên đùi bằng vàng. Người ta còn gán cho ông nhiều điều kỳ lạ và thần thánh khác. Về chủ đề này Timon xứ Phlionte³⁸¹ viết:

³⁸¹ Triết gia hoài nghi TK IV tCN, học trò của Pyrrhon. Đoạn thơ được trích trong tác phẩm *Silloi* của ông.

*Pythagore thích những trò chơi phù thủy,
Lừa bịp con người bằng những bài diễn văn vĩ đại.*

Còn với Numa, điều khiến ông trở nên lừng danh là tình yêu của một nữ thần hay một *nymphe* vùng núi, mà tôi đã nói đến, và sự thân mật với các nữ thần Nghệ thuật. Bởi vì phần lớn các khải ngộ của ông đều nhờ ở các nữ thần Nghệ thuật; ông dạy người La Mã tôn thờ và kính trọng đặc biệt một trong số các nữ thần đó, mà ông gọi là Tacita³⁸², nghĩa là người im lặng hay người câm, có vẻ như ông nhớ đến sự im lặng theo cách Pythagore và kính trọng điều đó.

Ý niệm của ông về tượng thần cũng rất gần với Pythagore, người cho rằng nguyên lý nguồn gốc của hiện hữu là bất khả cảm, bất khả thức, vô hình, không thể tạo ra và chỉ trí tuệ mới thông đạt được. Giống hệt như vậy, Numa câm người La Mã nặn tượng thần theo hình dáng con người hay con vật. Trước kia, La Mã không hề có bức tranh hay tượng thần nào. Trong vòng một trăm bảy mươi năm đầu tiên, họ dựng đền và xây điện thờ, nhưng không hề làm tượng vì cho rằng thể hiện thần linh cao quý theo hình ảnh những kẻ phàm tục là một sự báng bổ, và chỉ có thể tiếp cận các vị thần thông qua suy tư³⁸³.

Các cuộc hiến tế cũng rất gần với cách làm lễ của những nhà Pythagore; phần lớn là hiến tế không đổ máu³⁸⁴, sử dụng bột mì, rượu và đồ tế rất đơn giản. Những ai ủng hộ giả thuyết giữa hai người có quan hệ mật thiết còn chỉ ra các ví

³⁸² Sáng tạo của Plutarque, gợi lên nguyên tắc “im lặng” của Pythagore.

³⁸³ Lối suy nghĩ này rất gần với các nhà Pythagore, những người thờ Orphée và các nhà khắc kỷ. Rất thịnh hành ở Rome sau Varron và Sénèque.

³⁸⁴ Người ta không tìm được bằng chứng lịch sử cho lời khẳng định này.

dụ không liên quan đến tôn giáo. Trước hết, họ nói rằng người La Mã trao cho Pythagore quyền công dân, như nhà thơ trào phúng Épicharme³⁸⁵ kể lại trong một tác phẩm gửi Anténor; tuy nhiên Épicharme là một tác giả cổ, thuộc trường phái Pythagore. Một ví dụ khác là vua Numa đặt tên cho một trong bốn người con của mình là Mamercus, giống tên người con trai của Pythagore³⁸⁶. Người ta nói gia đình đại quý tộc Aemilii mang tên như vậy là nhờ Mamercus: nhà vua trao biệt danh triều mến đó cho con trai mình vì tài ăn nói rất có duyên. Về phần mình, tôi từng nghe rất nhiều người ở Rome kể lại rằng, trước kia có một lời sấm từng ra lệnh cho người La Mã dựng bức tượng người Hy Lạp thông thái và dũng cảm nhất. Họ bèn dựng hai tượng đồng trên Quảng trường - tượng Alcibiade (Ankibiad)³⁸⁷ và tượng Pythagore. Tuy thế, tất cả những luận cứ đó đều bị phản đối rất dữ dội. Nhưng cũng không nên nói quá nhiều về chuyện này.

IX. Người ta cũng cho rằng Numa lập ra và tổ chức các thầy tế cao cấp mà người La Mã gọi là giáo trưởng³⁸⁸; người ta nói ông cũng là một trong số họ, là đại giáo trưởng. Sở dĩ có tên giáo trưởng này là vì họ phụng sự thần linh, có quyền lực và đứng trên tất cả (trong tiếng Latin quyền lực là *potens*). Theo những người khác, họ mang danh hiệu đó là vì họ định danh những thứ “có thể được”: nhà lập pháp giao cho các thầy tế đó trách nhiệm tiến hành các buổi lễ, và

³⁸⁵ Tác giả sống ở TK V tCN, học trò của Pythagore theo Diogène Laërce.

³⁸⁶ Các nhà tiểu sử của Pythagore không ghi lại Mamercos, mà là Marmacos, Mnemarcos, Mnesarcos...

³⁸⁷ Xem *Alcibiade* ở tập 3.

³⁸⁸ Từ “giáo trưởng” trong tiếng Latin là *pontifex*.

không tìm cách tranh cãi với họ khi có tranh chấp. Nhưng phần lớn các tác giả chấp nhận một từ nguyên hết sức lố bịch: các thầy tế này được gọi như vậy chỉ đơn giản vì họ là “những người làm cầu”³⁸⁹, vì các lễ hiến sinh chí thánh và tối cổ được thực hiện trên cầu, mà trong tiếng Latin từ *pons* có nghĩa là cây cầu. Như vậy, các thầy tế đảm nhiệm luôn công việc canh gác và bảo trì cầu, đồng thời với canh gác các ngôi đền cổ xưa. Người La Mã cho rằng, không được phép và sẽ là báng bổ nếu phá cầu gỗ³⁹⁰. Theo lệnh của một lời sấm, cây cầu được xây dựng hoàn toàn không có sắt, mộng cũng bằng gỗ. Cầu đá mãi sau này mới được quan tài chính Aemilius xây³⁹¹. Tuy thế, người ta cho rằng cây cầu gỗ được xây sau thời Numa, có thể đó là công trình của vua Marcius, cháu ngoại của Numa. Hiểu theo cách nào đó, đại giáo trưởng thực hiện nhiệm vụ của người diễn giải và tiên tri. Họ coi sóc các nghi lễ chính thức và quản lý các cuộc hiến tế của các cá nhân; họ ngăn chặn không cho ai vi phạm các lễ nghi và làm sai các trình tự cúng tế thần linh.

Đại giáo trưởng còn có trách nhiệm coi sóc các trinh nữ thiêng mà người La Mã gọi là các Vestale³⁹². Người ta cũng cho rằng Numa lập ra chế độ các Vestale và cả việc duy trì

³⁸⁹ Ngày nay mỗi liên hệ với từ *pons* vẫn được công nhận, nhưng nhiều khi được hiểu theo nghĩa gốc Ấn-Âu, theo gốc từ “panthah”, trong tiếng Phạn nghĩa là “con đường”. Nghĩa là giáo trưởng (*pontife*) còn là người dẫn đường. Thoạt đầu có ba hoặc năm giáo trưởng, đến thời César thì tăng lên 16 người.

³⁹⁰ Plutarque muốn nói đến cầu Sublicius, được vinh danh là cầu cổ nhất của Rome; vì những lý do tôn giáo, nó chỉ được cầu thành từ các chi tiết bằng gỗ.

³⁹¹ Trên thực tế, Marcus Aemilius Lepidus xây cầu mang tên ông vào năm 179 tCN khi ông là ngự sử.

³⁹² Xuất phát từ tên nữ thần Vesta, thần trông coi cuộc sống gia đình.

và cúng tế ngọn lửa vĩnh cửu mà các nàng trông coi. Có lẽ, nhà vua muốn giao phó tinh thần bất diệt và không chút gợn đục của ngọn lửa cho những tâm thân trong sạch tinh khiết hết mức đó; có lẽ, ông thấy có mối quan hệ giữa yếu tố vật chất không sinh sôi đó với sự trinh trắng của phụ nữ. Nhưng ở Hy Lạp, tại những nơi có ngọn lửa vĩnh cửu, ở Pythô và ở Athènes³⁹³, công việc lưu giữ không nằm trong tay các trinh nữ, mà thuộc trách nhiệm những người phụ nữ đã có chồng.

Nếu nhớ may ngọn lửa bị tắt (đã xảy ra ở Athènes dưới thời bạo chúa Aristion³⁹⁴ khi ngọn đèn thiêng bị tắt; điều đó cũng từng xảy ra ở Delphes, sau trận cháy đèn do người Maide³⁹⁵ gây ra vào thời Mithridate³⁹⁶, và trong cuộc nội chiến La Mã, khi ngọn lửa biến mất cùng điện thờ), người ta nói là không được châm lửa lại, mà phải làm một cái đèn hoàn toàn mới, lấy ánh sáng thuần khiết không chút gợn đục từ mặt trời. Để thắp nó, thường thì người ta phải dùng đèn những chiếc gương cầu, để ở ba điểm theo hình tam giác vuông cân, sao cho chúng hướng được ánh sáng về một điểm hội tụ. Khi ba chiếc gương này quay về phía mặt trời,

³⁹³ Ở Delphes, ngọn lửa đó cháy trên điện thờ (*hestia*) của đền thờ Apollon, còn ngọn lửa Athènes ở Érechtheion. Ngọn lửa đó tắt đồng nghĩa với việc thành phố suy tàn.

³⁹⁴ Bạo chúa Aristion lên ngôi ở Athènes năm 88 tCN. Tàn bạo và khát máu, nhưng năm 86 tCN ông ta chịu thua Sylla. Chính vào thời gian đó mà ngọn đèn thiêng ở Athènes bị tắt vì thiếu dầu (xem *Sylla*, XIII)

³⁹⁵ Một tộc người Thrace tàn phá đền Delphes khoảng năm 88 – 84-tCN.

³⁹⁶ Mithridate VI Eupator “vĩ đại”, vua vùng Pont từ 111 đến 63 tCN, là mối nguy của La Mã ở Tiểu Á, từng đánh nhau với Sylla, Lucullus, Pompée. Đặc điểm là “miễn dịch” với mọi loại thuốc độc, nhờ thường xuyên tập uống thuốc độc từ khi còn rất trẻ.

ánh sáng sẽ được phản chiếu hội tụ thành một quầng sáng xung quanh điểm hội tụ; chúng phân chia và làm loãng không khí; như thế người ta có thể châm lửa cho các vật chất nhẹ nhất và khô nhất đặt sẵn ở đó, bởi vì theo tính chất khúc xạ, ánh sáng tiếp nhận bản chất và sức mạnh của lửa. Theo một số người, các trinh nữ thiêng chỉ có nhiệm vụ trông coi ngọn lửa vĩnh cửu này. Những người khác lại cho là họ còn phải cất giấu một số vật thờ cúng thiêng liêng mà những người khác không được phép nhìn thấy. Tất cả những gì cho phép hiểu về vấn đề này, tôi đã viết trong *Đời Camille*³⁹⁷.

X. Người ta kể hai Vestale đầu tiên được Numa phong là Gérania và Vérénia, tiếp theo đó là hai người khác, Canuleia và Tarpeia; sau này, Servius sẽ chọn thêm hai người, và từ đó cho đến ngày nay con số đó giữ nguyên. Nhà vua quyết định các trinh nữ được chọn phải giữ gìn sự trinh trắng trong vòng ba mươi năm³⁹⁸. Trong mươi năm đầu, họ được học để thực hiện các trách nhiệm của mình; mươi năm tiếp theo họ thực hành những gì đã học được; mươi năm cuối cùng họ truyền lại cho những người khác.

Khi hết ba mươi năm, nếu muốn họ có quyền lấy chồng, bỏ đời tu để sống theo một lối khác. Tuy thế, người ta nói không có nhiều người sử dụng quyền này, mà nếu có cũng không hạnh phúc, cả đời họ phải sống trong hối hận và buồn bã, điều đó làm cho các Vestale khác càng kính sợ thần linh hơn, khiến họ cam nguyện sống trong đạm bạc và trinh tiết cho đến khi già cả và chết đi. Họ được Numa dành cho nhiều

³⁹⁷ Xem *Camille*, XX.

³⁹⁸ Họ được chọn từ khi mới khoảng 6-10 tuổi và phải tuân thủ giữ trinh trắng trong vòng ba mươi năm.

vinh dự lớn, chẳng hạn họ có quyền lập di chúc khi cha họ đang còn sống và làm mọi công việc không cần đến giám hộ, giống như các bà mẹ đã có ba con. Khi họ đi ra ngoài, có một vệ sĩ vác phủ việt đi trước. Nếu tình cờ họ gặp một tội đồ sắp bị hành quyết, người đó sẽ không bị giết, chỉ cần trinh nữ thể rằng cuộc gặp đó là hoàn toàn vô tình không có sắp xếp. Người nào chui qua dưới kiệu chờ họ sẽ bị tội chết.

Những trinh nữ phạm tội thông thường thì bị đánh; đôi khi đích thân đại giáo trưởng trừng phạt, trong khi kẻ phạm tội bị lột quần áo nằm trong bóng tối sau một tấm màn. Ngược lại, Vestale nào làm ô uế sự trinh trắng của mình sẽ bị chôn sống gần cửa ô Colline. Ở đó³⁹⁹, bên trong thành phố, có một gò đất trải khá dài, người ta gọi là cái đê theo tiếng Latin, dưới đó xây một matal thắt rất hẹp, cửa mở lên mặt đất để lấy lối đi xuống. Bên trong có giường và chăn, một ngọn đèn thấp sáng và một ít đồ ăn thức uống như bánh, một hũ nước, sữa, dầu, đường như để tránh bị kết tội vì đã buộc một người tận tâm cho các lễ nghi thiêng liêng phải chết đói. Trinh nữ bị kết tội bị đặt trong một chiếc kiệu kín mít, có che chắn cẩn thận để giọng nói của người đó không thoát được ra bên ngoài. Và người ta diễu chiếc kiệu này đi khắp Quảng trường. Tất cả mọi người im lặng tản ra và đi theo nó, chìm đắm trong một nỗi buồn lớn lao. Ở thành phố, không có cảnh tượng nào khủng khiếp hơn, ngày nào đen tối hơn thế. Khi chiếc kiệu đi đến nơi chịu hình phạt, những người phục vụ tháo đầm dây vải bao xung quanh. Người đứng đầu các thầy tế đọc những lời cầu nguyện bí mật và chìa tay về phía thần linh trước khi thời khắc định mệnh tới. Rồi ông cho mang người phụ nữ bị bắt

³⁹⁹ Đó là nơi xử tội, được người La Mã gọi là *campus sceleratus*.

mặt ra, đặt nàng lên chiếc thang đưa xuống mặt đất dưới đất. Sau đó, ông quay đi cùng với các thầy tế khác. Khi người phụ nữ đã đi xuống, người ra rút thang và phủ kín hầm, xếp đè lên trên rất nhiều đất, cho đến khi mặt đất chỗ đó cao lên bằng mặt đê. Đó là cách họ trừng phạt những nàng Vestale đã đánh mất sự trinh trắng thiêng liêng.

XI. Người ta nói rằng, Numa cho làm ngôi đền Vesta, nơi có ngọn lửa vĩnh cửu, theo hình cầu không phải vì hình cầu là hình dạng của trái đất, mà là hình dạng của toàn bộ vũ trụ theo trường phái Pythagore; ở chính giữa có ngọn lửa mà họ gọi là Vesta và Đòn tử. Theo họ, đất không đứng yên, cũng không ở trung tâm một khôn gian quay xung quanh nó, mà lơ lửng, tạo thành một vòng tròn quanh ngọn lửa. Họ không tính đất vào số các nguyên tố của vũ trụ. Người ta nói, Platon cũng có ý tưởng như thế khi vẽ già. Ông nghĩ rằng đất chiếm vị trí thứ yếu, còn khôn gian trung tâm, nơi cao quý nhất, thuộc về một vật chất khác cao cấp hơn.

XII. Các giáo trưởng cũng giải thích cho những người đến hỏi tục cổ xưa về nghi lễ đám tang. Numa đã dạy họ không được coi các nghi lễ đó là không thuần khiết và vẫn phải vô cùng tôn kính khi thờ cúng các vị thần dưới âm phủ, vì họ đón nhận những gì cao quý nhất của chúng ta. Phải đặc biệt kính ngưỡng nữ thần Libitine⁴⁰⁰, đứng đầu trong các nghi lễ đám tang. Có thể đó là Proserpine⁴⁰¹ hoặc

⁴⁰⁰ Nữ thần La Mã chăm lo việc tang lễ. Có khi nữ thần được đồng hóa với Libentina, mà tên sẽ được sử dụng để tạo ra từ *libido*.

⁴⁰¹ Tên La Mã của nữ thần Hy Lạp Perséphone, chuyên phụ trách mùa màng, nông nghiệp, con gái của Jupiter và Cérès, bị vua âm phủ Pluton bắt đi và lấy làm vợ.

đúng hơn là Vénus⁴⁰², như những người La Mã thông thái nhất khẳng định; họ không hề nhầm lẫn khi coi quyền quản lý sự sinh nở và qua đời thuộc về cùng một nữ thần. Numa tự mìnhấn định thời gian để tang, dựa theo tuổi của người chết. Theo đó, người ta không để tang trẻ con chết dưới ba tuổi; với những đứa trẻ mất đi khi đã trên ba tuổi, không được phép để tang quá số tháng tương ứng với số năm mà nó đã sống, nhưng dù đứa bé chết ở tuổi bao nhiêu, thời gian để tang nhất thiết không được vượt quá mươi tháng. Đó cũng là thời gian để tang cho các bà góa. Luật của Numa quy định phụ nữ muốn tái hôn trước khoảng thời gian đó phải hiến tế nguyên một con bò cái đang mang thai.

Numa cũng lập ra nhiều chức vụ tôn giáo khác. Tôi xin kể ra đây hai chức vụ, đó là *salien* và *fécial*, bởi vì chúng thể hiện rõ lòng nhân từ của nhà vua. Tôi nghĩ các *fécial*⁴⁰³ là những người bảo vệ hòa bình. Tên gọi họ xuất phát từ cách họ hành động: bằng lời nói, họ ngăn chặn các cuộc xung đột và cấm người khác dùng vũ khí trước khi toàn bộ hy vọng giành được công lý bị dập tắt. Vả lại, người Hy Lạp gọi hòa bình là những hoàn cảnh khi người ta chấm dứt một tranh chấp bằng lời nói chứ không phải bằng bạo lực. Các *fécial* La Mã thường xuyên đích thân đi gặp những kẻ hung hăng để thuyết phục bọn họ quay về với các tình cảm tốt đẹp. Nếu họ từ chối, các thầy tế này sẽ viện đến thần linh; họ phán rằng, rất nhiều tai họa khủng khiếp sẽ rơi xuống đầu những kẻ hung hăng và đất nước của họ nếu đòi hỏi những gì không

⁴⁰² Tên La Mã của nữ thần sắc đẹp Aphrodite.

⁴⁰³ Gồm hai mươi người, đặt dưới sự bảo trợ của Jupiter chứ không phải Mars, có nhiệm vụ đảm bảo sự tuân thủ luật thiêng, cho phép tuyên bố chiến tranh hoặc hiệp ước hòa bình.

chính đáng. Nếu việc thương thuyết không thành, họ mới tuyên bố chiến tranh.

Nếu các *fécial* phản đối và không đồng ý, lính La Mã và nhà vua không có quyền cầm vũ khí; vị tướng chỉ có thể bắt đầu chiến tranh khi các *fécial* cho phép thông qua tuyên bố cuộc chiến tranh đó là vì chính nghĩa. Chỉ sau đó người ta mới có thể có các biện pháp cần thiết. Người ta kể lại rằng, những nỗi bất hạnh mà người Gaulois gây ra cho Rome xuất phát từ chỗ người ta đã không tuân theo ý muốn của các thầy tế này. Khi người Ngoại di vây khốn Clusium, Fabius Ambustus được cử làm sứ giả sang thương nghị với địch. Ông nhận được câu trả lời bất tuân. Khi đó, nghĩ rằng nhiệm vụ sứ giả của mình đã kết thúc, ông đã cùn xù hết sức bồng bột: cầm lấy vũ khí để bảo vệ người Clusium và thách đấu với kẻ gan dạ nhất trong số những người Ngoại di. Fabius thắng trận, ông đánh ngã được kẻ địch và tước vũ khí của hắn. Nhưng người Gaulois không công nhận và gửi đến Rome một quan tuyên cáo; họ buộc tội Fabius đã bội thề, phản phúc và tiến hành chiến tranh chống lại họ trước khi tuyên bố. Các *fécial* liền buộc Viện nguyên lão gửi Fabius sang cho người Gaulois. Nhưng ông chạy trốn vào đám đông, và được sự ủng hộ của dân chúng, ông thoát được án phạt. Không lâu sau, người Gaulois chiếm được Rome và tàn phá thành phố, chỉ để lại đồi Capitole. Câu chuyện này được kể kỹ hơn trong *Đời Camille*.

XIII. Còn sau đây là hoàn cảnh ra đời của các *salien*. Năm thứ bảy Numa ở ngôi, một cơn dịch hạch đổ bộ lên đất Ý và lan đến tận Rome. Trong khi tất cả mọi người đang chìm đắm trong tuyệt vọng, bỗng một tảng khiên đồng từ trên trời

roi xuống tay Numa. Ông bèn kể cho dân chúng một câu chuyện thần kỳ mà ông khẳng định là nghe được từ Égérie và các nữ thần Nghệ thuật. Ông nói thứ vũ khí này đến đây để đảm bảo sự bình an của thành phố; phải gìn giữ nó thật cẩn thận và phải làm mười một cái khác giống hệt nó cả về hình dạng, kích thước và dáng vẻ để ngăn cản bọn trộm nhận ra cái nào thực sự đến từ thần Zeus. Cũng phải hiến tế cho các nữ thần Nghệ thuật tại nơi chiếc khiên rơi xuống cùng các bâi cỏ xung quanh, vì đó là chỗ các nàng thường xuyên đến gặp ông để hội kiến. Ông tuyên bố, nguồn nước tưới tắm nơi đó là nước thánh dành cho các trinh nữ Vestale và mỗi ngày các nàng phải lấy nước ở đó để cọ rửa ngôi đền của mình cho thanh sạch.

Người ta kể ngay sau khi làm vậy, dịch bệnh chấm dứt. Còn với chiếc khiên mà Numa cho trưng bày, ông lệnh cho thợ thủ công gắng sức làm những cái khiên giả thật giống. Tất cả đều từ chối, chỉ trừ Veturius Mamurius, người thợ khéo léo nhất; ông làm giả chiếc khiên tài tình đến nỗi ngay cả Numa cũng không phân biệt nổi cái nào là thật, cái nào là giả. Các *salien* được lập ra để trông coi và bảo vệ những chiếc khiên này⁴⁰⁴. Không như nhiều người nghĩ, cái tên *salien* không xuất phát từ một người Samothrace hay Mantinée có tên là Salios - người đầu tiên dạy các vũ điệu cầm vũ khí, mà xuất phát từ chính điệu nhảy gồm những cú nhảy [*halticè*] mà các thầy tế thực hiện khi họ mang theo những chiếc khiên thiêng đi qua thành phố. Buổi lễ được tổ chức vào tháng Ba; các thầy tế mặc áo ngắn màu tía, thắt đai lưng đồng, đội mũ cứng bằng đồng; họ dùng những chiếc

⁴⁰⁴ Ở Rome, các *salien* được chia làm hai nhóm, các Palatini thờ thần Mars và các Collini thờ Quirinus.

dao găm nhỏ đập vào khiên. Điệu nhảy dùng chủ yếu động tác chân; các salien di chuyển nhịp nhàng, vừa đầy sức mạnh vừa uyển chuyển, tạo nên những vòng tròn và đường nét trên một nhịp nhanh tăng tiến. Khiên thì được gọi là *ancilia* theo hình dạng của chúng; chúng không hề tròn, cũng không ôvan theo kiểu khiên bình thường; chúng được khắc vạch uốn lượn, viền được gập lại, dày hơn chỗ khác, khiên chúng có hình dạng cong [*ancylos*]. Có lẽ cái tên xuất phát từ cánh tay [*ancon*] mang chúng. Những cách giải thích đó thuộc về Juba, người khẳng khăng từ này xuất phát từ tiếng Hy Lạp. Nhưng cũng có thể giải thích bằng sự rơi theo chiều thẳng đứng, từ trên xuống dưới [*anécathen*] của cái khiên đầu tiên, bằng sự chữa khỏi bệnh [*acésis*], bằng sự chấm dứt hạn hán [*auchmon lysis*], hay bằng sự chấm dứt [*anaschésis*] của các bất hạnh (từ nguyên cuối cùng này cũng giải thích cái tên *Anaces* mà người Athènes đặt cho các Dioscure⁴⁰⁵), nếu thực sự muốn từ đó bắt nguồn từ tiếng Hy Lạp. Người ta nói phần thường mà Mamurius được nhận vì sự khéo léo của mình là tên ông được đưa vào lời ca của các salien khi vừa đi vừa nhảy. Tuy nhiên, theo một số người⁴⁰⁶, lời ca không phải là “*Véturium Mamurim*” mà là “*veterem memoriam*”, nghĩa là “kỷ niệm cũ”.

XIV. Khi lập xong các chức vụ tôn giáo đó, Numa cho xây gần đền thờ Vesta ngôi nhà mà người ta gọi là Régia⁴⁰⁷,

⁴⁰⁵ Xem *Thésée*, XXXIII.

⁴⁰⁶ Hắn là nhắc đến Varro, *Về tiếng Latin*, VI. Thực ra *vetus memoria* không phải “kỷ niệm cũ” mà là “kỷ niệm về thời xa xưa”. Plutarque không thực sự nắm vững tiếng Latin.

⁴⁰⁷ Thời Cộng hòa, “Nhà của Numa” đó là nơi ở của đại giáo trưởng và để các sách vở lưu trữ.

nghĩa là giống như nơi ở của vua. Phần lớn thời gian ông ở đó để tiến hành các lễ nghi tôn giáo, dạy dỗ các thầy tế hay bàn luận với họ về sự chiêm ngưỡng những gì liên quan đến thần linh. Ông còn có một ngôi nhà khác trên đồi Quirinal, mà ngày nay người ta còn chỉ được chôn đất nền.

Trong khi diễn ra các đám rước và mọi diễu hành tôn giáo, trước tiên, từ thành phố, người ta gửi đi các quan tuyên cáo để mời dân chúng ngừng công việc và chấm dứt mọi hoạt động đang dang dở. Người ta nói, những người theo Pythagore cấm không được quỳ gối cầu xin khi các vị thần đi ngang qua; họ muốn người ta ra khỏi nhà với mục đích rõ ràng là đi thò cúng thần linh, sau khi đã chuẩn bị kỹ càng về tâm hồn. Cũng theo cách đó, Numa nghĩ là các công dân không được phép nghe thấy hay nhìn thấy điều thiêng liêng khi họ còn đang bận làm việc khác và không toàn tâm chú ý. Họ phải đang trong thời gian nghỉ ngơi, thoát khỏi mọi vướng bận; như thế họ mới có thể hướng toàn bộ sự chú ý của mình đến tôn giáo, coi đó là hoạt động quan trọng nhất. Trong những buổi lễ thiêng đó, họ phải giữ yên lặng trên đường phố, không được kêu gào, rên rỉ, hoàn toàn thoát khỏi những thứ âm thanh tương tự vẫn thường đi kèm với các công việc tay chân thường ngày. Dấu vết của các mệnh lệnh đó vẫn còn lại cho đến ngày nay: khi một vị quan đang bận quan sát chim bay hay hiến tế, người ta phải kêu lên "*hoc age*"⁴⁰⁸. Tiếng kêu này có nghĩa "làm thế đi", nó bắt những người giúp việc phải chú ý và tĩnh tâm.

Trong số những lời dạy của Numa, có rất nhiều điều giống với lời dạy của phái Pythagore. Các nhà Pythagore

⁴⁰⁸ Xem *Coriolan*, XXV.

cấm ngồi lên cái đâú⁴⁰⁹, cấm còi lửa bằng dao⁴¹⁰, cấm quay đi khi có người hấp hối⁴¹¹, và phải hiến tế cho thần linh trên cao số lượng lẻ đồ tê⁴¹², còn cho thần linh phía dưới số lượng chẵn. Họ giấu dân chúng ý nghĩa của các lệnh cấm đó, và một số mệnh lệnh của Numa cũng có ý nghĩa bí mật. Chẳng hạn, ông cấm hiến rượu vang làm từ nho chưa được cắt tỉa, hay hiến tế mà không có bột mì; ông ra lệnh phải quay tròn để kính ngưỡng thần linh, và phải ngồi xuống sau khi đã kính ngưỡng. Dường như hai mệnh lệnh đầu tiên là buộc mọi người phải coi đất như một yếu tố của lòng nhân từ. Phải quay tròn khi kính ngưỡng để tái tạo chuyển động của vũ trụ⁴¹³; nhưng tôi nghĩ, thực ra, vì các ngôi đền luôn quay mặt về hướng Đông và người kính ngưỡng trước tiên phải quay lưng về phía mặt trời mọc, và người ta muốn anh ta sau đó phải quay lại hướng này trước khi quay trở lại về phía vị thần của ngôi đền; do đó, anh ta phải làm một cử chỉ hình vòng cung để hoàn thành lời cầu nguyện với hai vị thần. Nhưng cũng có thể, cầu Zeus!, sự thay đổi vị trí đó chứa đựng một lời rao giảng bí hiểm nào đó khá giống với những chiếc bánh xe Ai Cập⁴¹⁴, qua đó người ta muốn chứng minh rằng với con người không có gì là bền vững, rằng phải chấp nhận tất cả những

⁴⁰⁹ Nghĩa là không được lười nhác, phải chuẩn bị cái ăn từ trước.

⁴¹⁰ Nghĩa là không được khiêu khích kẻ đang giận dữ mà phải nhường bước.

⁴¹¹ Nghĩa là bình thản trước viễn cảnh cái chết đang đến gần.

⁴¹² Theo triết lý Pythagore, số lẻ hoàn hảo hơn, chỉ thuộc các vị thần trên trời.

⁴¹³ Ý tưởng mà Plutarque nhắc lại nhiều lần: *Camille*, V; *Marcellus*, VI.

⁴¹⁴ Theo Clément xứ Alexandrie (*Stromates*, V), các thầy tế Ai Cập lấy bánh xe để dạy cho các tín đồ về sự báp البنh của kiếp người.

cách thức mà thần linh xoay chuyển cuộc đời chúng ta. Còn với vị trí ngồi khi đã kính ngưỡng xong, người ta nói, đó là để lúc nghỉ ngơi ấy chia cách hai hành động. Người ta cho rằng ngồi xuống trước thần linh như thế là để chấm dứt hành động đầu tiên và sau đó nhận từ thần linh sự cho phép được bắt đầu hành động thứ hai. Cách diễn giải đó cũng đi theo cùng một hướng với những nhận xét trước của chúng tôi là nhà lập pháp muốn chúng ta quen với việc không cầu nguyện khi đang bận rộn hay khi tình cờ đi ngang qua, mà chỉ khi nào có thời gian, khi được tự do thoát khỏi mọi công việc.

XV. Lối giáo dục tôn giáo này khiến thành phố trở nên vô cùng hiền hòa, trọng vọng sức mạnh của Numa đến mức người ta đem lòng tin những câu chuyện vô lý giống như truyện cổ tích. Với họ, không có gì là không thể tin hay không thể xảy ra, miễn Numa muốn là được. Người ta nói là một hôm, ông được mời đến ăn cùng với rất nhiều công dân; hôm đó, có nhiều món ăn rất giản dị và bình thường với bát đũa cũng thô kệch. Nhưng ngay khi họ bắt đầu ăn, Numa tuyên bố vị nữ thần có quan hệ với ông đang đến gặp ông. Ngay lập tức cả ngôi nhà đầy những chiếc cốc quý; bàn đầy ắp những sơn hào hải vị trong những bộ bát đũa đắt tiền.

Đỉnh cao của sự vô lý là cuộc gặp gỡ giữa ông và Jupiter. Người ta kể vào thời ngắn đồi Aventin còn chưa thuộc về thành phố, vẫn còn hoang vắng với rất nhiều dòng suối đầy nước và thung lũng sâu ngợp bóng mát, có hai thần hộ mệnh, Picus và Faunus, đến sống ở đó. Rất nhiều đặc điểm

cho phép đồng hóa chúng với các Satyre hoặc các Titan⁴¹⁵; nhờ vào sức mạnh của sự ma quái và tài khéo của những trò phù thủy của mình, chúng đi khắp đất Ý, diễn lại đúng các trò của những kẻ mà người Hy Lạp gọi là các Dactyle xứ Ida⁴¹⁶. Numa trở thành chủ của hai vị thần hộ mệnh đó bằng cách trộn lẫn mật ong vào dòng suối nơi chúng vân hay uống nước. Khi đã bị bắt, chúng liên tục thay hình đổi dạng, thành những con quái vật lạ kỳ và khủng khiếp. Khi hiểu ra là mình đã bị nhốt trong một nhà tù rất chắc chắn không tài nào thoát nổi, chúng tiên tri cho Numa rất nhiều điều, chúng cũng dạy ông các nghi lễ trùng phạt liên quan đến sấm sét, mà ngày nay người ta vẫn còn thực hiện với cù hành, tóc và cá xácđin. Theo một số người, không phải các thần hộ mệnh dạy ông các nghi lễ đó mà nhờ có vẻ duyên dáng huyền hoặc, chúng kéo được Jupiter từ trên trời xuống. Khi đó, vị thần tức tối nói với Numa: “Để chuộc lỗi của ngươi, cần phải có đầu...” “Hành”, Numa ngắt lời. “Người...” vị thần trả lời. Nhưng vua vẫn muốn đánh lạc hướng mệnh lệnh kinh khủng đó, bèn hỏi: “Tóc người à?”. Thần nói tiếp: “Cùng với những...” “Cá xácđin”, Numa vội vã nói.

⁴¹⁵ Satyre là các thần ở rừng núi, có sừng, đuôi và chân dê, tùy tùng của thần rượu nho Dionysos, thường đuôi bắt các nữ thần nymphes, và tổ chức hội hè phóng đãng. Titan là dòng dõi nhà Uranus; để trở thành vị thần có quyền năng tuyệt đối, Zeus từng phải tiêu diệt cha mình là Cronos, một Titan; trong số những người ủng hộ Zeus hồi đó cũng có hai Titan là Prométhée và Océan.

⁴¹⁶ Tên dùng để chỉ 10 người Dactyle ở núi Ida, đảo Crète, những người còn mang biệt danh “những ngón tay núi Ida” vì họ có 10 người và đặt lò rèn trong núi Ida.

Người ta nói những câu trả lời này ông học được từ Égérie⁴¹⁷.

Khi đó, thần quay đi, đã thấy nguôi giận hơn. Nơi đó được gọi là *hilicios* [“nguôi giận”] vì có cuộc đối thoại đó, và nghi lễ chuộc tội được làm theo những câu trả lời của Numa.

Những truyền thuyết, những truyện kể lố bịch ấy cho thấy rõ đâu óc tôn giáo mà thói quen làm nảy sinh ở con người thời đó. Có vẻ như Numa đã tạo nên những niềm hy vọng vào thần linh vững chắc đến mức một hôm khi người ta thông báo kẻ thù đang đến gần, ông mỉm cười đáp lời: “Ta đang làm lễ hiến tế.”

XVI. Người ta nói ông là người đầu tiên xây đền thờ Thiện Tín [Fides] và thần Terminus. Ông dạy người La Mã rằng lời thề cao nhất là thề nhân danh Thiện Tín; ngày nay vẫn còn như vậy. Thần Terminus, theo cách nào đó, là thần bờ đập; hoặc cả cộng đồng, hoặc riêng lẻ từng cá nhân hiến tế cho thần ở bờ ruộng. Hiện nay có hiến tế sinh vật sống, nhưng ngày xưa đồ hiến tế không hề dính máu, bởi vì Numa thông thái nghĩ rằng thần bờ đập, người giữ hòa bình và đảm bảo công lý, không thể bị nhơ nhuốc vì một vụ sát sinh.

Vua cũng vạch biên giới hoàn chỉnh cho đất nước. Romulus không muốn công nhận rằng mình đã lấy đi những gì thuộc về người khác, bởi vì biên giới, nếu được tôn trọng, là một sợi dây liên hệ giữ được sức mạnh, nhưng trong trường hợp ngược lại, nó cho thấy rất rõ sự bất công.

Khởi đầu, Rome không phải là một thành phố lớn. Romulus đã chinh phục phần lớn lãnh thổ bằng ngọn

⁴¹⁷ Về nữ thần này xem chú thích ở trên, IV.

thương. Lãnh thổ đó, Numa phân chia toàn bộ cho các công dân không có nguồn sống; ông muốn loại bỏ sự nghèo đói, nguồn gốc của cái xấu, và hướng dân chúng về hoạt động nông nghiệp, và khi chế ngự được đất đai, họ cũng tự chế ngự được mình. Bởi vì không hoạt động nào làm này sinh và nuôi nấng tình yêu hòa bình mạnh mẽ hơn và nhanh chóng hơn công việc trên cánh đồng. Người ta vẫn thường xuyên chiến đấu để bảo vệ tài sản của mình, nhưng sự hiếu chiến dẫn đến chiếm đóng bất công bị loại bỏ. Numa biến nông nghiệp thành một tấm lọc hòa bình mà ông dạy cho người dân; ông yêu nghệ thuật đó bởi vì nó giúp uốn nắn cả luân lý lẫn mang lại lợi ích kinh tế. Ông chia đất nước thành các vùng, mà ông gọi là *pagi*; ông lập ra người quản lý và thanh tra cho mỗi vùng. Có khi, ông còn đích thân đến thăm; ông đánh giá con người theo công việc của họ, vinh danh những người chăm chỉ và trừng phạt những kẻ lười biếng, lơ là bằng những hình phạt nặng nề.

XVII. Trong số các thể chế mà ông lập ra, đáng ngưỡng mộ nhất là việc phân chia dân chúng theo ngành nghề. Chúng tôi đã nói là thành phố do hai dân tộc tạo nên, nhưng trên thực tế nó bị giằng xé và không cách nào tập hợp lại hay làm mất đi những khác biệt. Nó chưa đựng đầy những xung đột và đối đầu không ngừng nghỉ giữa hai bên. Numa biết rằng có thể dùng quyền lực ép buộc người dân sống hòa trộn với nhau bằng cách chia nhỏ họ ra, vì khi bị chia nhỏ các yếu tố dễ hội tụ hơn. Ông bèn quyết định chia công dân ra thành những cụm thật nhỏ; như thế, bằng cách đưa vào thêm nhiều khác biệt mới, ông làm biến mất khác biệt lớn ban đầu, nó bị tan ra và biến vào trong những phân biệt nhỏ

hơn. Ông tập hợp công dân theo nghề nghiệp của họ như nhạc sĩ, thợ kim hoàn, thợ mộc, thợ nhuộm, thợ giày, thợ thuộc da, thợ rèn, thợ gốm. Các thợ thủ công khác được tập hợp thành một tập hợp duy nhất, một khối duy nhất. Với mỗi hội đoàn, ông tổ chức các cuộc họp, các hội đồng, cúng tế thần linh đặc thù. Bằng cách đó, lần đầu tiên ông làm biến mất khỏi thành phố thói quen nói và nghĩ rằng một số là người Sabin, những người khác là người La Mã, một số là đồng bào của Tatius, những người khác là đồng bào của Romulus. Đó là cách phân chia cho phép dân chúng sống hòa trộn trong hòa bình.

Trong số các biện pháp chính trị của ông, người ta cũng ca ngợi việc ông rút bỏ, hay đúng hơn là sửa đổi đạo luật cho phép người cha bán con của mình. Ông không cho phép bán những đứa con đã có vợ, nếu đám cưới diễn ra với sự đồng ý của người cha và theo lệnh của ông ta. Quả thật, ông cho là thật kinh khủng đối với một người phụ nữ nếu cứ tin là lấy được một người đàn ông tự do nhưng lại lấy phải một nô lệ [nghĩa là trước đây người cha được quyền thoái mái bán con cái của mình].

XVIII. Ông cũng tìm cách làm lịch, không chính xác lắm nhưng không phải là không có tính khoa học. Dưới thời Romulus, các tháng trong năm được quy định theo lối phi lôgic và không đều đặn⁴¹⁸; một số tháng có ít hơn hai mươi ngày, các tháng khác có tới ba mươi nhăm hay thậm chí còn

⁴¹⁸ Theo Plutarque, thời Romulus mỗi năm có 360 ngày, với các tháng dao động từ 20 đến 35 ngày. Theo các tác giả khác, một năm có 304 ngày với sáu tháng 30 ngày và bốn tháng 31 ngày.

nhiều ngày hơn. Người ta không biết rằng một năm được hình thành dựa trên sự di chuyển của mặt trăng không tương ứng với một năm tính theo mặt trời. Người ta khăng khăng theo một quy tắc: một năm phải có ba trăm sáu mươi ngày. Numa tính là có một khác biệt tới mười một ngày giữa năm âm lịch, có ba trăm năm mươi tư ngày, với năm dương lịch, có ba trăm sáu mươi nhăm ngày. Ông nhân đôi mười một ngày này lên và cứ hai năm lại thêm một tháng nhuận gồm hai mươi hai ngày vào sau tháng Hai, mà người La Mã gọi là Mercédinus.

Mặt khác, việc sửa chữa khác biệt này kéo theo nhu cầu nhiều thay đổi quan trọng hơn⁴¹⁹. Ông cũng thay đổi thứ tự tháng. Trước kia tháng Ba là tháng đầu năm, ông biến nó thành tháng thứ ba, trong khi tháng Giêng dưới thời Romulus là tháng thứ mươi một, nay trở thành tháng đầu tiên. Tháng Hai trước là tháng thứ mươi hai và cuối cùng, giờ đây ở Rome nó thành tháng thứ hai. Một số người thậm chí còn khăng định Numa bổ sung tháng Giêng và tháng Hai. Thoạt tiên, năm của người La Mã chỉ có mươi tháng; ở một số người Ngoại di, năm chỉ có ba tháng; ở Hy Lạp, người Arcadie có bốn và người Acarnie có sáu. Ở người Ai Cập, ngày xưa năm chỉ có một tháng; mãi đến sau này nó mới có bốn tháng. Chính vì thế mà người dân đất nước đó có vẻ như rất cổ xưa và phả hệ kéo dài vô cùng nhiều năm, nhưng trên thực tế họ đã lấy tháng để tính cho năm.

⁴¹⁹ Các sửa chữa được Julius César tiến hành. Các đại giáo trưởng rất có thể tùy tiện thêm các tháng nhuận. Đến cải cách César, năm trên lịch đã vượt quá năm dương lịch đến ba tháng.

XIX. Điều minh chứng năm La Mā chỉ có mười tháng chứ không phải mươi hai là tên của tháng cuối cùng. Ngày nay vẫn vậy, người La Mā, gọi tháng đó là tháng Chạp ["dixième"], và tháng Ba là tháng đầu tiên. Người ta có thể thấy rõ cách tính tháng: tháng thứ năm sau tháng Ba ở Rome tên là quintilis ["thứ năm"], tháng thứ sáu sau đó tên là sextilis ["thứ sáu"] và cứ thế cho đến hết. Khi tháng Giêng và tháng Hai được thêm vào trước tháng Ba, người La Mā tiếp tục gọi tháng Bảy là quintilis ["tháng năm"] dù vẫn biết nó là tháng thứ bảy của năm. Người ta cũng hiểu Romulus đã đặt tháng Ba là tháng đầu tiên của năm, tháng dành cho thần Chiến tranh, và tháng thứ hai là tháng Tư, lấy tên của nữ thần Aphrodite. Trong tháng Tư, người ta hiến tế cho nữ thần và phụ nữ tắm rửa vào dịp calendes với một chiếc vương miện làm từ lá cây myrtle. Nhưng theo một số người, tên tháng Tư (avril) không xuất phát từ nữ thần Aphrodite, vì không có chữ c ái nào có trong tên tháng; tháng được gọi là *aprilis* bởi vì khi đó mùa xuân đang rực rỡ, làm cho cây cối này lộc, đậm chồi; đó là nghĩa của từ *aperire*. Tháng tiếp theo tên là tháng Năm (mai) theo Maia, vì được dành cho thần Mercure; tháng tiếp theo, tháng Sáu, theo Junon. Nhưng theo một số người, tên hai tháng đó gợi lên các lứa tuổi của cuộc đời, là tuổi già và tuổi trẻ, bởi vì trong tiếng Latin *majores* có nghĩa là người già còn *juniores* có nghĩa là thanh niên. Tên các tháng khác xuất phát từ vị trí của chúng trong năm, như khi tính chúng: quintilis ["thứ năm"], sextilis ["thứ sáu"], septembre ["thứ bảy"], octobre ["thứ tám"], novembre ["thứ chín"], décembre ["thứ mười"].

Sau này, quintilis được gọi là tháng Bảy, theo tên Jules César, người chiến thắng Pompée, và sextilis theo tên

Auguste, người chủ thứ hai của Rome. Domitien cũng đặt tên mới cho hai tháng tiếp sau đó, nhưng những tên này không tồn tại được lâu; sau vụ ám sát hoàng đế, chúng lại trở về tên cũ là tháng Chín và tháng Mười⁴²⁰. Chỉ có hai tháng cuối cùng không bao giờ bị thay đổi kể từ đầu. Về những tháng mà Numa thêm vào hay chuyển dịch, tháng Hai dường như có quan hệ với sự tẩy rửa vì từ này cũng mang đúng nghĩa như vậy. Trong tháng đó, người ta đi tảo mộ và ăn mừng ngày lễ Lupercales rất giống với một lễ tẩy rửa. Tháng đầu tiên, tháng Giêng, có tên từ Janus. Theo tôi, Numa bỏ tháng Ba với tên lấy từ thần Chiến tranh [Arès] là tháng đầu tiên vì ông muốn mọi điều trong cuộc sống bình thường không khởi đầu bằng chiến tranh. Bởi vì quả thật Janus thời rất xa xưa là một thần hộ mệnh hoặc một vị vua hay khuyến khích cuộc sống dân sự và cộng đồng. Người ta nói, chính ông đã giải thoát cho con người khỏi lối sống hoang dã và man rợ. Chính vì thế, tượng của thần bao giờ cũng có hai mặt để chứng tỏ ông đã cho loài người chuyển từ một hình thức và tổ chức này sang một hình thức và tổ chức khác.

XX. Ở Rome, thần Janus cũng có một ngôi đền hai cửa mà người ta gọi là hai cửa chiến tranh. Theo tập quán, đền phải được mở cửa khi có chiến tranh và đóng lại vào thời bình. Đây là điều rất hiếm khi xảy ra, vì Đế chế La Mã luôn trong tình trạng chiến tranh, cũng bởi do quá rộng lớn nên nó luôn phải chống lại những tộc người Ngoại di bao vây từ phía. Nhưng dưới thời hoàng đế Auguste, cửa đền được đóng lại khi ông tiêu diệt xong Antoine. Nó cũng đóng vào

⁴²⁰ Hai tên đó là Germanicus cho tháng Chín và Domitianus cho tháng Mười.

kỳ chấp chính của Marcus Atilius Titus Mallius trong một khoảng thời gian ngắn ngủi, nhưng chiến tranh nổ ra gần như ngay lập tức và người ta lại phải mở nó ra⁴²¹.

Nhưng dưới thời Numa, đền chỉ được mở cửa đúng một ngày; nó thường xuyên đóng chặt trong vòng bốn mươi ba năm vì chiến tranh đã biến mất hoàn toàn ở khắp nơi, bởi vì dân tộc La Mã không phải là dân tộc duy nhất được thuần hóa và như thế bị sự công chính và hiền hậu của nhà vua yểm bùa. Có thể nói là có một cơn gió nhẹ, con gió đầy ân điển, thổi từ Rome đến tận các thành phố xung quanh: các thành phố đó đang bắt đầu được dựng lên và tất cả đều rất muốn tiếp nhận những điều luật tốt đẹp, được sống trong hòa bình, làm nông nghiệp, nuôi dạy con cái và thờ cúng thần linh. Trên toàn cõi Ý, chỉ có hội hè, lễ lạt và tiếp đón đầy tình bạn bè; mọi người đi thăm nhau và sống chung với nhau không chút nghi kỵ. Sự thông thái của Numa giống như một nguồn suối tỏa ra khắp thế giới cái đẹp và sự công bằng, bao phủ lên mỗi người sự thanh thản bao quanh nhà vua. Ngay cả các cách nói ví von của các thi sĩ cũng vẫn không bằng được sự thật của thời đó:

*Những con nhện đen,
Làm tổ trong những chiếc khierce,*

hoặc:

*Mỗi thương rỉ hoen,
Và những lưỡi dao sắc. Kể từ nay
Không ai còn nghe tiếng kèn đồng
Giác ngủ êm đềm ngự trị trên những bờ mi⁴²².*

⁴²¹ Đền thờ Janus được đóng cửa lần đầu tiên vào năm 235 tCN. Hai chấp chính quan tên là Titus Manlius Torquatus và Caius Atilius Bulbus.

⁴²² Thơ của Bacchylide; về Bacchylide xem chú thích ở trên, IV.

Dưới thời Numa, người ta không hề ghi lại được một cuộc chiến tranh, cuộc nổi dậy hay cách mạng chính trị nào. Con người ông không hề bị ai căm ghét, ghen tị, không hề có âm mưu tiếm quyền nào hết, hoặc vì sợ các vị thần có vẻ như bảo vệ nhà vua, hoặc vì kính trọng đức hạnh của ông, hoặc nữa vì sự can thiệp của các lực lượng siêu nhiên khiến cho cuộc đời ông lúc nào cũng là kiểu mẫu không gợn chút xấu xa.

Đó là một minh chứng và khẳng định hùng hồn những gì mà Platon, mãi sau này, áp dụng cho môn chính trị học của mình. Theo ông, con người chỉ ngừng làm điều xấu khi mà, nhờ có thần linh, quyền lực của nhà vua và trí tuệ triết học giao nhau, cho phép đức hạnh chiến thắng trước tội lỗi và chế ngự nó. "Hạnh phúc" trên thực tế là "chính bản thân nhà thông thái. Nhưng hạnh phúc còn là những người nghe theo lời nói của nhà thông thái." Chắc chắn là người ta không cần phải ép buộc hay đe dọa dân chúng. Khi người dân chiêm ngưỡng đức hạnh biểu hiện rõ ràng trong lối sống vị thủ lĩnh của mình, họ sẽ bột phát mà áp dụng sự thông thái; họ thân thiết với ông và hai bên lắng nghe nhau, với sự giúp đỡ của công lý và sự tiết độ, để có thể sống trong đức hạnh và hạnh phúc, thứ chính trị đẹp đẽ nhất. Quả thực, Numa có tư cách của một vị vua, người có thể truyền lại cho người dân của mình một lối sống và những tình cảm đó. Chúng ta có thể thấy rõ là ông hiểu điều ấy hơn ai hết.

XXI. Về những đứa con và những cuộc hôn nhân của Numa, các sử gia rất không thống nhất. Theo một số người, ông chỉ có một người vợ là Tatia và chỉ có một người con gái, Pompilia. Một số khác cho rằng, ngoài Pompilia ông còn có bốn người con trai là Pompon, Pinus, Calpus và

Mamercus, mỗi người đều là ông tổ của một gia đình hiển hách. Từ Pompon có dòng Pomponii, từ Pinus có Pinarii, từ Calpus có Calpurnii và từ Mamercus có Mamercii, những người mang biệt hiệu *reges*, nghĩa là “vua”. Còn có một ý kiến thứ ba nữa: một số tác giả tố cáo những người đi trước đã muốn phỉnh nịnh các gia đình đó và tạo ra một phả hệ giả và gán cho Numa. Theo họ, mẹ của Pompilia không phải là Tatia mà là một người phụ nữ khác, Lucrétia (Lukrêxia), mà Numa lấy khi ông đã là vua.

Dù sao tất cả mọi người đều thống nhất là Pompilia đã lấy Marcius, con trai của Marcius người đã khuyên Numa nên nhận làm vua. Marcius bố đã đi theo Numa đến Rome, tại đó, ông được bầu vào Viện nguyên lão; sau khi Numa chết, ông tranh giành ngai vàng với Hostilius, bị thua và bị bỏ đói đến chết. Marcius con, chồng của Pompilia, ở lại Rome, sinh con trai tên là Ancus Marcius⁴²³, người sẽ làm vua sau Tullus Hostilius⁴²⁴. Người ta nói, Numa mất khi Ancus Marius mới lên năm tuổi. Cái chết của nhà vua không bất ngờ cũng không quá nhanh; theo Pison⁴²⁵, ông mất vì tuổi già và do phải chịu một chứng bệnh kéo dài. Ông thọ hơn tám mươi tuổi một chút.

XXII. Đám tang của Numa còn làm tăng thêm niềm nuối tiếc mà người ta dành cho cuộc đời ông. Các tộc người đồng minh và bạn bè của Rome về dự lễ với các lễ

⁴²³ Hình ảnh Ancus Marcius thuộc dòng dõi Numa rất có thể là sáng tạo sau này.

⁴²⁴ Về bảy vị vua đầu tiên của Rome, xem chú thích ở *Romulus*, I.

⁴²⁵ Có thể là Lucius Calpurnius Piso Frugi.

vật và vòng hoa. Các nguyên lão khiêng linh cữu, còn các thầy tế đi theo sau. Đám đông, trong đó có cả phụ nữ và trẻ em, không có vẻ gì đang dự đám tang một ông vua già. Có thể nói là mỗi người trong số họ đang tiễn về thế giới bên kia một người vô cùng thân thiết, người đã mất đi khi còn ở tuổi hoa niên; họ khóc lóc và than thở đi theo linh cữu. Họ không thiêu xác ông, bởi vì người ta nói là ông cấm điều đó.

Họ làm hai quan tài bằng đá và chôn ở đồi Janicule: một chúa thi hài ông, một chúa những quyển sách thiêng do chính tay ông viết, giống như các nhà lập pháp Hy Lạp từng viết các sách của mình. Ông đã dạy những gì viết trong đó cho các thầy tế khi ông còn sống; ông đã truyền đạt cho họ nội dung và ý nghĩa của những quyển sách đó; ông cũng đã ra lệnh cho họ chôn chúng theo ông vì nghĩ là sẽ không tốt nếu để các bí mật thần linh trong những quyển sách không sức sống như thế chuyển qua tay mọi người. Người ta nói cũng chính theo nguyên tắc đó mà các nhà Pythagore không viết lại những lời răn dạy của mình, họ chỉ truyền chúng lại thông qua ký ức và truyền miệng cho những người xứng đáng. Một hôm, có một người không xứng đáng được nhận sự truyền đạt những gì quan trọng của các định lý bí mật của hình học, khi đó, các nhà Pythagore tuyên bố rằng thần linh sẽ trừng phạt sự báng bổ và vi phạm này bằng một thiên tai kinh khủng. Do đó, chúng ta nên thông cảm với những người đã dựa trên những trùng hợp quan trọng như thế mà khẳng định là Numa nhất định đã gặp Pythagore.

Theo Antias, người ta đặt vào trong quan tài mười hai quyển sách viết về lễ nghi tôn giáo và mười hai quyển khác

viết bằng tiếng Hy Lạp về triết học. Khoảng bốn trăm năm sau, dưới kỳ chấp chính của Publius Cornélius và Marcus Baebius, những trận mưa lớn đổ xuống đất nước và cuốn đi phần mộ; cơn sóng bùn làm lộ quan tài ra mặt đất, nắp đậy bị bật ra. Khi đó người ta nhận thấy một quan tài trống tron, không còn một chút hài cốt. Trong quan tài thứ hai, người ta tìm được những quyển sách. Người ta nói Pétilius, khi đó là pháp quan, đã đọc chúng rồi mang đến cho Viện nghiên lão, nói rằng ông nghĩ việc công bố với đám đông nội dung những quyển sách đó vừa không hợp lý vừa không đúng đắn. Do đó người ta đã đưa những cuốn sách lên Comitium và đốt chúng đi.

Chắc chắn là những con người công chính và tốt đẹp để lại sau họ một vinh quang còn tăng tiến thêm sau khi họ chết đi, bởi vì lòng ghen tị không còn đeo đẳng họ nữa. Ở một số trường hợp, lòng ghen tị thậm chí còn chết đi trước khi họ qua đời. Nhưng những bất hạnh của các vị vua tiếp theo Numa còn khiến danh tiếng của ông thêm phần vang lừng hơn nữa. Trong số năm vị vua trị vì sau ông⁴²⁶, vị vua cuối cùng bị lật đổ và sống tuổi già trong cảnh lưu đày, bốn người còn lại không ai được chết tự nhiên. Ba người là nạn nhân của các âm mưu và bị sát hại⁴²⁷. Tullus Hostilius, người kế vị ngay sau ông, đã chỉ trích và cười nhạo phần lớn các phẩm chất của người tiền nhiệm, nhất là khía cạnh sùng đạo của ông, cho rằng ông làm cho người dân trở nên bị động và nữ tính hóa. Tullus Hostilius đã đẩy người La Mã vào chiến tranh⁴²⁸. Tuy nhiên, sự bướng bỉnh của ông ta không

⁴²⁶ Tên các vị vua đầu tiên trị vì ở Rome: xem *Romulus*, I.

⁴²⁷ Tuy thế, thời cổ đại không cho là Tarquin đã sát hại Ancus Marcius.

⁴²⁸ Ông bị sét đánh chết, báo hiệu thảm họa sẽ giáng xuống đầu Rome.

kéo dài được lâu. Bị một căn bệnh đau đớn hành hạ, ông ta đổi ý, trở thành một người vô cùng mê tín, biến tôn giáo thành ra khác hẳn với những gì Numa từng hiểu. Thảm họa của sự mê tín này, ông ta truyền lại cho người dân của mình, và người ta nói là nó còn tăng thêm nữa khi ông ta chết do bị sét đánh.

SO SÁNH LYCURGUE VÀ NUMA

I. Giờ đây, khi đã kể xong cuộc đời Lycurgue và Numa, đã biết rõ họ, chúng tôi buộc phải, dù đó là một việc hết sức khó khăn, xem xét những điểm khác nhau giữa hai người. Các hành động của họ cho thấy rõ những gì khiến họ gần nhau, đó là sự sùng đạo, tài năng chính trị, mối quan tâm dành cho giáo dục, ý muốn chỉ tìm kiếm luật lệ ở thần linh. Trong số những phẩm chất của mỗi người, thoát tiên hãy lưu ý rằng Numa nhận ra làm vua trong khi Lycurgue từ chối. Một người nhận nó mà không cần đòi hỏi; người kia đã có nó nhưng lại rời bỏ. Một người được người khác nâng lên hàng vua chúa từ địa vị một con người bình thường và là người nước ngoài; người kia đang là vua lại hạ mình trở thành một người bình thường. Dĩ nhiên là thật tốt đẹp khi được lên làm vua nhờ sự công chính của mình, nhưng cũng thật tốt đẹp khi yêu thích công chính hơn là quyền làm vua. Đức hạnh khiến người thứ nhất lừng danh đến độ người ta coi ông xứng đáng được tri vì, trong khi người thứ hai vĩ đại đến mức không thèm tri vì.

Thứ đến, theo lời các nhạc sĩ chỉnh dây đàn lia, một người phải lên căng dây đàn Sparte bị chùng, còn người kia lại phải hạ bớt độ căng quá mức của Rome. Nhiệm vụ của Lycurgue rõ ràng khó khăn hơn. Thay vì ra lệnh cho các

công dân rời bỏ thuyền chiến và gươm kiếm, ông khiến họ từ bỏ vàng bạc và cấm được sự xa hoa nơi giường chiếu và bàn ăn. Thay vì ngừng các cuộc chinh chiến để hội hè và cúng tế, ông cấm mọi người tiệc tùng và rượu chè để buộc họ phải xả thân và lao vào chiến trận. Như vậy, một người thực hiện được các cải cách của mình bằng cách thuyết phục, được bao quanh bởi thiện tâm và vinh dự, trong khi người kia liều thân, nhận về mình những vết thương và khó nhọc mới thành công.

Tuy thế, nữ thần Nghệ thuật của Numa rất mềm dìu và độ lượng. Nàng cải biến thành phố trở nên hòa bình, công chính và làm cho các công dân dịu lại, tránh cho họ khỏi các phong tục đẫm máu và hung dữ. Và nếu chúng ta phải công nhận trong số những cải cách của Lycurgue có lối đối xử với các *hilote*, tác phẩm của một sự tàn bạo và bất công lớn lao, chúng ta sẽ cho rằng Numa tỏ ra có phẩm chất Hy Lạp hơn nhiều trong cách lập pháp: thậm chí ông còn cho phép nô lệ được hưởng các vinh dự của người tự do, cho phép họ ăn chung với chủ vào các kỳ lễ *Saturnales*⁴²⁹. Bởi vì, người ta nói, đó cũng là một trong số các quy định của Numa: ông cho tất cả những ai đã lao động làm ra thành quả trong năm được hưởng thụ nó. Nhưng, theo một số thần thoại, nghi lễ đó đã có dấu vết từ sự công bằng cổ đại thời Saturne, khi chưa hề có nô lệ lấn ông chủ, khi tất cả được coi là có họ hàng và bình đẳng với nhau.

⁴²⁹ Lễ trọng ở Rome, diễn ra từ ngày 17 đến 23 tháng Chạp, mang tên thần Saturne, cha thần Zeus; người La Mã nhân dịp này vừa ăn mừng ngày đông chí, kỷ niệm Kỷ nguyên vàng trong thần thoại, nhưng đồng thời cũng có ý nghĩa về nông nghiệp.

II. Theo cách nhìn nhận chung, người ta thấy rằng cả hai đã dẫn dắt dân tộc của mình tự thỏa mãn và sống tiết độ. Trong số các phẩm chất, một người thích lòng dũng cảm, một người thích sự công chính. Nhưng rất có thể, cầu xin thần Zeus!, sự khác biệt giữa các biện pháp mà họ thực hiện được giải thích bằng sự không giống nhau giữa bản chất và các tập tục vào thời của họ. Bởi vì, Numa ngừng chiến tranh không phải vì hèn nhát mà để tránh bất công; cũng thế, nếu Lycurgue thúc đẩy công dân trở thành chiến sĩ thì đó không phải là để phạm phải bất công mà là để không phải gánh chịu nó. Cả hai đều muốn loại trừ cái mà đồng bào của họ có quá nhiều và cho họ thứ mà họ thiếu, vì thế họ buộc phải thực hiện những thay đổi sâu sắc.

Còn việc phân chia người dân của Numa hoàn toàn có lợi cho đám đông. Ông thực hiện công việc đó một cách kỹ lưỡng và tạo ra được một dân tộc đa dạng và hòa trộn, gồm thợ kim hoàn, nhạc sĩ, thợ giày. Các cải cách của Lycurgue, ngược lại, mang tính khắc kỷ và quý tộc. Ông cho rằng các nghề nghiệp chân tay là không thuần khiết và đẩy hết chúng cho nô lệ và người lai, trong khi đó, ông xếp công dân của mình dưới cái khiên và ngọn giáo, biến họ thành những người thợ của chiến tranh và người phụng sự thần Arès, mà nghệ thuật duy nhất của họ, công việc duy nhất của họ là vang lời chỉ huy và chiến thắng kẻ địch. Để đảm bảo một sự tự do đầy đủ và tuyệt đối cho những người tự do, ông còn cấm cả họ làm những nghề liên quan đến thương mại; còn những gì dính dáng đến tiền bạc cũng như công việc phục dịch bàn ăn và nhà bếp được giao cho nô lệ và tù binh.

Ở điểm này, Numa không hề phân biệt. Ông bắt quân lính ngưng lao đì tìm chiến quả, nhưng không quản lý các hoạt

động tài chính, và do vậy, không hề phá bỏ đi sự bất bình đẳng này sinh từ đó. Ông cho phép những người giàu có tiếp tục giàu lên không giới hạn và để mặc cho nghèo đói hình thành và lan rộng trong thành phố. Nhẽ ra ngay từ đầu, khi sự bất bình đẳng còn chưa lan rộng và chưa lớn lắm, khi nguồn sống của mỗi người còn tương tự và gần như nhau, ông phải hâm phanh sự tham lam, như Lycurgue đã làm, và thực thi các biện pháp chống lại các tác hại mà việc đó mang lại. Những tác hại đó rất lớn, chúng là mầm mống của biết bao nỗi bất hạnh trầm trọng sẽ xảy đến sau này. Còn về việc chia đất, theo tôi không thể trách cứ cả Lycurgue, người đã thực hiện, lẫn Numa, người không hề thực hiện. Với một người, sự bình đẳng là nền tảng và là điểm mấu chốt của hiến pháp; trong khi với người kia, trong một đất nước mà đất đai đã được chia, không hề có lý do thúc bách nào để thực hiện một việc giao lại đất và đặt lại vấn đề về lần chia đầu tiên mà rõ ràng là vẫn còn hiệu lực cho đến lúc đó.

III. Phụ nữ và trẻ em, cả hai theo cách khôn ngoan và chính trị, đều làm biến mất sự ghen tị giữa đàn ông,. Tuy nhiên, cách họ làm không giống nhau. Ở Rome, người chồng đã có đủ con có thể nhường lại vợ, nếu ai đó không có con xin họ; họ được tự do chọn hoặc nhường lại vợ vĩnh viễn, hoặc chỉ một thời gian. Ở Sparte, người chồng giữ vợ ở nhà bên cạnh mình và hôn nhân lúc nào cũng có hiệu lực, với đủ các quyền như khi mới bắt đầu, nhưng người chồng có thể chia sẻ vợ mình với người nào cầu xin họ, để có thể có con. Nhiều người chồng, như tôi đã nói, mòi và đứa vê nhà mình những người đàn ông mà họ nghĩ có nhiều khả năng sinh ra những đứa con đẹp và khỏe mạnh nhất. Vậy đâu là

khác biệt giữa hai biện pháp này? Trong một trường hợp, người ta nhận ra sự bàng quan hoàn toàn đối với những người vợ và với những gì làm xáo động và gây ra buồn khổ, ghen tuông ở hầu khắp mọi người; ở trường hợp còn lại, một kiểu khiêm tốn dường như ngượng ngùng được che giấu đằng sau hợp đồng chuyển nhượng như sau một tấm voan, và qua đó cho thấy việc chia chác này rất khó mà chịu đựng được.

Những quan tâm mà Numa dành cho các cô gái trẻ đã hướng họ đến nữ tính và lòng khiêm tốn. Cuộc đời mà Lycurgue cho họ lại hoàn toàn tự do và ít nữ tính; nó đã gây rất nhiều cảm hứng cho các nhà thơ. Người ta gọi các cô gái Sparte là “những người giơ đùi”, giống như Ibycos, và “yêu đàn ông đến điên rồ”, như Euripide khi ông nói:

*Trốn khỏi nhà với những người trẻ tuổi,
Cặp đùi trân, váy vén lên đến bụng⁴³⁰*

Và, quả thật, áo dài của các cô gái không hề khâu ở phía dưới; chúng mở ra và hé lộ toàn bộ cặp đùi khi họ bước đi. Sophocle đã miêu tả rất rõ ràng trong những câu thơ:

*Và cô gái với chiếc áo không khâu đó,
Nó mở ra và để lộ cho mọi người cặp đùi
Hermione⁴³¹.*

Vì lý do đó, người ta nói là phụ nữ trở nên quá nam tính; họ cư xử như đàn ông, kể cả với chồng mình. Họ tự do cai quản nhà cửa, còn với việc công, họ cũng được quyền tự do nêu ý kiến cả về những vấn đề lớn nhất. Numa vẫn giữ cho

⁴³⁰ Euripide, *Andromaque*, 597-598.

⁴³¹ Câu thơ trong một vở bi kịch nay không còn.

phụ nữ La Mã sự tôn trọng và đề cao mà chồng họ dành cho họ, thái độ đã có từ thời Romulus, khi Romulus muốn coi trọng những người phụ nữ Sabin sau khi cướp họ đi. Nhưng ông bắt họ phải e dè, ngăn cấm toàn bộ sự tò mò, dạy họ sự thanh đạm và khiến họ quen với việc ít nói nǎng; ông cấm ngặt họ không được uống rượu vang; họ không có quyền nêu ý kiến, ngay cả về những điều thiết yếu, nếu không có chồng ở đó.

Người ta kể là có một người phụ nữ tự bào chữa cho mình ở Quảng trường. Viện nguyên lão cho người đi hỏi ý kiến thần linh để biết một hiện tượng như thế có thể là điểm báo gì cho thành phố. Một bằng chứng rõ ràng cho thấy phụ nữ bình thường rất vâng lời và dịu dàng là ký ức về những người đàn bà xấu xa mà người ta còn nhớ mãi. Nếu các sứ gia Hy Lạp của chúng ta nhắc lại tên của những kẻ đầu tiên phạm tội giết một người thân trong gia đình, đánh nhau với một người anh em, hay giết cha giết mẹ, thì người La Mã lại nhớ Spurius Carvilius là kẻ đầu tiên đuổi vợ mình đi, sau hai trăm ba mươi năm kể từ khi Rome được thành lập, vì cho đến tận khi đó chưa xảy ra trường hợp nào tương tự. Người La Mã cũng nhớ Thalaia, vợ của Pinarius, là người đầu tiên cãi nhau với mẹ chồng Gétania, dưới thời Tarquin Tuyệt vời. Nhà lập pháp đã thành công biết bao trong việc quy định lối cư xử tốt trong gia đình!

IV. Hôn nhân của các cô gái trẻ hoàn toàn hòa hợp với sự giáo dục mà họ được hưởng. Lycurgue cho họ lấy chồng khi họ đến tuổi và thực sự muốn lập gia đình, khiến cho cuộc sống chung, khi đã được đánh thức bởi ham muốn tự nhiên, mở ra sự hòa thuận và lòng tin yêu, chứ không phải lòng thù

hận và mối e ngại - hậu quả của sự ép buộc trái với tự nhiên; ông cũng muốn rằng cơ thể người phụ nữ đủ khỏe mạnh để chịu được việc mang thai và sinh nở, vì theo ông, hôn nhân chỉ có một mục đích duy nhất là truyền giống. Người La Mã cho con gái lấy chồng năm mười hai tuổi, thậm chí trẻ hơn, và như thế những cô gái có thể hiến dâng cho người chồng một cơ thể và một tính cách đặc biệt trinh trắng và nguyên vẹn. Có thể thấy rằng trong hai biện pháp trên, một biện pháp thiên về tuân theo tự nhiên để hướng tới sự truyền giống, còn biện pháp kia quan tâm nhiều hơn đến tính cách, nhằm tìm đến sự hòa hợp vợ chồng.

Về mặt giáo dục trẻ em, cách thức tập hợp chúng lại, những bài học, cuộc sống cộng đồng của chúng, bữa ăn chung, các bài tập luyện và trò chơi của chúng, tấm gương của Lycurgue cho chúng ta thấy rằng Numa hoàn toàn không nổi bật với tư cách nhà lập pháp. Ông phó mặc sự giáo dục cho kỳ vọng và nhu cầu của người cha: mỗi người có thể tùy ý biến con trai mình thành một nông dân, một người thợ đóng tàu, một thợ rèn hay một nhạc công thổi kèn. Như thế, ngay từ khi sinh ra, mọi đứa trẻ không được hướng đến một mục đích duy nhất và theo đó mà được đào tạo về mặt tinh thần vậy! Như thế, chúng là hành khách của một con tàu, lên tàu với những nhu cầu và dự định khác nhau, và chỉ tập hợp lại với nhau khi gặp nguy hiểm, sợ hãi cho chính bản thân mình, còn thời gian còn lại, mỗi người chỉ nghĩ đến lợi ích của một mình anh ta!

Người ta không thể trách cứ các nhà lập pháp bình thường, những người không đả động đến các vấn đề này vì ngu dốt hoặc vì yếu ót. Nhưng một nhà thông thái, được mời lên làm vua của một tộc người vừa thành lập, một tộc

người không hề làm gì để chống lại ông, một người như thế phải làm gì đầu tiên, nếu không phải là giáo dục trẻ em và đào tạo thanh niên, để không còn nữa sự khác biệt và mất trật tự trong lối hành xử của họ, nhưng nếu ngay từ lúc mới sinh ra đã được đào tạo và rèn luyện theo một khuôn mẫu về đức hạnh duy nhất, chúng có thể sống hòa thuận với nhau hay không?

Đối với Lycurgue, những nguyên tắc này rất hữu ích trong toàn bộ sự nghiệp của ông, nhất là trong việc duy trì luật pháp. Bởi chỉ với lời thề tuân thủ sẽ là không đủ, nếu không thông qua giáo dục và kỷ luật để bắt trẻ em thấm nhuần luật lệ và say mê với hiến pháp. Vì thế, trong vòng năm trăm năm, những nguyên lý thiêng liêng nhất và quan trọng nhất của công trình lập pháp vẫn được giữ nguyên, như một thứ thuốc nhuộm tốt ăn thật sâu vào mảnh vải. Ngược lại, mục đích thứ chính trị của Numa, cuộc sống hòa bình và hòa hợp mà ông muốn xây dựng ở Rome đã biến mất cùng với ông. Hai cánh cửa ngôi đền mà Numa đã giữ đóng kín⁴³², như thế ông đã chế ngự được chiến tranh và đã thực sự nhốt được nó vào trong đền, thì sau khi ông chết, hai cánh cửa đó sẽ lại mở ra rất rộng, nhấn chìm cả nước Ý trong chiến tranh và chết chóc. Những biện pháp đẹp đẽ và công bằng mà ông từng thực hiện không kéo dài lâu, bởi vì, chúng không có được sợi dây nối kết, sợi dây giáo dục.

Gì cơ? người ta sẽ hỏi lại. Chiến tranh không cho phép Rome lớn mạnh, thu lợi ư? Câu hỏi này đòi hỏi một câu trả lời dài, để có thể thuyết phục những người tin rằng lợi ích nằm ở tiền bạc, ở sự xa hoa và quyền lực chứ không phải ở

⁴³² Tức ngôi đền thờ thần Janus ở Rome, chỉ mở ra khi có chiến tranh.

sự an toàn, ở sự dịu dàng và tự do bên trong đi kèm với công lý. Tuy nhiên, ngay ở điểm này, Lycurgue cũng có phần vượt trội. La Mã bắt đầu mở rộng được lãnh thổ khi người La Mã bỏ đi các thể chế của thời Numa. Ngược lại, ngay khi người Lacédémone nhích ra khỏi những quy định của Lycurgue, họ liền rơi vào tình trạng tồi tệ nhất, mất đi sự thống trị ở Hy Lạp và đứng trên bờ vực của sự sụp đổ hoàn toàn. Tuy vậy, tâm vóc và tính cách thật sự gần với thần linh của Numa nằm ở những điểm sau: ông là người nước ngoài mà lại được mời làm vua, ông thay đổi mọi thứ chỉ thông qua thuyết phục, trở thành chủ nhân của một thành phố vẫn còn rất yếu ớt, mà không cần nhờ đến vũ khí hay bạo lực, và khác với Lycurgue - người sử dụng quý tộc chống lại dân chúng, Numa chỉ sử dụng sự thông thái và công lý để chiếm được lòng tin của tất cả mọi người, và đặt tất cả họ sống trong sự hòa hợp.

NIÊN BIỂU ĐỐI CHIẾU LỊCH SỬ HY LẠP – LA MÃ CỔ ĐẠI

	HY LẠP	LA MÃ
800 tCN	Xuất hiện các dạng bảng chữ cái Theo truyền thuyết, Thésée thành lập Athènes và Lycurgue thành lập Sparte	
776 tCN	Kỳ Olympique đầu tiên	
775-675 tCN	Đợt thực dân hóa các vùng đất đầu tiên về phía Sicile, Nam Ý, Thrace; xây dựng các đền thờ linh thiêng của thế giới cổ đại: Delphes, Délos, Éphèse...	
754-753 tCN		Rome được thành lập, theo truyền thuyết bởi Romulus và Rémus
750-700? tCN	Các trường ca <i>Iliade</i> và <i>Odyssée</i> ; Hésiode xứ Béotie viết các tác phẩm: <i>Thần hệ</i> , <i>Lao động và ngày tháng</i>	Sau Romulus, Numa Pompilius trị vì, Rome sống trong hòa bình
kh. 708 tCN	Sparte lập thành phố Tarente	

680-640 tCN	Đợt thực dân hóa thứ hai, về phía bắc biển Égée, Hellesont, Pont-Euxin (tức Biển Đen), châu Phi và phía tây
kh. 660 tCN	Mégare lập ra thành phố Byzance
657-585 tCN	Các bạo chúa Cypselos và Périandre ở Corinthe
624-547? tCN	Thalès xứ Milet, một trong những nhà thiên văn học và toán học đầu tiên của xứ Ionie và của toàn Hy Lạp
616-509 tCN	Các vị vua người Étrusque trị vì ở Rome; trong thời gian này Rome đã trở thành một thành phố thực thu với quảng trường, tường thành...
TK VI tCN	Thời của Bảy nhà hiền triết Hy Lạp – danh xưng dùng để chỉ các nhà bác học Bias xứ Priène, Chilon xứ Lacé- démone, Cléobule xứ Lindos, Myson xứ Khêne (thường được thay bằng Périandre xứ Corinthe), Pitacos xứ Mytilène, Solon xứ Athènes và Thalès xứ Milet
594/593 tCN	Solon ở Athènes; những kỳ thi đấu đầu tiên ở Delphes
580-570? tCN	Anaximandre vẽ “bản đồ thế giới” đầu tiên trong lịch sử

561-528 tCN	Pisistrate, người ba lần làm bạo chúa ở Athènes; rất có thể là người đã san định tác phẩm của Homère	
556-467? tCN	Simonide xứ Céos, nhà thơ lớn, nổi tiếng vì tính hà tiện	
Nửa sau TK VI tCN	Théognis xứ Mégare, nhà thơ lớn, tác giả nhiều tác phẩm diễm tình	
540-520? tCN	Pythagore ở Crotone (Nam Ý)	
525-475? tCN	Hécatée xứ Milet (người được Hérodote coi là thầy duy nhất) viết cuốn sách <i>Miêu tả trái đất</i> , gồm một bản đồ và hai tập sách	
525-456 tCN	Eschyle, kịch tác gia vĩ đại của Athènes, người từng tham gia trận đánh chống quân Ba Tư ở Salamine năm 480 tCN	
518-446? tCN	Pindare, nhà thơ vĩ đại của Hy Lạp	
509 tCN	Tarquin Tuyệt vời, vua Étrusque cuối cùng của Rome, bị lật đổ, nền Cộng hòa La Mã được thiết lập (hai vị chấp chính quan được bầu mỗi năm) với vai trò của Publicola; ngôi đền Capitolin được xây xong	

508/507 tCN	Những cải cách mang tính dân chủ của Clisthène ở Athènes.	
500-428 tCN	Anaxagore xứ Clazomènes, triết gia lớn của Hy Lạp, coi trí tuệ là nguyên lý của vũ trụ, thầy của Périclès	
495-405 tCN	Sophocle, kịch tác gia vĩ đại thứ hai của Athènes	
495-429? tCN	Périclès, nhà chính trị nổi tiếng, người đưa Athènes lên đỉnh cao rực rỡ về triết học và nghệ thuật, được coi là thành phố hùng mạnh nhất Hy Lạp thời bấy giờ	
490 tCN		Lập ra chức quan hộ dân quan để đại diện cho giới bình dân
493-480 tCN	Ảnh hưởng lớn của Thémistocle ở Athènes	
493 tCN		Tướng Gnaeus Marcius chiếm được thành phố Corioli của người Volsque và được đặt danh hiệu Coriolan
490 tCN	Cuộc chiến tranh Médique lần thứ nhất giữa Hy Lạp và Ba Tư: trận Marathon	

486-410? tCN	Protagoras xứ Abdera, nhà tu từ học, nổi tiếng với câu châm ngôn “Con người là thước đo của tất cả”, triết lý mang nhiều yếu tố duy nghiệm; Platon dùng tên ông đặt cho một tác phẩm của mình, tác phẩm đi đôi với <i>Gorgias</i> dùng để phê phán tu từ học
480-478 tCN	Cuộc chiến tranh Médique giữa Hy Lạp và Ba Tư lần thứ hai: các trận đánh Thermo-pyles, Salamine, Platées, Mycale và Sestos
480-406 tCN	Euripide, kịch tác gia vĩ đại thứ ba của Athènes
478 tCN	Thành lập Liên minh Délos, tập trung xung quanh Athènes, dưới sự thúc đẩy của Aristide
470-399 tCN	Socrate, triết gia vĩ đại của Athènes
466? tCN	Chiến thắng của Cimon trước quân Ba Tư ở cửa sông Eurymédon
447-386? tCN	Aristophane, kịch tác gia nổi tiếng, người viết hài kịch hiếm hoi của Hy Lạp (sau này ở La Mã dòng hài kịch sẽ rất phát triển), người luôn miêu tả các triết gia

	như Socrate hay Euclide là những kẻ hành khát rách rimiter lăm điếu	
445 tCN		Đạo luật <i>Canuleia</i> cho phép hôn nhân giữa giới bình dân và giới quý tộc
444/443 tCN	Thành lập thuộc địa Hy Lạp mang tên Thourioi (Nam Ý), tham gia có các triết gia Protagoras và Hippodamos, sử gia Hérodote, với sự khởi xướng của Périclès	
443&430 tCN	Protagoras, nhà tu từ học nổi tiếng, có mặt ở Athènes	
431-404 tCN	Cuộc chiến tranh Péloponnèse giữa hai thành phố quan trọng nhất của Hy Lạp, Athènes và Sparte; năm 405 tCN, danh tướng Lysandre dành chiến thắng lớn cho quân Sparte	
427-347? tCN	Platon, triết gia vĩ đại của Athènes	
427 tCN	Sự hiện diện của nhà tu từ học nổi tiếng của Sicile là Gorgias tại Athènes; Platon sẽ lấy tên ông đặt cho một tác phẩm đả kích tu từ học của mình, <i>Gorgias</i> , bên cạnh một quyển khác cùng chủ đề, <i>Protagoras</i>	

421 tCN	Hiệp ước hòa bình của Nicias, khiến hai bên Athènes và Sparte tạm thời không kình địch nhau nữa
415-413 tCN	Cuộc hành quân mang tính thảm họa của quân Athènes sang Sicile, do Alcibiade thúc đẩy và dưới sự chỉ huy của Nicias; Nicias chết ở Sicile
410-323 tCN	Diogène Vô si, triết gia chủ trương lối sống kỳ cục, buông thả, bên lề xã hội, người sáng lập trường phái Vô si (Cynisme)
406-355 tCN	Eudoxe xứ Cnide, triết gia, bác học nổi tiếng, người đưa ra một học thuyết về cấu tạo của vũ trụ và các hành tinh, theo tư tưởng của Platon; nhiều người coi ông là người sáng lập trường phái triết học Khoái lạc
404-403 tCN	Thời kỳ cai trị đầy tính bạo chúa của Bè lũ Ba mươi, với sự hậu thuẫn của Lysandre, nhưng sau đó nền Dân chủ được tái thiết lập
399 tCN	Socrate bị kết án và bị bức tử
396 tCN	Vây hãm và chiếm thành Véies, trong trận đánh có Camille tham gia, theo Plutarque

394 tCN	Agésilas, vua Sparte, chiến thắng liên quân Athènes và Béotie ở Chéronée, quê hương Plutarque	
393/392 tCN	Isocrate (436-338 tCN) mở trường dạy môn tu từ học, đây là người nổi tiếng thứ hai của Aristote, bên cạnh Platon	
390? tCN		Người Gaulois chiếm được và tàn phá Rome, chỉ chừa duy nhất đồi Capitole
387 tCN	Platon xây dựng trường học Académie	
384-322 tCN	Démosthène, nhà hùng biện đại tài, hình mẫu của Cicéron sau này; Aristote, triết gia vĩ đại của Athènes	
379 tCN	Pélopidas cùng với Épaminondas cứu thành phố Thèbes khỏi tay quân Sparte chiếm đóng (trái luật)	
372-287? tCN	Théophraste xứ Lesbos, triết gia nổi tiếng, lần lượt là học trò của Platon và Aristote, lừng danh với các tác phẩm về thực vật học	
356 tCN	Dion, học trò của Platon, chiếm được Syracuse, lật đổ ách bạo chúa của Denys	

	Cựu vương, cũng là một người họ hàng của ông	
349-336? tCN	Speusippe, người cháu đồng thời là học trò của Platon, được Platon giao lại quyền quản lý trường Académie của ông khi ông chết; Speusippe chủ trương bỏ bớt mảng siêu hình trong triết học Platon mà chỉ chú trọng những gì cụ thể, đó rất có thể là nguyên nhân khiến Aristote thất vọng mà bỏ đi khỏi Athènes, và khi trở về lập trường riêng của mình, mang tên Lycée	
346-339 tCN	Timoléon người Corinthe đuổi khỏi Syracuse tên bạo chúa Denys Thiếu vương và chiến thắng người Carthage ở Crimisos	
343-290 tCN		Các trận chiến chống người Samnite
341-270 tCN	Épicure xứ Samos, triết gia, lập ở Athènes trường dạy triết học mang tên Khu vườn (le Jardin), triết lý chủ trương đi tìm sự bình yên của tâm hồn, được coi là cha đẻ trường phái triết học Khoái lạc; có nhiều tác phẩm nhưng nay chỉ còn lại ba bức thư	

338 tCN	Philippe II xứ Macédoine chiến thắng quân Hy Lạp ở Chéronée, quê hương Plutarque; Phocion người Athènes được Alexandre Đại đế kính trọng	Rome trở thành bá chủ vùng Latium
335-246 tCN	Zénon xứ Kition (hay Citium), triết gia đảo Chypre, người sáng lập trường phái triết học Khắc kỷ; phân biệt với Zénon xứ Élée (490-430? tCN), triết gia và là học trò của Parménide, nổi tiếng với các ví dụ về ngụy biện và lôgic	
kh. 335 tCN	Aristote lập trường Lycée ở Athènes	
334-323 tCN	Các cuộc chinh phục đất đai của Alexandre Đại đế, chủ yếu về phía Đông (xây dựng thành phố Alexandrie năm 331)	
316 tCN	Eumène xứ Cardia, vì trung thành với gia đình Alexandre, bị phản bội và chết vì tay Antigone Chột mắt	
312 tCN		Kỳ ngự sử của Appius Claudius Caecus; xây dựng con đường Appienne
305-304 tCN	Démétrios, vua Macédoine, được đặt danh hiệu "Người	

	chiếm thành” (Poliorcète) khi vây hãm Rhodes	
290-280 tCN	Thành lập Bảo tàng và Thư viện Alexandria	
286 tCN	Đỉnh cao quyền lực của Pyrrhos, vua Épire, người được coi là Alexandre thứ hai	
285-246 tCN	Thời kỳ trị vì của vua Ptolémée II Philadelphe ở Ai Cập	
280-275 tCN		Pyrrhos, vua Épire, đánh nhau ở Ý và ở Sicile
280-194	Ératosthène xứ Cyrène, nhà triết học Hy Lạp thuộc trường phái Alexandrie, tính được chu vi của Trái Đất	
272 tCN		Quân La Mã chiếm được Tarente
264 tCN		Quân La Mã chiếm được Volsinii, kinh đô của người Étrusque; những trận đấu võ sĩ giác đấu đầu tiên được tổ chức ở Rome
264-184 tCN		Cuộc chiến tranh Punic lần thứ nhất chống Carthage
254-184 tCN		Plaute, kịch tác gia vĩ đại của La Mã (dòng hài kịch)
246 tCN	Agis IV vua Sparte tiến hành một lần chia đất mới	

245-213 tCN	Dưới sự chỉ huy của Aratos, Liên quân Achéen, thành lập năm 280 tCN, trở thành lực lượng quân sự lớn nhất của Péloponnèse	
kh. 240 tCN		Livius Andronicus dịch <i>Odyssée</i> sang tiếng Latin
238 tCN		Carthage bị buộc phải nhường lại các đảo lớn trong Địa Trung Hải là Sardaigne và Corse cho người La Mã
225-201? tCN		Fabius Pictor, sử gia đầu tiên của La Mã, viết bộ <i>Lịch sử La Mã</i> bằng tiếng Hy Lạp, và bằng văn xuôi
224 tCN	Cléomène III vua Sparte, vì muốn đi đến cùng các cải cách của Agis và đưa trở lại các đạo luật cổ của Lycurgue, giết năm vị pháp quan	
219-202 tCN		Cuộc chiến tranh Punic lần thứ hai
217 tCN		Fabius Maximus được phong làm tổng tài để thống lĩnh quân La Mã khi Hannibal đã kéo xâm phạm đất Ý
215-205 tCN		Cuộc chiến tranh Macédonie đầu tiên, chống vua Philippe V

211 tCN		Marcellus , danh tướng La Mã, chiếm được thành phố Syracuse ở Sicile dù bên đối phương có nhà toán học nổi tiếng Archimède
202-120? tCN	Polybe, sử gia nổi tiếng của Hy Lạp, một thời gian khá dài bị bắt làm con tin ở Rome	
200-197 tCN		Cuộc chiến tranh Macédoine lần thứ hai
196 tCN		Flamininus tuyên bố “Tự do cho người Hy Lạp”
190-159 tCN		Térence, kịch tác gia nổi tiếng của La Mã (chuyên dòng hài kịch)
184 tCN		Caton Già được bầu vào chức quan ngự sử
182 tCN	Philopoemen, người được mệnh danh là “người Hy Lạp cuối cùng”, qua đời	
180-145 tCN	Aristarque, người đứng đầu Thư viện Alexandrie, xuất bản một phiên bản kèm phê bình tác phẩm của Homère và các tác giả cổ đại khác	
179 tCN		Cải cách chế độ bầu cử ở Rome
171-168 tCN		Cuộc chiến tranh Macédoine lần thứ ba

167 tCN		Paul-Émile dành chiến thắng ở trận Pydna trước Persée, vua Macédoine
167-150 tCN		Polybe bị bắt làm con tin ở Rome, thường qua lại với gia đình Scipion
166 tCN	Người La Mã biến đảo Délos linh thiêng thành một pháo đài để phòng đảo Rhodes hùng mạnh	
165? tCN	Thành lập thư viện Pergame	
155 tCN		Triết gia Carnéade (213-129 tCN), trong một kỳ làm đại sứ tại Rome, đặt vấn đề chủ nghĩa đế quốc La Mã
149-146 tCN		Cuộc chiến tranh Punic lần thứ ba; Scipion Émilien (185-129 tCN) cầm quân La Mã đánh sang Carthage, chiếm và tàn phá thành phố
148 tCN		Macédoine trở thành một tỉnh La Mã
146 tCN	Thành phố Corinthe bị cướp phá và hủy hoại bởi chấp chính quan Mummius; Achaie nhập vào với tỉnh Macédoine	
135-50 tCN	Posidonius, triết gia, sử gia, nhà dân tộc học nổi tiếng, lập trường ở đảo Rhodes, thầy dạy của Cicéron	

133-129 tCN	Attale III vua Pergame di tặng vương quốc của mình cho Rome; châu Á trở thành một tỉnh của La Mã
122 tCN	Hộ dân quan Tibérius Gracchus đề xuất đạo luật ban cho mọi người Latin quyền công dân của La Mã, nhưng bị từ chối
112-106 tCN	Chiến tranh chống vùng Numidie
106-43 tCN	Cicéron
102-101 tCN	Chấp chính quan Marius cầm quân ở nơi ngày nay là thành phố Aix (phía Nam nước Pháp), đẩy lui người Teuton (trước đó ông cũng đẩy lui người Cimbre) đi qua xứ Gaule; theo nhiều sử liệu, đoàn người di cư này có thể lên đến hàng trăm nghìn người, phần lớn đều rất dữ tợn
100-44 tCN	César, danh tướng, nhà chính trị kiệt xuất, sử gia với tác phẩm <i>Chiến tranh xứ Gaule</i> , người bình định xứ Gaule, chiếm Ai Cập, người có rất nhiều tham vọng và quyền lực, nhưng

		con nuôi của ông, Octave, mới trở thành hoàng đế đầu tiên của Đế chế La Mã
89 tCN		Quyền công dân La Mã được trao cho các đồng minh của Rome
88-85 tCN	Rome phải đánh nhau chống quân của Mithridate, vua xứ Pont, vị vua Hy Lạp cuối cùng có khả năng cầm cự với quân La Mã; quân La Mã do Sylla chỉ huy	
87 tCN		Vụ thảm sát những người theo phái Sylla ở Rome
86 tCN	Sylla cướp phá Athènes, lấy lý do thành phố đã đứng về phe Mithridate	
83 tCN		Sylla trở về Ý và thi hành rất nhiều thủ đoạn chính trị và quân sự
81-79 tCN		Sylla làm tổng tài
80-70 tCN		Tướng Sertorius cầm đầu cuộc nổi loạn chống Rome; ông bị ám sát vào năm 73/72 tCN; các tác phẩm của Varron, "con người thông thái nhất của Rome" (116-27 tCN)

73-71 tCN		Cuộc nổi loạn do Spartacus cầm đầu; Spartacus là một nô lệ, rồi võ sĩ giác đấu, năm 73 tCN ông trốn thoát lên núi Vésuve, xây dựng quân đội đánh nhau với quân La Mã; thoát đầu quân của Spartacus dành được nhiều thắng lợi, nhưng sau đó phải chịu thua Crassus ở Rhégium, tàn quân bị Pompée vừa từ Tây Ban Nha về tiêu diệt nốt
69 tCN	Lucullus chiếm Arménie	
67-63 tCN		Các cuộc hành quân của Pompée ở phương Đông, xứ Pont và Syrie trở thành hai tỉnh La Mã
63 tCN		Kỳ chấp chính của Cicéron
60 tCN		Tam hùng đầu tiên với César, Pompée và Crassus; Caton Trẻ là đối thủ chính trị chính của cả liên minh
60-30? tCN	Diodore xứ Sicile (90-20) viết bộ sách <i>Thư viện lịch sử</i>	
58-51 tCN		Các chiến dịch của César ở xứ Gaule
kh. 50 tCN		Xuất bản (sau khi tác giả đã mất) tác phẩm độc đáo <i>De natura rerum</i> (Về các sự vật của tự nhiên) của nhà thơ nổi tiếng Lucrèce (98-

		55 tCN), dựa chủ yếu vào các học thuyết triết học của Démocrite và Épicure
49-45 tCN		Nội chiến giữa hai phe César và Pompée
46 tCN		Caton Trẻ tự tử khi biết tin César chiến thắng ở châu Phi
44 tCN	César xây dựng lại thành phố Corinthe	César bị ám sát ở Viện nguyên lão, nhiều kẻ lao vào đâm ông bằng dao, kẻ chủ mưu là Brutus, con nuôi của César
31 tCN		Octave chiến thắng liên quân của Antoine và Cléopâtre ở Actium, chấm dứt hoàn toàn nội chiến; Ai Cập trở thành tỉnh của La Mã
30-8 tCN	Denys xứ Halicarnasse viết bộ sách <i>Cố đại La Mã</i>	
từ 29 tCN		Tite-Live (Livy, 59 tCN-17 sCC) bắt đầu viết bộ sử lớn <i>Lịch sử La Mã</i> gồm 142 cuốn
29-19 tCN		Virgile (70-19 tCN), nhà thơ vĩ đại của La Mã, viết tác phẩm lớn nhất của ông, <i>Énéide</i> , bài thơ dài kể chuyện chàng Énée, người anh hùng thành Troie, sau khi thành phố quê hương thất thủ trước người Hy Lạp

27 tCN		Octave nhận tước hiệu Auguste, tái tổ chức các tỉnh La Mã
s. 25 sCN	Strabon (64 tCN-25 sCN) viết tác phẩm <i>Địa dư</i>	
14 sCN		Auguste chết
30-33		Chúa Jésus bị kết án và bị hành hình đến chết, dưới thời hoàng đế Tibère (14-37)
35-95		Quintilien, nhà ngữ pháp học nổi tiếng nhất của La Mã, xác lập hệ thống giáo dục Hy Lạp - La Mã, nhất là thông qua tác phẩm <i>Thể chê hùng biện</i>
39-95		Flavius Josèphe, sử gia, kể lại cuộc nội loạn của người Do Thái và vụ phá ngôi đền thiêng ở Jérusalem (66-77) trong cuốn sách <i>Cuộc chiến tranh của người Do Thái</i>
41		Hoàng đế Caligula (thường bị cho là điên vì phong chức cho con ngựa của mình) bị ám sát
45-120?	Plutarque	
49		Hoàng đế Claude (41-54) cấm người Do Thái không

		dược ở Rome; Sénèque, triết gia khắc kỷ, nhà văn và nhà luân lý nổi tiếng trở thành gia sư cho Néron, hoàng đế tương lai
49-51	Thánh Paul giảng đạo Thiên chúa ở Corinthe	
50-125	Épictète, triết gia Hy Lạp, một trong những đại diện chủ chốt của trường phái Khắc kỷ Latin, từng có thời bị bắt làm nô lệ ở Rome, sau được trả tự do	
54-68		Thời kỳ trị vì của ông vua điên Néron; Thánh Pierre và Thánh Paul tuẫn đạo
55-120		Tacite, sử gia nổi tiếng, người mở đầu dòng biên niên
55		Néron sát hại Britannicus
61-113		Pline Trẻ, nhà văn nổi tiếng, tác giả của rất nhiều bức thư, cũng là người miêu tả cặn kẽ cái chết của người bác Pline Già khi núi lửa Vésuve phun trào
65		Sénèque bị Néron bức chết
66		Cái chết của nhà văn Pétrone, do bị buộc tội dính vào âm mưu của Pison; Pétrone cho đến giờ

		vẫn được coi là tác giả cuốn sách <i>Satyricon</i> , kiệt tác về châm biếm, miêu tả cuộc sống xa hoa của người La Mã đương thời
66-68	Vùng Judée nổi dậy	
66-67	Plutarque theo học triết gia dòng Platon, Ammonios, ở Athènes (cùng một người bạn là con cháu của Thémistocle); Néron sang Hy Lạp, cướp về các tác phẩm nghệ thuật, đồng thời tuyên bố “Tự do cho người Hy Lạp” (vào ngày 28/11/67)	
68-69		Khi Néron chết, Galba trở thành hoàng đế trong vòng sáu tháng
69		Othon làm hoàng đế trong một khoảng thời gian ngắn ngủi
69-126?		Suétone, tác giả bộ sách nổi tiếng <i>Mười hai César</i> , kể toàn những chỗ xấu xa của các vị hoàng đế La Mã cho đến thời ông
70	Vespasien khôi phục tinh Achaïe, trước đã từng bị tách ra nhập vào nhiều lần	
75-79?		Plutarque dạy học ở Rome

79

Vào tháng Tám, núi lửa Vésuve đột ngột phun trào, nhấn chìm thành phố Pompéi nổi tiếng; vụ phun trào núi lửa này cũng gây ra cái chết của Pline Già (23-79), tác giả một bộ sách lớn, *Lịch sử tự nhiên*, do ông đi thuyền lại quá gần núi lửa đang phun để xem

81-82?

Lần thứ hai Plutarque đến Athènes

81-96

Thời kỳ trị vì của hoàng đế Domitien; nhiều công trình được xây dựng ở Rome; người La Mã đặc biệt coi trọng Athènes và nữ thần Athéna

từ 90

Plutarque làm thầy tế thờ thần Apollon ở đền Delphes, gần Chéronée quê hương ông

93-94?

Plutarque ở Rome

s. 96

Domitien bị ám sát; Viện nguyên lão giao chức hoàng đế cho Nerva

s. 96

Plutarque thực sự bắt tay vào viết bộ sách *Những cuộc đời song hành*, cho đến khoảng năm 120 thì xong; cùng thời gian đó, ông viết

	các tác phẩm <i>Những câu hỏi Hy Lạp</i> , <i>Những câu hỏi La Mã</i> và <i>Những lời dạy chính trị</i> , sau đều được tập hợp trong <i>Moralia</i> , tác phẩm lớn thứ hai của ông	
98-117		Thời kỳ trị vì của Trajan, vị hoàng đế hiển hách; cũng trong thời kỳ này nhiều công trình lớn được xây dựng ở Rome
101-106	Các chiến dịch xứ Dacie	
113-117	Cuộc chiến tranh phương Đông chống người Parthes, các cuộc chinh phục Arménie, Assyrie và Lưỡng Hà	
117-138		Thời kỳ trị vì của Hadrien, vị hoàng đế thông thái bậc nhất của Đế chế La Mã, nhân vật chính tiểu thuyết <i>Hồi ký Hadrien</i> của nhà văn nữ Marguerite Yourcenar
121-125		Những chuyến đi đầu tiên của Hadrien qua khắp vương quốc
123-124		Xây dựng dinh thự của Hadrien ở Tivoli, công trình kiến trúc nổi tiếng suốt mấy nghìn năm
124-125	Hadrien nhiều lần đến Athènes	

NHỮNG CUỘC ĐÒI SONG HÀNH

138

Hadrien chết, Antonin lên
thay

TK III

Diogène xứ Laërce, nhà văn
Hy Lạp chuyên viết tiểu sử
các triết gia cổ

NB. Tên các nhân vật của *Những cuộc đòi song hành* được in đậm

GIẢI THÍCH CÁC TỪ THƯỜNG XUẤT HIỆN

Tiếng Pháp /Tiếng Anh	Tiếng Việt	Ghi chú
censeur/censor	ngự sử	Về thực chất là chức quan quản lý hộ tịch, thống kê dân số, nhưng được coi là cao hơn cả chấp chính quan.
centurie/century	bách đội	Đơn vị quân đội của La Mã, gồm 100 người.
centurion	bách trưởng	Chi huy bách đội.
cohorte/cohort	binh đội	Đơn vị quân đội của La Mã, gồm từ 300 đến 600 người, cứ 10 binh đội thì lập thành một binh đoàn.
consul/consul	Chấp chính quan/chấp chính	Chức quan nhiệm kỳ một năm, số lượng: hai người; là chức quan cao nhất của La Mã.
Curie/Curia	Viện nguyên lão/tòa nhà Viện nguyên lão	Nơi Viện nguyên lão hội họp. Ngày nay vẫn còn tòa nhà ở Quảng trường Rome.
dictateur /dictator	tổng tài	Chức quan đặc biệt của La Mã, chỉ được bầu khi có binh biến, được quyết định mọi việc không cần thông qua Viện nguyên lão.
édile/aedile	quan công chính	Chức quan chuyên lo việc sửa sang đường sá, công trình công cộng, phụ trách chợ búa và lương thực cho Rome.
forum	quảng trường	Nơi diễn ra các hoạt động cộng đồng quan trọng nhất của Rome. Tương ứng ở Athènes có <i>agora</i> .

gouverneur /governor	thống đốc	Chức quan La Mã phụ trách các tỉnh.
grand pontife /high-priest	đại giáo trưởng	Người đảm nhiệm các nghĩa vụ tôn giáo của La Mã. Nhà ở của đại giáo trưởng ở ngay trên Quảng trường; César từng có thời gian giữ chức vụ này.
licteur/lictor	vệ sĩ vác phủ viết/vệ sĩ	Các vệ sĩ đặc biệt, được cử theo hầu các chức quan, tùy theo hạng quan mà có số lượng quy định, chủ yếu mang tính nghi lễ.
légion/legion	binh đoàn	Đơn vị quân đội điển hình của La Mã, thường gồm từ 3000 đến 6000 bộ binh và 100 đến 200 kỵ binh.
peuple/people	dân chúng	Tiếng Hy Lạp: <i>demos</i> .
plèbe/plebs	giới bình dân	
préteur/preator	pháp quan	Đứng ngay sau chúc chấp chính, chuyên lo xử án ở Rome.
questeur /quaestor	quan tài chính	Chuyên lo về tài chính, nhất là quốc khố của La Mã.
Sénat/Senate	Viện nguyên lão	Thể chế đặc thù của nền Cộng hòa ở La Mã, quyền lực thực tế thay đổi tùy từng thời kỳ. Thành viên là các nguyên lão, được bầu, làm đại biểu cho các công dân.
tribun/tribune	hộ dân quan	Đại diện của giới bình dân La Mã, đối trọng quyền lực với các chức quan của giới quý tộc.
tyran/tyrant	bạo chúa	Thoạt đầu, các bạo chúa không mang tính chất bạo tàn, mà có khi chỉ là một ông vua nắm trong tay quyền lực tập trung.

CHÚ THÍCH ĐỊA DANH, TỘC NGƯỜI VÀ CÁC DÒNG HỌ NỐI TIẾNG

- Abante: tộc người sống ở đảo Eubée (Hy Lạp).
- Achaïe (Akhaia): vùng nằm ở phía bắc bán đảo Péloponnèse. Người Achéen xuất phát từ vùng đất này; tên gọi "Achéen" được Homère sử dụng để chỉ người Hy Lạp trong đội quân đánh thành Troie, nên về sau nhiều khi được dùng như tên gọi chung chỉ người Hy Lạp.
- Acropole: khu thành ở Athènes.
- Adranon (Adranum): thành phố phía Đông Sicile, ở thượng nguồn sông Adranos.
- Aemilii: dòng họ La Mã nổi tiếng.
- Agrigente (Agrigentum): thành phố cách Syracuse 90 dặm về phía tây, nằm trên bờ biển phía nam của đảo Sicile. Cư dân đầu tiên là người Crète và người đảo Rhodes. Là quê hương triết gia nổi tiếng Empédocle, người bảo vệ lý tưởng dân chủ, sau bị lưu đày và chết ở Péloponnèse.
- Albe: thành phố Latin, ở phía đông nam Rome, theo truyền thuyết do con cháu của Énée lập ra.
- Alcméonide: dòng họ lớn ở Athènes.
- Alexandrie: thành phố do Alexandre Đại đế lập ra vào năm 332, nằm ở phía tây đồng bằng sông Nil thuộc Ai Cập; là cảng bên bờ Địa Trung Hải và là trung tâm văn hoá lớn thời cổ đại. Hiện nay là cảng chính, phục vụ cho cả mục đích dân sự và quân sự, và là thành phố lớn thứ hai của Ai Cập (sau Cairo).
- Amphipolis: thành phố nằm ở cửa sông Strymon, dòng sông được lấy làm biên giới giữa Macédoine và Thrace (Hy Lạp).
- Antium: thành phố thuộc vùng Latium.
- Aphidna: một tổng thuộc xứ Attique.

- Araxe: con sông thuộc xứ Arménie.
- Arbèles: thành phố thuộc Assyrie, nơi Alexandre Đại đế chiến thắng quân Ba Tư của quốc vương Darius III vào năm 331 tCN.
- Arcadie: vùng đất nằm ở trung tâm Péloponnèse.
- Argos: thủ phủ vùng Argolide thuộc Péloponnèse. Được coi là thành phố cổ nhất của Hy Lạp, có phế tích của đền thờ nữ thần Héra.
- Asculum: thành phố phía Nam Ý, nơi Pyrrhos từng chiến thắng quân La Mã vào năm 279 tCN.
- Athènes: sớm trở thành một thành phố Hy Lạp từ khoảng giữa thế kỷ IX tCN và được coi là cái nôi của văn minh phương Tây. Nay là thủ đô và là thành phố lớn nhất của Hy Lạp.
- Atlantide: thành phố huyền thoại, được Platon nhắc đến trong *Timée* và *Critias*.
- Attique: vùng đồi núi thuộc miền Nam Hy Lạp, nơi có thành phố Athènes.
- Aulis: thành phố vùng Béotie (gần Thèbes và Chéronée), nằm trên bờ biển phía đông Hy Lạp, đối diện đảo Eubée. Theo thần thoại Hy Lạp, nơi đây là điểm khởi đầu cho cuộc hành trình chiến đấu với thành Troie vì tại đây Agamemnon bị thần linh thử thách bằng cách buộc ông phải cúng tế con gái mình là Iphigénie (Euripide có vở kịch *Iphigénie à Aulis* nổi tiếng, đã được dịch ra tiếng Việt; sau này Racine cũng viết một vở *Iphigénie*).
- Aventin: một trong bảy ngọn đồi thiêng của Rome.
- Babylone: thành phố thuộc vùng Lưỡng Hà, giữa sông Euphrate và Tigre, ở gần Baghdad thủ đô Iraq. Được coi là một trong những thành phố lớn nhất của thế giới cổ đại. Là thủ đô của đế chế Babylone vào thiên ki II và I tCN. Tại đây, các nhà khảo cổ tìm được tàn tích của vườn treo Babylone, một trong bảy kỳ quan của thế giới cổ đại.

- Bactres: thủ đô Bactriane, thuộc Trung Á, nay thuộc Bắc Afghanistan, Nam Uzbekistan và Tây Tajikistan.
- Beneventum: trước khi Pyrrhos bị thua trận ở đây năm 275 tCN, thành phố này có tên là Maleventum (gió yếu); sau chiến thắng của người La Mã trước Pyrrhos, thành phố được đổi tên là Beneventum (gió mạnh). Ngày nay là Benevento, thủ phủ tỉnh Benevento miền Nam Italia.
- Béotie: vùng đất thuộc Hy Lạp, gần Attique, có thành phố Chéronée quê hương Plutarque.
- Béroia: thành phố thuộc Macédoine.
- Bithynie: vùng đất phía bắc Tiểu Á.
- Biturige: tộc người sống ở miền Trung xứ Gaule.
- Bosphore: eo biển quan trọng thuộc Thổ Nhĩ Kỳ ngày nay, nối biển Marmara và Biển Đen.
- Brundisium: vùng thuộc địa Latin ở Nam Ý, nay là Brindisi.
- Bucéphalie (Bucephalia): thành phố cổ do Alexander Đại đế lập ra gần sông Hydaspes, thuộc Ấn Độ, theo tên con ngựa của mình (Bucéphale).
- Byzance: thành phố Hy Lạp cổ đại, ngày nay là thành phố Istanbul, Thổ Nhĩ Kỳ. Năm 196, bị người La Mã chinh phục, đến năm 330, được hoàng đế Constantin Đệ nhất đổi tên thành Constantinople, kinh đô của Vương quốc Byzance, Đông La Mã, đối trọng với thủ đô phía tây là Rome, cho tới năm 1453 khi bị quân Ottoman chiếm.
- Cadmée: thành của Thèbes, được đặt theo tên người anh hùng Cadmos.
- Camarina: thành phố thuộc Sicile.
- Campanie: vùng đất phía nam Ý
- Cannes: thành phố nay thuộc Pháp, xưa thuộc Apulie, nơi quân La Mã thất bại trước Hannibal vào năm 216 tCN.
- Canope: thành phố thuộc châu thổ sông Nil, Ai Cập.

- Canusium: thành phố thuộc Apulie.
- Capitole: một trong bảy ngọn đồi thiêng ở Rome.
- Capoue: thành phố thuộc Campanie.
- Cappadoce: vùng thuộc Tiểu Á.
- Carie: vùng thuộc Tiểu Á, nay thuộc miền Nam Thổ Nhĩ Kỳ.
- Carmentale: một cửa ô của Rome.
- Carthage: thành phố được thành lập vào thế kỷ IX tCN ở Bắc Phi, trung tâm của một đế quốc lớn bên bờ Địa Trung Hải, rất mạnh về thương mại, từng bị đế quốc La Mã phá hủy vào thế kỷ II tCN sau khi Hannibal thất trận, nay thuộc lãnh thổ Tunisie.
- Catane (Catania): thành phố bên bờ Địa Trung Hải, nay là thủ phủ của tỉnh Catania, thuộc đảo Sicile, Italia.
- Celtibère: tộc người sống ở bán đảo Ibérie.
- Céos: đảo trong biển Égée.
- Céphise: dòng sông thuộc Béotie, nơi Thésée từng đi qua khi từ Trézène đến Attique.
- Chalcédoine: thành phố thuộc Tiểu Á, đối diện với Byzance.
- Chalcidique: vùng đất thuộc miền Nam Macédoine.
- Chalcis: thành phố trên đảo Eubée, rất cổ xưa, từng được Homère nhắc tên trong trường ca *Iliade*.
- Chéronée: thành phố nhỏ ở vùng Béotie, quê hương của Plutarque.
- Chios: đảo trong biển Égée.
- Chypre (Cyprus): đảo lớn ở Địa Trung Hải, gần bờ biển Syrie.
- Cilicie: vùng lãnh thổ nhỏ thuộc đế chế Ba Tư, nay thuộc miền Nam Thổ Nhĩ Kỳ.
- Cimbre: tộc người Germain.
- Cimmérien: tộc người huyền thoại sống ở tận cùng thế giới theo quan điểm cổ đại.

- Circus Maximus: võ đài (arène) lớn ở Rome, nay vẫn còn phế tích ở rìa thành phố.
- Cithéron (dãy núi): địa danh nổi tiếng trong lịch sử Hy Lạp cổ đại, phân chia lãnh thổ Béotie với Attique; pháo đài cổ của thành phố Thèbes từng tọa lạc ở phía bắc dãy núi, còn ở sát sườn núi là những dấu tích của thành phố cổ Plataea. Theo thần thoại Hy Lạp, đây chính là nơi vua Laius của Thèbes đã từ bỏ con trai Oedipe của mình. Ngày nay là núi Kithairon Oros, cao 1409 m.
- Cition: thành phố nằm ở bờ phía nam đảo Chypre.
- Clazomènes: thành phố thuộc Tiểu Á.
- Clusium: thành phố thuộc Étrurie.
- Cnide: thành phố ven biển, phía tây nam Tiểu Á.
- Cnossos: thành phố huyền thoại, trung tâm đảo Crète; theo thần thoại, là nơi ở của vua Minos.
- Colchide: vùng đất nằm ở phía đông Biển Đen, phía nam dãy Caucase.
- Colline: cửa ô của Rome.
- Colophon: thành phố ở Tiểu Á, phía bắc Éphèse.
- Comitium: địa danh nơi diễn ra các cuộc hội họp lớn của Rome thời Cộng hòa.
- Commagène: vùng ở phía bắc Syrie.
- Corcyre: đảo ở biển Ionie.
- Corinthe: thành phố Hy Lạp phát triển từ thiên niên kỷ II tCN khi người Dorien đến ở; là trung tâm thương mại chính của Hy Lạp vào năm 650 tCN; nay là thành phố thuộc vùng Péloponnèse.
- Coronée: thành phố vùng Béotie.
- Corse: đảo lớn thuộc Địa Trung Hải, nay thuộc Pháp.
- Cos: đảo ở biển Égée.

- Crannon: thành phố thuộc Thessalie, nơi xảy ra trận đánh giữa người Hy Lạp và quân Macédoine dưới sự chỉ huy của Antipatros vào năm 322 tCN.
- Crète: một vùng đất cư trú khác của người Dorien, sau khi nền văn minh cổ của người Minoen lui tàn. Nền văn minh nơi đây có rất nhiều quan hệ với Ai Cập và Lưỡng Hà. Người Mycène, một thành phố Hy Lạp cổ đại ở vùng Péloponnèse, từng xây dựng được một trung tâm văn hóa thời đại đồ đồng trước khi sụp đổ khoảng năm 1100 tCN, đã chinh phục rồi phá hủy vương quốc của người Minoen và chiếm đảo Crète. Sau này, người Dorien kế thừa người Mycène cai trị vùng đất này. Crète là đảo lớn nhất của Hy Lạp ở Địa Trung Hải, đúng hơn là ở phía nam biển Égée.
- Cumes: tên một thuộc địa cổ của Hy Lạp, phía bắc Napoli.
- Cyanées: chùm đảo hiểm trở ở lối vào eo biển Bosphore.
- Cymè: thành phố thuộc Tiểu Á.
- Cynoscéphales: dãy núi thuộc Thessalie.
- Cythère: đảo ở phía nam Péloponnèse.
- Cyzique: thành phố thuộc Tiểu Á, vùng Phrygie, bên bờ eo biển Hellespont.
- Damas (Damascus): được ghi trong sử sách của Ai Cập với tư cách là một thành phố có từ khoảng TK XV tCN, một trong những thành phố cổ nhất trên thế giới có cư dân sống liên tục trong suốt các thời kỳ lịch sử; nay là thủ đô của Syria.
- Décélie: tổng thuộc vùng Attique.
- Délion: thành phố thuộc Béotie.
- Délos: đảo thuộc quần đảo Cyclade trong biển Égée, có đền thờ nổi tiếng thờ Apollon.
- Delphes: ngôi đền nổi tiếng thờ Apollon, ở xứ Phocide, được xây dựng từ rất xa xưa.
- Delphinion: đền thờ Apollon.

- Démétrias: một bộ lạc của Athènes.
- Dioscure: tên chung chỉ hai anh em Castor và Pollux.
- Dipylon: cửa ô phía Tây Bắc Athènes (trong khu Céramique).
- Dodone: thành phố của Épire, có đền thờ Zeus.
- Doride: vùng đất thuộc miền Trung Hy Lạp.
- Dorien: một trong ba tộc người chính của Hy Lạp cổ, hai tộc kia là Éolie và Ionie. Theo truyền thuyết, người Dorien lấy tên mình theo Dorus, con trai của Hellen, người đã sống ở Doris, mảnh đất của người Dorien. Người Dorien di cư tới đảo Crète và các đảo khác ở biển Égée. Truyền thuyết cũng kể rằng người Dorien xâm chiếm bán đảo Péloponnèse vào khoảng năm 1104 tCN, từ đó họ lại xâm chiếm phía tây nam Tiểu Á và các đảo láng giềng như Sicile. Họ nói thổ ngữ Hy Lạp cổ, gọi là tiếng Dorique.
- Dymè: thành phố thuộc vùng Achaïe.
- Dyrrachium: thành phố bên bờ Illyrie, nay thuộc Albania, được thành lập năm 627 tCN với tên Épidamne.
- Ecbatane: thủ phủ của đế chế của người Mède, nay là Hamadhan, thành phố thuộc miền Tây Iran.
- Édessa: thành phố thuộc Macédoine.
- Éduen: tộc người ở miền Đông và Trung xứ Gaule.
- Égée: biển ở Địa Trung Hải, giữa Hy Lạp và Thổ Nhĩ Kỳ; có hàng trăm đảo nhỏ. Égée cũng là tên người cha của anh hùng Thésée.
- Égéis: một trong mươi bộ lạc của Athènes.
- Éion: thành phố thuộc Macédoine.
- Élatée: thành phố vùng Phocide (Trung Hy Lạp).
- Élée (Elea, Vélia): thành phố của Ý, trên bờ biển Tyrrhénienne.
- Éleusis: thành phố thuộc vùng Attique.

- Élis: thành phố phía tây Péloponnèse.
- Élide: vùng đất ở phía bắc Tiểu Á.
- Éphèse: thành phố được thành lập từ TK XIII tCN bởi các tín đồ của nữ thần Cybèle; cư dân sau đó là người Ionie và người La Mã. Chính tại đây, người La Mã đã xây dựng đền thờ thần Artémis, một trong bảy kỳ quan của thế giới cổ đại. Hiện nay, khu vực này thuộc Izmir, Thổ Nhĩ Kỳ và là một trong những di chỉ khảo cổ lớn nhất thế giới.
- Épidaure: thành phố ở phía đông bắc Péloponnèse.
- Épire (Epirus): vùng đất ở miền Tây Bắc Hy Lạp, người dân ở đây xưng tụng vua Pyrrhos (Neoptolemus) như là con trai của người anh hùng Achille, chiến binh Hy Lạp lừng danh trong trận chiến thành Troie. Cả Pyrrhos và Alexandre đều xứng đáng là hậu duệ của Achille, người cũng giống như họ là một chiến binh kiêu hãnh không bao giờ vừa lòng với sự yên ổn.
- Étolie: vùng đất ở miền Trung Hy Lạp.
- Étrurie: vùng đất thuộc Ý, ở phía bắc Rome, nơi cư trú của người Étrusque, chủ nhân của một nền văn minh rực rỡ nhưng đầy bí ẩn, có nhiều giao lưu với người La Mã, thậm chí một số vị vua đầu tiên của Rome cũng là người Étrusque.
- Eubée (Euboea): đảo lớn ngoài khơi biển Égée, gần Athènes, , nay thuộc miền Trung Hy Lạp.
- Eumolpide: dòng họ trông coi việc tế lễ ở thành phố thiêng liêng Éleusis.
- Eupatride: dòng họ lớn của Athènes.
- Euphrate: sông lớn của vùng Lưỡng Hà.
- Eurotas: sông ở vùng Péloponnèse, chảy qua Sparte.
- Eurymédon: sông ở Pamphylie (phía nam Tiểu Á).
- Eurypontide: tên chỉ con cháu của Eurypon, dòng con thứ của nhà Agiade, dòng dõi vương gia ở Sparte.

- Fabii: dòng họ lớn của La Mã.
- Faléries: thành phố thuộc Étrurie.
- Fécial (số nhiều: féciaux): tên chỉ các vị thầy tế La Mã chuyên trông coi các địa điểm dành cho các hiệp ước.
- Fidènes: thành phố thuộc Étrurie.
- Flamine: tên gọi các thầy tế La Mã thuộc quyền quản lý của giáo trưởng.
- Forum: quảng trường của Rome, nơi diễn ra những sự kiện cộng đồng lớn nhất của thành phố.
- Galatie: vùng thuộc Tiểu Á.
- Gaugamèles (cũng có tên là Arbela): thành phố do người Sumérien thành lập từ khoảng năm 2300 tCN, là một trong những thành phố cổ nhất thế giới có cư dân sinh sống trong suốt các thời kỳ lịch sử, trước tiên là một ngôi làng ở Assyrie, phía đông sông Tigre, nơi Alexandre Đại đế từng chiến thắng quân Ba Tư của Darius năm 331 tCN; nay là thành phố Irbil ở phía bắc Iraq.
- Gaule: vùng đất ngày nay chủ yếu thuộc Pháp. Người Gaulois là những chiến binh hung dữ, đã chiếm và tàn phá Rome vào năm 390 tCN. César là người có công lớn trong việc chinh phục và bình định vùng đất lớn của người Ngoại di này, sau đó ông còn vượt biển chinh phục một phần phía nam nước Anh hiện nay.
- Gaza: thành phố bên bờ Địa Trung Hải, thuộc Syrie, vùng đất nổi tiếng bị tranh chấp giữa Israel và Palestine.
- Gédrosie (sa mạc): phía nam Iran hiện nay.
- Géronte: tên chỉ những người thuộc hội đồng lập pháp của Sparte.
- Gète: tộc người ở Scythie.
- Gibraltar: bán đảo nằm ở phía nam Tây Ban Nha, thuộc sở hữu của Vương quốc Anh. Gibraltar cũng là tên của eo biển nổi tiếng nối Địa Trung Hải với Đại Tây Dương.

- Gordion (Gordium): thủ phủ xứ Phrygie (cách Ankara thủ đô Thổ Nhĩ Kỳ hiện nay 100 km về phía tây).
- Gracchus: dòng họ nổi tiếng, nắm quyền ở La Mã vào khoảng TK II và I tCN, chủ trương nhiều cải cách về chính trị.
- Granique: sông chảy ven biển Tiểu Á, nơi Alexandre chiến thắng quân Ba Tư năm 334 tCN.
- Gythion: cảng biển ở Sparte.
- Halicarnasse (Halicarnassus): thành phố thuộc Carie (phía nam Tiểu Á).
- Halonnèse: đảo ở phía bắc biển Égée.
- Hécatombaion: địa danh nằm gần thành phố Dymè (Achaïe), trùng với tên một tháng của người Hy Lạp.
- Hélicon: núi ở vùng Béotie.
- Héliopolis: thành phố của Ai Cập, được đặt theo tên thần Mặt trời.
- Hellespont: tên gọi cũ của eo biển Dardanelles- eo biển ngăn cách châu Á và bán đảo Galliponi thuộc châu Âu của Thổ Nhĩ Kỳ, nối biển Égée với biển Marmara.
- Héraclée (Heraclea): thành phố thuộc vùng Pont-Euxin, trùng tên với một thành phố khác thuộc Ý, gần vịnh Tarente và một thành phố gần Thermopyles.
- Hérachide: tên dùng để chỉ hậu duệ của người anh hùng Héraclès.
- Héraia: thành phố vùng Arcadie.
- Hermionè: thành phố thuộc Argolide.
- Hétaire: tên dùng để chỉ các bạn đồng ngũ của Alexandre thuộc tầng lớp quý tộc Macédoine.
- Hiérapolis: thành phố thuộc Syrie, hữu ngạn sông Euphrate.
- Hyrcanie: vùng thuộc Tiểu Á, phía đông nam biển Caspienne.

- Ibérie: một trong những tên cổ dùng để chỉ Tây Ban Nha.
- Illyrie (Illyry): vùng lãnh thổ ở phía tây Macédoine và phía bắc Thessalie, bên bờ biển phía đông biển Adriatique, nay là khu vực thuộc các nước thuộc Cộng hoà Nam Tư cũ: Slovénie, Croatie, Bosnie-Herzegovine.
- Insubre: tộc người Celtic, thuộc những cư dân đầu tiên sống ở Bắc Ý (gần Milan ngày nay).
- Ionie (Ionia): vùng thuộc trung tâm Tiểu Á, nay nằm ở phía Tây Thổ Nhĩ Kỳ, bị người Hy Lạp chiếm đóng vào khoảng năm 1000 tCN; biển Ionie lại là vùng biển ở phía nam Hồng Hải, giữa Ý và Hy Lạp.
- Ipsos: địa danh xứ Phrygie (phía đông Tiểu Á).
- Issos (Issus): thành phố nơi diễn ra ba trận chiến nổi tiếng: Alexander Đại đế đánh thắng Darius III của Ba Tư năm 333 tCN, Lucius Septimius Severus đánh bại đối thủ đế lên ngôi hoàng đế La Mã năm 194 sCN và hoàng đế Heraclius của Byzance (Thổ Nhĩ Kỳ) đánh thắng người Ba Tư năm 622 Nay thuộc tỉnh Hatay, phía nam Thổ Nhĩ Kỳ.
- Isthme (Isthmus) xứ Corinth: eo đất nối vùng Péloponnèse và Attique của Hy Lạp, nơi tổ chức những kỳ thi điền kinh và võ thuật nổi tiếng.
- Istros: tên cổ xưa của sông Danube.
- Ithomè: núi ở Messénie.
- Janicule: ngọn đồi ở Rome.
- Judée: vùng đất của người Do Thái, thuộc Palestine.
- Lacédémone: tên gọi khác (theo tiếng Hy Lạp) chỉ Sparte.
- Laconie: tên chỉ lãnh thổ của Lacédémone/Sparte.
- Lamia: thành phố của Thessalie (miền Trung Hy Lạp), thuộc tỉnh Hamadhan, Iran ngày nay.
- Lampsaque: thành phố thuộc Tiểu Á, trên Hellespont.
- Lapithe: tộc người huyền thoại ở phía bắc Thessalie.

- Larissa: thành phố ở miền Trung Hy Lạp, thủ phủ vùng Thessalie.
- Latium: vùng ở phía tây Ý, về phía nam Rome, cư dân là người Latin.
- Laurion: ngọn núi ở đông nam Attique.
- Lavinium: thành phố thuộc Latium, cách Rome 20 km, do Énée lập ra.
- Léchaion: cảng của Corinthe.
- Lemnos: đảo ở phía bắc biển Égée.
- Leontini (Lentini): hiện tại thuộc đảo Sicile, cách Syracuse 40 km về phía tây bắc.
- Lesbos: đảo ở phía bắc biển Égée, quê hương của Sappho - nhà thơ nữ nổi tiếng của Hy Lạp; từ “lesbian” chỉ những người đồng tính nữ có gốc từ tên hòn đảo này.
- Leucade: đảo ở biển Ionie.
- Leuctres (Leuctra): thành phố vùng Béotie, nơi xảy ra một trận đánh lớn vào năm 371 tCN với chiến thắng thuộc về người Thèbes dưới sự chỉ huy của Épaminondas. Sau trận này, người Sparte bị mất đi phần lớn ưu thế về sức mạnh quân sự.
- Libye: tên người Hy Lạp cổ dùng để chỉ vùng châu Phi được biết tới khi đó.
- Ligurie: vùng đất phía bắc Italia.
- Lucanie (Lucania): vùng đất cổ ở Ý, nay là Basilicata ở miền Nam Italia.
- Lưỡng Hà (Mésopotamie): vùng đất thuộc Tiểu Á, nằm giữa hai con sông lớn Euphrate và Tigre.
- Lusitanie: vùng đất thuộc bán đảo Ibérie (Bồ Đào Nha).
- Lycie: vùng đất ở phía nam Tiểu Á, nay là tỉnh Antalya thuộc miền Nam Thổ Nhĩ Kỳ.
- Lydie (Lydia): lãnh thổ thuộc đế chế Ba Tư, Trung Tiểu Á, nay thuộc miền Tây Thổ Nhĩ Kỳ.

- Macédoine (Macedonia): vùng lãnh thổ hiện nay gồm miền Bắc Hy Lạp, Albania, Macédoine và một phần Bulgaria; quê hương của Alexandre Đại đế.
- Magnésie: vùng ven biển thuộc Thessalie.
- Maide: tộc người vùng Thrace (vùng Strymon).
- Malée: mũi đất phía Nam Péloponnèse.
- Mamertum: thuộc Sicile.
- Mantinée: thành phố thuộc vùng Arcadie, nơi xảy ra trận đánh lớn năm 418 tCN với chiến thắng của Sparte trước Athènes trong cuộc chiến tranh Péloponnèse.
- Marathon: tổng nằm ở đông bắc Attique, cách Athènes khoảng 25km; nơi xảy ra trận đánh của người Hy Lạp với quân Ba Tư năm 490 tCN.; Tên địa danh này được đặt cho môn thể thao chạy cự ly dài-Marathon.
- Marse: tộc người ở miền Trung Ý.
- Médie (cư dân là người Mèdes): vùng đất thuộc châu Á, về phía nam biển Caspienne.
- Médiolanum: thành phố xứ Gaule Transpadane (nay là Milan)
- Mégalopolis: thành phố lớn nhất của Arcadie xưa kia, nay thuộc Arkadia, vùng Péloponnèse.
- Mégare (Megara): thành phố ở miền Trung Hy Lạp, cách Athènes 33 km về phía tây; đảo Salamine, nơi Thémistocle chiến thắng vang dội quân Ba Tư nằm giữa hai thành phố này; đây là quê hương của nhà toán học Hy Lạp vĩ đại Euclide (sống vào khoảng năm 300 tCN).
- Mélos: đảo ở biển Égée, phía đông Péloponnèse.
- Messénie: thành phố ở phía đông nam Péloponnèse.
- Messine: thành phố ở đông bắc Sicile.
- Milet (Miletus): thành phố Hy Lạp cổ ở Ionie; là thành phố thịnh vượng nhất trong 12 thành phố thuộc liên bang Ionie, có tới bốn cảng buôn bán sầm uất và cũng là quê hương của các triết gia Hy Lạp nổi tiếng Thalès và Anaximandre.

- Misène: thành phố ở vùng Campanie.
- Molosse: tộc người ở Épire (vùng Molosside).
- Mounychie: một trong ba cảng biển của Athènes, nằm phía đông Pirée, chủ yếu cho tàu chiến.
- Munda: thành phố của Tây Ban Nha (nay là Montilia, thuộc Andalousie).
- Muses: tên dùng để chỉ các nữ thần Nghệ thuật trong thần thoại Hy Lạp.
- Mycale: mũi đất ở bờ biển Ionie.
- Mytilène: thành phố chính của đảo Lesbos.
- Naxos: thành phố ở Sicile (nay là Giardini-Naxos, gần Taormina), trùng tên với đảo Naxos trong quần đảo Cyclade ở biển Égée.
- Numance: thành phố ở Tây Ban Nha, về phía bắc Soria ngày nay, ở tả ngạn sông Douro.
- Numidie: vùng đất ở phía bắc châu Phi.
- Nymphé: tên dùng để chỉ các tiên nữ sông suối.
- Odéon: sân khấu kịch ở Athènes.
- Olympie: địa danh ở Hy Lạp, theo thần thoại là nơi ở của các vị thần tối cao, dưới triều thần Zeus.
- Orchomène: thành phố vùng Arcadie, trùng tên với một thành phố vùng Béotie.
- Ostie: cảng của Rome.
- Palatin: một trong bảy đồi thiêng ở Rome.
- Palus Méotis: tên cổ của biển Azov.
- Paphlagonie: vùng đất ở phía bắc Tiểu Á.
- Parthénon: ngôi đền thờ Athéna, ở khu Acropole, Athènes.
- Parthes (Parthia): đế chế Parthes, ngày nay là vùng Turmenistan, Afghanistan và Bắc Iran. Thành ngữ "phát bắn Parthes" xuất phát từ việc một cung thủ Parthes vừa giả vờ

rút lui vừa giương cung bắn về phía kẻ thù (hơi giống đòn “hồi mã thương” của các chiến binh Trung Quốc cổ).

- Patras: thành phố vùng Achaïe.
- Pella: thành phố của Macédoine.
- Péloponnèse (Peloponnesus): vùng đất ở phía tây Hy Lạp, nối với Attique bằng eo đất Corinthe. Trong sách này có nhiều chỗ nhắc đến Cuộc chiến Péloponnèse, cuộc chiến tranh giữa hai phe, một do Sparte dẫn đầu và một dưới quyền chỉ huy của Athènes, một bên có ưu thế trên đất liền và bên kia thống trị biển cả. Cuộc chiến xảy ra từ năm 431 đến 404 tCN với các trận đánh lớn ở Delium (vùng Béotie) năm 424 tCN, ở Mantinée năm 418 tCN, ở Syracuse năm 413 tCN. Cuối cùng Athènes chịu thua và mất phần lớn hạm đội hùng mạnh của mình. Sử gia lừng danh Thucydide từng trực tiếp tham gia cuộc chiến tranh kéo dài này và viết bộ sử vĩ đại *Cuộc chiến Péloponnèse*.
- Péonie: vùng ở phía bắc Macédoine.
- Pergame: thành phố thuộc Tiểu Á (nay gần Bergama, Thổ Nhĩ Kỳ), một thành phố rất thiện chiến, nhưng vào TK I tCN, vua Attale III di tặng cá vương quốc cho Rome.
- Perséphone (đêm): Perséphone (Proserpina) là con gái thần Zeus (Jupiter), chúa tể các vị thần và Déméter (mẹ nàng, em gái Zeus) là thần nông nghiệp. Một hôm, khi nàng Perséphone trẻ trung đang vui chơi ngắm hoa xuân thì thần Hadès (Diêm vương), em của cha nàng đã bắt nàng đưa về vương quốc tối tăm trên cổ xe đèn để bắt nàng làm vợ mình. Déméter đau buồn đến mức không cho cây cối mọc trên mặt đất nữa. Zeus phải dàn xếp để hằng năm Perséphone lên mặt đất ở với mẹ sáu tháng, sáu tháng còn lại nàng ở với chồng trong vương quốc tối tăm của Diêm vương. Sự trở lại của nàng được coi là dấu hiệu mùa xuân đến.
- Persépolis: theo tiếng Hy Lạp có nghĩa là "Thành phố của

người Ba Tư”, một trong những thủ đô của đế chế Ba Tư cổ đại, là nơi ở của vua Darius I từ cuối thế kỷ VI tCN. Bị phá hủy sau trận đánh của Alexandre Đại đế năm 330 tCN. Ngày nay, nơi đây là một di chỉ khảo cổ, có 13 cột đá khổng lồ Apadana và nhiều di tích khác, thuộc miền Tây Nam Iran.

- Phalère: cảng biển của Athènes, trước khi có Pirée.
- Pharos: đảo ở cửa sông Nil
- Pharsale (Pharsalus): thành phố thuộc vùng Thessalie, nơi César chiến thắng Pompée năm 48 tCN để xóa bỏ chế độ Tam hùng và trở thành người có quyền lực lớn nhất La Mã.
- Phénicie: đất nước nằm dọc theo bờ biển Syrie, cư dân rất cổ và rất giỏi buôn bán.
- Phocide: vùng đất thuộc miền Trung Hy Lạp.
- Phrygie: vùng đất thuộc đế chế Ba Tư, Bắc Tiểu Á, nay thuộc miền Bắc Thổ Nhĩ Kỳ, nơi có thủ đô Ankara.
- Pirée: cảng biển của Athènes.
- Pisistratide: tên gọi dùng để chỉ hậu duệ của Pisistrate, bạo chúa Athènes (khoảng 600-528/529 tCN)
- Platées: địa danh thuộc vùng Béotie, nơi xảy ra trận đánh năm 479 tCN giữa Hy Lạp và Ba Tư, nhưng vào năm 427 tCN bị san phẳng.
- Pnyx: ngọn đồi ở Athènes, phía tây khu Acropole.
- Pô: sông của Ý.
- Pont: vùng đất ở phía bắc Tiểu Á, bên bờ Biển Đen.
- Pont-Euxin: tên cổ chỉ Biển Đen.
- Portique: tên chỉ trường phái triết học Khắc kỷ.
- Potidée: thành phố ở Chalcidique thuộc Corinthe.
- Préneste: thành phố vùng Latium (nay là Palestrina).
- Prytanée: tên chỉ phòng họp của quan chức thành phố Athènes.

- Pydna: thành phố ở phía nam Macédoine.
- Pylos: thành phố ở phía nam Messénie.
- Pythô: tên cũ của đền Delphes.
- Quirinal: một trong bảy ngọn đồi thiêng ở Rome.
- Quirites: tên chỉ những cư dân đầu tiên của Rome.
- Rhégium: thành phố nằm ở mỏm cực nam của bán đảo Ý, là thuộc địa của Hy Lạp từ TK VIII tCN. Ngày nay là Reggio di Calabria, thủ phủ của tỉnh Reggio Calabria.
- Rome: theo truyền thuyết, do anh em Romulus và Rémus, hậu duệ của Énée người thành Troie lập ra. La Mã cổ đại nhanh chóng phát triển một nền cộng hoà sớm vào TK VI tCN và lên đến đỉnh cao trước khi suy tàn vào đầu TK II tCN. Đế chế La Mã kể từ hoàng đế đầu tiên, Auguste, con nuôi César, thống trị một lãnh thổ vô cùng rộng lớn, trước khi bị người Germain kéo xuống tàn phá vào năm 476 sCN; nhưng sau đó Rome phía Đông với thủ đô là Constantinople còn tồn tại cho đến TK XV. Rome là thủ đô của nước Ý thống nhất từ năm 1871.
- Sabin: tộc người được sáp nhập với người Latin để tạo ra cư dân ban đầu của thành phố Rome (do công lao của Romulus).
- Salamine (Salamis): đảo gần Athènes, thuộc vùng Attique; quê hương của Ajax và Teucer - các anh hùng Hy Lạp huyền thoại trong sử thi của Homère.. Đây cũng là nơi người Hy Lạp dưới sự chỉ huy của Thémistocle đã chiến thắng vang dội quân Ba Tư vào năm 480 tCN.
- Samos: đảo ở biển Égée.
- Samothrace: đảo ở phía bắc biển Égée.
- Sardaigne: đảo lớn ở Địa Trung Hải, gần đảo Corse, nay thuộc Italia.
- Sardes: thành phố vùng Lydie, nay thuộc miền Tây Thổ Nhĩ Kỳ.

- Scotoussa: thành phố vùng Thessalie.
- Scyros (Skiros): đảo thuộc Hy Lạp ở biển Égée.
- Scythie: vùng đất thuộc miền Trung và miền Đông châu Âu.
- Séleucie: thành phố vùng Luông Hà.
- Sellasie (Sellasia): rất gần Sparte, thuộc Laconie, ở Peloponnièse.
- Séquane: một tộc người xứ Gaule.
- Sestos: thành phố quan trọng trên bờ Chersonèse, xứ Thrace, đối diện với Abydos.
- Sicile (Sicily): đảo lớn nhất ở Địa Trung Hải, từng là thuộc địa của người Phénicie, người Hy Lạp và người Carthage từ TK VIII tCN, của người La Mã từ TK III tCN, người Vandal và người Goth từ TK V sCN, người Byzance từ TK VI, người Hồi giáo Bắc Phi từ TK IX và người Bourbon Tây Ban Nha từ giữa TK XVIII. Sicile là một phần của nước Ý thống nhất vào năm 1861. Hòn đảo cũng nổi tiếng vì mối quan hệ thân thiết trong gia đình người dân và mạng lưới mafia bắt nguồn từ TK XVIII.
- Sicyon: thành phố Hy Lạp cổ, gần Argos.
- Sparte (Sparta): thành phố Hy Lạp nổi tiếng nhất bán đảo Péloponnièse, nơi người Dorien đến định cư từ xưa. Với các cải cách chính trị và hành chính của Lycurgue, trong suốt nhiều năm liền Sparte được coi là thành phố mạnh nhất Hy Lạp về quân sự với rất nhiều danh tướng tài ba. Trải qua nhiều cuộc chiến tranh và bị hủy diệt nhiều lần, các di tích ở đây không được tìm thấy nhiều. Hiện tại Sparte là một đơn vị hành chính nhỏ, thủ phủ của vùng Lakonia.
- Suse (Susa): thành phố Ba Tư, một trung tâm hành chính quan trọng, nay là Shush thuộc lãnh thổ Iran, nằm gần biên giới Iran-Iraq.
- Sybaris: thành phố ở phía nam Ý, bên bờ vịnh Tarente.

- Syracuse: thành phố Corinthe của Hy Lạp cổ đại đã xâm chiếm và lập ra Syracuse trên đảo Sicile vào năm 733 tCN, sau đó Syracuse trở thành thành phố lớn nhất và quyền lực nhất trên đảo Sicile. Ngày nay Syracuse phải nhường vị trí này cho thành phố Palermo, thủ phủ của cả đảo.
- Tanagra: thành phố thuộc Béotie.
- Tarente (Tarentum): ngày nay là thành phố Taranto, Đông Nam Italia.
- Tarpéia: tên mỏm đá ở phía tây nam đồi Capitole, nơi xử những kẻ phạm tội bằng cách đẩy xuống khỏi đồi.
- Tauromentium: thuộc Sicile.
- Taygète (Taygetus): ngọn núi ngay bên ngoài thành phố Sparte.
- Tégée: vùng màu mỡ ở phía bắc Hy Lạp, thuộc vùng Arcadie, một trong những nơi có đền thờ nữ thần Athéna.
- Tégyres: thành phố thuộc vùng Béotie, nơi Pélopidas chiến thắng vang dội trước quân Sparte, vào khoảng năm 375 tCN.
- Tempè: thung lũng ở Thessalie.
- Ténare: mũi đất ở phía nam Péloponnèse.
- Teuton: một tộc người Germain, từng đánh nhau với La Mã.
- Thalamae: nay là Thalamai nằm bên bờ Địa Trung Hải, thuộc Péloponnèse.
- Thapsus: thành phố ở Byzacène (Tunisie).
- Thasos: đảo ở phía bắc biển Égée.
- Thèbes: thành phố vùng Béotie, phía tây bắc Athènes. Là thành phố Hy Lạp cổ được nói đến nhiều nhất trong các huyền thoại và truyền thuyết với các câu chuyện về vua Oedipe, anh em sinh đôi Amphion và Zéthus, và cũng là nơi sinh của anh hùng Héraclès. Thành phố có hai danh tướng nổi tiếng mà Plutarque hết sức khâm phục, đó là Épaminondas và Pélopidas, những người đánh thắng quân

Sparte hùng mạnh đế dành lại độc lập cho thành phố của mình. Tại vị trí của Thèbes ngày nay là thị trấn Thivai thuộc miền Trung Hy Lạp.

- Thesphies: thành phố thuộc Béotie.
- Thessalie (Thessaly): trước kia là một vùng đất rộng lớn không liên minh với Hy Lạp, bao gồm gần như toàn bộ miền Trung Hy Lạp và một phần Albanie ngày nay. Xưa kia, nơi đây cung cấp giống ngựa tốt nhất Hy Lạp và được quân đội của Alexandre Đại đế và vua Philippe II sử dụng. Hiện nay, vùng Thessalie của Hy Lạp chỉ nhỏ bằng khoảng một phần ba ngày trước.
- Thrace: xưa kia là một vùng đất rộng lớn do một dân tộc hiếu chiến thành lập nên vào khoảng TK V tCN, thuộc đế chế Ba Tư, nay là một phần lãnh thổ của Hy Lạp, Bulgarie và một phần của Thổ Nhĩ Kỳ. Tên gọi Thrace sau này dùng để chỉ phần lớn phía đông bán đảo Balcan.
- Tibre: sông chảy qua Rome.
- Tigre: một trong hai sông lớn của vùng Lưỡng Hà.
- Toscane (Tuscany): vùng thuộc Étrurie.
- Trézène: thị trấn có đền thờ thần mặt trời Helios, ở phía bắc vùng Argolide. Tại nơi đây, người anh hùng Thésée được sinh ra, sống với mẹ và ông ngoại Pithée, vua Trézène, khi lớn lên chàng sẽ đi từ đó sang Athènes để gặp người cha Égée của mình.
- Troie: thành phố đồi thủ của người Hy Lạp trong cuộc chiến thành Troie, ở phía tây bắc Tiểu Á; vị trí hiện nay cách cực nam của eo biển Dardanelles (Hellespont) 6 km, thuộc Thổ Nhĩ Kỳ. Thành Troie được nói đến trong trường ca *Iliade* của Homère, được cho là thành Troie VIIA; thành Troie I được xây cùng vị trí từ khoảng đầu Kỷ đồ bạc, khoảng năm 3000 tCN, thành Troie VI bị động đất phá hủy, còn thành Troie IX được xây sau này tồn tại từ TK I tCN đến khoảng năm 500 sCN.

- Tusculum: thành phố vùng Latium.
- Tyre (Sur): cảng biển quan trọng của người Phénicie từ khoảng năm 2000 tCN, vùng đất này hay được nói đến trong Kinh thánh, nay là thành phố Sur thuộc lãnh thổ Liban.
- Utique: cảng ở Numidie (nay thuộc Tunisie).
- Véies: thành phố vùng Étrurie.
- Vestale: tên để chỉ các trinh nữ chuyên thờ ngọn lửa thiêng của Rome, do vua Numa lập ra dưới triều đại của mình.
- Volsque: một tộc người Latium.

CHỈ DẪN TÊN RIÊNG

A

Acca Larentia (Aka Larenxia), 126
Acca Larentia XE "Acca Larentia"
(Aka Larenxia), 126
Acron (Acrông), 144, 172
Agésilas (Azêzilax)/Agesilaus, 10,
16, 204, 232, 296
Aidoneus (Aiðônôx), 112, 115
Aithra/Aethra, 78-79, 115
Albe (Anb)/Alba, 71, 122-123, 125,
129, 131-132, 155, 162, 164, 171,
315
Alcandros (Ankāngðrôx)/Alcander,
199
Alcibiade (Ankibiad̄)/Alcibiades, 16,
22, 35, 210, 253, 295
Alcmène (Anmen)/Alcmena, 82, 166
Amazone (Amazôn)/Amazon, 39, 77,
104-107, 172, 176
Amulius (Amuliux), 125-126, 128-
129, 131-132, 155, 171
Amulius (Amuliux), 125
Androgée (Āngðrōgiê)/Androgeus,
89-90, 172
Antée (Āngtê)/Antaeus, 85
Antiope (Āngtiôp) 104, 106-108, 176
Antioros (Āngtiôrôx)/Antiorus, 234
Apollon (Apôlông)/Apollo, 78-79,
87-88, 92, 95, 97-98, 154, 192,
244-255, 310, 320
Arcadie (Accadi)/Arcadia, 85, 108,
113, 154, 185, 270, 316, 324, 327-
328, 333
Archélaos (Ackêlaôx)/Archelaus,
191

Argos (Acgôx)/Argus, 109-110, 122,
153, 194, 316, 332
Ariane (Arian)/Ariadne, 93-97, 100,
107, 172, 176
Aristoxène (Aríxtôxen)/Aristoxenus,
234
Arthmiadas
(Actmiâdax)/Arthmiadas, 191
Athènes (Aten)/Athens, 10, 12, 15-
16, 20-21, 26, 28, 32, 36, 47, 52-
54, 57, 59, 65-66, 71-72, 75-81,
84-97, 99-106, 112, 114, 116-118,
172, 176-177, 179-180, 183-184,
192-193, 198, 201, 205, 210, 214,
216, 221-222, 224, 232-233, 255,
262, 289-298, 304, 309-311, 313,
315-316, 321-322, 327-331, 333-
334
Attique (Atic)/Attica, 15, 21, 27, 76-
77, 79, 81, 85- 89, 97, 100, 102,
108, 112-113, 115-116, 175, 204,
214-321, 325- 327, 329, 331
Auguste (Ôguyxt)/Augustus, 17-18,
27, 29, 36, 146, 272, 307, 331

B

Brasidas (Brazidax), 224, 232
Busiris (Buyzirix), 85

C

Céler (Xêle)/Celeres, 135
Centaure (Xăngtor)/Centaur, 108,
110, 172
Céphise (Xêphiz)/Cephisus, 86, 318

Cercyon (Xeckyông), 85, 108
 Charilaos (Karilaôx)/Charilaus, 187, 191, 215
 Chypre (Syp)/Cyprus, 29, 57, 96, 298, 318-319
 Cleidemos (Clâyđêmôx)/Clidemus, 93-94, 106
 Cnossos (Knôxôx)/Knosos, 94, 319
 Corinthe (Côranht)/Corinth, 28, 31, 81, 83, 86, 102-103, 179, 203, 234, 290, 297, 302, 306, 308, 319, 326, 329-330, 333
 Crète (Kret)/Crete, 27, 89, 93-94, 97, 118, 172, 187-188, 200, 234, 245, 266, 315, 319-321
 Cycnos (Kyknôx)/Cycnus, 85

D

Dédale (Đêdan)/Dedalus, 89, 94
 Délos (Đêlôx)/Delos, 97, 289, 293, 302, 320, 315
 Delphes (Đenph)/Delphi, 17, 32, 53, 55, 77-79, 88, 90, 93, 101, 105, 165, 190, 192, 229, 234, 255, 289-290, 310, 320, 331
 Delphinion/Delphimium, 87, 92, 320
 Démétrios (Đêmêtريôx)/Demetrius, 15, 99, 221, 298
 Deucalion (Đocaliông), 94
 Dicéarque (Đixêack)/Dicaearchus, 97, 113
 Diomède (Điômed)/Diomed, 122
 Dioscure (Điôxquyar)/Dioscuri, 111, 113, 262, 321

E

Égée (Êgiê)/Aegeus, 15, 27, 28, 77-79, 86-87, 90-92, 96-98, 100-101, 116, 121, 175, 177, 224, 289, 318-322, 324, 326-328, 331-334
 Éleusis (Êlozix)/Eleusis, 85, 109, 114, 321-322

Énée (Ênê)/Aeneas, 71, 122-123, 125, 154, 175, 306, 315, 326, 331
 Épaminondas (Êpaminôngđax)/Epaminondas, 17-19, 53, 109, 203, 228, 296, 326, 333
 Épidaure (Êpidor)/Epidaurus, 32, 83, 322
 Érechthée (Êrêchtê)/Erechtheus, 77, 94, 112, 176
 Étrurie (Êtruyri)/Etruria, 14, 66, 121, 123, 135, 161, 319, 322-323, 334-335
 Étrusque (Êtruyxk)/Etruscan, 11, 13, 29, 66, 121-122, 135, 145, 152, 160-161, 240, 290-291, 299, 322
 Eubée (Obê)/Euboea, 28, 31, 79-80, 116, 315-316, 318, 322
 Euripide (Oripid)/Euripides, 15, 36, 41-43, 49, 64, 75, 77, 89, 92, 107, 109, 233, 283, 293, 316
 Eurypon (Ôrypông), 184-185, 322

F

Faustulus, 125-128, 130-131, 135

G

Gaule (Gôl)/Gaul, 54, 66, 303, 305, 317, 321, 323, 327, 332
 Gaulois (Gôloa)/Galli, 66, 145, 156, 237, 260, 296, 323

H

Hélène (Êlen)/Helen, 108, 111-115, 176-177
 Héraclès (Héraklex)/Hercules, 41, 71, 77, 81-82, 83, 85, 99, 103-104, 107, 109-110, 114-115, 122, 134, 184, 231, 324, 333
 Hermès (Hecmex)/Hermes (hoặc Mercury), 105, 154, 250

Hermos (Hecmôx)/Hermus, 105
 Hersilia (Hecxilia), 141, 149, 151,
 176
 Hippias (Hippiax), 220, 238
 Hippolyte (Ippôlit)/Hippolytus, 77,
 107, 173, 244
 Hostilius (Hôxtiliux), 121, 141, 149,
 275, 277

I

Ionie (Iôni)/Ionia, 28, 102-103, 188,
 198, 290, 319, 321-322, 325-328

L

Lacédémone
 (Laxêdêmon)/Lacedaemon, 113,
 115, 143, 160, 176, 183, 186, 189,
 194, 197-198, 200, 202, 204, 206,
 209, 215-216, 218, 220, 224, 228,
 231-233, 234, 238, 287, 325
 Lapithe (Lapit)/Lapithae, 108, 110,
 325
 Léonidas (Lêônîdax)/Leonidas, 187,
 205, 215
 Léos (Lêox)/Leos, 87, 88
 Lucrétia (Lukrêxia)/Lucretia, 275
 Lycurgue (Lykuyêcguy)/Lycurgus, 5,
 7, 13, 21, 29, 35, 75, 111, 179,
 181, 183-184, 186-189, 191-192,
 194-197, 199, 202-204, 206-208,
 210, 214-215, 219-220, 222-224,
 227-230, 232-234, 238, 245, 279-
 287, 289, 300, 332

M

Marathon (Maratông), 16, 82, 88,
 102, 110, 113, 117, 292, 327
 Médée (Mêdê)/Medea, 42, 86, 108
 Mégare (Mêgar)/Megara, 84, 85, 95,
 107, 184, 290, 291, 327

Ménesthée (Mênexitê)/Menestheus,
 112, 113, 114, 117
 Messénie (Mexêni)/Messenia, 160,
 185, 193, 194, 203, 228, 325, 327,
 331
 Minos (Minôx), 89-91, 93-94, 96,
 102, 172, 187, 245, 319
 Minotaure (Minôtor)/Minotaur, 39,
 89, 91, 93, 172
 Molosse (Môlôx)/Molossian, 112,
 115, 328

N

Numa, 5, 7, 13, 21, 52, 58, 71, 75,
 121, 125, 134, 149, 151, 153, 156,
 179-180, 220, 235, 237, 241-242,
 245-256, 258-263, 265-268, 270,
 272-277, 279-281, 283, 285-287,
 289, 335
 Numitor (Numito), 125, 128-131,
 162

O

Omphale (Ôngphan), 81

P

Pallantide (Palāngtið)/Pallantidae,
 78, 87
 Pallas (Palax), 78, 87
 Péloponnèse
 (Pêlôpônez)/Peloponnesus, 24,
 27, 28, 77, 81, 97, 102, 103, 111,
 153, 180, 183-184, 194, 197, 201,
 206, 210, 227-228, 230, 300, 315-
 316, 319-322, 325, 327, 329, 333
 Périphétès (Pêriphêtex)/Periphetes,
 83
 Phèdre (Phedr)/Phaedra, 36, 93, 107
 Philochore (Philôkor)/Philochorus,
 88-89, 92-93, 103, 109, 116

Phytalide (Phytalid)/Phytalidae. 86, 100

Pirithous (Piritux). 95, 110-111, 115

Pitthée (Pitié)/Pitheus. 77-82, 94, 101, 103, 115

Polydectès (Pôlydêctex)/Polydectes. 184, 186

Polydoros (Pôlydôrôn)/Polydorus. 193, 196

Pont-Euxin (Pông-Ôixanh)/Euxine. 103, 289, 324, 330

Poséidon (Pôzéidôn)/Poseidon. 80, 82-83, 85, 89, 93, 103, 107, 118

Proclus (Prôklux)/Proculus. 164-165, 239, 245

Pythagore (Pytagor)/Pythagoras. 28, 118, 237, 251-253, 258, 263-264, 276, 291

Pythie (Piti)/Pythia. 78, 105, 117, 133, 190, 193, 244

R

Rémus (Rêmx)/Remus. 13, 39, 123, 128-135, 155, 172, 175, 289, 331

Rome (Rôm). 10, 12-13, 17, 19-20, 25, 27, 29-33, 36, 52-53, 71-72, 76, 121-123, 127, 131-133, 137-138, 140, 142, 144-147, 151, 157-160, 162, 167, 179, 190, 223, 237, 238-239, 241, 245, 248, 252-254, 260-261, 267, 270-273, 275, 277, 279-280, 282, 284, 286, 289-291, 296-297, 299, 301-304, 307-311, 313-319, 322-323, 325-326, 328-329, 331, 334-335

Romulus (Rômulux). 5, 7, 13, 21, 33, 39, 65, 71, 72, 75, 76, 119, 121, 123, 126, 128-129, 130-135, 137, 138-142, 144-145, 147-149, 151-164, 167, 169, 171-177, 179, 238-241, 245-246, 248-249, 267, 269-271, 275, 277, 284, 289, 331

S

Sabin (Xabanh)/Sabines. 72, 76, 132, 140-149, 151, 153, 158, 168, 172, 180, 238-239, 241, 245, 248-249, 269, 284, 331

Sciron (Xkyrông). 84, 103, 113, 171

Sciros (Xirôx)/Scirus. 92

Scyros (Xkyrôx)/Scyrus. 116-117, 332

Simonide (Ximônid)/Simonides. 84, 92, 184, 291

Sinis (Xinix)/Sinnis. 83, 103, 108, 171

Solois (Xôloa)/Soloon. 104-105

Soos (Xôôx)/Sous. 184-185

Sophocle (Xôphôkli)/Sophocles. 15, 33, 40, 49, 64, 75, 92, 244, 283, 292

Sossius Sénécion (Xôxiu Xênekiông)/Sosius. 54, 75

Sparte (Xpaet)/Sparta. 16, 21, 28, 31-32, 35, 52, 55, 65, 111, 113, 143, 179, 183, 185-189, 191-206, 208, 210-213, 215-220, 222-224, 227-233, 238, 245, 279, 282-283, 289, 294, 296, 299, 300, 322-327, 329, 332-334

T

Talasius (Talaziux). 142-143

Talasius XE "Talasius"

(Talaziux), 142

Tarchétius (Tackèxiux)/Tarchetius. 123

Tarpeia (Taçpâya). 146-148, 249, 256

Tarpeius (Taçpâyx). 146-147, 249

Tarrutius (Taruxiux). 127

Tatius (Taxiux). 146-148, 151-152, 157-159, 239, 242, 246, 248-249, 269

Tauros (Tôrôx)/Taurus. 90, 93

- Tératius (Têraxiux)/Teratius, 124
Terméros (Tecmérôx)/Termerus, 85
Tétrapole. 88
Thalès (Talex)/Thales. 188, 290, 327
Thèbes (Teb)/Thebes, 16, 18, 52-53,
75, 109, 116, 179, 203-204, 228,
232, 296, 316, 317, 319, 326, 333
Théophraste
(Têôphraxt)/Theophratus, 97, 198,
221, 296
Théopompos
(Têôpôngpôx)/Theopompus, 193-
194, 216, 231
Thésée (Têzê)/Theseus, 5, 7, 13, 15,
21, 32, 39, 41, 54, 64, 65, 71-73,
76-77, 79-86, 88, 91-118, 171-
175, 177, 179, 184, 219, 262, 289,
318, 321, 334
Tibre (Tibr)/Tiber, 121, 125, 161,
241, 334
Trézène (Trêzen)/Troezen, 77-78, 80-
81, 94, 108, 115, 118, 142, 171,
176, 318, 334
Tyndare (Tanhđar)/Tyndarus, 111

V

- Vélésus (Vêlêzux)/Velesus, 245
Vestale (Vextal)/Vestal, 125, 156,
254, 256-257, 261, 335

NHÀ XUẤT BẢN TRI THỨC
53 Nguyễn Du, Hà Nội, Việt Nam
Điện thoại: (84-4) 9454 661 Fax:(84-4) 9454 660

NHỮNG CUỘC ĐỜI SONG HÀNH
ĐỜI CÁC NHÂN VẬT KIỆT XUẤT HY LẠP – LA MÃ CỔ ĐẠI

Chịu trách nhiệm xuất bản:

CHU HẢO

Biên tập : TÙ THU HẰNG, PHẠM THỊ HẢO,

NGUYỄN MINH LOAN

Trình bày : TRẦN VĂN PHƯƠNG

Vẽ bìa : NGÔ XUÂN KHÔI

Sửa bản in : NGUYỄN PHƯƠNG LOAN

Liên kết xuất bản: Công ty Sách Alpha,
25 B12, Hồ Đắc Di, Nam Đồng, Đống Đa, Hà Nội
Điện thoại/Fax: (84-4) 266 1393;
Email: sales@alpha-book.com
Website: <http://www.alpha-book.com>

In 1500 cuốn, khổ 14,5 x 20,5 cm tại Công ty In Công Đoàn. Số đăng ký kế hoạch xuất bản 103-2005/CXB/10-01/TrT do NXB Tri Thức cấp ngày 02/12/2005. In xong và nộp lưu chiểu tháng 12/2005.



“Trong khi các nhân vật Hy Lạp của *Những cuộc đời song hành* sống trai dài theo lịch sử, trong suốt nhiều thế kỷ, thì các nhân vật La Mã xuất hiện với mật độ cao ở hai thế kỷ ngay trước Công nguyên [...]”

Vì vần đê vân bàn, rất khó biết được chính xác quá trình sáng tác (genèse) *Những cuộc đời song hành* của Plutarque. Chỉ có thể biết được rằng ý tưởng về cuốn sách đã được ông thai nghén từ khi ông trở lại sống ở Rome lần thứ hai, dưới thời hoàng đế Domitien. Nhưng phải chờ đến lúc lui về thành phò quê hương Chéronée, bớt đi những công việc hành chính và chú tâm vào công việc cúng tế ở đền Delphes, nghĩa là vào những năm cuối Thế kỷ I và những năm đầu Thế kỷ II, Plutarque mới thực sự bắt tay vào viết bộ sách của đời mình [...]”

Vì coi Plutarque trước hết là một nhà văn như vậy, chúng tôi chú trọng dịch *Những cuộc đời song hành* với ý thức bảo vệ tối đa giọng văn của ông, hành văn của ông, vì di sản quý giá nhất của nhà văn để lại không hẳn là nội dung tác phẩm của họ, mà có lẽ quan trọng hơn cả là một giọng điệu, một phong cách, một quan điểm văn chương.”

(Trích *Lời giới thiệu*)

alpha

alpha

Công ty Sách Alpha

25 B12 Nam Đồng, Hồ Chí Minh, Hồ Chí Minh

Tel/Fax: (+84-8) 288 1281

Email: sales@alpha-book.com

Website: www.alpha-book.com

Giá: 38.000đ